



JONATHAN SCHELL

THE MILITARY HALF

KÝ ỨC
KHÔNG
QUÊN

CÁI NHÌN
CỦA MỘT
NHÀ BÁO MỸ
VỀ NHỮNG
CUỘC NÉM BOM
Ở VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

KÝ ỨC KHÔNG QUÊN

Cái nhìn của một nhà báo Mỹ về những cuộc ném bom ở Việt Nam

Tác giả: **Jonathan Schell**

Thể loại: **Hồi kí**

NXB Dân Trí

Ebook: **Cuibap**

Text: **Waka.vn**

Ngày cập nhật: 24/07/2017

Trích Dẫn

“Trong cuốn sách này, tôi không chủ yếu viết về những người lính trong quân đội Mỹ. Tôi viết về một phần giới hạn của cuộc chiến, viết về sự huỷ diệt do quân đội Mỹ gây ra như tôi đã tận mắt nhìn thấy ở miền Nam Việt Nam. Tất cả người Mỹ chúng ta đều phải chịu trách nhiệm về cuộc chiến tranh này, chứ không phải chỉ các binh sĩ cầm súng.”

- Jonathan Schell

“Khi về Mỹ, tôi sẽ tự co mình lại và không hề hé răng. Mọi sự việc ở đây tàn bạo quá mức nên sẽ chẳng có ai tin lời tôi nói đâu. Và tôi cũng không muốn chết vì bực bội nếu phải cố tìm mọi cách làm cho họ tin những điều tôi nói.”

- Sproul, một binh nhì quê ở Texas

Lời Tác Giả(*)

(*) *Lời giới thiệu về tác giả viết trong lần xuất bản tại Mỹ, năm 1968.*

Cuốn sách này viết về những gì đang xảy ra ở miền Nam Việt Nam – đối với con người và đất đai ở đó – do sự hiện diện của quân đội Mỹ gây ra.

Tôi sẽ không bàn về những khía cạnh đạo lý của sự có mặt ấy. Đơn giản tôi chỉ nêu lên những điều tai nghe mắt thấy trong những tuần lễ tôi đi cùng các đơn vị Mỹ ở miền Nam Việt Nam vào mùa hè năm 1967. Những điều tôi nghe và thấy – phần lớn liên quan đến sự huỷ diệt đang diễn ra ở miền Nam Việt Nam – đã giúp tôi phát hiện ra đặc điểm kỳ lạ của cuộc chiến tranh này. Theo thời gian, tôi hiểu ra đó chính là cách đối phó của quân đội Mỹ trước những thực tế đặc thù hết sức đa dạng của cuộc chiến: sự chênh lệch rất xa về quy mô và sức mạnh giữa hai đối thủ; thực tế là người Mỹ đang đánh nhau ở một nơi cách xa nước mình hàng chục nghìn dặm; thực tế là người Việt Nam là một dân tộc châu Á và sống ở một đất nước chưa công nghiệp hoá; thực tế là người Mỹ đang ném bom miền Bắc Việt Nam còn người Bắc Việt Nam lại không thể ném bom nước Mỹ; thực tế là người ta chỉ chống trả việc chúng ta ném bom ở miền Nam bằng vũ khí nhỏ; thực tế là binh sĩ Mỹ thường không thể phân biệt giữa thù với bạn hoặc dân thường; thực tế là tình trạng kém cỏi và thối nát của chính quyền Sài Gòn, là vai trò thứ yếu của Quân đội Nam Việt Nam – những kẻ đang nghĩ rằng chúng ta đến đây là để hỗ trợ họ; thực tế là đối phương đang tiến hành một cuộc chiến tranh du kích còn chúng ta thì đang tiến hành một cuộc chiến tranh cơ giới hoá; và cuối cùng, một thực tế bao trùm và kỳ quặc là: bề ngoài thì có vẻ như không cố tình, nhưng kỳ thực chính chúng ta đang tàn phá đất nước mà chúng ta cứ nghĩ là đang đến để bảo vệ nó.

Như nhiều người Mỹ khác, tôi phản đối chính sách của Mỹ ở Việt Nam. Khi tôi nói chuyện với những lính Mỹ chiến đấu ở Việt Nam, tôi luôn cảm thấy đau buồn về những điều người ta ra lệnh cho họ làm và về những

điều họ đã làm. Mặt khác, tôi không thể quên được sự thật là những người lính ấy cho rằng họ phải thực thi nhiệm vụ, rằng không có sự lựa chọn nào khác. Tôi cũng không quên được sự thật là họ đang phải sống trong trạng thái căng thẳng khủng khiếp, và cũng giống như mọi chiến binh trong mọi cuộc chiến, họ đang cố níu lấy sự sống và cố giữ cho tinh thần được tỉnh táo. Nếu như đất nước chúng ta sẩy chân sa vào cuộc chiến vì sai lầm, thì đó không phải là sai lầm của họ. Nếu như việc chúng ta tiếp tục leo thang chiến tranh là tội lỗi, thì tội lỗi đó chắc chắn không chỉ là của riêng mình họ. Nếu như thế thảm họa này đến thảm họa khác ập đến đầu nhân dân Việt Nam, thì những thảm họa đó chính là hậu quả tất yếu của cuộc can thiệp của chúng ta.

Đã có hàng chục nghìn lính Mỹ thiệt mạng hoặc bị thương ở Việt Nam, có nhiều người trong số đó tin rằng họ đã chiến đấu vì chính nghĩa, và một số binh sĩ mà tôi vừa quen biết ở Việt Nam rồi cũng ngã xuống hoặc bị thương trong cùng một niềm tin như thế. Một số binh sĩ của chúng ta đã bị chiến tranh biến thành những kẻ tàn bạo. Tôi cũng có thể bị biến thành như thế nếu như tôi chiến đấu bên cạnh họ, cũng như những người thuộc bên này hoặc bên kia chiến tuyến trong mọi cuộc chiến tranh đã từng bị biến thành những kẻ tàn bạo. Tuy vậy, một số trong bọn họ đã thực thi nhiệm vụ nhưng không khỏi động lòng trắc ẩn đối với thường dân Việt Nam và ngay cả đối với kẻ thù trong chiến đấu.

Trong cuốn sách này, tôi không chủ yếu viết về những người lính trong quân đội Mỹ. Tôi viết về một phần giới hạn của cuộc chiến, viết về sự huỷ diệt do quân đội Mỹ gây ra như tôi đã tận mắt nhìn thấy (phần lớn từ trên máy bay) đối với một khu vực nông thôn của miền Nam Việt Nam. Tất cả người Mỹ chúng ta đều phải chịu trách nhiệm về cuộc chiến tranh này, chứ không phải chỉ các binh sĩ cầm súng. Tôi không có ý muốn phê phán những cá nhân người Mỹ chiến đấu ở Việt Nam. Tôi chỉ muốn ghi nhận những điều tôi chứng kiến, với hy vọng rằng điều đó sẽ giúp tất cả người Mỹ hiểu được tốt hơn điều chúng ta đang làm.

- Jonathan Schell

Về Tác Giả Jonathan Schell

Tác giả Jonathan Schell sinh năm 1943, là một giáo sư và cây bút nổi tiếng với rất nhiều bài báo đăng trên The Nation, The New Yorker, và TomDispatch.

Schell nhận bằng tốt nghiệp cử nhân danh dự của Đại học Harvard năm 1965 và tốt nghiệp khoá tiếng Nhật mở rộng tại Đại học International Christian. Ngoài tiếng Anh, ông còn thông thạo tiếng Pháp và tiếng Nhật. Ông bắt đầu sự nghiệp của mình trong vai trò phóng viên chính thức của tạp chí The New Yorker từ năm 1967 đến năm 1987, và sau đó là Phó tổng biên tập của tạp chí này.

Trong suốt thời gian đó, Jonathan Schell là cây bút chính phụ trách mảng Sự kiện và Công luận. Ngoài những bài báo nổi tiếng, ông còn là một tác giả lớn trong việc phản ánh các vấn đề thời sự nóng bỏng của thời đại với hàng chục quyển sách có giá trị thức tỉnh con người về sự tàn nhẫn và phi lý của chiến tranh, đặc biệt là hiểm hoạ hạt nhân. Những nỗ lực to lớn đó đã giúp ông nhận giải Văn chương phi tiểu thuyết Lannan (Lannan Award for Literary Non-fiction).

Ngoài việc cầm bút, Jonathan Schell còn tham gia giảng dạy tại các trường Đại học Emory, Đại học Princeton, Đại học New York và Đại học Wesleyan. Năm 1987, ông là thành viên của Viện Chính trị học và năm 2002 là thành viên của Trung tâm Báo chí, Chính trị và Chính sách công Shorenstein thuộc Trường hành chính John F. Kennedy – Đại học Harvard. Năm 2003, ông tham gia dạy khoá học về các vấn đề hạt nhân tại Đại học Luật Yale. Từ năm 1988, ông trở thành thành viên Hoà bình Harold Willens của Viện Quốc gia và Hoà bình và là thông tin viên giải trừ quân bị của tạp chí The Nation.

Trong những năm gần đây, ông đã cống hiến hết mình cho sự nghiệp viết lách và diễn thuyết về vấn đề hạt nhân. Ông xuất hiện thường xuyên trên sóng phát thanh và các chương trình truyền hình, được các thành viên

quốc hội Mỹ và cả giới báo chí tham vấn. Năm 2002 và 2003, Jonathan Schell nổi tiếng là một người chỉ trích dai dẳng kế hoạch Mỹ xâm chiếm Iraq. Năm 2005, ông là khách mời danh dự của Trung tâm Nghiên cứu Toàn cầu hoá thuộc Đại học Yale.

Trong suốt sự nghiệp của mình, Schell đã nhận nhiều giải thưởng uy tín như: Giải thưởng Văn chương, Giải thưởng Học viện Nghệ thuật văn Văn chương Hoa Kỳ (năm 1973), Giải Tiến sĩ Văn chương Nhân đạo và Giải thưởng MacArthur Foundation cho các tác phẩm viết về An ninh và Hoà bình trong giai đoạn 1989-1990. Năm 2004, ông nhận giải thưởng Giải pháp tương lai không hạt nhân như một sự tưởng thưởng cho các nỗ lực không mệt mỏi về vấn đề hạt nhân thế giới.

1

Vào mùa xuân năm 1967, Bộ Tư lệnh viện trợ quân sự Mỹ ở miền Nam Việt Nam tổ chức một lực lượng mới, gọi là Lực lượng Đặc nhiệm Oregon, bằng cách tập hợp Lữ đoàn Bộ binh nhẹ 196, Lữ đoàn 3 của Sư đoàn Bộ binh 4 và Lữ đoàn 1 của Sư đoàn Không vận 101. Lực lượng này bố trí tại tỉnh Quảng Ngãi, là tỉnh thứ năm ở phía Nam khu phi quân sự dọc theo bờ biển.

Việc thành lập lực lượng đặc nhiệm mới – một lực lượng đặt dưới sự chỉ huy của Lực lượng lính thủy đánh bộ 3 – là nhằm để tăng cường đối phó với chiến sự đang tăng lên dọc khu phi quân sự. Dãy Trường Sơn ở đoạn Quảng Ngãi lượn ra gần biển, giữa núi và biển là một dải đất bằng phẳng có thể trồng trọt được. Dải đất này dài khoảng tám mươi cây số, chỗ rộng nhất là hai mươi lăm, nơi hẹp nhất là mười cây số. Lực lượng đồng minh của Mỹ chia vùng đất này – vốn là nơi sinh sống của hơn 80% trong tổng số 650.000 dân của tỉnh – thành bốn Khu Trách nhiệm chiến thuật, phạm vi xấp xỉ bằng nhau, và mỗi khu được giao cho một lữ đoàn chịu trách nhiệm. Tính từ Bắc xuống Nam là các lữ đoàn: Lữ đoàn nhẹ 196, Lữ đoàn Lính thủy đánh bộ Hàn Quốc (đã đổ bộ lên Quảng Ngãi từ mùa hè năm 1966), Lữ đoàn Quân lực Việt Nam Cộng hòa (viết tắt là ARVN và người Mỹ quen gọi là Arvin) và Lữ đoàn 3 của Sư đoàn 4. Còn Lữ đoàn 1 của Sư đoàn Không vận 101 làm lực lượng dự bị, sẵn sàng cơ động bằng máy bay lên thẳng đến bất kỳ nơi nào trong tỉnh để giáng những đòn tấn công bất ngờ vào đối phương.

Nhiệm vụ chính của Lực lượng Đặc nhiệm Oregon là tìm diệt cái gọi là các đơn vị chủ lực của Việt Công (cũng gọi là V.C. hoặc Mặt trận Dân tộc Giải phóng) và quân đội Bắc Việt Nam đang hoạt động trong tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, để tránh việc lặp đi lặp lại những cách hành quân

theo cùng một kiểu có thể giúp đối phương dự đoán được các cuộc di chuyển của mình, các bộ phận của lực lượng Đặc nhiệm Oregon thỉnh thoảng cũng hành quân ra ngoài phạm vi Quảng Ngãi, lên đến Quảng Tín [*] ở phía Bắc hoặc vào Bình Định ở phía Nam.

[] Tỉnh Quảng Tín (thuộc địa phận tỉnh Quảng Nam ngày nay) gồm 6 quận 1 thị xã, 89 xã, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Tam Kỳ, thành lập theo sắc lệnh 162-Nv ngày 31/07/1962 của chính phủ Việt Nam Cộng hoà. (Chú thích của người dịch)*

Khu vực hành quân của Lực lượng Đặc nhiệm Oregon là vùng ven biển nhiều rừng núi của Nam Việt Nam trải dài từ phía Nam thành phố Huế đến tỉnh Bình Định, vùng này từ xưa đã nổi tiếng vì phong cảnh thiên nhiên đẹp và con người tuy nghèo nhưng giàu lòng tự hào và mến khách. Đất đai này tuy bằng phẳng nhưng lại là đất cát chẳng mấy màu mỡ, không thuận lợi cho việc trồng trọt. Vì vậy nên từ xa xưa đã có một bộ phận lớn nông dân làm các nghề khác như đánh cá ở biển Đông hoặc khai thác gỗ trên rừng. Nhiều người làm nghề thủ công tại nhà; và vùng này đã từng nổi tiếng về lụa tơ tằm và nghề dệt chiếu với nguyên liệu là những cây cối mọc đầy hai bên bờ các dòng sông.

Cư dân bản địa các tỉnh nhiều núi rừng này phần lớn là dân vùng nông thôn, có giọng nói ngang ngang nặng âm sắc địa phương, người Sài Gòn nghe dễ nhận ra đó là người ở các tỉnh. Phần lớn người dân có thân hình thấp hơn người ở nơi khác, dáng vẻ chất phác, chắc nịch, cảm vuông, bản tính thật thà, dững cảm. Mãi đến năm 1964, đa số các trường tiểu học trong vùng vẫn viết lên tường câu châm ngôn từ ngàn đời của người Việt “Đói cho sạch, rách cho thơm”. Có lẽ vì đất đai quá cằn cỗi không giúp cho con người làm nên những cơ nghiệp lớn, nên những gia đình khá giả trong vùng thường đặc biệt quan tâm cho con cái ăn học đến nơi đến chốn. Trước khi Việt Nam bị chia cắt vào năm 1954, trình độ học vấn của phần lớn dân chúng ở miền Nam Việt Nam thấp hơn nhiều so với miền Bắc, nhưng sinh viên từ các tỉnh rừng núi ven biển này lại có tiếng là xuất sắc tại trường Đại học Hà Nội, được xem là trường danh tiếng nhất của cả nước lúc bấy giờ. Một số lớn nhà văn nổi tiếng của Việt Nam sinh ra và lớn lên ở vùng đất

này. Ở sâu trong vùng núi của mấy tỉnh phía Bắc là những bộ tộc thiểu số mà người Pháp gọi là người Thượng, sinh sống bằng cách đốt rẫy làm nương, trồng tía, đến khi đất bạc màu họ lại di chuyển đi nơi khác.

Theo sử sách ghi lại, nhân dân trong vùng có tiếng là ngang tàng, quật khởi. Chính từ hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định mà các Chúa Nguyễn hồi thế kỷ 16 đã tiến hành mở mang bờ cõi tiến xa về phương Nam. Khi người Pháp bắt đầu cuộc chinh phục Việt Nam vào cuối thế kỷ 19, Quảng Ngãi và Bình Định là nơi có phong trào vũ trang chống Pháp mãnh liệt nhất, và cũng chính tại các tỉnh này đã nổ ra đầu tiên các cuộc nổi dậy của nông dân trong những năm 1930 chống bọn quan lại phục vụ cho thực dân Pháp. Sau Thế chiến thứ hai, khi Việt Minh phát động cuộc cách mạng và cuối cùng đã đuổi được người Pháp ra khỏi Việt Nam, Quảng Ngãi trở thành trung tâm chính của hoạt động cách mạng và quân Pháp chưa bao giờ đưa được một lực lượng lớn nào vào đóng trong tỉnh.

Năm 1948, để tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng, Hồ Chí Minh đã chia đất nước thành bốn loại vùng quân sự: vùng tự do, vùng căn cứ du kích, vùng chiến tranh du kích và vùng tạm chiến. Theo đó, các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi và Quảng Nam (phía Bắc Quảng Tín) là những vùng tự do, có nghĩa là các vùng này được giải phóng khỏi quân Pháp và lực lượng của Bảo Đại. Thị trấn Đức Phổ ở khu vực phía Nam của tỉnh Quảng Ngãi lúc đó đã trở thành một trong số các căn cứ lớn nhất của Việt Minh. Con gái Đức Phổ vốn có tiếng xinh đẹp, nhưng nóng nảy, có tinh thần độc lập. Vì vậy mà có một bài về khuyên răn các chàng chiến binh đến Đức Phổ phải chung thủy với cô bạn gái Đức Phổ vốn hay ghen của mình, nếu không thì các anh sẽ có nguy cơ mất chức năng đàn ông bởi bàn tay của chính bạn gái mình như chơi!

Năm 1954, phần lớn bộ đội và cán bộ chính trị Việt Minh tập kết ra miền Bắc, nhưng vẫn còn một số lực lượng cốt cán đáng kể được cài lại ở Quảng Ngãi và các tỉnh lân cận nhằm duy trì ảnh hưởng của cách mạng, không cho ảnh hưởng của chính quyền Sài Gòn vượt ra khỏi phạm vi một số ít thành phố trong vùng. Suốt những năm đầu thập niên 1960, cả một thế hệ thanh niên nông thôn ở đây không hề biết một chính quyền nào khác

ngoài Việt Minh và Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Họ chẳng những học chữ trong các nhà trường của Việt Minh và Mặt trận Giải phóng mà họ còn học các bài hát cách mạng, học đệm đàn ghi-ta và đàn măng-đô-lin trong phong trào ca nhạc do Mặt trận phát động.

Đầu năm 1962, chính quyền Sài Gòn coi các tỉnh này là căn cứ địa của Mặt trận Giải phóng Dân tộc, nên đã đặc biệt đẩy mạnh việc thực hiện chương trình “Ấp chiến lược” ở đó. Chương trình nhằm tách dân ra khỏi chiến sĩ và cán bộ của Mặt trận đang sống hoà lẫn trong dân. Và để thực hiện điều này, một trong những biện pháp thường được chính quyền áp dụng là buộc dân chúng rời khỏi làng cũ đến lập ấp mới có hàng rào phòng thủ ở một nơi khác. Dưới chế độ khổ sai do chính quyền đặt ra, mỗi người đàn ông phải xây đắp một đoạn tường bao quanh ấp chiến lược. Nếu gia đình nào từ chối không di chuyển đến ấp chiến lược, binh lính chính quyền Sài Gòn có quyền đốt cháy nhà cửa và đồng lúa của họ.

Vào khoảng cuối năm 1962, một số nơi ở Quảng Ngãi – đặc biệt là các khu vực ở ven núi – người ta thấy rải rác đây đó tàn tích của những ngôi nhà bị thiêu rụi. Ở Quảng Ngãi cũng như ở các nơi khác của miền Nam, chương trình này đã làm người dân sôi sục căm thù chính quyền Sài Gòn, khiến hai năm sau chính phủ phải huỷ bỏ và thay thế bằng chương trình Ấp Tân sinh. Thông thường thì khi chính quyền xây dựng được một ấp chiến lược, Mặt trận cũng nhanh chóng lập lại tổ chức, hoặc cứ tiếp tục duy trì mối liên hệ với dân làng tại nơi ở mới, và kết cục là hầu hết các ấp chiến lược lại nằm dưới sự kiểm soát của Mặt trận. Những người ủng hộ Mặt trận thường viết khẩu hiệu lên cổng hoặc tường quanh ấp. Có một câu thường xuất hiện, là hai câu thơ trích trong một bài thơ cổ Trung Quốc, đại ý: “Vạn Lý Trường Thành có thể đứng vững bao lâu, khi mà nền móng không phải là lòng người?”.

Cuối tháng 8 năm 1967, sau bốn tháng hành quân, Lực lượng Đặc nhiệm Oregon tuyên bố đã tiêu diệt và đếm xác được 3.300 binh sĩ đối phương, bắt giữ 5.000 người, và thu được 800 khẩu súng ở các nơi cất giấu hoặc gần xác người chết. Họ cũng tuyên bố tổn thất phía Mỹ có 285 chết và 1.400 bị thương. Trong suốt tháng Tám năm đó, tôi cố gắng đi thật nhiều

nơi ở Quảng Ngãi để trò chuyện với binh lính và thường dân, và cũng để trực tiếp quan sát một số cuộc hành quân đang được lực lượng Đặc nhiệm Oregon tiến hành ở phía Bắc Quảng Ngãi và cả vài nơi ở Quảng Tín, giáp với Quảng Ngãi.

Qua các chuyến đi, tôi được các viên chức dân sự cho biết kể từ khi Lính thủy đánh bộ Mỹ đến đây vào năm 1965, các cuộc hành quân đã làm số dân bị gom vào các “trại tị nạn” của chính phủ tăng thêm hơn 100.000 người, đưa tổng số chính thức lên 138.000 người vào khoảng giữa tháng Tám. Các quan chức người Mỹ và Việt Nam quản lý các trại này ước tính có khoảng 40% dân số của tỉnh đã lần lượt qua các trại của họ trong hai năm trước. Cũng trong thời gian này, Lính thủy đánh bộ Mỹ, Lục quân, Lính Thủy đánh bộ Hàn Quốc và quân đội Sài Gòn đã huỷ diệt khoảng 70% các làng trong tỉnh – có nghĩa là 70% số nhà dân bị huỷ diệt.

Lần đầu tiên tôi nhận thức được sự huỷ diệt này là khi tôi dành mấy ngày đầu tháng Tám để đi quan sát thực địa bằng máy bay với tư cách là một phóng viên. Tôi ngồi ở phía sau viên phi công trên một chiếc máy bay quan sát 0-1 Cessna một cánh quạt, hai chỗ ngồi, quan sát bằng mắt thường toàn bộ dải đất ven biển đông dân của tỉnh. Cứ khi nào có điều kiện là tôi tự mình kiểm tra lại con số tỷ lệ phần trăm số nhà bị tiêu huỷ so với ước tính của họ. Trong một số quận huyện, tôi cũng có thể kiểm tra ước tính của tôi cùng với các viên chỉ huy trên mặt đất, mặc dù không có con số nào được công bố chính thức cả. Từ trên độ cao được quy định cho máy bay FAC [*] là một ngàn năm trăm bộ (456m), tôi khó nhận biết được con người trừ khi họ đội nón lá, nhưng tôi lại có thể dễ dàng quan sát nhà cửa và tàn tích của những ngôi nhà bị thiêu huỷ.

[] FAC (Forward Air Control plane): loại máy bay nhỏ, làm nhiệm vụ trinh sát. Máy bay FAC trên toàn lãnh thổ miền Nam Việt bao giờ cũng do phi công của không quân lái. (Chú thích của tác giả)*

Nhà cửa ở Quảng Ngãi nằm rải rác dưới những lùm cây. Từ trên máy bay, những lùm cây nổi lên như những hòn đảo màu xanh thẫm trên nền vàng hoặc xanh nhạt của đồng lúa. Nhìn từ không trung, những mái nhà còn nguyên vẹn trông giống như những mảng hình vuông màu nâu sẫm, tro

tàn của những ngôi nhà vừa bị đốt cháy thì như những mảnh hình vuông màu xám, còn nền đất đã bị nước mưa gột sạch của những ngôi nhà bị thiêu huỷ trước đó một tháng hoặc lâu hơn thì lại như những mảnh hình vuông màu vàng hoặc đỏ. Khi nhà cửa bị bộ binh đốt cháy, một số bức tường làm bằng tre đan trát bùn hoặc xây bằng đá vẫn còn đứng vững; nhưng ở những ngôi nhà bị ném bom hoặc xe ủi đất tàn phá thì tường nhà đều bị ủi sập hoặc san lấp xuống ruộng lúa. Cách phá hoại nói chung cũng tương tự như thế đối với những làng mạc, ruộng đồng đông dân hơn nằm giữa vùng núi và bờ biển. Vẫn còn những ngôi làng với chiều rộng vài cây số trải dài hai bên đường số 1, một con đường hai làn xe, nơi rải nhựa nơi không, chạy dài trên toàn bộ dải đất ven biển và gần như chia đôi dải đất này. Số làng còn lại, trừ một số ngoại lệ tôi sẽ nêu sau, đều là bị thiêu huỷ.

Nhà cửa ở Quảng Ngãi nằm rải rác dưới những lùm cây. Từ trên máy bay, những lùm cây nổi lên như những hòn đảo màu xanh thẫm trên nền vàng hoặc xanh nhạt của đồng lúa. Nhìn từ không trung, những mái nhà còn nguyên vẹn trông giống như những mảnh hình vuông màu nâu sẫm, tro tàn của những ngôi nhà vừa bị đốt cháy thì như những mảnh hình vuông màu nâu sẫm, tro tàn của những ngôi nhà vừa bị đốt cháy thì như những mảnh hình vuông màu xám, còn nền đất đã bị nước mưa gột sạch của những ngôi nhà bị thiêu huỷ trước đó một tháng hoặc lâu hơn thì lại như những mảnh hình vuông màu vàng hoặc đỏ. Khi nhà cửa bị bộ binh đốt cháy, một số bức tường làm bằng tre đan trát bùn hoặc xây bằng đá vẫn còn đứng vững; nhưng ở những ngôi nhà bị ném bom hoặc xe ủi đất tàn phá thì tường nhà đều bị ủi sập hoặc san lấp xuống ruộng lúa. Cách phá hoại nói chung cũng tương tự như thế đối với những làng mạc, ruộng đồng đông dân hơn nằm giữa vùng núi và bờ biển. Vẫn còn những ngôi làng với chiều rộng vài cây số trải dài hai bên đường Số 1, một con đường hai làn xe, nơi rải nhựa nơi không, chạy dài trên toàn bộ dải đất ven biển và gần như chia đôi dải đất này. Số làng còn lại, trừ một số ngoại lệ tôi sẽ nêu sau, đều đã bị thiêu huỷ.

Ở Bình Sơn, huyện xa nhất về phía Bắc của tỉnh, những ngôi nhà trước đây được dựng trên vùng đất bằng phẳng đến tận sông Trà Bồng đã bị

thieu huỷ toàn bộ. Trong thung lũng sông Trà Bồng, trước đây là vùng đất trồng trọt trải dài khoảng 15 cây số vào sâu trong nội địa, những ngôi nhà nằm trên suốt chiều dài khoảng 10 cây số ở mạn Bắc dòng sông cũng đều bị thieu huỷ. Chỉ còn tồn tại thị trấn Trà Bồng nằm sâu giữa vùng đồi núi với dân số mấy ngàn người, nhờ có một doanh trại lớn của Lực lượng Đặc biệt đóng ở đó. Doanh trại này đứng tách riêng ra trên một ngọn đồi nhỏ trơ trụi, được bảo vệ lần lượt từ trong ra bằng những hàng rào dây kẽm gai, đến hàng rào làm bằng cọc tre vót nhọn, và ngoài cùng là những con hào chạy ngoằn ngoèo hình chữ chi. Bên trong là một cụm lán trại thấp xây bằng những bao cát nặng nề với mái lợp tôn.

Dọc con đường Quốc lộ 1 về phía Đông cho đến tận bờ biển thuộc huyện Bình Sơn có đến 70-80% số nhà đã bị thieu huỷ. Về phía Nam sông Trà Bồng, tại huyện Sơn Tịnh, vốn thuộc khu Trách nhiệm Chiến thuật của Lính thuỷ đánh bộ Hàn Quốc, tình trạng cũng giống như thế. Dọc theo mạn Nam sông Trà Bồng, trong khu vực của cái gọi là Đề án Phát Triển Cách mạng gần làng An Điền, nhà cửa vẫn còn nguyên – tuy rằng như tôi đã nêu, nhà cửa ở mạn Bắc bên kia sông thuộc khu Trách nhiệm Chiến thuật của Lữ đoàn bộ binh nhẹ 196 đều bị thieu huỷ. Về phía Đông của Quốc lộ 1 thuộc huyện Sơn Tịnh – trừ một vành đai khoảng vài cây số dọc con đường – có đến 80%-90% số nhà cửa từ đó đến sát bờ biển đã biến thành tro bụi. Dọc theo sông Trà Khúc, vừa là ranh giới phía Nam của huyện này, nhà cửa còn nguyên vẹn trên khoảng mười cây số tính từ con đường đến sườn núi, nhưng từ đó – tính từ điểm nơi thung lũng sông bắt đầu uốn lượn giữa các ngọn núi – nhà cửa đều đã ra tro.

Tại một đoạn sông uốn cong hình móng ngựa, tôi nhận ra những dãy hào do Mặt trận Dân tộc Giải phóng đào chạy xuống tận trung tâm của nhiều ngôi làng và có đôi khi nối hai ba làng lại với nhau. Khắp nơi trên tỉnh này, tôi đều thấy có những miệng hầm đen ngòm dẫn vào các hang động và mạng lưới đại đạo mà toàn dân dùng làm nơi tránh bom và Mặt trận thì dùng làm công sự chiến đấu, nơi ẩn náu và đường rút lui. Nhưng tại đoạn hình móng ngựa này, tôi thấy hầm hào đặc biệt dày đặc. Nằm sâu hơn trong vùng đồi núi, làng Phước Thọ vẫn còn nhà cửa, kề bên một trại Lực

lượng Đặc biệt được bố trí trên một ngọn đồi. Nhà cửa trong làng dựng chen chúc trên một mảnh đất hình vuông mỗi chiều khoảng một trăm mét, có một đường hào bao quanh làng, còn những ngôi nhà riêng lẻ ở ngoài đồng thì bị san bằng. Điều này chứng tỏ làng Phước Thọ đã bị biến thành một ấp chiến lược.

Cũng như phần lớn các nơi khác trong tỉnh, thung lũng sông Trà Khúc đầy vết tích những hố bom đạn đủ kích cỡ. Những hố đạn pháo rộng một, hai mét rải rác trên các cánh đồng và trên những nền làng cũ, còn những hố bom nổ chậm có cái rộng hơn chín mét và sâu hơn hai mét, nhiều hố chứa đầy nước thành những cái ao nhỏ rải rác khắp nơi. Bom sát thương, loại bom khi có va chạm thì nổ tung ra tạo nên những hố nông làm tung toé đất ruộng trông xa như những dấu hoa thị khổng lồ màu vàng lốm đốm rải rác khắp cánh đồng, napan thì tạo nên những vệt đen thui không đều nhau. Bao quanh vùng thung lũng trông trọt là những dãy đồi trước kia cây cối um tùm chạy dài theo những triền núi xanh mát bây giờ cũng bị bom đạn xé nát.

Hai huyện ở phía Nam sông Trà Khúc – Nghĩa Hành và Tư Nghĩa – thuộc khu trách nhiệm Chiến thuật của quân đội Sài Gòn là những nơi ít bị phá huỷ nhất trong số các huyện của tỉnh Quảng Ngãi. Thị xã Quảng Ngãi trở thành trung tâm của một khu biệt lập lớn chưa bị phá huỷ, trải dài đến tận bờ biển về phía Đông và ở vài nơi cũng vươn về phía Tây dọc theo bờ Nam sông Trà Khúc đến gần sát các dãy núi. Tuy vậy ở phần nửa phía Nam của huyện Nghĩa Hành, nhiều nhà dân ở gần núi cũng bị phá huỷ nặng nề. Ở phía Nam của hai huyện nói trên và ngăn cách bởi dòng sông Vệ nước chảy lững lờ là hai huyện Mộ Đức và Đức Phổ, nằm trong Khu trách nhiệm Chiến thuật của Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn 4 của Mỹ. Đây là hai huyện bị huỷ diệt nặng nề nhất của tỉnh. Ngoại trừ bốn khu vực nhỏ, còn thì có đến 90-100% nhà cửa ở đây đã bị phá huỷ, kể cả những ngôi nhà nằm dọc theo Quốc lộ 1. Các khu vực tương đối ít bị huỷ diệt gồm có một khoảnh có đường kính khoảng bốn cây số quanh làng Mộ Đức và một dải đất rộng khoảng bảy cây số dọc phía Tây Quốc lộ 1 trải dài từ thị Trấn Đức Phổ lên phía Bắc. Trong khu vực này có một nửa số nhà vẫn còn nguyên. Vùng cực

Nam của huyện dài khoảng mười lăm cây số mem theo bờ biển cũng có khoảng một nửa số nhà còn tồn tại. Và cuối cùng là một khoảng dài và rộng khoảng ba, bốn cây số hai bên sông Trà Kau – một con sông nhỏ ở ngay phía Bắc Đức Phổ, gần vùng núi – vẫn có khoảng 60% nhà cửa vẫn còn nguyên.

Khi bay trên bờ biển huyện Mộ Đức, nơi có hơn 90% nhà cửa bị phá huỷ, tôi hỏi viên phi công về những người dân từng sống ở vùng này, anh ta trả lời: “*Dân vùng này hầu hết là V.C*”.

Các làng mạc bị phá huỷ theo nhiều cách và trong nhiều tình huống khác nhau, đầu tiên là do Lính thuỷ đánh bộ Mỹ và sau đó là Lục quân Mỹ. Theo chính sách của Lực lượng thuỷ bộ 3 được áp dụng riêng trong vùng trách nhiệm của họ thì mỗi khi lực lượng Mỹ hay quân đồng minh bị hoả lực từ một làng nào đó bắn thì ngay lập tức họ có thể cho ném bom xuống làng đó, không cần phải cảnh báo cho dân chúng biết. Hoả lực này có thể chỉ là mấy viên đạn bắn tia hoặc là một cuộc tấn công mãnh liệt của đối phương. Bất kể mức độ khiêu khích từ làng đó như thế nào, khối lượng hoả lực đánh trả của Mỹ cũng rất lớn đến nỗi trong hầu hết các trường hợp, các làng này đều bị huỷ diệt hoàn toàn. Một làng cũng có thể bị phá huỷ nếu tin tình báo cho biết dân làng ủng hộ Việt Cộng bằng cách cung cấp lương thực và nhân lực, nhưng trong trường hợp này thì Cơ quan Chiến tranh Tâm lý của Mỹ sẽ phái một máy bay đến cảnh cáo dân làng bằng cách rải truyền đơn hoặc phát loa từ trên máy bay. Nhưng do không có đủ thời gian để in truyền đơn cho từng trường hợp riêng biệt và do không xác định được thời điểm ném bom, nên nhân viên Chiến tranh Tâm lý phần lớn bỏ cách rải truyền đơn cảnh báo, mà hầu như chỉ phát loa từ trên máy bay.

Không có quy định chính thức nào về việc khi nào thì binh lính trên mặt đất được phép thiêu rụi một ngôi làng, nhưng nhìn chung cứ mỗi khi bị hoả lực từ trong làng bắn ra hoặc khi có lệnh đặc biệt của tỉnh trưởng là họ thực hiện ngay việc phá huỷ làng. Trong một số trường hợp, quân đội thực hiện một chiến dịch di chuyển quy mô lớn và buộc dân phải rời khỏi làng để họ tiến hành phá huỷ ngôi làng một cách triệt để. Vào khoảng đầu tháng Chín đã có hai cuộc hành quân lớn kiểu này của Lục quân Mỹ. Năm nghìn

dân ở thung lũng sông Vệ đã bị dồn đi. Tại huyện Bình Sơn, trong một vùng trải dài mười cây số ven biển ở phía Nam, nơi trước đây là làng Tuyết Diêm, 5.000 dân đã bị bốc đi khỏi làng. Nhưng phần lớn việc phá huỷ xảy ra bất thường và từng khoảng một, không theo một kế hoạch nào. Nhìn chung, phần lớn làng mạc trong tỉnh đã bị phá huỷ, nhưng việc phá huỷ làng mạc trong diện rộng này thông thường không phải là mục tiêu của các cuộc hành quân, mà được xem như là – theo từ ngữ của một viên chức – “*tác động phụ*” của việc truy đuổi kẻ địch.

Tôi đã cố tìm để có một bản thống kê về những việc Lính thuỷ đánh bộ đã làm ở Quảng Ngãi trong hai năm hành quân trước khi Lực lượng Đặc nhiệm Oregon đến nhưng đạt rất ít kết quả. Các sĩ quan thông tin của Lực lượng Đặc nhiệm Oregon không thể nêu ra tên của bất kỳ một cuộc hành quân nào do Lính thuỷ đánh bộ tiến hành và họ không có trong tay bản thống kê nào về thương vong của Mỹ hay của đối phương. Trong tháng Tám, đã nhiều lần tôi bay trên những khu vực vẫn còn dấu vết của những cánh đồng, rừng cây và làng mạc lỗ chỗ những miệng hố bom đạn từ những ngày hành quân của Lính thuỷ đánh bộ. Tôi hỏi các phi công về các cuộc hành quân đã được tiến hành trong khu vực này nhưng họ không thể trả lời tôi về thời gian và lý do ném bom.

Tôi gặp một người từng là sĩ quan chiến tranh Tâm lý đi theo lính thuỷ đánh bộ khi lực lượng này mới đến Đức Phổ. Anh ta nói trong tháng đầu tiên quân Mỹ không thể ra ngoài doanh trại quá năm trăm mét mà không vấp phải hoả lực dày đặc của đối phương. Sau khi được tăng cường lực lượng, họ đi ra được xa hơn nhưng vẫn còn nhiều khu vực không thể xâm nhập được.

Khi Lính thuỷ đánh bộ có chủ trương sẵn sàng trả đũa bằng cách ném bom các làng mạc nếu nông dân bị nghi là hỗ trợ cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng, tờ truyền đơn mang số 244-286-67 đã được phát cho dân làng để công bố về cách hành động đó. Tờ truyền đơn này nằm trong danh mục các truyền đơn của Cơ quan chiến tranh Tâm lý được Lính thuỷ đánh bộ cũng như Lực lượng Đặc nhiệm Oregon tại Quảng Ngãi sử dụng. Truyền đơn này có tựa đề là “*Tối hậu thư của Lính thuỷ đánh bộ gửi dân chúng Việt*

Nam”, và mục tiêu của truyền đơn được ghi là “Thường dân”. Nội dung của truyền đơn này cũng như các truyền đơn loại đó, cố nhiên được in bằng tiếng Việt. Trên một mặt của truyền đơn có hai hình vẽ. Bức thứ nhất vẽ mấy người lính Việt Cộng đang bố trí một ụ súng cối gần một ngôi nhà tranh trong khi một số người khác nhào người ra ngoài cửa sổ lia súng máy. Một phụ nữ bế con đứng cạnh ngôi nhà, dưới bức tranh có một dòng chữ “Nếu Việt Cộng làm điều này...”. Bức thứ hai vẽ một máy bay phản lực của không quân Mỹ đang bay vọt lên phía trên ngôi nhà. Bom nổ trước ngôi nhà hất tung mấy người lính, người đàn bà và đứa con xuống đất, ngôi nhà bốc cháy. Ở cận cảnh là một người đàn ông nằm trên mặt đất, tay ôm ngực. Suối máu trào ra từ mắt, mũi, miệng và tai anh ta. Bức tranh có màu đen, trắng, máu thì màu đỏ. Dòng chữ dưới bức tranh này tiếp nối câu ở bức tranh thứ nhất “... ngôi làng của các người sẽ giống như thế”. Mặt sau tờ truyền đơn có nội dung.

Hỡi các công dân Việt Nam,

Lính Thủy đánh bộ Mỹ đang chiến đấu bên cạnh lực lượng của Chính phủ Việt Nam Cộng hoà ở Đức Phổ nhằm mục đích mang lại cho nhân dân Việt Nam cơ hội có một cuộc sống hạnh phúc, tự do, không phải lo đói khổ. Nhưng nhiều người Việt đã phải trả giá bằng mạng sống và nhà tan cửa nát vì họ hỗ trợ Việt Cộng trong mục tiêu nô dịch nhân dân Việt Nam. Nhiều xóm làng đã bị phá huỷ vì họ chứa chấp Việt Cộng.

Các xóm Hải Môn, Hải Tân, Sa Bình, Tân Bình và nhiều xóm khác nữa đã bị phá huỷ vì lý do đó. Chúng tôi sẽ không ngần ngại huỷ diệt mọi xóm làng trợ giúp Việt Cộng, những kẻ không đủ sức ngăn chặn sức mạnh phối hợp giữa Việt Nam Cộng hoà và đồng minh.

Lính thủy đánh bộ Mỹ phát lời cảnh cáo này: Lính Thủy đánh bộ Mỹ sẽ không ngần ngại huỷ diệt ngay lập tức bất cứ xóm làng nào chứa chấp Việt Cộng. Chúng tôi sẽ không ngần ngại phá huỷ ngay lập tức xóm làng nào được Việt Cộng sử dụng làm cứ điểm để từ đó nã súng vào binh sĩ hoặc máy bay chúng tôi[].*

[] Những dòng in đậm trong sách này là những từ ngữ được tác giả nhấn mạnh trong bản gốc.*

Tuỳ các bạn lựa chọn. Nếu các bạn không cho Việt Cộng sử dụng làng của các bạn để là công sự chiến đấu thì nhà cửa và tính mạng của các bạn sẽ được bảo đảm.

Hỡi các công dân muốn sống yên tĩnh, hãy ở lại trong nhà, hãy từ bỏ việc ủng hộ Việt Cộng.

Sau một cuộc ném bom trả đũa một ngôi làng nào đó, đôi khi Lính thuỷ đánh bộ rải loại truyền đơn mang số 244-068-68, với tựa đề được ghi trong danh mục là “Làng của các người đã bị ném bom”, và mục tiêu của truyền đơn cũng vẫn là “Thường dân”. Bức tranh thứ hai trên tờ truyền đơn có nhan đề “Tối hậu thư của Lính Thuỷ đánh bộ gửi dân chúng Việt Nam” có hình vẽ một ngôi nhà đang bốc cháy và nhiều người chết chiếm toàn bộ một mặt của truyền đơn này. Nó được chú thích: “Việt Cộng là nguyên nhân gây ra cảnh này”. Mặt bên kia có nội dung sau:

Dân làng chú ý:

- 1. Làng các bạn bị ném bom vì các bạn chứa Việt Cộng.*
- 2. Làng của các bạn bị ném bom vì các bạn trợ giúp cho Việt Cộng hoạt động trong khu vực của các bạn.*
- 3. Làng của các bạn bị ném bom vì các bạn tiếp tế lương thực cho Việt Cộng.*
- 4. Chúng tôi cảnh báo cho các bạn về cuộc ném bom vì chúng tôi không muốn làm hại những dân làng vô tội.*
- 5. Nhà cửa của các bạn bị hư hỏng hoặc phá huỷ là vì Việt Cộng.*
- 6. Làng mạc của các bạn sẽ bị ném bom nếu như các bạn chứa chấp Việt Cộng bằng bất kỳ cách nào.*
- 7. Các bạn có thể bảo vệ nhà cửa các bạn bằng cách hợp tác với Chính phủ Việt Nam Cộng hoà và lực lượng Đồng minh.*
- 8. Hãy báo cho Chính phủ và Lực lượng Đồng minh biết Việt Cộng đang ở đâu để họ bảo vệ các bạn.*
- 9. Chính phủ và Lực lượng Đồng minh sẽ đẩy Việt Cộng ra khỏi làng mạc của các bạn.*
- 10. Chính phủ và Lực lượng Đồng minh sẽ giúp các bạn sống trong hoà bình và có một cuộc sống hạnh phúc, phồn vinh.*

Lính thủy đánh bộ, cũng như sau đó là Lực lượng Đặc nhiệm Oregon, lúc đầu đã dự định sẽ thực hiện chế độ cảnh báo dân làng trước khi ném bom. Phần lớn các sĩ quan nói với tôi rằng họ thường phát đi những lời cảnh báo như thế bất cứ khi nào có thể. Điểm 4 trong truyền đơn nói trên và những lời tương tự trong nhiều loại truyền đơn khác liên quan đến ném bom đều đề cập đến những lời cảnh báo giúp cho “những dân làng vô tội” chạy trốn khỏi ngôi làng của mình. Nhưng cố nhiên trong thực tế, khi những cảnh báo đó được phát đi thì kẻ địch nếu có ở trong làng cũng nhân đó mà dời đi hoặc xuống ẩn náu dưới lòng đất. Và nếu như kẻ địch đã rời khỏi làng, thì việc ném bom thành ra lại nhằm vào các nhà dân chứ không nhằm mục tiêu quân sự nào cả. Vì vậy thay vì ném bom theo kiểu cảnh báo hầu như không mang lại cơ hội tiêu diệt kẻ địch, các lực lượng Mỹ thường hành động theo cách đã nêu ra trong “Tối hậu thư của Lính thủy đánh bộ gửi dân chúng Việt Nam”, là ném bom “ngay lập tức”, nhằm tăng khả năng tiêu diệt địch – dù cho cách này sẽ làm tăng khả năng giết chết dân thường.

Một truyền đơn khác có số 244-055-68 vốn do Trung đoàn Lính thủy đánh bộ 1 yêu cầu in, và cũng giống như những truyền đơn khác, có mục tiêu là “thường dân”, cho thấy tấm ảnh một vườn cao su với mấy cây cột cháy đen xiêu vẹo nhô lên khỏi mặt đất ở cận cảnh. Nó được chú thích “Nếu như các người ủng hộ Việt Cộng, làng mạc của các người sẽ giống như thế này”. Mặt sau có nội dung như sau:

“Lực lượng Mỹ hợp tác với lực lượng Nam Việt Nam để truy quyết Việt Cộng ra khỏi làng mạc của các bạn và bảo vệ mạng sống của các bạn. Việt Cộng ẩn nấp giữa những phụ nữ và trẻ em vô tội trong làng xóm các bạn để bắn vào quân đội và máy bay. Nếu Việt Cộng trong khu vực này sử dụng các bạn hoặc làng xóm các bạn nhằm mục đích này thì các bạn có thể chờ đợi cái chết đến từ trên trời. Đừng để cho mạng sống và nhà cửa các bạn bị huỷ hoại.

Đừng để Việt Cộng là nguyên do gây ra cái chết cho thân quyến các bạn.

Hãy cấp báo vị trí của Việt Cộng. Một khi Việt Cộng bị loại trừ thì hoà bình sẽ được lập lại ở Nam Việt Nam. Giúp chính phủ Việt Nam Cộng hoà

là tự giúp mình.”

Khi chuẩn bị cho một số cuộc hành quân trên mặt đất, Lính thủy đánh bộ thả truyền đơn số 44-65, có tiêu đề là “Lính thủy đánh bộ Mỹ là bạn của thường dân”, nội dung như sau:

“Lính thủy đánh bộ đến đây để giúp các bạn, đừng bỏ chạy khi thấy họ. Nếu các bạn bỏ chạy, họ có thể lầm tưởng các bạn là Việt Cộng và nhằm bắn. Cứ đứng yên và Lính thủy đánh bộ sẽ không làm hại các bạn, hãy nói điều đó cho bạn bè các bạn biết.”

Ít nhất có một lần, Lính thủy đánh bộ tuyên bố với báo chí về việc chẳng may ném bom nhầm cái mà họ gọi là một làng “bạn”, nhưng họ không nói đến việc cố tình ném bom bất kỳ một làng “địch” nào. Tờ The New York Times đăng bản tin sau đây trong số ra ngày 28 tháng 9 năm 1966:

“Hai máy bay của Quân đoàn Lính thủy đánh bộ Mỹ hôm qua đã không may dội bom nhầm vào một làng bạn ở Nam Việt Nam, làm chết 28 và bị thương 17 người dân thiểu số ở miền núi – một người phát ngôn của Lính thủy đánh bộ cho biết.

Cuộc ném bom cũng phá huỷ 100 ngôi nhà trong làng, thuộc tỉnh Quảng Ngãi, cách Sài Gòn khoảng 350 dặm về phía Bắc.

Làng này nằm dưới quyền kiểm soát của Chính phủ Việt Nam Cộng hoà và nằm ngoài khu vực mục tiêu được quy định cho phi vụ tấn công do hai máy bay Lính thủy đánh bộ đảm trách – người phát ngôn nói.

Trực thăng tải thương của Lính thủy đánh bộ đã bay đến làng để chở người bị thương đến một bệnh viện của chính phủ ở gần thị xã Quảng Ngãi.

Nạn nhân là người Thượng – là những người dân du canh du cư trên vùng núi vốn cung cấp nhiều chiến binh phục vụ cho sự nghiệp Đồng minh.

Người phát ngôn nói làng này cũng là nơi cư ngụ của một số binh lính của chính Phủ và gia quyến họ.”

Thông thường, thực hiện một cuộc không kích không phải chỉ là rải một loạt bom trùm lên toàn bộ mục tiêu là xong, mà thường có đến tám, chính cuộn bố nhào của máy bay tiêm kích oanh tạc và thường phải mất mười, mười lăm phút mới hoàn thành. Phi công của loại máy bay cánh quạt

làm nhiệm vụ quan sát mọi cuộc bố nhào và giúp cho phi công tiêm kích điều chỉnh mọi sai sót, cho nên rõ ràng là bom đạn của một cuộc không kích không thể dội toàn bộ lên một ngôi làng chỉ vì ngấm nhăm. Vì vậy có thể khẳng định cuộc ném bom ấy vốn được hoạch định cho một làng “địch” nhưng lại được thực hiện nhằm vào một làng “bạn”, hoặc là vì bộ binh Mỹ đã đánh giá sai “sự thiện chí” của ngôi làng bị ném bom.

Lực lượng Đặc nhiệm Orgon tiếp tục cách rải truyền đơn của Lính thủy đánh bộ đe dọa phá huỷ một ngôi làng hỗ trợ Việt Cộng. Truyền đơn số 244-279-67 cũng in cả hai mặt, một mặt in bức tranh vẽ một ngôi nhà bị ném bom, với dòng chú thích “Nếu Việt Cộng làm điều này... thì làn của các bạn sẽ giống như thế này” như đã xuất hiện trên “Tối hậu thư của Lính thủy đánh bộ gửi dân chúng Việt Nam”. Còn nội dung ở mặt sau thì viết:

“Lực lượng quân sự Việt Nam Cộng hoà và thế giới tự do không muốn làm hại người dân Việt Nam vô tội muốn sống trong hoà bình. Tuy nhiên nếu như những Việt Cộng phạm pháp được phép ẩn náu trong nhà của các bạn, thì cả Việt Cộng và nhà của các bạn sẽ bị huỷ diệt.”

Một truyền đơn khác ở cận cảnh vẽ một binh lính Việt Cộng ở tư thế quỳ, đang bị sáu máy bay phản lực, hai trực thăng, hai khẩu pháo, một xe tăng và bốn lính bộ binh đồng thời xả súng bắn. Dưới có chú thích “Chúng ta phải huỷ diệt Việt Cộng để có hoà bình”, còn phía sau viết:

“Lực lượng Mỹ đến để trợ giúp Chính phủ Việt Nam Cộng hoà truy quyết công việc đang nô dịch các bạn, đuổi chúng ra khỏi làng xóm các bạn. Nếu các bạn cho phép Việt Cộng ẩn náu trong làng xóm các bạn, các bạn có thể chờ đón sự huỷ diệt đến từ trên không, từ súng cối và pháo binh. Đừng để làng xóm các bạn bị huỷ diệt, hãy chỉ cho chúng tôi những Việt Cộng đang đem chết chóc và huỷ diệt đến cho các bạn ra nhà cửa các bạn.”

Các truyền đơn khác mà Lực lượng Đặc nhiệm Oregon được cung cấp để rồi sửa cho phù hợp với khu vực của mình, nhằm lên án và loan truyền thiệt hại do Việt Cộng gây ra. Truyền đơn số 244-492-67 có tiêu đề “*Thông điệp của công dân huyện Phong Điền gửi Việt Cộng*” in ảnh một ngôi nhà bị tốc đi nửa mái, dưới có dòng chữ “*Ngôi trường Phật giáo tại trung tâm*

tị nạn Phong Điền bị sụp đổ do bị Việt Cộng điên rồ tấn công vào ngày 15 tháng 5 năm 1967”. Nội dung ở mặt sau là:

Một thông điệp gửi Việt Cộng:

Chúng tôi là những công dân của huyện Phong Điền sẽ không bao giờ bị lôi kéo theo sự nghiệp của các ông. Cái sự nghiệp chủ trương gây chết chóc cho người của chúng tôi và người của các ông. Chúng tôi, những người dân Phong Điền van xin các ông, những người đang bị Việt Cộng tuyên truyền lừa bịp, hãy suy nghĩ về nỗi khổ mà các ông đã gây ra và hãy từ bỏ các sự nghiệp xa lạ đó. Các ông hãy cùng chúng tôi xây dựng tổ quốc thân yêu của chúng ta dưới ngọn cờ hoà bình của Chính phủ Việt Nam Cộng hoà, như vậy có phải tốt hơn không?

Công dân của huyện Phong Điền

Những người dân của Phong Điền lần đầu tiên được biết đến thông điệp này là khi máy bay thả hàng chục nghìn tờ rơi xuống huyện của họ.

Một số truyền đơn nêu ra những chỉ dẫn rất cụ thể cho dân chúng ngay trước khi cuộc hành quân bắt đầu. Trên một mặt của truyền đơn 244-099-68, có tiêu đề “*Chỉ dẫn cho công dân huyện Bình Sơn*” có một sơ đồ gồm có một đường kẻ duy nhất, tượng trưng cho một con đường dài 5 cây số, và bốn cái chấm, tượng trưng cho các làng Tân Hỷ, Long Vệ, Đông Lệ và Phước Hoà từ trái sang phải dọc theo con đường. Một đường kẻ màu đỏ vẽ thành một hình chữ nhật dài mà hẹp khoanh một khu vực nằm giữa các làng Tân Hỷ và Phước Hoà là hai làng của hai đầu sơn đờ. Mặt sau có lời chỉ dẫn:

Công dân huyện Bình Sơn chú ý:

Khu vực được khoanh màu đỏ ở trên sơ đồ này là khu vực nguy hiểm. Không ai được sống trong khu vực này trừ việc đi trên đường. Trong khu vực này không ai được rời khỏi con đường, chỉ được phép đi ra khỏi con đường ở đoạn ngoài khu vực nguy hiểm. Ai bị bắt gặp ở hai bên con đường trong phạm vi 300 mét đều có thể bị bắn.

Các bạn phải tuân theo chỉ dẫn của Chính phủ Việt Nam Cộng hoà, Chính phủ Việt Nam Cộng hoà quan tâm đến hạnh phúc của nhân dân. Chính phủ Việt Nam Cộng hoà không muốn các bạn và thân nhân của các

bạn bị tổn thương. Hãy tuân thủ pháp luật của Chính phủ Việt Nam Cộng hoà.

Một trong những điều đặc biệt bất lợi của việc sử dụng truyền đơn nói chung, hay như loại truyền đơn này là mặc dù những chỉ dẫn khá mạch lạc, rõ ràng, nhưng chỉ có một số ít người dân là có đủ chữ nghĩa để có thể đọc hiểu và hầu như không có nông dân nào có thể đọc hiểu bản đồ. Hoặc như khi những sĩ quan chiến tranh tâm lý người Mỹ soạn thảo các truyền đơn khuyến khích nông dân rời bỏ chủ nghĩa Cộng sản và quay sang phe Chính phủ Sài Gòn, và nói với họ - như một truyền đơn nêu ra – hãy từ bỏ “những ông chủ Trung Quốc của Việt Cộng” hoặc ra lệnh cho họ hãy lựa chọn giữa Mặt trận Dân tộc Giải phóng và Chính phủ Sài Gòn, hoặc khuyên họ nấu sôi nước trước khi uống, thì những sĩ quan đó lại quên mất điều này: mặc dù kẻ địch là những người thông minh, can đảm và đầy kinh nghiệm, nhưng phần lớn nông dân – đặc biệt phụ nữ, trẻ em và người già – là những người suốt đời hầu như chỉ sống trong cộng đồng nông thôn bé nhỏ của họ, không biết gì về cái hệ thống phe phái của Chính phủ Sài Gòn, về những người Cộng sản Trung Quốc hoặc về những quy tắc vệ sinh hiện đại như trong truyền đơn nêu ra. Ngoài việc cho rằng người nông dân hẳn phải biết chữ và đã quen hiểu những vấn đề như xung đột chiến tranh trên thế giới, thì tác giả của tờ truyền đơn trên còn mặc nhiên cho rằng họ cũng đồng quan điểm với những người thảo truyền đơn về một loạt những nhận định như coi Chính quyền Sài Gòn là hợp pháp và nhân đức còn Mặt trận Dân tộc Giải phóng là tội phạm.

Vào cuối tháng Tám năm 1967, tôi đến Đức Phổ và Mộ Đức là hai huyện cực Nam của tỉnh Quảng Ngãi và ở đó mấy ngày. Đây là Khu Trách nhiệm Chiến thuật của Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn 4. Trước hết tôi đến thăm sở chỉ huy Lữ đoàn về tình hình chống phá của địch, về hiệu quả của các cuộc hành quân và cũng để hỏi về số phận của 200.000 người dân đã sống ở hai huyện này trước khi làng xóm của họ bị huỷ hoại. Trong một thông báo văn tắt, một sĩ quan nói với tôi rằng mặc dù chỉ một số ít đơn vị Mỹ bị thương vong nặng nề trong từng trận đánh riêng lẻ, nhưng nếu tính chung trong mấy tháng, qua hàng trăm cuộc chạm trán nhỏ với quân địch thì quân

Mỹ đã bị tổn thất nặng. Anh ta nói tính từ ngày 22 tháng Tư đến giữa tháng Tám, một lực lượng gồm 800 quân chiến đấu trực tiếp với đối phương đã phải chịu đến 610 người chết và bị thương, trong số đó có 120 người chết. Một sĩ quan khác có mặt lúc đó đã nói thêm: “*Một trung sĩ chỉ huy trung đội chiến đấu trong vòng ba hoặc bốn tháng thì hầu như chắc chắn sẽ bị ăn đạn địch*”. Viên sĩ quan này nói tiếp rằng cũng trong thời gian nói trên, Lữ đoàn 3 của Sư đoàn 4 đã tiêu diệt 1.875 địch và thu được 566 khẩu súng. Trong vòng khoảng một tháng Lữ đoàn có tiến hành làm một bản thống kê về cái gọi là “*cơ cấu tổ chức quân sự địch bị phá huỷ*”, nhưng rồi sau đó Lữ đoàn lại hình như không hứng thú gì với bản thống kê này nữa, bởi vì con số “*3.128 tổ chức quân sự bị phá huỷ*” trong vòng hơn một tháng thể hiện bằng biểu đồ treo trong lều giao ban chỉ huy, về sau chẳng được tiếp tục cập nhật. “*Chúng tôi ngừng việc thống kê ngay sau tháng đầu tiên*”, viên sĩ quan nói.

Một sĩ quan cao cấp tỏ ra lo lắng sâu sắc về tình hình hai huyện Đức Phổ, Mộ Đức. Khi tôi hỏi điều gì xảy ra với dân chúng sống trong hai huyện này, ông nói:

- Chúng tôi ước tính có 100.000 dân đang sống ở Đức Phổ. Trong số đó, khoảng 10.000 người đang sống trong các trại tị nạn, và 28.000 người nữa đang sống trong các thị trấn dọc Quốc lộ 1, đây là khu vực an toàn của chúng ta. Như vậy có nghĩa là khoảng 52.000 người vẫn đang sống trong các vùng mà chúng tôi vẫn bắn đại bác suốt đêm. Và không có cách gì để bảo đảm an ninh cho bất kỳ làng nào ở đó. Chúng tôi thường sục vào một làng, rồi lại rút khỏi làng đó chỉ mấy giờ hoặc mấy ngày sau đó. Chỉ trừ các thị trấn Mộ Đức và Đức Phổ và một dải ven biển từ đây về phía Nam – khu vực này bị phá huỷ mất khoảng một nửa – phần còn lại của hai huyện này đã bị phá nát. Câu hỏi đặt ra là từ đây chúng ta sẽ làm gì nữa? Quân Việt Nam Cộng hoà được dự kiến sẽ làm công tác Bình định – tức là đi vào những làng sau khi chúng tôi đã sục vào – nhưng họ chẳng làm được việc này. Họ có ở đây đâu? Nhưng đừng nghĩ rằng chúng tôi là những kẻ duy nhất làm việc này đâu nhé. Anh đã đến tỉnh Bình Dương chưa? Sư đoàn Thiết giáp 1 đã xoá sạch mọi ngôi làng có súng bắn tĩa nhắm lên trực thăng

của họ. Bọn tôi cứ phải làm cái trò đếm xác chết tiệt này. Nếu người ta có thể quên điều đó đi một lúc và để ý đến con số 400 người đào ngũ, mới thấy đó chính là điều quan trọng. Nhưng tôi cũng muốn nói với anh điều này: Chúng ta chưa hề giành được con tim và khối óc nào của dân, đó là sự thực.

Nét mặt viên sĩ quan bỗng trở nên khắc khổ, anh ta lắc đầu:

- Thịnh thoảng chúng tôi thu hồi lệnh bắn phá bởi vì có đàn bà và trẻ con ở đó. Theo tôi nghĩ, việc cho rằng đàn bà và trẻ con ở đó. Theo tôi nghĩ, việc cho rằng đàn bà và trẻ con đều là Việt Cộng thật không ổn. Cách đây mấy tháng, chúng tôi dùng trực thăng chở nhiều người dân đi nơi khác khi đốt làng mạc của họ. Nhưng khi đưa họ đến Đức Phổ thì người phụ trách tị nạn ở đây kêu là không thể thu xếp cho họ được vì số người ở đây quá đông, hiện đã không đủ lương thực và nhà tôn cho họ, nên không thể giữ những người mới đến. Thế là họ lại quay về quê cũ và chui xuống hầm mà ở.

Tôi hỏi viên sĩ quan liệu Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn 4 đã tìm được cách thức nào có hiệu quả để thực hiện các mục tiêu chiến tranh của Mỹ ở miền Nam Việt Nam chưa.

Thay vì trả lời, viên sĩ quan lại đặt cho tôi câu hỏi:

- Nếu anh được giao nhiệm vụ này với một lực lượng cỡ này, trong khu vực này thì anh sẽ xoay trở như thế nào?

Một sĩ quan Tâm lý chiến từng công tác ở Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn 4 kể lại:

- Anh có thể cho là tôi nói đùa, nhưng chuyện sau đây là có thật. Thịnh thoảng trước khi chúng tôi định oanh kích một ngôi làng, thì ngay trước hôm đó, hoặc một tuần trước đó, đại khái như vậy, máy bay FAC sẽ bay trên khu vực đó và cảnh báo cho dân chúng quanh đó. Anh biết không, đó là khu vực đã được báo trước là không ai được ở lại đó cả. Họ không được có mặt ở đó. Bởi vậy bọn tôi chỉ việc cho một trực thăng bay đến đó một giờ trước khi oanh kích và báo cho mọi người đi ra khỏi khu vực. Và anh sẽ nhìn thấy cho bọn họ đặt đòn gánh lên vai, rồi dắt trâu ra khỏi làng. Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn 4 quả thật có làm tốt việc này. Nhưng điều khi sự

việc diễn ra không phải như vậy. Nhiều đơn vị Mỹ chỉ có việc phán “Khu vực không dân, quần nát nó đi” rồi oanh kích ngay. Nhưng như tôi đã nói, Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn 4 thì khác hơn – đã biết thông cảm với người dân, chỉ thế thôi. Quy luật hoạt động là phải cho một máy bay Tâm lý chiến bay trên một làng trước khi đánh vào làng đó, trừ khi bị bắt lên thì có thể trả đũa ngay lập tức, không phải xin lệnh bất cứ ai. Cố nhiên điều thỉnh thoảng xảy ra là lính bộ binh mỗi khi sục sạo càn quét thường đốt phá vài ba ngôi nhà. Đáng ra là không được làm thế, nhưng điều đó xảy ra mọi nơi. Cũng dễ hiểu thôi, đi sục sạo thường hay nổi cáu, khó mà lên án chúng nó được. Đây là cuộc chiến tranh khắc nghiệt đáng nguyên rủa mà chưa bao giờ chúng ta trải qua. Hầu hết chúng ta cứ việc càn qua, gặp gì bắn nấy. Nhưng ở đây chúng ta không xác định được mục tiêu. Không biết được ai là bạn, ai là thù.

Có một đêm, tôi đến thăm Trung tâm Điều khiển Hoả lực của Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn 4, và được biết rằng tại căn cứ Đức Phổ này, Lữ đoàn có tới ba đại đội pháo binh với mười tám khẩu lựu pháo, và một đại hội với hai khẩu 8 inch (203,2 ly) và hai khẩu 175 ly. Đêm đó một thiếu tá trực ban cho tôi biết rằng có nhiều cách xác định mục tiêu. Bộ binh có thể yêu cầu nã pháo bất cứ khi nào, và các yêu cầu này được ưu tiên cao nhất. Nhưng cho đến nay, loại hoả lực phổ biến nhất là hoả lực quấy rối và đánh chặn (harassment and interdiction) viết tắt là hoả lực “h và i”, mà viên thiếu tá miêu tả là “một loại hoả lực tình báo”. Anh ta giải thích:

- Không cần thiết phải bắn phá một địa điểm suốt đêm, do đó chúng tôi chỉ bắn cầm canh. Thỉnh thoảng có xác định được một mục tiêu nào đó cho hoả lực “h và i”, nhưng thông thường thì bộ binh chỉ xác định cho chúng tôi mỗi ô toạ độ mỗi chiều năm đến mười cây số. Có khi chúng tôi cùng một lúc được cung cấp các ô như vậy ở khắp mọi nơi trong huyện, trừ một số nơi dọc Quốc lộ 1.

Dừng một lát, viên thiếu tá nói thêm:

- Chúng tôi không bao giờ bắn bừa bãi mà không quan sát. Chúng tôi có khả năng bắn một quả đạn pháo qua cửa sổ nhà anh nếu chúng tôi muốn.

Nhưng tôi muốn anh biết là trước khi bắt chúng tôi đều xin ý kiến ông tỉnh trưởng.

Tôi hỏi anh ta quy trình xin ý kiến được thực hiện như thế nào. “Ông tỉnh trưởng đánh dấu những khu vực mà chúng tôi không được bắn phá nếu không được phép đặc biệt của ông ta”, anh ta trả lời, nói đến từ “tỉnh trưởng” với vẻ hết sức nghiêm nghị. Sau đó anh ta dẫn tôi đến xem bản đồ hai huyện Đức Phổ, Mộ Đức và hướng sự chú ý của tôi vào ba dải đất dọc theo Quốc lộ 1, mỗi dải rộng khoảng ba cây số, được khoanh lại bằng mực đỏ. Cả ba dải này cộng lại khoảng bốn mươi tư cây số vuông trong tổng số khoảng năm trăm cây số vuông diện tích vùng đất bằng phẳng đông dân nằm giữa bờ biển và dãy núi, thuộc hai huyện trong tầm bắn của pháo binh.

- Đây là điều thực sự quan trọng, là điều mà tôi muốn anh biết. – Viên thiếu tá nói. – Đây là khu vực cần bảo vệ thường dân Việt Nam đứng về phía ta. Trừ khi binh sĩ ta bị bắn, còn không thì chúng ta không được nã pháo vào ba dải đất nói trên nếu không được phép đặc biệt của ngài tin trưởng người Việt.

Những đường tròn bằng mực đen trên bản đồ cho thấy vòng giới hạn của tầm bắn của từng đại đội pháo. Những vòng tròn này chồng lên nhau phủ kín toàn bộ khu vực dân cư, còn những chấm nhỏ màu xanh lá cây chỉ ra mục tiêu cho hoả lực bắn quấy rối – đánh chặn thì lổm đổm khắp bản đồ trừ ba khu vực không được bắn. Có một số hình vuông rộng màu xanh lá cây, đó là những ô sẽ được hoả lực quấy rối đánh chặn bắn trùm lên trong mấy ngày tới. Có một ô hình chữ nhật màu đỏ, rộng khoảng hai cây số, dài khoảng bốn cây số, bao quát một khu vực gồm có ruộng lúa và làng mạc. Viên thiếu tá giải thích đây là khu “tự do bắn phá”. Phần lớn các sĩ quan đều xem các khu vực thường xuyên bị hoả lực quấy rối đánh chặn là “khu tự do bắn phá”. Nhưng tại trung tâm pháo binh này, vì hầu như toàn bộ vùng đông dân thuộc hai huyện đều bị hoả lực quấy rối đánh chặn bắn phá thường xuyên, nên sĩ quan binh lính ở trung tâm gần đây chỉ áp dụng cụm từ này cho một số ít khu vực cách biệt mà thôi. Theo định nghĩa mới, hẹp hơn, một vùng bắn quấy rối – đánh chặn có nghĩa là vùng có mục tiêu “hấp

dẫn”, và vì vậy cần được bắn phá nhanh chóng với một lượng hỏa lực đặc biệt lớn.

Tôi đã từng ngồi trên một máy bay FAC để quan sát hỏa lực pháo binh và nhận thấy rằng những viên đạn đầu tiên thường rơi chệch mục tiêu khoảng hai, ba trăm mét. Tôi hỏi viên thiếu tá về điều này.

- Vâng. – Anh ta nói. – Những viên đạn đầu tiên thường chệch hướng hai, ba trăm mét nhưng sau đó người quan sát phía trước sẽ báo cho chúng tôi chệch bao nhiêu, và chúng tôi có thể điều chỉnh cho thật chính xác.

Tôi hỏi cự ly an toàn cho bộ binh thông thường là bao nhiêu.

- Một nghìn mét. – Anh ta trả lời. – Có những tình huống phải áp sát thì cự ly an toàn chỉ còn bốn trăm đến sáu trăm mét, những trường hợp như thế thật rợn tóc gáy. Đó quả thực là vùng nguy hiểm.

Một biểu đồ trên tường thống kê tám loại hỏa lực và số lượng các vụ bắn phá trong vòng ba tháng rưỡi kể từ khi Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn 4 đến Đức Phổ và Mộ Đức (mỗi vụ bắn trung bình 09 quả). Từ trên xuống dưới biểu đồ thống kê như sau:

LOẠI HOẢ LỰC	SỐ VỤ
BẮN PHÁ	
Bắn chính	266
Bắn quấy rối và đánh chặn (h-i).....	6.266
Bắn huỷ diệt.....	7
Bắn chuẩn bị.....	30
Bắn tập kích.....	109
Bắn thử.....	66
Bắn tập trung phòng thủ.....	328
Các loại khác.....	44

Tôi đề nghị viên thiếu tá giải thích sự khác nhau giữa các loại hỏa lực.

- Hỏa lực bắn chính nhằm kiểm tra độ chính xác của súng. Chúng tôi chọn một điểm có thể dễ dàng nhận ra cả trên bản đồ và từ mặt đất hoặc từ trên không. Rồi chúng tôi nhắm bắn, và khi chúng tôi thấy các viên đạn đi chệch mục tiêu bao xa, chúng tôi sẽ tính toán điều chỉnh lại thiết bị để bắn các quả đạn sau cho chính xác. Nhưng nơi giao điểm của sông, suối là

những mục tiêu tốt cho hoả lực bản chính. Các giao lộ cũng vậy, nhưng thỉnh thoảng cũng gặp rắc rối khi xin bắn vào đó. – Anh ta cười. – Hoả lực quấy rối đánh chặn là loại hoả lực có thể thực hiện khi bắt đầu bất kỳ vụ bắn phá nào và chúng tôi cũng phải kiểm tra tổng quát xem có an toàn không mới được bắn. Có nghĩa là phải kiểm tra xem có quân bạn ở quanh đó không.

Với từ “quân bạn”, anh ta muốn nói là quân Mỹ, Đại Hàn hay Việt Nam Cộng hoà. Anh ta nói tiếp:

- Hoả lực huỷ diệt là khi có ai đó nói “Tôi muốn huỷ diệt cái hầm cố thủ kia”, “Đó là một mục tiêu đặc biệt trên mặt đất”. Có một số loại hoả lực được xem là đánh trúng mục tiêu khi rơi cách toạ độ khoảng ba trăm mét. “Prep” là viết tắt của Hoả lực chuẩn bị (Preparation fire). Nó nhằm bắn vào một bãi đỗ bộ trước khi đổ quân xuống. Hoả lực “TOT” có nghĩa là “Thời điểm cho Mục tiêu” (Time on Target). Nó là một loại tấn công bất ngờ bằng pháo binh. Chúng tôi tập trung hoả lực của tất cả các đại đội pháo vào mục tiêu, vào một thời điểm, rồi cùng nhất loạt nổ súng. “WA” có nghĩa là “Sẽ Điều chỉnh” (Will Adjust). Với loại hoả lực này, chúng tôi sẽ xác định hướng đi của nó, sau đó phái một quan sát viên phía trước, hoặc một người nào khác quan sát xem đạn rơi vào điểm nào, để báo cho đại đội biết đạn chệch mục tiêu bao xa.

Tôi hỏi viên thiếu tá xem liệu điều đó có phải là các loại hoả lực khác thì cứ bắn mà không cần có quan sát Viên thiếu tá trả lời:

- Khi tôi nói là mọi hoả lực đều được quan sát, thì có nghĩa là luôn có một người quan sát mục tiêu đó vào một lúc nào đó trước khi bắn phá. Bắn tập trung phòng thủ là loại hoả lực bắn quanh khu vực trú quân ban đêm của một đại đội. Trước hết chúng tôi bắn thử ít quả vào mục tiêu, và nếu đêm đó có vấn đề gì bất ổn thì pháo sẵn sàng nhả đạn vì đã được hiệu chỉnh.

Trong vòng ba tháng rưỡi kể từ khi Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn 4 đến đây, chỉ riêng các đại đội pháo ở Đức Phổ đã bắn tới 64.044 quả đạn pháo vào khu vực đồng bằng đông dân ở hai huyện Mộ Đức và Đức Phổ (con số này chưa tính tới số đạn pháo Hải quân bắn từ biển Đông hoặc số đạn do

các đại đội pháo được phái đi theo bộ binh bắn yểm trợ trực tiếp trong hành quân). Một biểu đồ khác thống kê chỉ số “KIA” của quân đối phương (viết tắt của “Killed in Action” – bị hạ sát trong chiến đấu) và “WIA” (“Wounded in Action” – bị thương trong chiến đấu) được xem là thành tích của mỗi đại đội pháo. “Chúng tôi chỉ thống kê cho chúng tôi”, viên thiếu tá giải thích. “Trên thực tế chúng tôi không được ghi công trong thành tích tiêu diệt này mà bộ binh được hưởng hết”. Anh ta nói rằng loại đạn pháo thường được sử dụng nhiều nhất – loại đạn 105 ly – có thể sát hại bất cứ mục tiêu nào trong vòng bán kính ba mươi lăm mét trên mặt đất bằng phẳng không có chướng ngại vật, còn loại đạn lớn nhất – loại 8 inch (203,2 ly) – có thể sát hại mọi mục tiêu trong vòng bán kính bảy mươi lăm mét, cũng trong điều kiện đó.

Một bài báo trong số ngày 16 tháng 8 của tờ Screaming Eagle (Đại Bàng Gào Thét), tờ tuần báo của Lữ đoàn 1 thuộc Sư đoàn Cơ động Không vận 101, đã nêu ra việc tự do sử dụng pháo binh ở huyện Đức Phổ. Bài báo có đầu đề “Lực lượng Chân Đỏ bắn vào đối phương để làm lễ kỷ niệm” (“Chân Đỏ” là mật danh vô tuyến điện chỉ “Pháo binh”), nội dung bài báo như sau:

ĐỨC PHỔ - (theo sĩ quan thông tin của tiểu đoàn 2, trung đoàn 320) – Mới đây, buổi lễ đánh dấu lần bắn viên đạn thứ 250.000 lại trở thành một trận hoả lực tác chiến của tiểu đoàn 2, trung đoàn 320 pháo binh.

Từ một đỉnh núi nhìn xuống thung lũng sông Vệ, đại đội pháo binh B đã sẵn sàng cho buổi lễ. Trung tá Andrew Bolcar đứng cạnh một khẩu pháo 105 ly, tay cầm dây giạt. Bên cạnh là người cầm quân kỳ đứng nghiêm. Những lá cờ tung bay trong gió, lễ kỷ niệm sắp bắt đầu.

Bỗng có một bức điện của Trung tâm Điều khiển Hoả lực: Đại đội B thuộc tiểu đoàn 2, trung đoàn bộ binh 327 đang chạm trán với quân địch, cần sự chi viện của pháo binh. Thế là mệnh lệnh được ban ra và pháo thủ vội vàng chỉnh lại thiết bị ngắm bắn. Trung tá Bolcar kéo dây giạt và quả đạn thứ 250.000 được bắn ra về phía quân địch.

“Thật chẳng có cách nào tốt hơn để làm lễ kỷ niệm bằng cách bắn vào đối phương”, Bolcar nói.

Từ Screaming Eagle không cho biết viên đạn thứ 250.000 định nhằm vào đâu trước khi có quyết định bắn vào quân địch.

Cũng trong đêm đó, để điều tra thêm về số phận của khoảng 52.000 dân vẫn còn sinh sống ở khu vực nằm trong tầm bắn của pháo binh ở Đức Phổ, tôi đến thăm đại úy Converse B. Smith – người phụ trách cơ quan dân sự của Lữ đoàn 3 thuộc sư đoàn 4. Đại úy Smith vốn là một cựu võ sĩ quyền Anh chuyên nghiệp, to cao, tóc vàng, nói với tôi rằng Lính thủy đánh bộ “đã tạo ra 10.000 người tỵ nạn” ở Đức phổ trước khi Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn 4 đến. Các cuộc hành quân của Lữ đoàn 3 lại làm cho con số đó phình lên đến 20.000. “Chúng tôi chưa thực hiện được cuộc tái định cư nào cả”, anh ta nói. “Huyện này không có đủ quân, chúng tôi chưa thể đảm bảo an ninh cho các khu vực.”

Tôi hỏi đại úy Smith là anh có hy vọng dân làng sẽ ủng hộ quân đội Mỹ không. Anh ta trả lời:

- Suy cho cùng vấn đề sẽ phải là thế này – dân làng phải tự quyết định, đứng về phía bên này hoặc phía bên kia. Chúng ta đến đây để ủng hộ chính phủ Nam Việt Nam mà bọn họ là công dân, nếu họ muốn chấm dứt cuộc chiến tranh và tiêu diệt Việt Cộng, thì bọn họ phải đi đến một quyết định. Họ có thể báo cho chúng ta biết khi nào Việt Cộng vào làng. Họ phải chấm dứt việc cung cấp lương thực cho Việt Cộng và việc cho Việt Cộng sử dụng thôn xóm của họ làm căn cứ. Nhưng rất nhiều người Việt có thái độ thờ ơ. Thật đáng tiếc, nhiều người ở cái xứ sở này có thái độ như vậy. Chúng ta cũng đang vấp phải vấn đề này ở ngay nước Mỹ. Chúng ta đang đổ máu ở đây, nhưng có nhiều người hình như không quan tâm.

Tôi hỏi đại úy Smith làm sao anh ta có thể hy vọng dân làng có thể báo tin tức về Việt Cộng khi mà chúng ta không thể bảo vệ cho họ, để họ tiếp tục được sống yên ổn trong làng.

- Chúng tôi có một hệ thống mật vụ. – Viên đại úy trả lời. – Chúng tôi có nhiều đầu mối liên lạc bí mật, Việt Cộng không biết về hệ thống đó. Và dân làng cũng có cơ hội để đến cư trú trong các khu do chính phủ kiểm soát nếu họ muốn. Việc đó tùy họ quyết định.

2

Chiến thuật thông dụng nhất của các cuộc hành quân quy mô lớn của Mỹ tại Quảng Ngãi là bất ngờ dùng trực thăng để vận chuyển binh lính đến từ mọi hướng, bao vây xung quanh nơi được chỉ điểm có đơn vị địch, khép chặt vòng vây và tiêu diệt. Vào cuối tháng 8, Lữ đoàn 1 của Sư đoàn không vận 101 đã ba lần tại Quảng Ngãi và một lần khác tại Quảng Tín, tìm cách khép chặt một vòng thông lọng như vậy đối với một lực lượng lớn quân địch. Lần đầu tiên là trong cuộc hành quân Malheur(*) I, sau đó là Malheur II, đến Hood River, và cuối cùng là trong cuộc hành quân Benton tại Quảng Tín. Nhưng trong cả ba lần, vòng thông lọng đều khép vào khoảng không và Lữ đoàn buộc phải đánh giá mức độ thành công của cuộc hành quân thông qua các cuộc giao tranh cỡ nhỏ thường xảy ra với số lượng đáng kể.

[] Tên một thị trấn ở bang Oregon, tây bắc nước Mỹ - ND.*

Tại các huyện Mộ Đức và Đức Phổ, Lữ đoàn 3 của Sư đoàn 4 đã giao chiến theo một nguyên tắc khác. Đáng lẽ phải tiến hành các cuộc càn quét lớn theo một kế hoạch chi tiết, Lữ đoàn này đã đồng thời tung ra nhiều đơn vị cỡ đại đội đến nhiều địa điểm khác nhau của vùng chiến sự, và tùy theo việc đánh giá tình hình hàng ngày ở từng khu vực nhỏ mà điều hành hoạt động. Trên các bản đồ giao ban, các mũi tiến quân của hàng nửa tá đơn vị cứ xoắn xuýt, xoay vần và chông chéo lên nhau. Vào cuối tháng Tám, tất cả các đơn vị đã hành quân trong một vùng mà hầu hết làng mạc đã bị phá huỷ, và phần lớn hoạt động của Mỹ chỉ còn là tìm kiếm quân đối phương đang nấp trong những mạng lưới đại đạo đan chen chằng chịt như tổ ong trong lòng đất.

Vùng này được nhận định còn khoảng 52.000 dân sinh sống và vì dân chúng sử dụng các hầm ngầm để ở và ẩn nấp nên khi bị ném bom, bị pháo binh oanh tạc hay hoả lực bắn phá, họ biết ngay là sau đó sẽ có các cuộc

hành quân của Mỹ. Khó khăn lớn nhất mà Lữ đoàn 3 của Sư đoàn 4 gặp phải khi tiến hành cuộc chiến trong địa đạo là phải phân biệt được ai thực sự là Việt Cộng và ai là thường dân. Hơn nữa, việc tấn công trả đũa vào các làng mạc đã làm cho một số dân chúng già, trẻ, gái, trai buộc phải đứng lên cầm vũ khí chống lại quân đội Mỹ. Nhiều người Việt Nam sẵn sàng xả thân trong các cuộc chiến đấu chống lại người Mỹ chúng ta, cho dù họ biết như thế là vô vọng và không thể chiến thắng được. Các cuộc chống cự đó hầu như chỉ là do lòng căm thù. Tôi đã từng nghe một sĩ quan nói anh ta không thể nào tưởng tượng được có hai ông già dám xông thẳng vào đoàn xe tăng chỉ với súng trường trên tay. Anh ta nói thêm: “Đó là lúc tôi không còn ngần ngại gì nữa và thấy cần phải bắn hai ông già”. Một người lính Mỹ khác nói với tôi rằng anh ta phát hiện thấy có một bà già tìm cách dùng khẩu súng máy bắn vào đơn vị anh ta nhưng không bắn được, trong khi có hai đứa trẻ đang tìm cách luồn băng đạn vào hộp súng. Trong các thung lũng tại vùng núi, có nhiều trường hợp dân chúng tấn công lính Mỹ bắn cả cung tên.

Về dân chúng nói chung, một sĩ quan kể lại rằng:

- Chúng tôi vất phải rất nhiều khó khăn khi muốn xua dân chúng ra khỏi hầm ngầm. Chúng tôi thường dùng loa kêu gọi họ chui ra ngoài, nhưng họ không chịu. Do đó, đôi khi chúng tôi phải phun hơi cay làm chảy nước mắt và dùng mìn nổ tung hầm. Tôi nhớ có một lần trong hầm còn nhiều người trốn nấp và chúng tôi đưa hai lính chiêu hồi đi trước những “con chuột cống hầm ngầm”[*] của ta. Khi họ vừa xuống được khoảng 2 tầng đã bị các tay súng trong hầm bắn lên. Họ quay ra khỏi hầm và chúng tôi lại dùng loa để kêu gọi, nhưng hễ cho ai xuống hầm đều không thấy lên nữa. Chúng tôi buộc phải làm nổ tung đến nửa sườn đồi.

[] “Chuột cống hầm ngầm”: Tiếng lóng để gọi cách lính Mỹ - thường có thân hình nhỏ bé – được lựa chọn chui vào các hầm ngầm để lùng sục tìm quân dụng, lương thực và quân đối phương. (Chú thích của tác giả)*

Sau khi nghe xong câu chuyện này, một sĩ quan khác cúi xuống bàn và nói nhanh:

- Tất nhiên chúng tôi biết ở dưới đây còn nhiều tên Việt Cộng sừng sỏ đang sống lẫn với dân chúng.

Viên sĩ quan thứ nhất tiếp tục:

- Thông thường, một Việt Cộng địa phương được trang bị một quả lựu đạn. Có lần chúng tôi gọi loa vào một hầm ngầm và một quả lựu đạn từ trong hầm vụt bay ra, giết chết một lính Mỹ. Rồi một thằng bé con độ 14 tuổi phóng nhanh ra ngoài, bị chúng ta bắn chết. Thằng bé chỉ có đúng một quả lựu đạn. Nhưng tôi cho rằng nó đã hoàn thành nhiệm vụ vì đã giết được một lính Mỹ.

Tuần báo Screaming Eagle thường đăng các câu chuyện chiến đấu kịch tính nhất. Số ra ngày 30 tháng 8 đã tường thuật lại một câu chuyện giao chiến trong hầm ngầm của Lữ đoàn 1 Sư đoàn 101 trong thời gian đơn vị này đang tiến hành cuộc hành quân Malheur I. Dưới đầu đề “Việt Cộng, Mỹ, Việt Cộng”, bài báo viết:

Lính dù Sư đoàn 101 Cơ động Không vận đã quả cảm chống lại sự kháng cự của Cộng sản suốt cả ngày dài và cuối cùng đã thu được thành quả. Lính kỹ thuật bậc 4 là Donald R. Kinton, quê ở Kreole, bang Mississippi tiến vào địa đạo và chỉ mười lăm phút sau đã bắt đầu phá rộng miệng hầm ngầm.

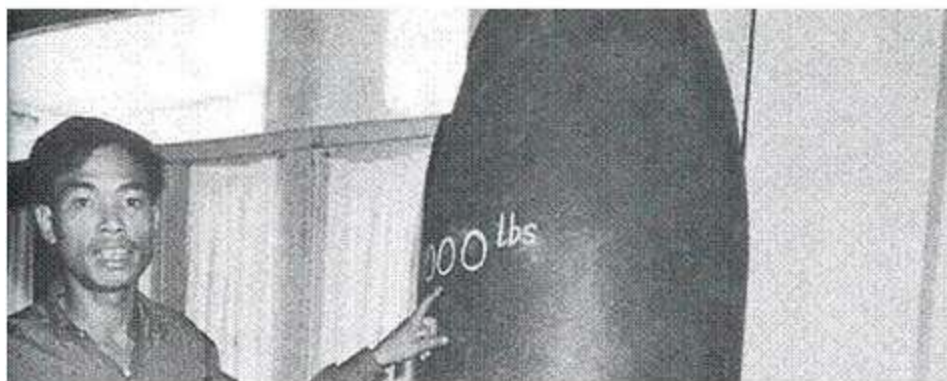
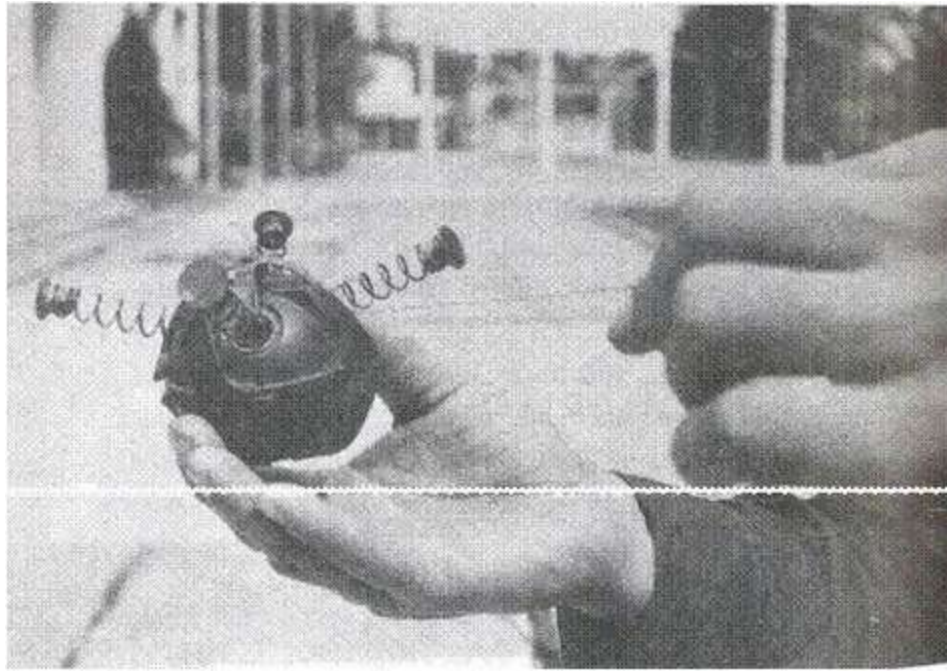
Khi miệng hầm đã được phá rộng, Kinton cầm một bó đuốc chui vào trong.

Thấy một Việt Cộng đang sắp kéo chốt quả lựu đạn, Kinton vội ném thẳng bó đuốc đang cháy vào mặt hắn và nhanh chóng chui ra khỏi hầm.

Quả lựu đạn bị thổi, không nổ.

Tức giận kẻ thù ngoan cố, các lính dù ném nhiều lựu đạn vào trong cửa hầm.

Khi khói và bụi đã tan, một Việt Cộng bò ra đầu hàng.



Binh nhất Vito Legari, quê ở West Islip, Long Island, bang New York quyết định chui vào hầm để xem tình hình. Một viên đạn từ trong hầm bắn vọt ra, bay xoẹt ngang đầu.

Các lính dù chui ra khỏi hầm để nghĩ cách khác. Trung đội 3 tham gia ý kiến, đề ra chiến thuật mà họ hy vọng sẽ buộc được kẻ địch ngoan cố phải đầu hàng.

Lính Mỹ cho nổ một quả mìn Clây-mo, một loại mìn định hướng dồn tất cả các mảnh sát thương vào trong cửa hầm.

Việt Cộng trong hầm ném trả một lựu đạn ra ngoài. Lại thêm một quả lựu đạn tịt ngòi.

Tù binh Việt Cộng vừa bị bắt được đưa đến cửa hầm để thuyết phục đồng đội ra đầu hàng.

Chẳng có kết quả gì.

Trung sĩ James A. Ross, quê ở Canton, bang Ohio ném thêm một quả lựu đạn vào trong hầm và một lần nữa đưa tên Việt Cộng bị bắt đến cửa hầm để thuyết phục các đồng đội của anh ta ra đầu hàng.

Một Việt Cộng dao động bỏ ra hàng, mang theo hai vũ khí. Hẳn cho biết trong hầm chỉ còn lại một Việt Cộng còn sống và hai người đã chết.

Rõ ràng, việc chỉ còn lại một Việt Cộng mà vẫn còn ngoan cố đến như vậy là điều quá sức chịu đựng đối với Phạm Minh Công, thông dịch của Đại đội A.

Công tức giận vứt chiếc mũ sắt xuống đất, chui vào hầm và lôi một Việt Cộng cuối cùng ra khỏi hầm bằng cách nắm hai chân hắn kéo ra.

Như vậy là phải mất gần cả một ngày lính Mỹ chỉ bắt được có ba tù binh, nhưng kết quả cũng đáng công sức. Trung đội Mỹ đã bắt được một viên chỉ huy Việt Cộng của vùng và một cán bộ trợ lý, 30kg tài liệu, 300 kg gạo, một chiếc máy chữ và các loại thuốc men.

Trong các cuộc trò chuyện cũng như trong các bản tin trên tờ Screaming Eagle, tôi thấy bộc lộ rất ít sự căm thù đối với kẻ địch. Ngược lại, tôi được nghe họ nói những lời khâm phục Việt Cộng, nhất là khi so sánh với quân đội Sài Gòn mà người Mỹ chúng ta đang ủng hộ và cùng chiến đấu.

Hầu hết lính Mỹ tôi gặp ở Việt Nam nói chung đều ủng hộ cuộc chiến tranh nhưng tôi cũng có gặp một số người còn tỏ ý hoài nghi. Vào một đêm cuối tháng tám, tại căn cứ Đức Phổ, tôi đi theo một nhóm gồm bốn lính quân dịch vào trong một chiếc lán nhỏ để tránh một trận mưa nặng hạt kéo dài suốt ngày và đã biến căn cứ này thành một vũng lầy. Cả nhóm tranh luận sôi nổi về chiến tranh. Có hai người cảm thấy bị chiến tranh làm đảo lộn sâu sắc tinh thần, một người tỏ ý nghi ngờ một vài khía cạnh của cuộc chiến và người còn lại thì nhiệt tình ủng hộ cuộc chiến. Cuộc trao đổi chủ yếu tiếp tục giữa hai chàng trai mà tinh thần đang bị đảo lộn sâu sắc – tôi sẽ gọi họ là Brandt và Sproul. Tôi gọi anh chàng nhiệt tình ủng hộ cuộc chiến là Dehlinger – người đang lau khẩu súng ngắn, thỉnh thoảng mới ngược

nhìn lên và nói chen vào đôi lời nhận xét. Anh chàng thứ tư tôi gọi là Jackson, thì tương đối ít nói.

- Khi tôi đến đây, có vài làng đã bị quét sạch nhưng cũng còn lại nhiều làng, - Brandt, một binh nhì quê ở California nói. – Dần dần sau đó, mỗi khi tôi ra ngoài, tôi lại thấy số làng ngày càng giảm đi và cho đến nay toàn bộ khu vực đã bị quét sạch như ta thấy bây giờ. Lính Mỹ được hỗ trợ để chiếm được lòng tin của dân chúng, nhưng chẳng có ai dạy họ một mảy may nào về chuyện đó. Tôi đã qua đợt huấn luyện hăn hoi, tôi đã học tháo lắp súng, học xạ kích, nhưng chẳng có ai dạy tôi phải biết thương yêu một dân tộc mà hình dáng của họ khác với chúng ta và xu hướng chính trị cũng khác ta đến một trăm tám mươi độ. Chúng tôi không hiểu được những người dân ở đây đang suy nghĩ gì. Khi đến đây, chúng tôi như đổ bộ lên một hành tinh xa lạ. Tôi nghĩ là tại nước Đức hay Nhật, chúng tôi vẫn có một sợi dây liên lạc nào đó, nhưng tại đây, ngay cả khi gặp một anh chàng người Việt nói tiếng Anh rất lưu loát, chúng tôi cũng chẳng biết anh ta đang nói cái quái gì.

- Chẳng ai có sự cảm thông đối với người Việt Nam. – Sproul, một binh nhì quê ở Texas nói. – Họ bị vứt bỏ. Chẳng có ai trong người Mỹ chúng ta coi người Việt Nam là con người. Họ không phải là con người. Do đó, anh có làm gì đối với họ thì cũng chẳng thành vấn đề gì cả.

- Chúng tôi tiến hành hỏi cung kẻ bị bắt ngay tại trận và nếu họ không chịu khai báo, thế là xong! – Brandt nói – Tù binh của chúng tôi thường chỉ là những người dân bị gom được trong các làng xóm mà chúng tôi đã càn quét và không cho một ai được ở lại. Nhưng vì trong các trại tỵ nạn không có đủ phương tiện để cho dân chúng sinh sống nên họ lại quay trở lại làng cũ, và thế là mặc nhiên họ bị coi là V.C. Và chúng ta xem họ là kẻ thù.

- Những Việt Cộng này thường rất khó bị khuất phục. – Sproul nói. – Có một lần tôi thấy một trung sĩ rất độc ác treo ngược một Việt Cộng vào còng trực thăng, đầu lộn xuống đất và cứ như vậy lủng lẳng trên không và lắc lư trên cánh đồng lúa ở độ cao hơn 900 mét... Một lần khác, tôi thấy lính Mỹ dồn một toán Việt Cộng lên một chiếc trực thăng. Trước tiên, họ đẩy một Việt Cộng ra khỏi chiếc máy bay cho rơi xuống đất và đe dọa

những người khác là nếu ai không chịu khai báo thì cũng sẽ đi theo người kia. Thế là họ đã phải khai.

Tôi hỏi Sproul anh ta sẽ nói gì với dân chúng về chiến tranh sau khi về Mỹ.

- Có thể khi về Mỹ, tôi sẽ tự co mình lại và không hề hé răng. – Anh ta trả lời. – Sự việc ở đây tàn bạo quá mức nên sẽ chẳng có ai tin lời tôi nói đâu. Và tôi cũng không muốn chết vì bức bối nếu phải cố tìm mọi cách làm cho họ tin những điều tôi nói.

(Câu nhận xét “Người ở bên nước mình sẽ không ai tin lời kể của chúng tôi đâu” là câu mà tôi nghe hầu như hàng ngày ở Quảng Ngãi từ miệng những kẻ ủng hộ chiến tranh cũng như người chống lại cuộc chiến. Lúc ở căn cứ Chu Lai, có lần người lái xe Jeep đang chở tôi đi – người lái xe này cũng là một lính Mỹ đã tham gia chiến đấu – đột nhiên quay đầu lại và nói với tôi:

- Ông sẽ không tin vào những chuyện đang xảy ra trong cuộc chiến tranh này đâu.

- Những chuyện gì vậy? – Tôi hỏi lại.

- Ông sẽ không tin vào những chuyện đã xảy ra đâu. – Anh ta khẳng định lại một lần nữa.

- Đó là những loại chuyện gì vậy? – Tôi lại hỏi tiếp:

- Vì ông cũng sẽ không tin có những chuyện đó, nên tôi nói với ông làm gì.

– Anh ta trả lời, đầu lắc mạnh để biểu thị quyết tâm sẽ không nói cho tôi biết. – Sẽ chẳng có ai muốn tìm hiểu cho rõ những chuyện đã xảy ra; và sau khi cuộc chiến tranh này kết thúc, tất cả chúng tôi sẽ về Mỹ, và sẽ chẳng có ai biết được những chuyện đó nữa.

Tôi đã không thể thuyết phục được người lái xe nói cho rõ thêm điều anh ta đã đề cập.

Đáp lại những điều Sproul nói, Jackson, chàng trai quê ở Georgia cất tiếng:

- Tôi biết. Tôi đã nhìn thấy mọi điều. Tôi đã thấy lính Mỹ khi ra trận đã giận dữ đánh đập dân chúng – cả đàn bà và tất cả mọi người khác. –

nhưng tôi chỉ quay đi. Tôi biết thế là sai nhưng tôi không thể nói gì hết.

Câu chuyện trong chiếc lán nhỏ chuyển sang vấn đề chúng ta có nên sang Việt Nam hay không. Sproul cho rằng chúng ta không nên. Brandt thì chẳng thích thú gì với cuộc chiến tranh này nhưng lại lo lắng có thể lại phải tham chiến ở một nơi khác nếu không chiến đấu trong cuộc chiến này. Còn Jackson lại cho rằng Mỹ phải ném bom nguyên tử vào Bắc Việt và cả Trung Quốc nữa nếu thấy cần thiết chứ không phải chỉ tiếp tục cuộc chiến vô vọng như thế này tại miền Nam Việt Nam.

Khi nhắc đến Trung Cộng, Dehlinger ngẩng đầu lên nói:

- Một tên Trung Cộng vừa bị giết tại Kon Tum.

- Làm thế nào mà anh biết đó là một tên Trung Cộng? – Brandt hỏi.

- Họ nói như vậy, dựa vào hình dáng. Bất cứ lão già người Hoa nào cũng từ Trung Quốc sang đây, có phải vậy không? – Dehlinger trả lời và nói tiếp – Tôi đã nhìn thấy khoảng bốn mươi tên địch bị giết ngay tại bãi chiến trường và tôi muốn xuống ngay đây và diệt thêm vài tên nữa.

Cả bốn lính Mỹ cười chế nhạo việc bày tỏ sự cương quyết một cách đột ngột này.

Vài phút sau Brandt nói:

- Hôm qua tôi ngồi trên trục thăng cấp cứu. Có ba thương dân bị bắn trọng thương. Họ gồm một thằng nhỏ và hai phụ nữ. Trong số này, có một bà trông thê thảm lắm. Và có ba bốn vết thương nặng đã được băng bó. Nhưng lính Mỹ đã ném bà vào trong trục thăng như ném một khúc gỗ vậy. Trên trần chiếc trục thăng lúc đó treo lủng lẳng một dây băng với một chiếc khoá, và chiếc khoá này đập vào mặt người đàn bà này khi bà bị hất vào. Đáng lẽ lúc đó, lính Mỹ phải đẩy cái khoá sang một bên rồi mới đưa bà vào mới phải. Và khi bị xô vào khoang trục thăng, chiếc chần đập trên người bị tung ra, người bà gần như trần truồng. Đáng lẽ lính Mỹ phải kéo chần đập lại cho bà ấy. Nhưng họ không hề. Tôi nhớ lại có một lần tôi đi trượt tuyết bị gãy chân. Quả thật đau đớn lắm! Tôi nhớ có một người đến tháo chiếc ủng của tôi ra, anh ta rất cẩn thận, không hề làm tôi đau thêm. Và tôi cứ nhớ mãi điều đó. Trong lúc đau đớn, người ta sẽ ghi nhớ sâu sắc lòng tốt của người khác. Cũng giống như khi có ai làm điều tốt cho anh khi mẹ anh

qua đời vậy. Anh sẽ ghi lòng tạc dạ lòng tốt đó. Họ đã rải xuống hàng triệu tờ truyền đơn để tuyên truyền nhưng họ lại chẳng hề đắp lại chiếc chăn.

3

Vào ngày 19 tháng 8, khi bay trên chiếc “vòng kính” hay trực thăng OH-23 và phần đất bờ biển phía Bắc cách các huyện Đức Phổ và Mộ Đức 20 cây số, tôi mới có dịp thấy tận mắt các vùng đất mà trước đó tôi chỉ nhìn thấy trên bản đồ pháo binh Đức Phổ khi trao đổi với sĩ quan của Lữ đoàn 3 Sư đoàn 4 mấy ngày trước đó. Chiếc OH-23, với hai ghế ngồi trong vòm kính nhựa trong suốt, cho phép tôi nhìn thấy mọi phía, trừ chỗ bị che lấp bởi tấm thép nhỏ ở dưới chân và tấm dựa lưng ghế. Động cơ máy không có gì che chắn, nằm ngay phía sau vòm kính và đỡ các cánh quạt dài trên một trục kim loại; nằm sau động cơ là một cái đuôi bé nhỏ trông giống như chiếc gậy nâng đỡ một chiếc rô-tơ nhỏ bên hông khối máy đặt trên các đường rãnh hẹp bằng kim loại. Ban đầu, Lục quân Mỹ đưa trực thăng OH-23 sang Việt Nam chỉ để sử dụng vào các chuyến bay trinh sát nhưng Lữ đoàn 3 Sư đoàn 4 đã cải tạo chúng thành trực thăng vũ trang bằng cách dùng một sợi dây thép treo lưng lẳng một súng liên thanh ở ngay cửa ra vào nằm ở một bên vòm kính nhựa. Các phi công OH-23 thuộc Lục quân, hàng ngày vẫn bay thám thính trên các vùng tuy đã bị tàn phá nhưng vẫn còn dân chúng sinh sống.

Các chuyến bay này thường được gọi là “các phi vụ săn tìm loài sóc” nhằm phát hiện kẻ địch để sau đó, hoặc dùng súng máy tiêu diệt, hoặc chỉ điểm cho pháo binh oanh tạc. Họ cho tôi biết trong ba tháng hoạt động, họ đã đếm được 52 xác Việt Công; nghĩa là nhiều hơn số xác mà loại trực thăng Huey lớn hơn của Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn 4 xác nhận đã diệt được trong cùng thời gian đó. Khi tôi nói chuyện với một toán phi công trực thăng OH-23, một phi công trẻ cho biết nguyên nhân:

- Trực thăng Huey phải cất cánh khi đang còn ở cách xa mục tiêu nhiều hơn so với trực thăng OH-23 mà lại phải quay về sớm hơn, và Huey

không thể nào bay thấp được.

Tôi hỏi họ có xem bất cứ ai đang ở lại trong khu vực đã bị họ phá huỷ là quân địch hay không.

- Dân chúng đã nhân cơ hội trốn chạy ra ngoài. – Viên chỉ huy phi công trả lời. – Nhưng tôi cho rằng không phải bất cứ ai ở lại cũng đều là Việt Cộng cả. Đôi khi họ là dân quay về để làm ruộng. Nhưng tôi có thể đánh cược là mọi thanh niên trong lứa tuổi quân địch đều là Việt Cộng. Rõ ràng đây là một vùng thuộc quyền kiểm soát của Việt Cộng. Chúng tôi đã nhiều lần chứng kiến việc một thanh niên nhắm bắn chúng tôi trong khi có đàn bà và trẻ em đang đứng bên cạnh. Lúc đó, tôi thường chần chừ không gọi pháo binh oanh tạc nhưng bây giờ thì tôi khắc phục được ý nghĩ do dự ấy rồi.

Mục đích chuyến bay hôm ấy chỉ là để chuyển tôi từ căn cứ Đức Phổ về thị xã Quảng Ngãi nhưng viên phi công đã bay vòng vèo để có thể đi qua những vùng mà anh ta cùng phi đoàn đã từng săn đuổi quân địch. Vì trong chuyến bay này không có ai là pháo thủ, chúng tôi không thể bắn vào mục tiêu nào mà phi công nhận định có thể là Việt Cộng. Chúng tôi hạ cánh ngay sau năm giờ chiều, trước khi mặt trời lặn nửa giờ.

Đi trực thăng, ngồi trong vòm kính trong suốt bạn sẽ có một cảm giác hoàn toàn khác với khi đi bằng một loại máy bay nào khác. Ngược với trực thăng Huey, loại máy bay chở được mười người nên phải cất cánh và hạ cánh từ tư, thận trọng giống như một con tàu khi đang rời hay cập bến, chúng tôi cảm thấy hình như lúc nào chiếc trực thăng vòm kính cũng có thể phóng vọt lên cao một cách dễ dàng, tựa như một chiếc thang máy trong một toà nhà văn phòng hiện đại. Ở trên cao, dù nhìn về phía trước hay hai bên, ta đều không thể nhìn thấy bất cứ bộ phận nào của trực thăng, ngoại trừ tấm bảng điều khiển ở trước mặt. Hầu hết các loại trực thăng bay trên toàn cảnh của một vùng, trên các ngọn cây, các mái nhà, nhưng loại OH-23 lại bay vào trong cảnh vật, ba vào giữa các vòm cây, bay ngang các mái nhà ở những nơi nhà cửa không quá dày đặc. Trên đồng lúa, nó có thể lượn ở độ cao chỉ vài mét cách mặt đất. Bay trên chiếc trực thăng tuy nhỏ bé nhưng nhanh nhẹn này với tất cả máy móc lắp phía sau lưng nằm ngoài tầm nhìn

ta có cảm giác tự do muốn bay đi đâu cũng được, tưởng chừng như mình có thể đậu xuống một cành cây như chim, hoặc có thể bay thẳng ngay vào cửa nhà ai đó và bay ra ngoài qua cửa sổ.

Khi bay về hướng Đông ra biển, tôi thấy vùng đất bị tàn phá bắt đầu từ ngay xung quanh căn cứ. Các vết xe tăng, xe ủi đất, xe thiết giáp chở quân chông chéo trên nền đất đỏ của các ngôi nhà. Không sót lại một tàn tích nào còn có thể đứng được cả. Chẳng mấy chốc, chúng tôi đã bay vượt qua các làng mạc cũ và đến một vành đai trồng lúa rộng lớn nằm giữa Quốc lộ 1 và bờ biển. Cánh đồng đầy hố bom đạn nhưng vẫn được cày cấy. Dân chúng mặc áo bà đen quen thuộc của nông dân đang lom khom làm ruộng. Các tờ truyền đơn rơi vương vãi đó đây trên các bờ ruộng hoặc bị ngập chìm trong các vũng nước ngoài đồng. Anh bạn phi công giải thích đó là những tờ truyền đơn tâm lý chiến. (Tính trung bình mỗi ngày tại tỉnh Quảng Ngãi, quân Mỹ đã thả xuống cả triệu tờ như vậy).

Chúng tôi vượt qua một rặng cây ở rìa phía Đông của cánh đồng và bay vào một khu vực có nơi ở tạm của khoảng hai mươi, ba mươi ngàn dân cụm lại thành làng dọc theo một dải đất dài khoảng hai mươi và rộng bốn cây số dọc bờ biển. Nhà cửa nằm dọc theo dải đất này cũng bị phá huỷ hầu như không sót một nhà nào. Tại vùng duyên hải huyện Đức Phổ, khoảng hai phần ba nhà ở là vách đất cốt tre, mái tranh và số nhà còn lại có tượng đá, mái ngói đỏ. Có nơi, dù lính đã đốt cháy ngôi nhà nằm trên mặt đất, các chỗ còn lại như sân sau, giếng nước, bờ rào, cổng đá, rặng cỏ, bụi tre vẫn còn đứng nguyên. Ngôi nhà vốn là trung tâm của quang cảnh và nằm ẩn dưới bóng cây đã biến đi đâu mất; chỉ còn sót lại nền nhà đầy tàn tro và xà bần. Tại những lang bị pháo cối oanh tạc, máy bay ném bom và súng liên thanh bắn phá, sự huỷ hoại xảy ra không có tính chọn lọc như vậy. Những quả bom đã tác dụng đã phóng ra các mảnh thép xuyên và sóng chấn động; nơi bom rơi, tác động hướng lên trên của lực nổ đã cắt cụt ngọn những cây cọ, chỉ để lại thân cây trơ trụi, tuy đã bị xé nát vẫn còn hướng lên trời. Mảnh bom đã cắt ngang nhiều thân cây hoặc cắt trụi cành lá, có nơi sức bom nổ tróc toàn bộ cây và hất ra xa từ năm mươi đến một trăm mét. Tại các nơi bị bom napan, đồng ruộng và sân nhà bị cháy đen, cây cối trụi lá

từng mảng lớn. Những tờ truyền đơn theo chiều gió bay vào các hố bom đạn. Hình như việc huỷ diệt không được tiến hành một cách có hệ thống.

Vết tích còn lại trong hầu hết các làng cho thấy chứng cứ của nhiều phương pháp huỷ diệt khác nhau. Tôi biết pháo binh thường dùng hoả lực quấy rối- ngăn chặn bắn liên tục trong nhiều ngày vào các khu vực lớn, dọc ngang mỗi bề đến mấy cây số. Thật dễ hiểu khi tôi nhìn thấy các hố do đạn pháo đào lên không theo một cung cách nào cả, đạn pháo rơi bất kỳ chỗ nào, có thể rơi xuống các cánh đồng trống hoặc các rặng cây và làng mạc. Xe tăng và xe thiết giáp chở quân cắt xé cảnh quan bằng các con đường đi riêng. Rõ ràng các lái xe đã chọn cách đi vượt qua cánh đồng chứ không dùng các con đường đã có sẵn do sợ bị cài mìn.

Trong vùng, những gia đình bỏ trại tập trung trở về nhà hoặc còn ở lại từ trước đều phải sống dưới hầm. Các cửa hầm tối đen rải rác dọc các rặng cây ở sân sau. Khi chúng tôi bay qua, tất cả các gia đình đang ngồi trên sân trước ngôi nhà bị tàn phá đều ngẩng đầu nhìn chúng tôi, và bất động trong tư thế đó mà nhìn theo cho đến khi chúng tôi bay khuất. Lúc này đã gần sáu giờ và nhiều gia đình đang xúm quanh bếp lửa nấu cơm chiều. Nồi niêu giường chiếu và vài chiếc bàn ghế nằm lăn lóc, rải rác trong sân. Tại vài nơi, các khung nhà khăng khiu đã xuất hiện. Khắp nơi đều thấy những đồng rơm cao khoảng một mét, và mãi sau tôi mới nhận ra đó là những chiếc lán cá nhân nhỏ bé, không có vách, chỉ là các mái lợp rơm rạ có cọc chống và khung tre nâng đỡ. Có vài người dựng lều ngay giữa đồng, cách xa các lùm cây và xa các công sự - có thể họ nghĩ rằng quân Mỹ sẽ coi các công sự và hầm ngầm là của Việt Cộng xây dựng để phòng thủ - dễ bị coi là mục tiêu quân sự hàng đầu của các cuộc oanh tạc. Cui đùn chủ yếu là xà và cột của ngôi nhà bị phá huỷ đã chất thành đồng. Trẻ em chơi trong bụi đất và thông thường chỉ thấy phần lớn là trẻ em, đàn bà và người già – không thấy đàn ông. Trẻ em đang cười trêu từ ngoài đồng trở về nhà.



Viên phi công chú ý nhìn những nơi có đạn pháo nổ đang phun ra khói trắng ở ngoài rìa cánh đồng và cẩn thận bay tránh xa vùng này khoảng một cây số. Dân chúng ở dưới vẫn tiếp tục làm việc bên ngoài các chiếc lán, không hề có biểu hiện chú ý đến đạn pháo đang nổ gần đấy. Viên phi công bay vọt nhanh qua cánh đồng ở độ cao năm mét. Anh ta chỉ cho tôi thấy các mảnh vụn cong queo của sắt thép và một động cơ nằm trên một khoảnh đất cháy trụi của một thửa ruộng và nói rằng ngay trong tháng trước, trực thăng của anh đã bị bắn rơi tại đây. Anh ta và anh chàng pháo thủ đã an toàn hạ cánh khẩn cấp. Sau khi rơi xuống đất, quân du kích nấp ở một rặng cây đã nã súng bắn và họ đã bắn trả. Mười lăm phút sau, một trực thăng khác đã đến cứu họ. Vài phút sau khi chỉ cho tôi chỗ bị bắn rơi trước đây, viên phi công cho chiếc trực thăng bay lượn một vòng biểu diễn trên không. Anh ta

lao về hướng rặng cây cho đến khi sắp đâm vào thì vọt bay thẳng lên, rồi cho máy bay quay tròn phía trên rặng cây và tàn tích các ngôi nhà đổ nát, sau đó lại ngừng bay hẳn như thể chiếc trực thăng đã bị một cơn gió giữ chặt lại.

Trong khi máy bay bồng bềnh chậm chậm trên các rặng cây xơ xác vì bom đạn, viên phi công bỗng kêu lên:

- Xem kìa! Có một tên! – Anh ta phấn khích kêu to hơn. – Thấy không? Thấy không? Hẳn đang trốn!

Tôi nhìn xuống và thấy một thanh niên đang ngồi co mình lại trên con đường ngay sát rặng cây. Viên phi công quay vòng chiếc trực thăng lại và bay thẳng về phía anh thanh niên lúc đó đã đứng lên và bắt đầu bỏ củi bằng chiếc rìu.

- Có thấy không? Hẳn đang giả vờ làm việc. – Viên phi công nói. Một lúc sau anh lại la lên. – Hãy xem này! Lại thêm một con mẹ nữa. Mẹ ta đang trốn! Hãy xem mẹ trốn ra sao!

Tôi nhìn xuống và nhìn thấy một người đàn bà mặc đồ đen nấp quanh một gốc cây khẳng khiu, lúc nào cũng đứng về phía bên kia của thân cây đối diện chiếc trực thăng.

Chúng tôi bay sang phía bên kia của Quốc lộ 1, nơi các làng đã bị tàn phá. Chúng tôi bay ở tầm thấp, vọt qua một vùng cảnh vật tiêu điều, qua một cánh đồng cỏ cao và viên phi công nói:

- Tôi từng diệt được bốn tên ở đây. Chúng chạy đến một công sự để nấp nhưng không kịp.

Chúng tôi bay qua một làng bị tàn phá trước kia nằm dưới rặng cây. Một làn khói mảnh dẻ bốc lên từ một đống lửa màu da cam trong một lùm cây. Viên phi công nói:

- Đây, có một Việt Cộng đang ăn bữa tối. Chẳng có ai được ở dưới đó. Hẳn không được ở đó.

Chúng tôi bắt đầu bay chậm chậm hướng ra phía biển, dọc theo sông Vệ, con sông đánh dấu ranh giới ngăn cách Khu trách nhiệm Chiến thuật của Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn 4 và Khu Trách nhiệm Chiến thuật của quân đội Việt Nam Cộng hoà. Một em bé trần truồng đang tắm cho một em khác

bé hơn cũng trần truồng tại một khúc sông uốn cong, nước trong suốt tận đáy cát. Cả hai đứng bất động, chăm chăm nhìn theo chiếc trực thăng của chúng tôi bay qua đầu. Các nhịp của hai chiếc cầu bị vặn cong queo đang nằm dưới sông. Tại bờ Nam, nơi mà Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn 4 vừa mở cuộc hành quân, từng đống gạch, tro và các cọc nhà cháy xém giống như các bộ xương đang đứng lêu nghêu trên các nền nhà, ruộng lúa thì màu nâu và đen hoặc đã trở nên hoang dại. Nhưng ở bờ Bắc, nơi quân đội Việt Nam Cộng hoà đang hành quân, cây cối và ruộng đồng đang mùa xanh tốt – như thể tại đây đang ở một mùa khác – và các ngôi nhà vẫn còn đứng đó, ngay bên cạnh vườn rau, sân và cây cọ.

Trên đường quay về Quốc lộ 1, chúng tôi bay vượt qua bờ bắc. Khói bếp nấu cơm chiều đang bay lên từ các khoảng sân sẫm màu. Dân chúng đang quang gánh đi về nhà dọc theo hai bên đường Quốc lộ và phụ nữ đi xe đạp trên các đường khác. Khi viên phi công thả tôi xuống một bãi đáp trực thăng trong khu nhà của cố vấn Mỹ ở rìa thị xã Quảng Ngãi, màn đêm và buông xuống. Trong khu nhà này, mọi thứ đều là Mỹ, và tất cả mọi thứ như nhằm tạo cho tôi cái cảm giác là đã được hạ cánh một cách thần kỳ ngay trên đất Mỹ.

Những căn nhà trong khu nhà đều làm bằng ván trắng, được bố trí gọn gàng ngăn nắp và tiếng chuyện trò râm ran vang ra từ nhà ăn rực sáng ánh đèn, nơi khách đang tự phục vụ theo kiểu tiệc đứng. Binh lính và các cố vấn dân sự mặc áo sơ mi tinh tươm, đầu chải mượt đang cười nói đi vào nhà chiếu phim có máy lạnh. Tôi vào quán bar của sĩ quan và ngồi ngay bên cạnh bàn một số sĩ quan trong khi họ đang vừa uống vừa hát. Tiếng hát vang to, không chút dè dặt và họ cầm cốc đập xuống bàn để gõ nhịp. Lời của bài hát như chế giễu các cuộc oanh tạc của máy bay Mỹ đã giết hại thường dân một cách không cần thiết – bài hát mà tôi đã nghe đi nghe lại nhiều lần với nhiều biến tấu khi tôi đang ở Quảng Ngãi như sau:

*Ném bom vào nhà thờ, nhà trường
Ném bom xuống cả ruộng nương,
Để cho lũ trẻ chơi trên sân biết
Thế nào là bom na-pan.*

Tháng 6, khi Lữ đoàn 3 của Sư đoàn 4 bộ binh đang hoạt động tại Đức Phổ, thì Lữ đoàn 1 Sư đoàn Cơ động Không vận 101 với khẩu hiệu là “không ngơi nghỉ” đã di chuyển theo hướng Tây Bắc để mở cuộc hành quân Malheur II. (Địa danh này đã được Lữ đoàn 1 của Sư đoàn Cơ động Không vận 101 đặt tên cho một cuộc hành quân trước đó, mượn tên của một thị trấn ở Oregon, không phải mượn tiếng Pháp có nghĩa là “sự bất hạnh” hay “đau khổ”.)

Cuộc hành quân Malheur II là đợt đầu tiên trong ba cuộc hành quân của Sư đoàn 101 trong quá trình chuyển dần hoạt động ra hướng Bắc, đi qua ba vùng đồng bằng rộng của vùng duyên hải hạ lưu của tỉnh Quảng Ngãi (cuộc hành quân Malheur I trước đó ở Đức Phổ). Với mục tiêu là tiêu diệt các đơn vị quân địch trong vùng, biến nơi này thành vùng bắn quấy rối và ngăn chặn, Sư đoàn 101 hy vọng sẽ ngăn chặn được dòng tiếp tế hậu cần và nhân lực giữa quân du kích vùng đồng bằng và quân du kích miền núi. Cuộc hành quân Malheur II được mở ở vùng thung lũng của con sông Vệ chạy uốn quanh giữa các quả núi một đoạn dài từ mười đến mười lăm cây số. Bước đầu tiên là di chuyển khoảng năm ngàn người sống trong thung lũng đến cách vùng duyên hải, nơi sẽ được xây dựng các trại tỵ nạn mới. Dân chúng được di chuyển bằng trực thăng và họ được phép mang theo bất cứ thứ gì có thể mang theo bằng tay.



Giống như mọi cuộc hành quân trước đó, quân đội Mỹ phải di tản một số lượng lớn thường dân ra khỏi vùng chiến sự, trong cuộc hành quân Malheur II này Sư đoàn 101 cũng phải phân loại từng người theo mức độ tham gia hoạt động cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng Cách phân loại theo thứ tự từ những người đáng nghi nhất đến những người ít nghi nhất là “Việt Cộng chính cống”, “tình nghi Việt Cộng”, “ủng hộ Việt Cộng”, “người bị tạm giam”, “người tỵ nạn” và “lính đào ngũ”. Nhưng trong cuộc hành quân Malheur II, Tình báo Lục quân chỉ có nửa tá thông dịch viên và chỉ có vài

ngày để phân loại trên năm ngàn người trong một vùng mà chính phủ Việt Nam Cộng hoà không có mặt từ hơn một thập kỷ và chẳng nắm được tình hình dân chúng; trong một vùng mà mọi người già, trẻ, gái, trai đều đã cùng với Mặt trận Dân tộc Giải phóng cầm súng thì rõ ràng là với hầu hết số dân phải phân loại đó, Lục quân Mỹ không thể nào xác định được người nào vào loại nào.

Có thể nói một cách công bằng rằng trong hầu hết các trường hợp, Lục quân quyết định việc phân loại dựa trên cơ sở những việc mà họ đang làm. Ví dụ, khi binh lính vào trong làng để quây bắt dân chúng đưa đi di tản, họ phân loại dân chúng thành “ủng hộ Việt Cộng”, “tình nghi Việt Cộng” và xếp loại cả làng là “100% Việt Cộng”; nhưng cũng là số dân làng ấy, khi di chuyển vào trại, Lục quân lại phân họ thành “người tỵ nạn”. Cũng cách thức tương tự, bất cứ người Việt Nam nào bị lính Mỹ bắn chết hầu như đều được xếp loại là “Việt Cộng chính hiệu” (lính Mỹ thường nói đùa rằng “Bất cứ người chết nào không phải da trắng thì đều là Việt Cộng!”). Càng ngày Lục quân Mỹ càng sử dụng phổ biến cách đánh giá mức độ phạm tội của người Việt Nam bằng cách xếp họ vào loại “người bị giam giữ”.

Theo lý thuyết, một “người bị giam giữ” là người mà họ không kết luận được mức độ tham gia Mặt trận Dân tộc Giải phóng như thế nào mà chỉ bị giam giữ để thẩm vấn mà thôi. Nhưng trong cuộc hành quân Malheur II này, Sư đoàn 101 đã thống kê toàn bộ số người bị giam giữ (gồm 631 người) trong một bản thống kê cùng với số người bị quân Mỹ giết và bị bắt làm tù binh, như thế họ đã xác định được rằng những người bị giam giữ đều là người của Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Tình hình còn dễ gây nhầm lẫn hơn nữa do cách sử dụng từ ngữ trùng lặp và định nghĩa cực kỳ nhập nhèm, dễ lẫn lộn. Các cụm từ “người bị giam giữ”, “tình nghi Việt Cộng” và “người tỵ nạn” đều có thể dùng để chỉ một người, tùy theo sự chọn lựa của vị chỉ huy, mặc dù các cụm từ này đã được sắp xếp riêng rẽ trên các cột thống kê số liệu báo cáo về Sài Gòn. Trong cuộc hành quân Malheur II, có thể nói chắc chắn là tất cả những “người tỵ nạn” đều là người đã từng “bị giam giữ” và trong khi họ đang ở trong những làng của một khu vực bị Mỹ coi là thù địch thì họ cũng bị xếp loại ngay là người “ủng hộ Việt Cộng”.

Tại trận tuyến, các từ ngữ “tình nghi Việt Cộng” và “ủng hộ Việt Cộng” thường được dùng lẫn lộn và có thể thay thế cho nhau. Bất cứ người nào bị đặc biệt nghi ngờ là “tình nghi Việt Cộng” như vậy đều bị trói tay ra sau lưng, bị buộc một bao cát lên đầu và chuyển đến một trung tâm thẩm vấn. Nhìn thấy họ bị trói như một tù binh, người thẩm vấn có xu hướng coi họ là một người ủng hộ Việt Cộng thực sự, và thế là may mắn lắm họ mới không bị tra tấn và giam giữ.

Trong khi tiến hành cuộc hành quân Malheur II, Sư đoàn 101 đã tổ chức thực hiện một kế hoạch thật khôi hài – dồn đàn gia súc. Họ quây bên ngàn trâu bò và bắt đầu dồn chúng xuống chân thung lũng và hướng đến các trại tập trung dân cư mới được di chuyển đến. Tuy nhiên mất công việc mất nhiều thời gian hơn so với dự kiến. Sau sáu ngày thực hiện, đàn gia súc chỉ đi được 16 cây số trong tổng độ dài 20 cây số của đoạn đường đi đến trại. Mệt mỏi với việc xua đuổi đàn gia súc, Sư đoàn 101 đã chuyển giao đàn này cho một đơn vị thuộc lực lượng dân vệ của Việt Nam Cộng hoà. Đơn vị này đã bắt trộm khoảng hai trăm con và đuổi số còn lại đến các khu chăn nuôi gia súc gần các trại. Một vài ngày sau, vụ trộm bị bại lộ, lính Mỹ liền quay trở về và bắn chết nhiều gia súc bị bắt trộm.

Một bản tin do Lữ đoàn phát hành đã mô tả lại các giai đoạn của cuộc di tản và xua dồn trâu bò trong cuộc hành quân như sau:

“Trên năm ngàn cư dân vùng đồng bằng phía Tây sông Vệ đã được trao cho chính phủ Việt Nam Cộng hoà kiểm soát khi các đơn vị quân sự Mỹ kết thúc chương trình hoạt động dân sự lớn nhất từ trước đến nay được tiến hành tại tỉnh Quảng Ngãi.

Khi di tản dân làng, lực lượng quân sự hỗn hợp đã thu gom đàn gia súc và gia cầm, tiến hành giai đoạn hai của cuộc hành quân bằng cách xua đàn gia súc đến Nghĩa Hành. Trong lúc trực thăng bốc dân làng đến Nghĩa Hành, lính dù bắt đầu xua đàn gia súc. Họ gán cho lộ trình này cái tên “*đường mòn Chisholm*”[*] và những tiếng là ó “Hãy thúc chúng tiến lên! Hãy thúc chúng ra khỏi làng!” vang vọng khắp thung lũng. Binh lính Cộng hoà thì hát các bài dân ca; lính dù Mỹ đáp lại bằng các điệu Âu Tây. Binh

nhất Gary M. Nichols, quê ở Wynne vốn sắp tốt nghiệp khó thú ý được giao việc chăm sóc các con bò mẹ và bê con sinh ra trong suốt chuyến đi này.”

[] Chisholm: Tên con đường mòn để di chuyển gia súc từ phía Nam bang Texas đi lên phía Bắc đến bang Kansas, hình thành khoảng hai mươi năm sau cuộc Nội chiến Bắc Nam ở Mỹ. (Chú thích của người dịch)*

Để thông tin cho báo chí, Lữ đoàn chọn một tấm hình chụp cảnh binh lính đang xua đuổi đàn gia súc đi qua các cánh đồng lúa vừa mới cấy chỉ nhú lên khỏi mặt nước năm bảy phân và ghi thêm một tiêu đề: “Đây là ruộng lúa nước, không phải là cánh đồng cạn”. Khi nói đến chuyện này, các sĩ quan Sư đoàn 101 tỏ ra thích thú, phấn khởi với ý nghĩ họ đã áp dụng được việc dong đàn trâu bò, một việc làm đặc biệt, đặt Hoa Kỳ vào trong khung cảnh của các ruộng lúa nước ở Việt Nam.

Nhiều tuần sau khi kết thúc cuộc hành quân Malheur II, tôi lại bay qua thung lũng sông Vệ trên một máy bay FAC và quan sát thấy mọi ngôi nhà đều bị phá huỷ. Viên phi công nói với tôi rằng sau khi xua đuổi hết dân chúng, lính của Sư đoàn 101 đã phá huỷ sạch các làng này. Anh ta cũng lấy tay chỉ toàn bộ các đồng ruộng đã đồng loạt biến thành màu nâu và giải thích rằng chiến dịch Ranch Hand đã tiến hành rải chất độc diệt cây cỏ xuống thung lũng.

Một vài ngày sau, tôi hỏi viên sĩ quan thông tin của Lữ đoàn việc huỷ diệt đã diễn biến ra sao.

- Tôi e rằng anh đã nhận được tin tức sai. – Anh ta đáp. – Chúng tôi có huỷ diệt thung lũng đâu!

Tôi nói rằng tôi vừa bay qua khu vực này và quan sát thấy đúng là thung lũng đã bị huỷ diệt.

- Tôi không biết điều đó. Nhưng chúng tôi không huỷ diệt thung lũng.

Tôi hỏi anh ta giải thích như thế nào mới là huỷ diệt.

- Này! Khi tôi rời thung lũng, mọi cây cối vẫn còn y nguyên. – Anh ta trả lời. Ngừng hồi lâu, anh ta nói thêm. – Chúng tôi không có kế hoạch huỷ diệt thung lũng. Nhưng Việt Cộng đã quay lại thung lũng nên chúng tôi chẳng còn cách nào khác là phải đưa hai tiểu đoàn trở lại đây và thung lũng bị huỷ diệt trong quá trình ngăn cản không để cho quân địch hoạt động.

Viên sĩ quan thông tin tại bộ chỉ huy Lực lượng Đặc nhiệm Oregon tỏ ý rất ngạc nhiên khi nghe tin các làng trong vùng thung lũng đã bị huỷ diệt. “Đấy là một tin mới cho tôi”, anh ta nói.

Tôi thường thấy cái sĩ quan Mỹ có xu hướng làm ngơ trước một phần kết quả của các cuộc hành quân – ví dụ như huỷ diệt các làng mạc trên quy mô lớn – thậm chí họ còn phủ nhận nếu các kế hoạch ban đầu vạch ra cho các huyện không nêu các mục đích này.

Khi dân chúng các làng trong thung lũng sông Vệ đặt chân xuống các khu đất trống hoang ở Nghĩa Hành – nơi mà về lý thuyết họ sẽ sớm có lều lán để ở - họ đã trở thành một bộ phận trong số dân chúng được đăng ký gồm 120.000 người ở tỉnh Quảng Ngãi bị mất sạch gia tài trong khi các nhu cầu tối thiểu về cơm ăn và lều ở cũng chưa được đáp ứng. Vào cuối tháng 6, ông Ernest Hobson, cố vấn dân sự về người tỵ nạn của tỉnh Quảng Ngãi, thuộc cơ quan AID (viện trợ Mỹ) đã viết trong bản “Phụ lục thống kê kèm theo Bản báo cáo tổng hợp đặc biệt của tỉnh Quảng Ngãi” phát hành hàng tháng như sau:

“Khó khăn lớn nhất của lĩnh vực công tác người tỵ nạn trong tháng này đã nảy sinh do cuộc hành quân của lực lượng Đặc nhiệm Oregon gây ra, khi bộ phận chuyên trách công tác tỵ nạn đã nhận được yêu cầu phải đặc biệt hỗ trợ cho hoạt động quân sự. Những khó khăn ngày một tăng thêm do tình trạng thiếu nhân viên người Mỹ và người Việt Nam. Vấn đề hậu cần, vấn đề ngân sách sẽ không thể nào giải quyết được nếu không có sự hỗ trợ khẩn cấp và đáng kể của cơ quan cấp vùng và của trung ương. Hoạt động quân sự nói trên đã vượt quá khả năng xây dựng trại dành cho người tỵ nạn mới, chỉ riêng họ Nghĩa hàng đang cần phải có thêm đến 500 trại.”

Vào lúc dân vùng thung lũng sông Vệ đến, khẩu phần lương thực dự trữ khẩn cấp đang bị thiếu trầm trọng; và vì một sự nhầm lẫn về hành chánh, mãi đến gần một tuần sau, Lục quân mới bàn giao khoảng sáu mươi hai tấn gạo – số gạo mà họ đã thu gom được trong vùng thung lũng. Sau bốn ngày nhịn đói, một số người được bố trí ăn ở trên mấy đám ruộng sát ngay bên cạnh kho gạo đã tìm cách phá kho vào ban đêm. Lính lục quân đã phải sử dụng lựu đạn cay và làm chết hai bé trai mười hai tuổi. Vào cuối

tháng Tám, vẫn còn hai ngàn gia đình tại các trại, một số nằm tại thung lũng sông Vệ, chưa có bất kỳ một loại lều lán nào để che mưa, che nắng. Vào đầu tháng 8, Phó Đại sứ Robert Komer mới biết được tình hình trên qua tin tức truyền hình và báo chí, đã viết một bức thư đề ngày 15 tháng 8 cho bác sĩ Nguyễn Phúc Quế, Ủy viên Ban tỵ nạn của chính quyền Sài Gòn. Bức thư được sao chụp lại và phân phát cho một vài quan chức của vùng I chiến Thuật[*]. Bức thư viết:

[] Vùng I chiến thuật: Vùng quân sự bao gồm năm tỉnh duyên hải cực Bắc của Nam Việt Nam. (Chú thích của tác giả)*

“Tôi chắc chắn rằng ông sẽ đồng ý với tôi là tình hình dân tỵ nạn hiện nay tại vùng I là nghiêm trọng.

Có ít nhất đến một nửa số dân tỵ nạn ở Nam Việt Nam đang ở vùng I. Tại nước Mỹ, nhất là trong Quốc hội, đang có nhiều lo lắng về tình hình cụ thể tại Vùng I. Trong tuần qua, trên báo chí và trên truyền hình ở Mỹ, đã có nhiều câu chuyện về tình hình Vùng I. Tôi lo sợ rằng vấn đề dân tỵ nạn tại vùng này đã vượt quá khả năng xử lý của chính phủ Việt Nam Cộng hoà. Tôn lợp nhà và các vật tư làm lán trại khác đã bị thiếu trầm trọng, lại không đủ trực thăng vận chuyển. Nhu cầu về lương thực dự trữ khẩn cấp rất lớn. Chúng tôi được thông báo rằng số dân tỵ nạn được nhận khoản Trợ cấp Cứu tế tạm thời chưa đến 50%; số dân nhận khoản Trợ cấp Tái Định cư chưa đến 25%’ và hoạt động của Ủy ban đặc biệt về người tỵ nạn gặp nhiều trở ngại nghiêm trọng do nhiều quan chức cấp tỉnh không quan tâm.”

Vị Phó Đại sứ tiếp tục đưa ra ý kiến nên có chế độ ưu tiên dành cho việc chuyên chở lương thực cho số dân chúng bị mất hết tài sản tại Vùng I.

Trong thư trả lời, bác sĩ Quế đã đổ trách nhiệm gây nên tình hình khủng hoảng này cho Lục quân Mỹ. Ngày 13 tháng 10, hãng thông tấn Mỹ UPI đưa tin bác sĩ Quế nói rằng trong một vài trại ở Vùng I “lương thực thiếu thốn trầm trọng và có nguy cơ sẽ xảy ra nạn đói nghiêm trọng”. Bản tin viết tiếp:

“Bác sĩ Quế phàn nàn rằng nhiều lúc ông chỉ được thông qua trước một ngày khi các cuộc hành quân của quân đội Mỹ đột nhiên gây ra hàng ngàn người tỵ nạn.

Ông nói ông không thể nào chuẩn bị kịp để tiếp nhận hàng 10.000 người một lúc mà chẳng được thông báo trước.

Ông nói trong năm nay có đến 14 cuộc hành quân, gây ra khoảng 300.000 người tỵ nạn.

“Chỉ đến lúc cuối cùng, có thể là trước một hoặc hai ngày tôi mới nhận được điện thoại: ‘Này ông Quế ơi, ngày mai, tại chỗ này, chỗ kia, sẽ có 10.000 người tỵ nạn cho ông đấy!’”.

Theo cuốn “Sổ tay Hoạt động Cứu trợ người tỵ nạn” áp dụng cho toàn quốc, có nêu rõ các quy chế xử lý vấn đề người bị mất hết tài sản ở Nam Việt Nam, tôi hiểu ra rằng từ ngữ “trợ cấp tạm thời” có nghĩa là khoản lương thực và tiền được sử dụng trong tình hình khẩn cấp đối với những người mới đến trại. Cuốn sổ tay nêu: “Mức chi trả Cứu trợ Tạm thời chính thức của nhà nước cho mỗi người tỵ nạn mỗi ngày là 10 đồng Việt Nam (khoảng 8 xu Mỹ), không phân biệt tuổi tác và dân tộc. Trợ cấp tạm thời có thể chi trả một lần bằng tiền hoặc một phần bằng tiền và một phần bằng gạo”. Tóm lại, theo ý kiến của Phó Đại Sứ Komer, trên 50% dân chúng trong các trại tỵ nạn tại Vùng I – với số lượng lên đến trên nửa triệu người - kể từ khi đến trại cho đến ngày 15 tháng 8, không được nhận lương thực của chính phủ Mỹ hoặc của chính phủ Sài Gòn. Nhờ có bức thư gửi đi, Vùng I mới nhận được một ít cứu trợ khẩn cấp. Nhưng từ giữa tháng 6, khi ông cố vấn Hobson viết thư cho đến cuối tháng 8, chỉ riêng ở Quảng Ngãi, số người mất hết tài sản do các cuộc hành quân đã tăng lên 31.888 người và cuộc khủng hoảng ngày càng nghiêm trọng. Để giảm bớt tình trạng thiếu thốn lương thực tại các trại huyện Đức Phổ, cứ một tuần vài ba lần, Lữ đoàn 3 của Sư đoàn 4 lại thu gom được nửa tấn thức ăn thừa trong các bếp ăn tập thể của binh lính và phân phối cho các trại gần đó.

Nói về dân chúng trong các trại, các quan chức Mỹ thường tránh né không đề cập đến chuyện làm như thế nào và lý do tại sao dân chúng lại mất hết của cải mà chỉ nêu là “người tỵ nạn mới này “ hoặc “tỵ nạn Cộng sản” hoặc “người thoát khỏi đô hộ Cộng sản”. Khẩu hiệu “hai triệu dân tỵ nạn đã bỏ phiếu bầu cho chính quyền Việt Nam Cộng hoà bằng đôi chân của mình”[*] đã trở thành một trong những câu nói sáo rỗng của cuộc

chiến, và Cơ quan Hoạt động Dân sự Mỹ (American Office of Civil Operations) đã đưa nhiều trại này trong báo cáo của họ vào danh sách “các thôn xóm được bảo đảm an ninh. Trong bản báo cáo tháng 8, ông cố vấn Hobson đã nêu vấn đề này bằng những lời lẽ khác:

[] Ý nói đi khỏi vùng do Mặt trận Giải phóng kiểm soát – ND.*

“Kể từ ngày 13/06/1967 đến nay, chúng tôi đã nhận được tất cả 31.888 dân tỵ nạn mới do kết quả trực tiếp của các cuộc hành quân của lực lượng đồng minh. Hầu hết số dân tỵ nạn mới này thực chất là số dân di tản. Mức tăng vọt dân tỵ nạn đã làm cho chính quyền Việt Nam Cộng hoà không còn khả năng giải quyết tình hình. Lúc gạo, hàng hoá Mỹ và tôn lợp thiếu thốn nghiêm trọng Chính quyền cấp vùng và trung ương ở Sài Gòn bị thúc bách phải giải quyết vấn đề tôn lợp nhà trước mùa mưa. Vào lúc này có khoảng 2.000 gia đình không có nhà ở thích hợp hoặc bất cứ loại lều lán nào.”

Bản báo cáo tháng 6 “Tình hình chung về dân tỵ nạn trong tỉnh” do chính quyền cấp tỉnh Việt Nam Cộng hoà soạn thảo đã phân loại 80.000 trong số 122.680 “dân tỵ nạn” thành “dân sống phân tán”, có nghĩa là họ không được cấp lều lán ở trong các trại. Bản báo cáo nêu còn có 122.680 dân ở trong hoặc xung quanh các trại đã được xây 573 nhà xí, 33 trường học và 27 trạm xá, tính trung bình là một nhà xí cho 214 người, một nhà trường cho 3.000 trẻ em (ước tính số trẻ em chiếm 2/3 số dân tỵ nạn) và một trạm xá cho 4.543 người. Các tiện nghi này lại không được phân bố đồng đều giữa các trại. Trong số 68 trại có 50 trại không có trường học, 46 trại không có nhà xí, 42 trại không có trạm xá. Trong số 573 nhà xí, có 471 ở trong các trại của Sơn Tịnh và số 102 nhà xí còn lại là của các huyện khác.

Trong số 68 trại, ước tính có khoảng 15% dân chúng là người khoẻ mạnh. Chỉ có một số ít việc làm cho phụ nữ, nhất là việc làm trong các căn cứ Mỹ. Một số phụ nữ làm nhân viên phục vụ trong các nhà ăn của binh lính và một số khác làm công việc đổ cát vào bao tải để xây dựng căn cứ phòng thủ. Những lao động nữ đều được trả lương. Thất cả hai căn cứ Đức Phổ và Chu Lai, tù binh cũng đổ cát vào các bao tải và phục vụ việc xây dựng căn cứ phòng thủ. Tại các căn cứ, hình ảnh rất thường gặp là một toán

phụ nữ đang lao động trên những cồn cát nóng, đổ cát vào đầy các bao và chuyên chở dưới trời nắng nóng trong khi một lính Mỹ ngồi gần cạnh mang theo một súng M-16; có một lần, tại căn cứ Chu Lai, người ta phát hiện một quả mìn nằm trong bức tường bao cát gần một kho đạn, bức tường bao cát này do một toán lao động trong số phụ nữ đã bị mất hết nhà cửa tài sản xây lên. Một số phụ nữ ở các trại tập trung đã trở thành gái mại dâm phục vụ cho lính Mỹ (một thị trấn nằm ngay sát trước cổng căn cứ Chu Lai bị coi là không an toàn nên lính Mỹ chỉ được vào các quán bar với gái điếm trong khoảng từ 8 giờ đến 11 giờ sáng). Số ít đàn ông còn có sức lao động có thể tìm một công việc tạm thời như đập đá trong căn cứ. Mọi công việc đều có người làm, tùy theo cách tuyển chọn lao động hàng ngày và tùy theo yêu cầu xây dựng của quân đội để tuyển mộ hoặc thải hồi công nhân. Một số ít khác đan rổ và làm các mặt hàng lưu niệm bán cho lính Mỹ. Tuy nhiên, tất cả các loại công việc này chỉ sử dụng nhiều nhất là vài trăm người. Số còn lại vẫn phải chịu cảnh thất nghiệp.

Các nhà ở điển hình trong các trại chủ yếu bao gồm các dãy lán dài xây dựng song song kiểu trại lính, không vách, không nền, chỉ có cột và mái tôn. Những người được xếp loại là “người sống phân tán” thì ngủ dưới các mái tranh có cọc chống, hoặc sống ngoài trời. Một vài người dựng lán bằng bìa cứng của các hộp giấy mang nhãn hiệu in sẵn lặp đi lặp lại nhiều lần. (Trên những bức tường làm bằng bìa cứng của những căn nhà này từ trên xuống dưới dày đặc những dòng chữ thường thấy trên các thùng khẩu phần lương thực của lính: “KHẨU PHẦN CHIẾN ĐẤU”, “KHẨU PHẦN CHIẾN ĐẤU”, “KHẨU PHẦN CHIẾN ĐẤU”). Vì dân chúng cần thực phẩm hơn nhà ở nên một số dân trong trại tập trung đem mái tôn được cấp đi bán cho dân ở thị xã Quảng Ngãi để lấy tiền mua gạo, mà giá gạo lại tăng lên ghê gớm do nhu cầu của các trại tăng lên đột xuất cùng lúc với mức sản xuất lương thực tại địa phương sụt giảm do đất đai bị bỏ hoang. Các quan chức cấp tỉnh và cấp huyện cũng lấy trộm tôn đem bán. Các phó chính ở thị xã Quảng Ngãi lấp lán các mái tôn mới do việc mua bán bất hợp pháp này. Chính những mái tôn mới này đã báo động cho các cố vấn Mỹ phụ trách công việc về ty nạn biết phần lớn số tôn đã không

được sử dụng vào việc làm lều trại cho dân chúng. Các trại được xây dựng tốt nhất là số trại có sự hợp tác của các quan chức Mỹ và Việt Nam được nhóm tín đồ giáo phái Cao Đài quản lý và ủng hộ thêm về tài chính. Như trong các trại khác, các trại này cũng được xây thành nhiều dãy thẳng hàng giống như trại lính, phân cách bằng những lối đi không trồng cây, nhưng nhà ở tại đây thường là các dãy tường vách đất khung tre và không ai phải nằm ngủ ngoài trời cả. Dân chúng trong các trại này, khác với trại khác, đã được chính phủ cấp một ít đất để canh tác.

Cuốn “Sổ tay Hoạt động Cứu trợ người tỵ nạn” nêu khái lược các thủ tục chuẩn mực mà các quan chức trong Vụ Tỵ nạn của Cơ quan Hoạt động Dân sự Mỹ ở Sài Gòn lập ra để giải quyết đời sống dân tỵ nạn trong các trại. Cuốn sổ tay đã vạch ra kế hoạch hai giai đoạn: Xây dựng Các trại tạm thời và Công cuộc Tái định cư. Phần I-B, Chương 3 của cuốn sổ tay thống kê một số tiện nghi “bắt buộc phải có” cho mỗi một trăm hộ dân trong các trại tạm thời là: 20 nhà xí, một lớp học và hai giếng nước chẳng hạn. Phần I-C cùng chương này cũng thống kê nhiều hoạt động trong trại tạm thời bao gồm “hoạt động tập thể, hành động công dân vụ và hoạt động dân sự, xây dựng tinh thần đoàn kết trong người tỵ nạn, giáo dục xu hướng dân chủ” và “dạy nghề” như Chương 4 với đầu đề “Tái định cư” lại nêu “Trong bất cứ trường hợp nào cũng không được phép xây dựng các trung tâm dạy nghề. Cần phải sắp xếp để tận dụng các nhà dân hoặc nhà của chính phủ để tránh hao phí ngân sách không cần thiết”. Phần II với đầu đề “Thủ tục Đăng ký dân tỵ nạn” yêu cầu phải có một chuyên viên lấy dấu vân tay và chụp hình “những người chưa được xác minh”. Phần IV, Chương 3 nêu rõ ràng số tiền cứu trợ tạm thời 10 đồng mỗi ngày có thể cấp luôn một tháng và có thể kéo dài thêm một tháng nữa trong trường hợp “tình hình tại địa phương còn thiếu an ninh hoặc việc xây dựng các trung tâm tái định cư chưa hoàn thành kịp thời”. Phần IV –B thống kê số dân chúng theo các loại sau đây để xét được hưởng cứu trợ tạm thời:

1. Dân tỵ nạn từ các vùng thiếu an ninh được tập trung trong các trại tạm thời.

2. Những người xin vào cư trú các trại tạm thời mà không phải là người địa phương phải được phỏng vấn về lý lịch và lý do rời khỏi quê quán mình. Phải thông qua một điện văn của tỉnh nguyên quán để nắm được các chi tiết chế độ cứu trợ trước đây để có thể nhận định và xử lý. Trong lúc chờ đợi, họ được chấp chỗ ở tạm thời tại một trại tỵ nạn và chỉ được trợ cấp dụng cụ sinh hoạt.

3. Thân nhân của lực lượng nông cốt và các thành viên Lực lượng dân vệ đến từ các vùng thiếu an ninh.

4. Thân nhân của các phần tử Việt Cộng cũng được xem xét vì lý do nhân đạo; tuy nhiên chính quyền địa phương cần phải theo dõi hoạt động đi lại của họ để đề phòng các hoạt động chống phá mà họ có thể gây ra.

Mặc dù tiền trả cho dân chúng trong các trại tạm thời dự kiến chỉ kéo dài nhiều nhất trong hai tháng, nhưng cuốn sổ tay cũng ghi rõ ở những nơi gọi là “các trại tạm thời cũ” có thể cần phải bổ sung thêm giếng nước và nhà xí.

Trong giai đoạn hai được ghi trong cuốn sổ tay có tên “Tái định cư”, dân chúng trong các trại tạm thời sẽ được coi là trở lại cuộc sống bình thường trong các làng mới là phải có công ăn việc làm, có nhà cửa thích đáng và được một hệ thống an ninh hữu hiệu bảo vệ chống lại ảnh hưởng của Việt Cộng. Sổ tay cũng nêu ra nhiều cách tái định cư. Trong mục “Trở về làng” là phương pháp tốt nhất được nói đến, cuốn sổ tay viết: “Đây là công thức tái định cư tốt nhất. Tuy nhiên, làng quê này cần phải được bình định hoàn toàn và bảo đảm tuyệt đối an ninh để loại trừ khả năng xảy ra một làn sóng di tản thứ hai”. Nếu người di tản từ các tỉnh khác đến, “tình chủ nhà” chỉ được cấp cho họ tiền trợ cấp tạm thời sau khi đã được tỉnh nguyên quán khẳng định “đúng là số người này muốn trốn chạy khỏi chế độ cộng sản”. Phương pháp định cư thứ hai được gọi là “Tái định cư trong các Trại Tạm thời”. Cuốn sổ tay ghi: “Nếu không có vị trí nào thuận lợi cho việc tái định cư trong một tỉnh hoặc thành phố tự trị nào đó, đây tỵ nạn sẽ được bố trí vào các trại tạm thời. Về vấn đề này, các căn nhà tạm thời mà họ hiện đang ở sẽ trở thành nhà riêng của họ và chính quyền địa phương không phải trả cho họ tiền trợ cấp nhà cửa tái định cư là 5.000 đồng”.

Chương 4, Phần II, Đoạn 2 xác định rõ là các địa điểm tái định cư phải đi lại dễ dàng bằng đường bộ và có nhiều tiềm năng hứa hẹn phát triển kinh tế.

Tại nhiều đoạn, cuốn sổ tay giải thích rõ dân chúng là nạn nhân của Việt Cộng cần phải được đối xử tốt hơn so với những người là nạn nhân do các cuộc hành quân của Mỹ hoặc do thiên tai. Chương 5 trong cuốn sổ tay nói về “cứu trợ tại hoạ” xác định rằng nếu có người nào trên mười tám tuổi bị Việt Cộng giết, gia đình người bị hại sẽ được nhận bốn ngàn đồng, nhưng nếu anh bị chết do những nguyên nhân khác, các khoản tiền sẽ được gộp lại dưới đề mục “chết do bất cẩn” và gia đình chỉ được nhận ba ngàn đồng. Ở cuối chương này, cuốn sổ tay ghi: “Trợ cấp nói trên chỉ áp dụng cho những người tỵ nạn đã nhận cứu trợ tạm thời hoặc đã được tái định cư hẳn trong thời gian dưới một năm. Quá thời hạn này, họ sẽ được coi là đã trở lại đời sống bình thường”.

Cuối tháng 8, tôi nói chuyện với ông Hobson, nhà quản lý – một người da đen có thân hình vạm vỡ, đã tốt nghiệp thạc sĩ về quản lý kinh doanh và, trước khi sang Việt Nam để làm cố vấn cấp tỉnh về người tỵ nạn, ông ta đã từng nhiều năm làm sĩ quan phụ trách ân xá tù nhân ở Mỹ và đã tham gia nhiều dự án thanh niên ở Háclem[*]. Ông bảo tôi:

[] Harlem: Nơi có nhiều dân da đen nghèo khổ sinh sống ở New York.*

- Kể từ ngày dân tỵ nạn đến đây, họ đã bị đối xử tồi tệ và chẳng hề được ai chú ý. Hiện nay có năm ngàn người sống không nhà. Lý do đơn giản là chúng ta chẳng có người và của cải để giúp họ. Tất nhiên đây là các trại tồi tệ nhất. Hai trại tốt nhất là do Phật giáo đỡ đầu. Hầu hết các trại đều có tình trạng là mười gia đình chen chúc nhau sống trong một diện tích dành cho một gia đình. Và chẳng ai có việc làm. 85% dân tỵ nạn là phụ nữ, trẻ em và người già. Nếu họ có chút ít đất nào để canh tác thì thường là đất xấu nhất, bởi vì đất của chính phủ thường là loại xấu nhất. Chúng tôi đã cố gắng tổ chức một lớp dạy nghề nhưng khó khăn cơ bản là ở chỗ này không phải là một nước công nghiệp nên rõ ràng là chẳng thể tìm ra công việc gì cho họ. Chúng ta không thể tách hơn mười hai vạn rưỡi nông dân ra khỏi

đồng ruộng của họ và trông chờ họ tự tìm được một cuộc sống khả dĩ xung quanh các thành phố. Trong cuộc hành quân ở thung lũng sông Vệ, lần đầu tiên chúng tôi có tiến hành chiến tranh tâm lý. Vì thế dân chúng cũng có một khái niệm mơ hồ về những gì sắp xảy ra, nhưng được như vậy chỉ là do chúng ta kiên trì vận động. Trước đó, họ chẳng biết gì cả. Họ chẳng hề biết tại sao họ bị bốc đi, họ sẽ đi đâu và những gì sẽ đến với họ. Anh sẽ không tin là tình hình ở đây có những mẫu thuẫn. Nếu tôi kể chuyện với dân chúng ở bên Mỹ, họ sẽ bảo là tôi nói dối. Và thực trạng tình hình mỗi nơi một khác. Chẳng có trại nào giống trại nào. Cũng chẳng có đợt hoạt động nào giống đợt hoạt động nào. Và từng đợt hoạt động lại tiến hành riêng lẻ với nhau... Lục quân đột ngột báo cho chúng ta biết sẽ có 5.000 dân tỵ nạn sẽ đến, không có tài sản và lương thực. Quả giống như là một buổi hoà nhạc mà từng nhạc công cứ tự mình chơi theo ý thích riêng – như thế thì anh có thể biết đó là loại nhạc gì rồi!

Sau đó, tôi được xem một tờ truyền đơn chiến tranh tâm lý đã rải xuống vùng thung lũng sông Vệ. Một mặt truyền đơn là tấm hình của hai vợ chồng, mỗi người bế một đứa con trai. Cả bốn người đang cười trước ống kính. Dòng chú thích viết: “Tôi, Trịnh Sử và gia đình đã được tái định cư tại trại tái định cư Nghĩa Hành, tại đây chúng tôi đã nhận đủ trợ cấp của chính phủ Việt Nam Cộng hoà. Tôi khuyên các bạn nên tuân theo các chỉ dẫn của quân đội Mỹ tại Nghĩa Hành và các bạn sẽ được sống an toàn như chúng tôi”. Mặt sau viết:

“Hỡi dân chúng ở thung lũng sông Vệ, chính phủ Việt Nam Cộng hoà kêu gọi các bạn hiện đang ở trong núi hãy xuống núi và đi về Nghĩa Hành. Tại đó, các bạn sẽ được chính phủ Việt Nam Cộng hoà và lực lượng đồng minh bảo vệ và chăm sóc. Bạn bè của các bạn dời đến Nghĩa Hành đã nhận được lương thực và thuốc men. Các bạn sẽ được an toàn tại Nghĩa Hành. Sẽ có nhà ở cho gia đình các bạn. Những ai trong số các bạn đang tìm cách ở lại vùng này sẽ bị coi là thù địch và sẽ gặp nguy hiểm.”

Cuối cùng, tôi đã nói chuyện với một trong số người đã thực hiện những tấm hình chụp để in vào truyền đơn. Đó là một anh binh nhì Mỹ cao trên 1,9 mét, người to, khoẻ. Anh ta nói:

- Chúng tôi đã phải nhẫn mặt làm trò hề để cho những người đứng chung quanh cười. Chúng tôi đã cố gắng làm cho một ông già tuổi sáu mươi mặt xấu xí bật cười nhưng ông lão chỉ đứng yên lặng, không hề nhếch mép, dù chúng tôi đã làm đủ trò. Nhưng rồi khi tôi leo lên một cái thang để chụp hình, tôi trượt chân té ngã, đến lúc ấy mới thấy lão già chết tiệt ấy bật cười!

Trước khi tôi ra về, ông Hobson giải thích cho tôi rằng một trong số những điều rắc rối nhất ông ta gặp phải là tìm xem loại thực phẩm nào thích hợp cho việc ăn uống trong các trại. Sau gạo, lương thực chính của hàng cứu trợ Mỹ là hạt mì. Tuy nhiên, ông Hobson đã phát hiện ra rằng dân chúng trong các trại, kể cả người đang bị đói, đều bán số mì này cho người nuôi heo, một phần vì họ không thích mùi vị cháo mì này nhưng chủ yếu vì họ thấy phải tốn quá nhiều củi để nấu. Ở đây củi rất hiếm, đặc biệt là tại các trại; và nếu sử dụng củi và cành cây tìm trong nhiều ngày chỉ để nấu một bữa cháo mì thì chắc chắn là họ sẽ phải nhịn đói trong nhiều ngày sau đó, giống như sử dụng gạo ăn cả tuần để nấu ăn trong một ngày. Ông Hobson nói:

- Người Mỹ khó có thể biết chính xác người Việt Nam muốn cái gì. Ví dụ khó có thể phân biệt một người giàu và một người nghèo. Cả hai đều không có máy giặt và nhà trang trí kiểu cách. Sự khác nhau có thể chỉ là chiếc xe máy để ở trước nhà. Do đó, lính Mỹ thấy người Việt Nam nào cũng nghèo.

Ông Hobson nói đến công lao của ông Tề, người trợ lý mà ông rất quý trọng, đã liên tục dạy cho ông về phong tục Việt Nam. Ông nói to như để cho cả tôi và ông Tề cùng nghe:

- Ông Tề đang cố công luyện cho tôi để một ngày nào đó tôi sẽ trở thành một người Việt Nam lịch thiệp thứ thiệt. Và việc đầu tiên cần giải quyết là tiếng cười. Tôi vốn là người hay cười to tiếng và ông Tề nói đó là vấn đề số một cần phải giải quyết. Nhưng ông phải là tôi, tôi phải trở thành một người lịch thiệp với tiếng cười to của tôi. – Nói xong, ông lại cười rõ to.

Trong câu chuyện giữa chúng tôi sau đó, ông nói:

- Tôi hỏi anh, nếu chúng ta không tranh thủ được lòng trung thành của dân tỵ nạn ngay trong các trại này, thì làm thế nào tranh thủ được con tim, khối óc của những người đang sống trong các thôn xóm ở một nơi xa xôi hẻo lánh nào đó. Các ngài sắp bực cứ muốn chuyển dân chúng hết nơi này sang nơi khác. Các vị ấy bảo: “Người miền núi phải biết sống ở đồng bằng, người nông dân phải biết sống ở thành thị”. Vấn đề rắc rối ở đây là các vị ấy không có con tim. Đơn giản chỉ là vấn đề họ không có con tim.

Tôi nói các số liệu về người tỵ nạn thống kê trong tỉnh cho thấy có hàng vạn người đã được “tái định cư”.

Ông Hobson giải thích rằng điều đó đã được làm theo các điều khoản ghi trong “Cuốn Sổ tay Hoạt động Cứu trợ người tỵ nạn” về việc “Tái định cư trong các Trại Tạm thời”. Ông nói:

- Mọi công việc tái định cư đó đều chỉ là trên giấy. Đáng lẽ chúng ta phải đưa cho mỗi gia đình năm ngàn đồng Việt Nam là khoản trợ cấp tái định cư để họ làm nhà mới. Nhưng những gì mà ta làm là nói: “Đúng rồi, chỗ chúng tôi làm nhà cho các anh hiện nay là lâu dài, đó là nhà của anh rồi, nên các anh không được nhận năm ngàn đồng nữa.” Một cách làm khác là cử đến đây một thông trưởng và đặt cho trại một cái tên. Thế là có thể coi đó là một làng hay xóm. Tất nhiên địa điểm này phải đạt một số tiêu chuẩn nào đó, nhưng cơ bản cũng chỉ là việc trên giấy. Như vậy có nghĩa là trại này đã tách ra khỏi tay của Ủy ban đặc biệt về người tỵ nạn và đã thuộc quyền quản lý của Bộ Phúc lợi Xã hội – mà rồi cũng là tôi...!

Ông Hobson lại cười to, một kiểu cười làm cho ông không thể trở thành một người Việt Nam lịch thiệp. Nhưng ông vội im lặng, rồi lắc đầu:

- Tôi không có đủ thời gian để xem họ từ đâu đến. Tất cả những gì mà tôi có thể làm được là tìm kiếm chút ít lương thực và tấm lợp nhà cho họ, nếu không thì coi như từ bấy đến nay họ chẳng được cấp gì cả.

Ngày 6 tháng 10, một bác sĩ người Anh đã làm việc tại bệnh viện dân sự Quảng Ngãi, bệnh viện duy nhất trong cả ba tỉnh này – trên ba năm đã viết một báo cáo rằng “điều kiện bảo đảm sức khỏe trong các trại rất khác nhau”, ông giải thích rằng:

“Các trại thành lập đã lâu năm có tốt hơn chút ít. Ở các trại này thường có một người tạm gọi là y tá, có nhà vệ sinh, có giếng nước. Nhưng bệnh tật, nạn đói và thiếu dinh dưỡng là phổ biến.

Ở các trại mới, tiện nghi cấp nước và vệ sinh kém, tiền ít, lương thực ít, nhà ở tồi tàn, rét lạnh và bệnh tật cũng là phổ biến.

Các trại mới lập gần đây: chỉ có lều tạm, không nhà ở, không lều bạt, phơi mưa nắng, không có nước, không nhà vệ sinh, không tiền, không lương thực, bệnh kiết lỵ, sốt rét, thiếu dinh dưỡng, viêm gan truyền nhiễm, dịch bệnh là chuyện xảy ra hàng ngày. Nhiều người chết, trung bình mỗi tuần hai, ba người, vì các nguyên nhân trên. Nay mùa mưa đã bắt đầu, tương lai trước mắt ở đây sẽ thật là khủng khiếp. Trong toàn tỉnh có khoảng 5.000 đến 10.000 trại thuộc loại này.”

6

Đầu năm 1967, các quan chức Mỹ ở Việt Nam – cả quân sự và chính trị - thường nêu quan điểm rằng “dòng người tỵ nạn” là một hậu quả bất hạnh nhưng không thể tránh khỏi khi muốn tiến hành các cuộc hành quân có hiệu quả. Đến tháng 8, phần lớn các quan chức đều tuyên bố việc di dời dân chúng ra khỏi quê hương bản quán của họ là một chiến thuật có giá trị trong cuộc chiến chống lại Mặt trận Dân tộc Giải phóng Giới quân nhân nói riêng, rất thích trích dẫn câu nói nổi tiếng của Mao Trạch Đông rằng trong cuộc chiến tranh du kích, quan hệ giữa du kích với dân như cá với nước. Họ lập luận rằng chỉ khi nào tát cạn nước mới có thể bắt được cá. Tôi đã nghe câu nói hình ảnh của Mao ít nhất năm lần tại Quảng Ngãi. Trong một bài báo dưới đầu đề “The cause in Vietnam is being won” (Công cuộc của chúng ta ở Việt Nam đang thắng lợi) trên tờ The New York Times Magazine số ra ngày 15/10/1967, Tướng Maxwell D. Taylor, nguyên Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân Mỹ và nguyên Đại sứ Mỹ tại Nam Việt Nam đã giải thích tính lô-gíc của việc kiểm soát dân chúng và tuy không nói đến các trại tập trung làm dẫn chứng, ông đã mô tả lợi thế của chính phủ Nam Việt Nam khi có khoảng từ ba đến bốn triệu dân ở trong và xung quanh các trại tập trung do chính phủ kiểm soát trong số khoảng mười bảy triệu dân trên toàn miền Nam:

“Trong những tháng gần đây, số dân thuộc quyền kiểm soát của Chính phủ đang tăng lên một cách đáng khích lệ ở vùng nông thôn là một chứng minh công cuộc bình định đang tiến bộ. Quả vậy, từ giữa năm 1965, số dân trong cùng nông thôn thuộc quyền kiểm soát của Chính phủ đã tăng lên khoảng ba triệu người. Trong số này, có khoảng 1.200.000 người đã tăng trong sáu tháng gần đây. Đồng thời, số dân chúng thuộc quyền kiểm soát của Việt Cộng đã giảm trên một triệu người kể từ năm 1965, số dân tăng

cho Chính phủ là ở các vùng tranh chấp. Trong năm ấy, ước tính có khoảng 26% dân chúng toàn miền Nam (kể cả trong các thành phố) thuộc quyền kiểm soát của Việt Cộng nhưng đến nay con số đó đã sụt xuống chỉ còn 14%. Nếu gộp cả các thành phố, tổng số dân thuộc quyền kiểm soát chặt chẽ của chính phủ Việt Nam Cộng hoà đã tăng lên từ 6,6 triệu giữa năm 1965 lên đến 10,8 triệu giữa năm 1967.

Dân chúng thoát khỏi vòng kiểm soát của Việt Cộng là một tài sản có giá trị hai mặt theo quan điểm của chúng ta. Không những họ thoát khỏi sự đô hộ hà khắc của Việt Cộng mà họ không còn là nguồn nhân lực hết sức cần thiết để hỗ trợ cho phong trào du kích. Thông thường Việt Cộng bắt buộc phải sống bám vào nông dân để lấy tân binh, dân công, lương thực và các hình thức hỗ trợ khác. Nếu không có sự hỗ trợ của nông dân, phong trào du kích địa phương có nguy cơ suy yếu và tiêu hao dần.”

Tôi gặp một trung tá trẻ tuổi người Mỹ tại quận Bình Sơn đang thất vọng trước tình hình đang diễn ra ở trong tỉnh, nhưng anh ta cho rằng tình trạng này sẽ được cải thiện nhiều nếu kế hoạch quy mô anh ta đã suy tính có thể thực hiện. Sau trên một năm nói chuyện với những người Việt Nam trình độ tiếng Anh còn kém, vị trung tá này đã phát triển một kiểu phát âm rất chậm rãi, cẩn thận chỉ dùng một số từ ngữ cơ bản tối thiểu. Kiểu nói này đã trở thành thói quen đến mức đôi khi nói chuyện với người Mỹ, anh ta vẫn nói theo cách ấy, đặc biệt khi muốn làm sáng tỏ những vấn đề khúc mắc. Anh chàng vừa nói chậm, vừa nhấn mạnh các từ ngữ và các thì trong văn phạm, vừa làm dấu hiệu giơ cao nắm đấm để thể hiện toàn tâm, toàn ý vào công việc. Đôi khi anh ta phải mất rất nhiều sức lực để giải thích một vấn đề về tương lai của tỉnh đến nỗi khi nói xong, anh ta phải thả mình ngồi phịch xuống chiếc ghế với một nụ cười mệt mỏi kiệt sức.

Hôm gặp viên trung tá, tôi được nghe buổi nói chuyện của anh ta với một quan sát viên của Bộ chỉ huy Bình định của Mỹ ở Sài Gòn đến để đánh giá “tiềm năng” của tỉnh về chương trình phát triển Cách mạng, một hoạt động của chính phủ Nam Việt Nam nhằm đối phó với chương trình giáo dục chính trị của Cộng sản.

- Ông xem đây! Việt Cộng kêu gọi sự ủng hộ của dân chúng. Chúng tổ chức dân chúng. Dân chúng rất năng động, rất tự giác. Nhưng dân chúng mà chúng ta tưởng là đứng về phía ta thực ra chỉ là những kẻ ngờ nghệch, chậm hiểu. – Anh ta nhăn mặt buồn bã và giơ cao bàn tay thành năm đấm ra phía trước, nói nhấn mạnh từng tiếng một. – Dân tỵ nạn ngồi chơi cả ngày, họ chẳng làm gì và chúng ta cũng chẳng làm gì để giải quyết tình hình này.

Rồi anh ta trình bày kế hoạch khái quát của mình để tái xây dựng.

- Chúng ta đã đưa họ ra khỏi nơi mà họ có thể sẽ bị giết. – Anh ngừng lại, mỉm cười và nói thêm. – Xin đừng hiểu nhầm tôi. Tôi không muốn họ phải chịu nhiều đau khổ hơn nữa. Họ đã chịu đựng đau khổ quá nhiều rồi, nhưng điều tôi muốn nói là chúng ta cần phải làm cho họ biết lý do tại sao họ phải ủng hộ chính phủ. Chúng ta cần làm cho họ có thêm động lực bản thân để tự mình bảo vệ lấy mình. Hiện nay họ chẳng có nghề nghiệp, nhà cửa hoặc bất cứ thứ gì có thể làm cho họ phấn khởi và tôi không trách tại sao họ lại thờ ơ. Hãy nhìn vào các trại. Bất cứ ai rồi cũng sẽ phải thờ ơ thôi.

Theo anh ta, yêu cầu đầu tiên cho việc tái thiết và xây dựng là phải có an ninh; và về vấn đề này, anh ta đã vạch ra một chương trình huấn luyện hoàn hảo rộng lớn cho thanh niên ở địa phương, bồi dưỡng cho họ một lòng tự tin và ý chí bảo vệ làng mạc chống lại Mặt trận Dân tộc giải phóng. Tiếp đó, các làng cần phải xây dựng lại về vật chất tốt nhất là để cho chính dân chúng tự làm. Anh ta nói:

- Người Việt Nam phải tự làm được điều đó. Chúng ta thường hay làm thay cho họ. Tôi biết cho trẻ kẹo quả là chuyện dễ dàng. Anh sẽ tự cảm thấy hài lòng với mình. Anh là nhất rồi. Nhưng với mỗi chiếc kẹo đó, anh đã làm cho trẻ mất lòng tin vào bố mẹ chúng vì bố mẹ chúng chẳng có tiền mua kẹo cho con. Rất nhiều lần tôi thấy người Mỹ đóng vai trò ông già Nô-en đi phát quà cho trẻ và cảm thấy ấm lòng, nhưng cái kiểu cách ấy làm hỏng trẻ con và làm cho người lớn mất cả lòng tự trọng. Giá chúng ta hiểu ra được vấn đề đó!

Phần tiếp theo của kế hoạch là việc thành lập một ban lãnh đạo hành chính dân chủ cấp làng, do dân bầu ra và đáp ứng được nguyện vọng của

dân. Cuối cùng, sự thay đổi lãnh đạo ở địa phương phải đồng thời tiến hành với việc loại trừ hoàn toàn nạn tham nhũng ở cấp tỉnh và bắt đầu tiến hành chuyển sang chính quyền dân sự trên quy mô toàn quốc. Tóm lại, viên trung tá này muốn tạo được một xã hội hùng mạnh, dân chủ, phồn vinh, hạnh phúc, hoàn toàn đổi mới và hăng hái ủng hộ một chính quyền hoàn toàn cải cách ở Nam Việt Nam.

Tôi chỉ cho viên trung tá thấy rằng khoảng 70% các làng trong tỉnh đã bị phá huỷ và hỏi liệu ông ta có thấy đó là một cản trở nghiêm trọng cho việc thực hiện kế hoạch hay không.

- Tôi biết chứ. – Anh ta trả lời. – Trên dải đất dài mười lăm cây số dọc bờ biển trong vùng hành quân của chúng ta, chỉ có hai làng là còn đứng vững và nếu có ai bảo còn có nhiều làng nữa thì chúng là bọn nói dối. Có một điều là người Việt Nam có thể xây dựng lại nhà của họ rất nhanh, chẳng có khó khăn gì lắm. – Rồi anh kiên nhẫn mô tả chi tiết các nhà tranh trước đây chiếm tỷ lệ 80% số nhà trong tỉnh đã được xây dựng như thế nào và nói tiếp. – Vấn đề là chúng ta phải thay đổi hình thái bố trí dân cư. Chính hình thái dân cư sống rất phân tán là điều kiện trước tiên cho Việt Cộng tồn tại. Do đó chúng ta không nhất thiết phải di chuyển dân về làng cũ của họ. Nếu chúng ta có thể thay đổi hình thái bố trí dân cư, đưa dân sống tập trung trong các khu vực có thể kiểm soát chặt chẽ hơn thì chúng ta có thể thiết lập được hệ thống phòng thủ và chính quyền có thể kiểm soát được dân chúng dễ dàng hơn. Đêm nào chúng ta cũng có thể kiểm tra được thẻ căn cước của họ và bằng cách này sẽ ngăn không cho Việt Cộng xâm nhập.

Sau khi viên trung tá nói hết ý kiến của mình, vị quan sát viên đến từ Sài Gòn nói ông ta muốn sống một ngày và ngủ qua đêm trong một làng của quận này cùng với người thông dịch để tự mình đánh giá liệu xem các điều kiện đã chín muồi cho một chương trình phát triển Cách mạng hay chưa và yêu cầu viên trung tá giới thiệu cho một làng. Lấy tay vỗ lên trán, viên trung tá cười to nhưng tỏ ra lo lắng nói:

- Ông không thể ngủ trong làng được đâu. Tôi không thể để cho ông làm chuyện đó. Chẳng có làng nào mà một người Mỹ có thể ngủ qua đêm

được cả.

Sau khi kết thúc cuộc hành quân Malheur II tại thung lũng sông Vê, Lữ đoàn 1 của Sư đoàn không vận 101 nhảy một bước nữa ra phía Bắc và mở cuộc hành quân Hood River tại thung lũng sông Trà Khúc. Họ hy vọng là sẽ chop được một đơn vị lớn quân địch bằng cách đổ quân xuống các đồi cao xung quanh thung lũng rồi quét xuống từ mọi phía. Nhưng cũng giống như hai cuộc hành quân trước, cuộc bao vây khép lại vào chỗ không người. Việc chạm trán lẻ tẻ với quân địch là thường xuyên trong các cuộc càn quét, nhưng lần này thì ít hơn thường lệ. Con số chính thức về quân địch bị giết trong hai tuần hành quân là 78 và con số thương vong Mỹ là chết: 3, bị thương: 38. Tuy nhiên, bộ binh, pháo binh và không quân yểm trợ cuộc hành quân đã phá huỷ hầu hết các làng trong thung lũng và các làng trên cánh đồng ven biển ở cửa sông.

Vào giữa tháng 8, lần đầu tiên tôi đến căn cứ Chu Lai ở phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam tỉnh Quảng Tín, lúc đó là Sở chỉ huy của lực lượng Đặc nhiệm Oregon. Tôi được viên sĩ quan trưởng phòng Thông tin của Lực lượng Đặc nhiệm, thiếu tá Patrick H. Dionne, thông báo ngắn gọn về lực lượng địch ở tỉnh Quảng Ngãi. Ông ta là một người to béo, bệ vệ, có bộ mặt luôn luôn tươi cười và cánh tay vươn dài ra bắt tay đón chào mỗi khi có ai vào phòng của ông, một kiểu chào mỗi khi có ai vào phòng của ông, một kiểu chào như muốn nói: “Chúng ta sẽ sống và làm việc hợp ý nhau!”. (Trong suốt thời gian ở Quảng Ngãi, tôi hoàn toàn được tự do muốn đến nơi nào cũng được và tôi còn được thiếu tá Dionne và các sĩ quan thông tin khác khuyến khích cùng bay với các máy bay kiểm soát phía trước và theo dõi các cuộc hành quân trên bộ càng nhiều càng tốt.)

- Chúng tôi ở đây để tuyên truyền cho dân chúng trong tình tin tưởng vào chính phủ Nam Việt Nam. – Thiếu tá Dionne nói. – Cái khó là dân không muốn nghe chúng ta tuyên truyền cho chính phủ Việt Nam Cộng hoà, do đó việc chúng ta thực sự đang làm là nhét cái chính phủ đó vào trong họng họ. Vùng này là của Việt Cộng kể từ thời Nhật, do đó thực sự là họ chưa bao giờ có một mối liên hệ nào với chính phủ. – Rút một tấm thẻ màu hồng ra khỏi tủ hồ sơ để tham khảo, anh ta nói tiếp – Có từ bảy trăm

ngàn đến một triệu người tại tỉnh Quảng Ngãi. Khoảng một nửa số này nằm dưới quyền kiểm soát của chính phủ Việt Nam và một phần tư theo Việt Cộng... Trong tỉnh có cả lính Việt Cộng địa phương và quân Bắc Việt. Sư đoàn 3 Bắc Việt đóng căn cứ tại huyện Đức Phổ.

Tôi hỏi gần đây có binh lính Bắc Việt xâm nhập vào miền Nam không. Thiếu tá Dionne đáp:

- Thực tế, số này là những người đã vào Nam từ năm 1954 rồi ở lại và tổ chức dân chúng địa phương để ủng hộ Hà Nội. Chúng ta có thể nói họ là những người theo miền Bắc đang sống ở bên này giới tuyến khu phi quân sự. Quân đội Bắc Việt Nam ở đây là Việt Minh cũ năm vùng. Họ có gia đình ở đây và thực tế họ chẳng có gì nhiều ở ngoài đó để khiến họ trở ra Bắc. Kế đó là Việt Cộng, gồm lính địa phương và quân chủ lực. Lính Việt Cộng địa phương sống tại gia và trang bị kém: mỗi tiểu đội có thể chỉ có hai súng trường và sáu quả lựu đạn nhưng từng Việt Cộng có động cơ chiến đấu rất cao và đảm trách công việc của một cán bộ chính trị. Ngược lại với quân Bắc Việt, lính Việt Cộng địa phương hoạt động đơn lẻ cùng với những người khác cũng đơn lẻ. Họ có lòng tin khá chắc chắn là họ sẽ thắng. Quân chủ lực có tổ chức thành đơn vị và thường xuyên di chuyển. Họ được trang bị tốt hơn.

Thiếu tá Dionne nói với tôi rằng những thành tích đáng tự hào nhất của Lực lượng Đặc nhiệm Oregon là việc khai thông Quốc lộ 1 cho giao thông hoạt động trở lại. Khi mới đến, lực lượng Đặc nhiệm nhận thấy Việt Cộng đã phá huỷ hầu hết các cầu trên Quốc lộ này. Công binh của Lực lượng Đặc nhiệm Oregon đã xây dựng lại các cầu và tổ chức một buổi lễ khánh thành long trọng để đưa vào sử dụng với sự có mặt của nhiều quan chức cấp cao của Lực lượng Đặc nhiệm và viên tỉnh trưởng. Hàng tuần các toán lính Mỹ thực hiện nhiều cuộc quét dò mìn và trung bình mỗi tuần phát hiện được hai quả. Xe đạp và xe máy bắt đầu đi lại giữa một số thành phố mặc dù có nhiều đoạn vẫn chưa sử dụng được.

Sau khi kết thúc cuộc hành quân Hood River, Lữ đoàn 1 của Sư đoàn Không vận 101 lại phải chuyển quân lên hướng Bắc và mở cuộc hành quân Benton ở vùng Nam của tỉnh Quảng Tín. Tôi bay trên thung lũng sông Trà

Khúc trong các máy bay FAC do không quân giao cho Lữ đoàn 1 của Sư đoàn không vận 101 trong hai ngày cuối cùng của cuộc hành quân Hood River.

Các phi công FAC có hai nhiệm vụ: Một là bay trên các khu vực được phân vùng cụ thể, đánh dấu những gì mà họ nghi vấn và lựa chọn các mục tiêu đề nghị không quân oanh kích. Các mục tiêu này không cần được xác định lại cho chính xác mà cứ thế cho đội bom luôn, trừ khi các mục tiêu này gần các đơn vị bạn hoặc các vùng cấm không được oanh tạc. Một vài phi công FAC ngày nào cũng bay trên một vùng nhất định trong nhiều đợt, mỗi đợt kéo dài nhiều tuần, nên từ trên máy bay, họ biết rất rõ những gì có trên thực địa như thể họ có bản đồ trong tay. Nhiều phi công khác sẽ được biên chế cho Lữ đoàn và sẽ bay yểm trợ cho Lữ đoàn trong mọi cuộc hành quân, bất cứ khi Lữ đoàn hoạt động ở đâu.

Nhiệm vụ thứ hai của phi công FAC là hướng dẫn các máy bay tiêm kích oanh tạc bay đến mục tiêu. Người phát ngôn của Không quân luôn thận trọng nhấn mạnh rằng phi công FAC không thể tự mình có quyền gọi cho các máy bay đánh bom vào bất cứ một mục tiêu nào, và trong mọi trường hợp, họ đều phải được phép của Lục quân. Trên thực tế, điều đó có nghĩa là khi một máy bay FAC phát hiện một mục tiêu mà họ muốn gọi oanh tạc, họ phải dùng bộ đàm để báo vị trí này cho Trung tâm Không yểm Trợ trực tiếp (DASC) của Vungf Quân đoàn và xin phi vụ tiêm kích oanh tạc trợ giúp, Trung tâm Không yểm Trợ trực tiếp sẽ cân nhắc mức độ cấp thiết so với các phi vụ yểm trợ khác vào lúc ấy để ra quyết định cho một số máy bay hạn chế đang bay trên trời hoặc đang ở “vị trí báo động trực chiến” ở sân bay sẵn sàng cất cánh ngay lập tức để đánh vào mục tiêu. Không quân chia các vụ oanh kích làm hai loại được gọi là oanh kích theo kế hoạch có chuẩn bị trước và oanh kích ngay lập tức. Oanh kích chuẩn bị trước được lên kế hoạch từ 24 giờ cho đến hai tuần trước khi thời gian thực hiện oanh kích, còn các cuộc oanh kích ngay lập tức được tiến hành nhiều nhất chỉ trong vòng vài giờ sau khi bộ binh hoặc máy bay FAC yêu cầu trong trường hợp họ phán đoán là đã phát hiện được mục tiêu địch.

Trong lúc nói chuyện với một phi công máy bay FAC, có lần tôi nói nhầm là “oanh kích theo kế hoạch” mà đúng ra phải nói “oanh kích theo kế hoạch chuẩn bị trước”, anh ta đã sửa lại ngay. Khi tôi hỏi sự khác nhau giữa các từ ngữ “oanh kích theo kế hoạch” và “oanh kích theo kế hoạch chuẩn bị trước”, viên phi công trả lời: “Mọi cuộc oanh tạc của chúng ta đều có kế hoạch cả. Chúng ta không có cuộc oanh kích nào không có kế hoạch”.

Tại căn cứ Không quân Đà Nẵng, một thiếu tá đã thông báo cho tôi vai trò của các phi công FAC ở Vùng I. Khi tôi hỏi loại mục tiêu nào thường bị oanh kích theo kế hoạch chuẩn bị trước, anh ta trả lời:

- Trong rừng núi, bất cứ vật gì chuyển động đều bị coi là Việt Cộng. Chúng ta đã đuổi hầu hết dân chúng ra khỏi khu vực nên những ai còn tiếp tục ở lại đều bị coi là Việt Cộng. Chẳng ai còn lý do gì phải ở lại đấy nữa. Chúng tôi oanh tạc các vùng căn cứ địch và các trung tâm nghỉ ngơi và dưỡng sức của Việt Cộng.

Lục quân muốn nói đến các trạm ngủ qua đêm dọc đường hành quân được coi là nơi V.C. nghỉ ngơi và dưỡng sức như các trung tâm an dưỡng của quân Mỹ ở các thủ đô nước ngoài như Bangkok, Tokyo, Sydney mà hàng năm, Lục quân vẫn thường gửi lính sang đó nghỉ một tuần.

- Phần lớn các hoạt động của chúng tôi đều ở đồng bằng. – Viên thiếu tá tiếp tục. – Tại đây, chúng tôi thường tấn công vào các hầm ngầm kiên cố và công sự phòng thủ. Việt Cộng ẩn nấp trong đấy và cũng cất giấu dự trữ hậu cần trong đó nữa. Tất nhiên, chúng tôi không thể đánh trúng hết mọi công sự. Chúng tôi còn đánh vào các làng có phòng thủ. Trong một số làng này, hệ thống hầm hào, công sự đào chằng chịt giống như trong Thế chiến thứ I, trông thật đáng kinh ngạc. Chúng ta đều biết các làng có phòng thủ này là căn cứ địch. Nhưng trước khi đánh một điểm nào, chúng tôi đều phải một toán Tâm lý chiến đến để báo trước cho dân làng chạy trốn. Trước kia, chúng tôi thường thông báo trước cho dân chúng bằng tờ rơi nhưng không hiệu quả mấy nên chúng tôi chuyển sang dùng loa gọi. Chúng tôi cho dân có khoảng ít nhất từ mười đến mười lăm phút để ra khỏi khu vực trước khi chúng tôi thực hiện cuộc oanh tạc. Nhưng chính các cuộc oanh tạc ngay lập tức lại cho kết quả tốt nhất. Đó là khi chúng tôi có con số để báo cáo người

chết vì máy bay oanh tạc (mà chúng tôi gọi tắt là K.B.A – Killed by Air). Tất nhiên quân địch ở ngoài trời, không ẩn nấp, là loại mục tiêu mà chúng tôi ưa thích nhất.

Tôi hỏi anh ta khi muốn xin phép oanh tạc thì phải làm gì.

- Trước tiên, chúng tôi kiểm tra khu vực xem có còn quân bạn không, tiếp đó là gửi yêu cầu lên Trung tâm Không yểm Trực tiếp, và yêu cầu này phải được viên tỉnh trưởng chấp thuận. – Anh ta nói. – Chúng tôi chưa bao giờ thực hiện một cuộc oanh tạc mà không xin phép tỉnh trưởng trước. Ông ta là người Việt, và ông ta biết tình hình địa phương nên phân tích đến cùng thì ông ta là người biết rõ ai là bạn và ai là thù. Và dù sao thì, đây là đất nước của họ, nên họ phải biết chuyện gì đang xảy ra.

(Sau này, tôi hỏi ông Hoàng Đình Thọ, tỉnh trưởng Quảng Tín về các bước cụ thể thường được sử dụng để bảo đảm việc cho phép oanh tạc được chính xác và biết rằng trước mỗi cuộc hành quân trong tỉnh, ông ta đã xác định một số vùng nhất định, điển hình là các vùng xung quanh huyện lỵ - là vùng không được phép oanh tạc, và cho phép các chỉ huy trưởng hành quân trên mặt đất được toàn quyền oanh tạc các vùng còn lại trong khu vực hành quân).

Viên thiếu tá giải thích rằng Không lực Việt Nam Cộng hoà có tổ chức riêng, tách biệt với Không lực Hoa Kỳ nhưng cùng cất cánh từ các căn cứ giống nhau. Không lực Việt Nam Cộng hoà sử dụng các máy bay tiêm kích oanh tạc A-1 cánh quạt yểm trợ cho Quân lực Việt Nam Cộng hoà – loại máy bay được Hải quân Mỹ sử dụng trong cuộc chiến tranh Triều Tiên.

- Không lực Việt Nam Cộng hoà có bộ phận FAC riêng của họ. – Viên thiếu tá bảo tôi. – Họ hoạt động theo kiểu chúng ta vẫn làm. Một nửa của căn cứ dành cho Không lực Việt Nam Cộng hoà và một nửa còn lại dành cho chúng ta.

Tôi hỏi máy bay FAC của Không lực Việt Nam Cộng hoà chủ yếu làm gì.

- Máy bay FAC của Không lực Việt Nam Cộng hoà thường theo dõi các đoàn xe. Họ khá bận rộn trong công việc này. Nhưng đó là công việc rất cần thiết. Không lực Việt Nam Cộng hoà dùng một phần sân bay Đà

Năng. Chúng ta xây dựng cho họ các tiện nghi thiết bị giống hệt như tiện nghi thiết bị của Mỹ, nhưng riêng biệt... Các tiện nghi thuận lợi, nhưng lính Việt Nam Cộng hoà không biết chăm sóc. Bây giờ anh hãy đến đây mà xem, đúng là một mớ hỗn độn. Anh có biết việc đầu tiên họ làm là gì không? Là tháo các vòi nước, đầu nối ống nước trong các phòng tắm đem ra chợ bán.

Tôi hỏi các máy bay FAC của Mỹ có hướng dẫn các máy bay tiêm kích- oanh tạc của Không lực Việt Nam Cộng hoà đánh vào mục tiêu không. Viên thiếu tá trả lời:

- Các máy bay cũ A-1 mà Không lực Việt Nam Cộng hoà đang dùng chậm hơn máy bay của Mỹ rất nhiều nhưng lại chính xác hơn nên họ không dùng máy bay FAC nào cho công việc ấy cả.

Tôi biết rằng các đề xuất về mục tiêu nêu ra cho các máy bay tiêm kích – oanh tạc của Mỹ chủ yếu do các chỉ huy mặt đất, các phi công FAC và các báo cáo của “nhân viên chỉ điểm” – tên gọi hầu hết các nguồn thông tin khác. Đôi khi một tỉnh trưởng cũng ra lệnh đốt cháy hoặc ném bom một làng. Mọi mục tiêu báo cáo cho Trung tâm Không yểm Trực tiếp đều thể hiện bằng toạ độ trên bản đồ quân sự và Trung tâm Không yểm Trực tiếp sẽ chuyển tiếp các toạ độ này cho phi công FAC đang hướng dẫn cuộc oanh tạc. Phi công FAC sẽ xác định vị trí mục tiêu trên một bản đồ tương tự mà anh ta mang theo trên máy bay. Các bản đồ đều có các vạch ngang dọc làm thành một lưới ô vuông. Các dòng ngang cách nhau 2 cách được đánh số từ 01 đến 99; các cột dọc cũng cách nhau và đánh số như vậy. Mỗi ô vuông do các dòng và cột tạo ra biểu thị một cây số vuông trên mặt đất. Các toạ độ đưa ra gồm sáu chữ số của nhóm ba số thứ nhất chỉ một đường vạch dọc và hai con số đầu của nhóm ba số thứ hai chỉ một đường vạch ngang. Con số thứ ba của nhóm số thứ nhất chỉ một khoảng cách tính bằng đơn vị trăm mét ở phía Đông của đường vạch dọc trên bản đồ và con số thứ ba của nhóm số thứ hai chỉ một khoảng cách tính bằng đơn vị trăm mét ở phía Bắc của đường vạch ngang trên bản đồ.

Tuy nhiên, các khoảng cách hàng trăm mét không được kẻ trên bản đồ nên viên phi công cần phải tự ước lượng 100 mét hay 300 mét – theo các

đường ngang dọc – dài đến đâu. Và thậm chí cả khi viên phi công có ước đoán chính xác đi nữa, khu vực nhỏ nhất mà anh ta có thể xác định theo hệ thống này vẫn là một ô vuông mỗi cạnh dài một trăm mét[*]. (Tất cả mọi điểm trong ô vuông mỗi cạnh một trăm mét ở phía Đông Bắc của toạ độ 691 873 như ví dụ nêu trên được chỉ định bằng chính toạ độ này). Trong khoảng 50% số phi vụ, Trung tâm Không yểm Trực tiếp có thể báo cho các phi công FAC biết được đặc điểm mô tả loại mục tiêu đã được xác định trong ô vuông mỗi cạnh một trăm mét bằng toạ độ. Một vài thuật ngữ mô tả được sử dụng chính thức như “hầm ngầm”, “cấu trúc quân sự” và “ấp địch” là để nói đến các mục tiêu đôi khi do máy bay có thể phát hiện được khi bay trên không, nhưng các cách mô tả khác như “vùng Việt Cộng nghỉ ngơi”, “nơi nghỉ ngơi là chỗ tập trung quân địch” và “đường thâm nhập của địch” phi công lại không thể nhìn thấy được từ trên máy bay, và trong các trường hợp đó, phi công phải dựa hoàn toàn vào các toạ độ. Một khi phi công đã tìm được vùng mục tiêu ở trên bản đồ, anh ta sẽ xác định vị trí trên thực địa bằng cách sử dụng các nét nổi bật của địa hình được thể hiện trên bản đồ làm điểm chuẩn tham chiếu; tại vùng núi, anh ta sẽ dựa vào các con sông, đường sá và làng mạc. Sau khi tìm thấy mục tiêu trên mặt đất, anh ta sẽ dùng điện đàm để chuyển các toạ độ cho máy bay tiêm kích oanh tạc khi bay đến mục tiêu. Ngay trước khi oanh kích, anh ta sẽ “đánh dấu” mục tiêu bằng cách bắn xuống một quả rốc két phốt-pho làm vọt lên một đám khói trắng rất dễ nhìn và gây cháy trên một vùng có đường kính khoảng hai mươi mét. Dựa vào vệt khói, các máy bay tiêm kích oanh tạc sẽ ném bom hoặc các thùng na-pan, phóng rốc két hoặc xả súng vào mục tiêu. Trong lúc đó, máy bay FAC lượn vòng tròn quanh đấy, quan sát cuộc oanh tạc và dùng bộ đàm thông báo cho các phi công máy bay tiêm kích oanh tạc biết điểm bị oanh kích còn lệch xa mục tiêu bao nhiêu.

[] Tức là diện tích 1 héc-ta. (Chú thích của người dịch)*

Thông thường có hai hoặc ba máy bay tiêm kích oanh tạc trong một phi vụ và mỗi máy bay đảo qua hai hoặc ba lần tùy thuộc vào loại vũ khí phi cơ mang theo. Khi oanh tạc xong, phi công FAC sẽ bay trên khu vực lần nữa để đánh giá thiệt hại rồi báo cáo cho Trung tâm Không yểm Trực

tiếp và cho các phi công tiêm kích oanh tạc. Bản báo cáo đánh giá thiệt hại này bao gồm tỷ lệ số “bom ném trúng mục tiêu” và tỷ lệ % “mục tiêu bị phá huỷ”. Phi công cũng sẽ báo cáo khi có bất cứ “cấu trúc quân sự nào bị phá huỷ”. Khi có bộ binh bạn ở trong khu vực gần mục tiêu, viên chỉ huy ở mặt đất sẽ dùng bộ đàm thông báo tọa độ vị trí quân của họ cho viên phi công FAC biết và viên phi công này chuyển tiếp cho các phi công tiêm kích oanh tạc. Viên phi công FAC cũng sẽ liên lạc với các chỉ huy pháo binh gần đó để nắm được đường đi của các viên đạn pháo đang bắn lúc đó để cho anh ta có thể tránh được. Một phi công FAC nói với tôi rằng cứ 20 phi công FAC thì có một bị giết chết trong năm 1966, nhưng anh ta giải thích rằng anh ta và đồng đội cảm thấy ít sợ hơn với lính trên mặt đất. Trên máy bay, anh chẳng biết lúc nào anh bị bắn cho đến khi có một viên đạn đến sát gần máy bay hoặc thực tế đã bắn trúng máy bay. Và anh ta mô tả viên đạn bay sát gần gây ra tiếng xoẹt như có ai vừa đóng nắp hộp đựng tàn thuốc ở ghế sau trên xe hơi. Bản thân các phi công máy bay tiêm kích oanh tạc không thể xác định được mục tiêu. Một phi công máy bay tiêm kích oanh tạc đóng tại Đà Nẵng nói với tôi:

- Chúng tôi thường bay nhanh 500 – 600 km/giờ nên không thể nhìn thấy gì nhiều. Tôi đã bay trên 100 phi vụ và tôi chưa bao giờ nhìn thấy một xác người hay một con người nào. Thực tế, tôi không thể nhìn thấy một cử động nào trên mặt đất. Phi công FAC mới thực giỏi. Còn chúng tôi chỉ chuyên đi ném bom mà thôi.

Vào tháng 8, Lữ đoàn 1 của sư đoàn 101 được biên chế sáu phi công FAC. Trong cuộc hành quân Malheur I và Malheur II, họ đã bay ra ngoài Đức Phổ, nhưng vì Lữ đoàn này chuyển dịch ra hướng Bắc để tiến hành hai cuộc hành quân Hood River và Benton, các phi công FAC cũng chuyển căn cứ hành quân ra Bắc Chu Lai. Trong khi Lữ đoàn tiến hành cuộc hành quân, các phi công này luôn luôn duy trì một máy bay trên vùng hành quân từ sáng tới chiều. Mỗi phi công thường bay theo kíp ba giờ bay mỗi ngày, mặc dù đôi khi do yêu cầu khẩn cấp, mỗi máy bay có thể làm theo kíp sáu giờ. Từ ngày 10 đến 21 tháng 8, hầu như ngày nào tôi cũng bay với các phi công biệt phái cho Lữ Đoàn 1 này, cùng ăn ở tại căn cứ của họ.

Ngày 10 tháng 8, hôm trước ngày cuối cùng của cuộc hành quân Hood River, tôi đã bay từ sáng sớm với một phi công người Texas. Anh ta có bộ mặt nhỏ và khỗ người gầy, tuổi khoảng ba mươi. Tôi sẽ gọi anh ta là đại úy Reese. Chiếc máy bay FAC tiêu chuẩn là một chiếc Cessna O-1, với hai chỗ ngồi, một phía trước và một phía sau; có một cánh quạt và bốn ống đựng rốc két phốt-pho đặt dưới cánh, mỗi bên hai chiếc. Nó có thể bay chậm với tốc độ 60-70km/giờ và có thể bay vòng cua rất hẹp mỗi khi phi công muốn nhìn kỹ một khu đất nhỏ trong một lúc khá lâu. Trước khi leo lên máy bay, đại úy Reese mang lên người chiếc áo giáp, chiếc mũ bảo hiểm, một khẩu tiểu liên và một bộ trang bị tự mưu sinh – hai trang bị sau là để sử dụng phòng khi máy bay bị bắn, buộc phải hạ cánh khẩn cấp và phải sống trong rừng. Trên đường bay, nơi các máy bay đỗ giữa các tấm sắt bảo vệ chống các mảnh văng của đạn cối hoặc rốc két, có ba thợ cơ khí không mặc áo đang ngồi chơi, chờ đợi tiếp dầu hay sửa chữa động cơ cho máy O-1. Trái với nội quy, đôi khi các phi công để cho thợ cơ khí leo cả vào ghế phi công và lái máy bay lăn trên một đoạn đường nhựa dài gần năm mươi mét giữa trạm xăng và các bức tường bảo vệ.

Ngay trước khi máy bay của chúng tôi đi ra đường băng, một trong những thợ cơ khí đang kéo các chốt bảo hiểm ra khỏi các ống đựng rốc két ở hai bên cánh lên tiếng hỏi đại úy Reese:

- Ông có oanh kích mục tiêu nào hôm nay không, thưa ông đại úy?
- Tôi không biết. – Đại úy Reese trả lời.

Thợ cơ khí thường hỏi các phi công về các phi vụ của họ nhưng ít khi nhận được câu trả lời cụ thể. Trong gần suốt ngày, thợ cơ khí ngồi trên các hộp gỗ xung quanh chiếc tủ lạnh giải khát trên có một miếng vải bạt làm mái che. Họ đọc đi đọc lại các số báo cũ của tờ Stars anh Stripes, lật đi lật lại để đến hàng trăm lần các tờ tạp chí Sir! Và Escapade đã bị dấu tay dầu mỡ bôi lem. Cách nơi có bóng râm bé xíu mà họ đang ngồi là một khoảng sân nhựa rộng, nóng nực, với những tấm tôn lượn sóng, lấp lánh dưới nắng và các máy bay. Một phần công việc của họ là lắp ráp các quả rốc két phốt-pho và gắn chúng dưới cánh của máy bay FAC. Các quả rốc két dài gần một mét, gồm có ba đoạn mà thợ cơ khí phải vít vào với nhau.

Có lần tôi hỏi một thợ cơ khí vừa bỏ xuống sân nhựa một thùng bốn quả rốc két rằng nếu tung rốc két lên trời và cho rơi xuống đường băng thì nó có thể nổ không. Anh ta nhặt một đoạn của quả rốc két có giá trị chữ “Đầu đạn”, đưa nó lên cao khoảng 1,5 mét và nói:

- Nó sẽ nổ nếu tôi thả cho rơi từ đây. Nếu rơi vào anh, nó sẽ thiêu cháy anh liền mấy ngày và ngọn lửa không thể nào dập tắt được. Để dập lửa, anh phải dùng một loại hoá chất đặc biệt chúng tôi để trong lán đằng kia.

Thợ cơ khí không biết gì về các cuộc hành quân mà máy bay phải yểm trợ mãi cho đến bốn năm ngày sau, khi “Bản tin” của Lực lượng Đặc nhiệm Oregon đến tay họ và họ có thể đọc các mẫu tin như “Các đơn vị Bộ binh đã tiến hành một cuộc tấn công ba mũi và trận đánh diệt được bốn mươi tư địch, nâng tổng số xác đếm được lên sáu mươi lăm trong hoạt động ở vùng phía Bắc Đức Phổ”, hay “Lính bộ binh không vận đã phát hiện hai quả mìn Trung Quốc khi sục tìm quân địch trong rừng rậm ở Tây thị xã Quảng Ngãi, một người bị trúng đạn sau lưng đã bị bắt và đã được trao cho các nhà chức trách. Lính dù thu được ba vũ khí của địch và một tấn rười gạo”.

Thình thoảng, một anh thợ cơ khí nào đó có thể nghe phi công FAC kể lại ít nhiều mẫu tin về hoạt động đang xảy ra nhưng thông thường, thợ cơ khí chỉ bơm xăng vào máy bay, nhìn xem chúng cất cánh rồi biến mất trên bầu trời, đọc lại các tờ báo cũ và lắng tai nghe tiếng bom rền cả ngày bên kia rặng núi.

Khi đại úy Reese và tôi thắt các dây bảo hiểm vào ghế, một thợ trẻ vẩy tay ra hiệu cho chúng tôi đi vào một đường băng phụ. Đại úy Reese phải chờ một máy bay tiêm kích-oanh tạc F-4 cất cánh trước chúng tôi. Chiếc F-4 loang lổ màu sơn nguy trang xanh và nâu, thân hình nặng nề như con cá mập, đôi cánh ngắn cùn, các cánh đuôi chếch xuôi nghiêng và chiếc mũi đen chúi xuống vừa cất cánh khỏi đường băng vượt qua trước mũi máy bay chúng tôi. Trong máy giây, tiếng gầm rú của động cơ làm váng cả đầu và đánh bật hết mọi suy nghĩ. Trong khoảng mười lăm giây, ánh lửa xanh có ngọn màu da cam dần dần tan biến khi máy bay kéo lên một góc gần như thẳng đứng.

Đại úy Reese cho máy bay đi vào đường băng và chiếc máy bay nhỏ bé của chúng tôi cất cánh khỏi mặt sân sỏi nhựa sau khi chỉ chạy hơn 90 mét trên đường băng dài hơn ba cây số, vươn dài quá tầm mắt của chúng tôi nhưng một đường cao tốc trên sa mạc. Ngay khi máy bay rời khỏi mặt đất, viên đại úy quay máy bay về hướng Tây Nam rồi bay vọt lên đến hơn bốn trăm năm mươi mét. Theo quy định, các phi công FAC không được phép bay dưới độ cao này, nhưng họ hầu hết thường phá bỏ quy định và đôi khi họ còn bay thấp xuống tận ba mươi mét. (“Ngay khi được nghe quy định này, tôi biết đó là một trong những quy định làm ra để chẳng có ai chấp hành”, một phi công FAC nói với tôi như thế. “Không ai nhìn thấy được người dưới đất khi bay cao ba trăm mét. Không thể thấy gì hết rừ khi anh bay thấp hơn”). Đại úy Reese cho chiếc máy bay O-1 bay trên các đồng lúa bỏ hoang màu nâu và các làng bị thiêu rụi chỉ còn tro màu đen trong vùng Tây của huyện Sơn Tịnh. Bầu trời phủ đầy mây xám, nặng nề, u ám.

Lấy bộ tai nghe và một micro gắn cho người ngồi ghế sau sử dụng, tôi choàng lên đầu và hỏi đại úy Reese xem phi công thường phải tìm loại mục tiêu nào phổ biến nhất và mục tiêu của phi vụ này là gì.

Nói qua chiếc micro nhỏ bằng hạt đậu nằm ở cuối vòng sắt ôm lấy chiếc mũ bảo hiểm sát đến tận miệng, đại úy Reese trả lời:

- Ồ, thông thường chúng tôi đánh một căn cứ Việt Cộng, đốt trụi một làng hoặc đánh vào một kho hậu cần. Hôm nay, chúng tôi sẽ đánh vào một địa điểm được nghi là nơi tập trung địch tại toạ độ 324 733. (Tất cả các chữ số toạ độ trong thiên phóng sự này đều đã thay đổi).

Tôi hỏi việc ném bom mục tiêu này đã được quyết định ra sao.

- Tôi không biết. Có một nhân viên chỉ điểm nào đó báo tin này hoặc dựa theo một nguồn nào đó, tôi đoán thế. – Anh ta nói.

Chúng tôi vượt qua một rặng đồi nhỏ rồi bay ra thung lũng sông Trà khúc. Các ruộng lúa có màu xanh nhạt, các khu rừng trên các sườn núi có màu xanh đậm dưới bầu trời đang tối dần vì sắp mưa. Về phía Tây mấy dặm, thung lũng biến dần vào trong núi. Từ những đám mây đen, những màn mưa bắt đầu rơi xuống mặt đất, có nhiều màn mưa khác cũng đang trút xuống biển Đông. Không khí dưới các đám mây trong suốt một các lại

thường, chúng tôi có thể thấy rõ những đỉnh núi màu xanh lơ rất xa về phía Tây sau những dãy núi nhỏ ở gần hơn. Đường phân cách biển và trời bị xoá nhoà trong một màu xám đồng nhất và một hòn đảo lớn màu xanh hiện ra rất rõ cách bờ hai mươi cây số hoặc hơn như đang trôi trên bầu trời. Những đỉnh núi thấp ở phía Bắc và Nam của thung lũng đã bị trọc hết cây và đen kịt. Đại úy Reese giải thích rằng máy bay Mỹ thường ném bom và nã súng dự dội vào các đỉnh núi và thường gây cháy rừng để tiêu diệt bất cứ ai còn ở đó trước khi cho quân đổ bộ xuống. Trong thung lũng, các hố bom đủ mọi kích cỡ chen chúc nhau trên các ruộng lúa. Từ dưới thung lũng, năm sáu cột khói thẳng đứng đang bay lên. Quân Mỹ đang đốt những túp nhà lá.

- Đây là một căn cứ vững chắc của Việt Cộng.

Đại úy Reese nói với tôi. Anh ta bay vòng xuống thấp hơn để nhìn cho rõ. Trong khu vực này của thung lũng, nhiều cụm nhà dựng rải rác cách xa nhau dưới rặng cây dọc một con suối nhỏ. Binh lính lội qua ruộng lúa, đi vào một cái sân có ba ngôi nhà bao quanh. Một phút sau, binh lính lại xuất hiện trên đám ruộng phía bên kia sân, một ngọn lửa bắt đầu lan rộng từ mái một ngôi nhà đang các nhà bên và chẳng mấy chốc, cả ba ngôi nhà đều đổ sụp trong đồng lửa bốc cháy dữ dội. Đại úy Reese đưa máy bay lên độ cao 450 mét như cũ và lại hướng về phía Tây Nam, đến vùng mục tiêu của anh ta. Từ trên cao nhìn xuống mặt đất, chúng tôi thấy rải rác đó đây các ô vuông xám, dấu vết con lại của các ngôi làng mới bị đốt. Đại úy Reese, dựa theo các toạ độ đã xác định, đã tìm thấy ô vuông rộng mỗi chiều 100 mét bao gồm một rừng cây và một khe suối nằm ở lưng chừng một ngọn núi cao khoảng 900 mét. Phía bên kia của khe núi là các dãy nương trồng cây lương thực trải dài trên dốc núi.

- Họ muốn chúng ta đánh bom vào khe núi. – Đại úy Reese nói. – Đó là mục tiêu.

Đến 8 giờ 45 phút, chỉ huy trưởng tốp ba máy bay F-4 điện đàm cho biết họ đã bay trên vùng mục tiêu.

- Hãy cho tôi biết anh có những loại bom gì và cả các thức gác nữa, đại loại như vậy. – Viên đại úy hỏi.

- Chúng tôi có sáu quả na-pan, sau quả bom 750 pound và sáu quả 250 pound*. Có thể sử dụng được không? – Viên chỉ huy trưởng đáp và hỏi lại.

* Đơn vị đo lường của Anh, Mỹ 1 pound = 0454 kg. Ở đây chỉ loại bom 340 kg và 113 kg.

- Chúng ta có thể dùng tất cả. Tôi sẽ đánh dấu mục tiêu cho anh. – Viên đại úy trả lời.

Trong suốt cuộc oanh tạc, các phi công trao đổi với nhau một cách thoải mái, vui vẻ và với một giọng ngang bè bè, khi đi qua các bộ tai nghe cài trên đầu thì chuyển thành giọng mũi nghe nghèn nghẹt.

Đại úy Reese phát hiện ba chiếc F-4 qua chiếc vòm trong suốt của khoang lái khi chúng bay cắt ngang qua dưới các đám mây ở trên đầu chúng tôi. Lái chiếc máy bay trên mục tiêu, Reese nhào thẳng xuống và kéo cần để phóng ra một quả rốc két phốt-pho lấp trong chiếc ống nằm dưới cánh. Quả rốc két không phát cháy. “Đồ khỉ gió! Hôm nay nó tịt ngòi”, anh ta nói. Viên phi công lại bay vòng lại, lại nhào thẳng xuống lần nữa và lại kéo cần để phóng tiếp một quả rốc két lần thứ hai, quả này cũng không nổ. Trong lần lượn vòng tiếp sau đó, anh ta ném một quả lựu đạn khói qua cửa sổ và nó cũng không nổ. Reese lại ném thêm ba quả lựu đạn nữa trong các vòng bay sau và tất cả lại cũng tịt ngòi. Quả thứ năm phát ra một tia khói kéo dài từ máy bay xuống đỉnh núi rồi ngay một tia khói kéo dài từ máy bay xuống đỉnh núi rồi ngay sau đó, một vòm khói trắng xuất hiện trên các lùm cây.

- Tôi muốn đánh ngay và thung lũng này. Anh có thể bay vào từ hướng Đông và bay ra hướng Tây.

Đại úy Reese nói với chỉ huy trưởng phi vụ, rồi bắt đầu bay một vòng tròn cua gấp cách mục tiêu chỉ vài trăm mét. Khi chiếc O-1 kết thúc bay vòng tròn thứ hai, viên đại úy nhìn theo chiếc F-4 đi đầu đang bổ nhào xuống khe núi. Những trái bom lao chéo xuống đất và rơi vào khu rừng. Một làn sóng chấn động mạnh từ nơi chạm nổ lan nhanh ra xung quanh và một đám khói nâu vọt lên hàng trăm mét trên khu rừng. Chiếc F-4 kéo cần bay một vòng cua gấp để lộ cho chúng tôi thấy bụng nó đầy những bom gắn dưới hai chiếc cánh ngắn cùn.

- Trúng rồi! – Viên đại úy reo lên. – Đúng là khu đó! Lần sau cố gắng đánh địch xuống năm mươi mét về phía Nam, ở dưới thung lũng.

Chiếc máy bay tiếp theo nhào xuống thả bom từ một góc tương tự.

- Tốt lắm! – Viên đại úy nói.

Chiếc máy bay thứ ba liên tiếp phóng xuống hai ống màu trắng bạc đựng na-pan, và na-pan cũng rơi vào rừng cây. Một cột khói đen với một cột lửa dày đặc màu da cam nóng bỏng phun trùm lên rừng cây rồi bắn tung toé một thứ chất lỏng sền sệt gây cháy lan ra khắp rừng. Hai quả tiếp cũng là bom na-pan và chúng rơi vào sườn đồi. Sau lần thả bom na-pan thứ ba, viên chỉ huy trưởng hỏi:

- Anh có muốn thả nhiều xuống khe núi không?

- Có chứ, cứ ném thẳng xuống khe núi!

Ba lần bay vòng tiếp theo đã trút bom xuống khe núi, khói nâu bay lên mù mịt. Đến đây, cuộc oanh kích kết thúc và viên đại úy bay trở lại trên vùng mục tiêu. Nhiều hố rộng màu nâu hiện ra với cây cối gãy nát nằm la liệt khắp rừng. Những giọt na-pan vẫn còn đốt cháy từng vạt trên mặt đất và các cành cây. Ở đáy khe núi, hai quả bom rơi thẳng xuống một con suối. Phía trên những lùm cây, một đàn chim bay sát cánh vào nhau đang hoảng hốt lượn vòng quanh. Một quả bom đã rơi xuống phần nương rẫy bên khe núi.

- Tôi chẳng thấy gì cả. – Viên đại úy nói với tôi, giọng mệt mỏi. Sau đó, anh ta báo cáo với viên chỉ huy phi đội:

- 100% bom đã rơi trúng vùng mục tiêu, 50% diện tích mục tiêu bị trúng bom. Xin cảm ơn ông. Tôi chưa quan sát trước khu vực này và hình như kết quả chưa được tốt lắm.

- Không hề gì. – Chỉ huy trưởng phi đội nói.

Trong suốt cuộc oanh tạc này, cũng như trong hầu hết các cuộc oanh tạc mà tôi đi theo, viên phi công FAC và viên chỉ huy trưởng phi đội luôn trao đổi với nhau một cách nhã nhặn, hầu như rất khiêm tốn.

Tôi hỏi viên đại úy ai đã trông trọt các nương rẫy này.

- Đó là kiểu canh tác của người Thượng. Anh sẽ phải ngạc nhiên khi thấy những nơi họ làm nương rẫy. – Anh ta trả lời.

Đại úy Reese lái máy bay trở về theo hướng Đông trên thung lũng sông Trà khúc. Dãy nhà bốc khói dọc theo con sông lúc này đã dài khoảng một cây số rồi ngoặt xa con sông để đi vào cánh đồng, nơi có hai ngôi nhà đang bốc cháy, đánh dấu nơi các đơn vị bộ binh tiên tiêu đã đến. Viên đại úy thất không cần thiết nói chuyện với viên chỉ huy phi đội nữa nên quay sang lắng nghe các mẫu chuyện đang trao đổi trên mặt đất. Thông tin vô tuyệt điện giữa các đơn vị mặt đất đập vào tai chúng tôi giữa những tiếng nổ loạt xoạt của súng nhiều trong khí quyển.

“Chúng tôi bắt được một Việt Cộng, nhưng chúng tôi chưa lấy cung”, có tiếng ai nói.

“Hắn có mang vũ khí không?”, có tiếng hỏi.

“Hắn mặc quần áo bà ba đen, kiểu ống ngắn, nhưng không có vũ khí”, người thứ nhất trả lời. “Có khả năng hắn đang giấu ở đâu đó. Chúng tôi bắt được hắn cách nơi chúng ta ở đêm qua bốn trăm mét về phía Nam.”

Viên đại úy nói với tôi:

- Ngày hôm nay, có năm Việt Cộng chạy vào một cái hầm rồi bắn trả chúng tôi và cả nhóm đã bị diệt. Tất cả các làng chung quanh đều có hố cá nhân và công sự ngầm. Nơi này hoàn toàn thân Việt Cộng hoặc do Việt Cộng kiểm soát.

Nhìn xuống dưới máy bay, các làn khói từ các ngôi nhà đang cháy ở trong thung lũng đã trộn lẫn với nhau làm thành một màn mây mù mỏng trôi dần về phía Đông.

Tôi tranh thủ thời gian tạm ngừng nói chuyện để hỏi về chủ trương ném bom, nghĩa là chủ trương ném bom các làng xã mà anh ta, với tư cách là một phi công FAC, đã giúp tiến hành.

- Chúng tôi có hai loại oanh kích: oanh kích theo kế hoạch chuẩn bị trước và oanh kích ngay lập tức. – Anh ta trả lời. – Oanh kích theo kế hoạch chuẩn bị trước là khi chúng tôi nói với dân: “Được rồi, các người đã tỏ ra không tốt với chúng tôi đã hai, ba tháng nay rồi và chúng tôi không thể đợi cho đến khi các người trở thành người tốt được, nên chúng tôi phải quét sạch các người đi. Chúng tôi ra thời hạn cho các người phải ra khỏi vùng này trong vòng 24 tiếng đồng hồ”. Thông thường chúng tôi cho họ 24

giờ. Đó là oanh kích theo kế hoạch chuẩn bị trước. Còn lại oanh kích ngay lập tức nữa. Này nhé, khi có một đơn vị Lục quân ở gần làng và họ bị súng trong làng bắn, họ sẽ nói: “Được rồi, dân chúng các người phải ngừng tiếng súng ngay nếu không chúng tôi sẽ đánh các người ngay bây giờ”. Tất nhiên đó là trường hợp mà hầu hết mọi người trong làng đều ủng hộ Việt Cộng. Dân làng không cần được thông báo sẽ có oanh kích khi chúng tôi đang bay làm nhiệm vụ hợp đồng tác chiến trong cuộc hành quân như chúng ta đang làm bây giờ.

Trong khi đang nói chuyện, chúng tôi đã bay đến cửa ngõ thung lũng, nơi con sông chảy ra cánh đồng dọc bờ biển. Tại đây, khói cũng đang bay lên dọc theo một con đường và nhiều nhà đang bốc cháy. Những dòng khói đang lan ra hướng Tây, về phía Lữ đoàn 1 của Sư đoàn 101 khi họ đang di chuyển về phía Đông, đi đến đâu họ đốt nhà đến đó.

- Bọn đang đốt các túp lều dưới kia là Lực lượng phòng vệ Dân sự. – Đại úy Reese nói. – Họ là người Thượng do Lực lượng Đặc biệt Mỹ đào tạo.

Một con đường cái duy nhất chạy dọc theo chiều dài thung lũng, uốn lượn theo dòng sông. Giữa các làng đang bị Lực lượng Phòng vệ Dân sự đốt và các làng bị Lữ đoàn 1 đốt, con đường ken đặc gia súc và người dân đang gánh đồ đạc trên vai. Gần con đường, một trại lực lượng Đặc biệt Mỹ cắm trên đỉnh trọc một quả đồi tròn, quả đồi duy nhất trong lòng thung lũng, nhìn xuống một ngôi làng lớn nhà cửa chen nhau trong một khoảng đất vuông có công sự bao quanh. Viên đại úy nói đó có thể là một ấp “tân sinh” và vì vậy không bị tiêu hủy.

Khi chúng tôi lại quay về hướng Tây, tôi hỏi anh ta về các nhiệm vụ không thám và làm thế nào mà anh ta phân biệt được đâu là các lán và lối mòn của địch sử dụng và đâu là các ngôi nhà và đường đi của dân chúng.

- Phải tìm cho thấy những sự thay đổi, một cái gì khác biệt. – Anh ta nói. – Thông thường, chúng ta bay cao gần 500 mét để tìm các lối mòn, những dây cây và những lều lán. Hình như một sự thật hiển nhiên là mọi vật nằm ở chỗ trống là thân thiện, do vậy những gì anh thấy ẩn nấp dưới rặng cây thì có thể nghi ngờ là không thân thiện bởi vì có thể đó là Việt

Cộng. Chúng tôi báo cáo mục tiêu khi thấy các ngôi nhà tranh nằm ẩn dưới các hàng cây.

Tôi chỉ ra rằng, trừ trường hợp ở các ấp “tân sinh”, còn hầu hết các nhà dân đều thường xây dựng dưới bóng những rặng cây.

- Đúng, dân chúng xây nhà dưới rặng cây. Nhưng ở vùng quê này, khi ta thấy có một ngôi nhà không có ruộng rẫy chung quanh thì có thể đó là nhà của Việt Cộng. Cũng có thể đó là một kho gạo.

Tôi hỏi ai sống trên núi.

- Là người Thượng nhưng cũng có nhiều người Kinh. Hầu hết dân chúng đã bị đưa ra khỏi núi, do đó chẳng ai còn có việc gì ở đây nữa, trừ Việt Cộng. Ngay cả người Thượng cũng hợp tác với Việt Cộng, chúng tôi cũng sục tìm các lối mòn lên tận trên các ngọn núi.

Tôi đã thấy nhiều ngọn đồi trở thành nương rẫy và hầu hết đều bằng nhện lối mòn, vì vậy tôi hỏi viên đại úy những lối mòn này.

- Tôi phải nhìn thật kỹ các lối mòn này. – Viên đại úy trả lời. – Nếu có người đi qua đám nương nào thì cỏ bị rạp xuống.

Tôi hỏi liệu có thể từ trên máy bay thấy được cỏ vừa mới rạp xuống không.

-Ồ! Có chứ, có thể khẳng định như vậy. – Anh ta nói.

Trung tâm Không yểm Trực tiếp gọi để báo có tốp hai máy bay không sử dụng hết bom trong trận oanh kích trước và hiện đang tìm một mục tiêu để sử dụng hết số bom còn lại, do đó Trung tâm Không yểm Trực tiếp gợi ý đại úy Reese tìm mục tiêu thứ hai.

Để đến mục tiêu thứ hai này, chúng tôi bay về hướng Nam và bay qua một dãy núi cao khoảng hơn 300 mét rồi đến một thung lũng nhỏ từ lâu không người trồng trọt, nơi đây các thửa ruộng bậc thang đã thành hoang dại, những nền nhà thì cỏ cây đã mọc lấp đi một nửa. Khắp cả thung lũng những hố bom B.52 chẳng chịt làm thành bốn đường thẳng, mỗi đường dài gần hai cây số. Một dãy hố bom của một trận oanh kích bắt đầu từ đường sống núi trên phía Bắc của thung lũng rồi chạy qua các nương rẫy và một con suối, đi thẳng về phía Nam ngọn đồi và mất hút dần. Các tọa độ biểu

thị một ở vuông mỗi chiều một trăm mét trong dải rừng ở phía Nam ngọn đồi.

- Chúng tôi sắp đánh vào nơi quân ta đã sục vào cách đây một tuần. – Đại úy Reese nói. – Họ đã phát hiện vài ngôi nhà và đã đốt sạch. Và sáng hôm qua, một phi công FAC phát hiện thấy có ít khói bốc lên ở đây nữa, do đó chúng tôi sẽ phải oanh tạc.

Rồi nhìn vào bảng điều khiển, anh ta kêu lên:

- Chết thật, tôi quên kéo chốt an toàn của quả rốc két! Đó là lý do tại sao chúng không nổ. – Dừng một lát, anh ta tiếp tục. – Anh có thể thấy là trước đây, họ đã đánh mục tiêu này rồi.

Reese muốn nói đến chục hố bom và những vệt nâu đen do bom napan tung toé làm rừng cây ở trong khu vực mục tiêu cháy lỗ chỗ. Anh ta giải thích:

- Đó là một căn cứ Việt Cộng. Mục tiêu này đã có đánh số rồi. Tất cả các vùng căn cứ V. C đều có mang số cả.

Các máy bay F-4 dành cho cuộc oanh tạc lần thứ hai đã bay trên thung lũng và điện đàm rằng, gộp tất cả lại, họ đang mang theo sáu quả 500 pound (220 kg) và bốn ống rốc két, mỗi ống 19 quả. Đại úy Reese cho chiếc máy bay O-1 nhào xuống và một tiếng nổ kim khí rất đanh khi quả rốc két phốt-pho phóng ra từ cánh phải máy bay của chúng tôi. Tiếp đó, xuất hiện một cột khói trắng bay lên từ khu rừng. Viên đại úy chỉ dẫn cho chỉ huy trưởng phi đội F-4 phải ném bom phía Tây cột khói 40 mét. Hai quả bom ném xuống trong vòng bay đầu tiên đã đánh vào phía Đông cột khói 100 mét. Các quả bom ném xuống trong vòng bay thứ hai đã rơi vào phía Đông cách 50 mét và trong vòng bay thứ ba và lần cuối, các quả bom đã rơi vào trong vòng 30 mét cách cột khói trắng. Cuộc oanh tạc tiếp tục với bốn đợt rốc két, mỗi đợt rải ra trên một chiều dài từ sáu mươi đến bảy mươi mét rừng, bốc lên các cuộc khói nâu. Các rốc két đều trúng mục tiêu hoặc trong vòng ba mươi mét.

Sau đó, đại úy Reese lái máy bay O-1 lao xuống và bay lượn vòng trên các hố bom để quan sát thiệt hại. Bên cạnh một hố bom trong rừng cây, anh ta thấy một đồng đố nát mà anh ta là tàn tích của một chiếc lán và trong

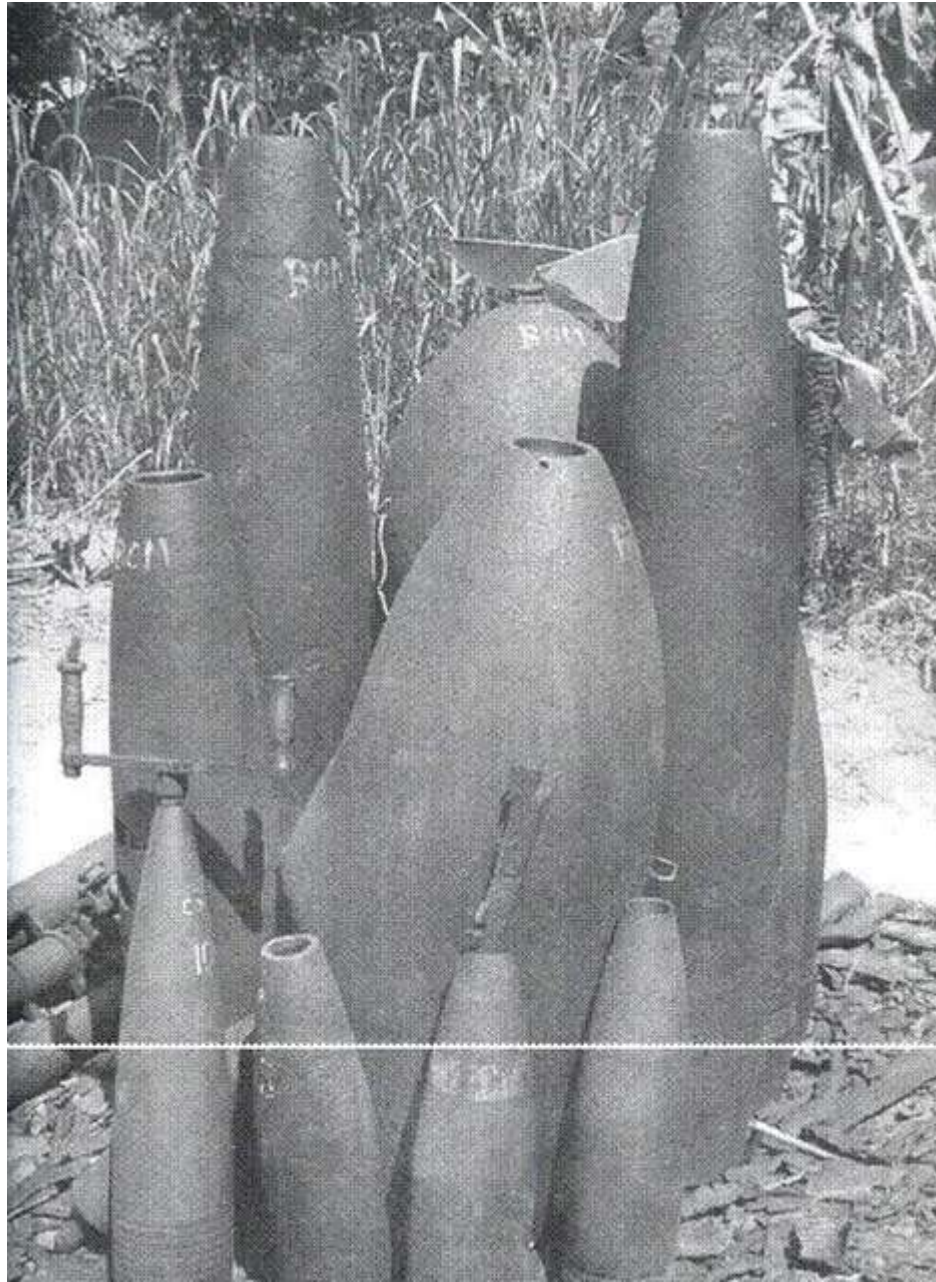
Bản báo cáo đánh giá thiệt hại ném bom, anh ta ghi là một “Cấu trúc Quân sự bị phá huỷ”. Đến 11 giờ, anh ta bay trở về Chu Lai.

Căn cứ Chu Lai đã mở rộng rất nhiều kể từ ngày thành lập năm 1965, đến tháng 8 năm 1967, chiều dài của nó lên đến khoảng mười sáu cây số và chiều rộng tám cây số, chiếm một trong những dải bãi biển có thể xếp vào loại đẹp nhất thế giới. Một bãi biển rộng cát trắng tinh chạy theo chiều dài căn cứ có hình hơi cong lưỡn liềm và nước biển Đông trong suốt một màu xanh lơ, ngay cả trong những ngày nhiều mây. Trên nhiều đoạn bờ biển, những đợt sóng ấm áp đều đặn cuộn lăn tăn vào bờ qua các dải cát; một ngọn núi nằm xa ngoài biển khơi. Vùng đất bị chiếm làm căn cứ trước kia rất đông dân cư. Một mũi đất đôi dôi ra biển dài gần năm cây số tạo thành chỏm phía Bắc của căn cứ trước kia vốn là một vùng chen chúc nhiều làng chài. Khi tiến hành mở rộng căn cứ, nhiều truyền đơn đã thả xuống các làng, loan báo các làng sẽ bị phá bỏ để lấy chỗ xây dựng căn cứ. (Các tập hồ sơ của Lính thủy đánh bộ và Lực lượng Đặc nhiệm Oregon có lưu các loại truyền đơn này). Dân chúng phải di dời, các làng bị san ủi sạch và người Mỹ xây dựng căn cứ trên dải đất đã biến thành trơ trụi này.

Sau khi hạ cánh, đại úy Reese lái ngay xe Jeep đi về Sở chỉ huy. Chuyến đi dài 20 phút từ sân đỗ của máy bay FAC đến Sở chỉ huy Lực lượng Đặc nhiệm Oregon qua những khu đất đầy cát bụi dài nhiều cây số đã được san ủi, đó đây lác đác những nhà chứa hàng, kho đạn và trạm sửa chữa, rồi sau đó chạy dọc theo bờ biển khoảng gần hai cây số. Trời vẫn còn u ám, đầy mây và bờ biển không có bóng người. Những vỏ lon bia vứt vương vãi trên bãi cát xung quanh các mái nhà bạt đơn sơ chống đỡ bằng các khung sắt, cũng là mái che chỗ ăn tối ngoài trời. (Khi mặt trời lặn, trên mặt sóng biển thường thấy các đầu người nhô lên và nhiều người lướt sóng trên các đệm hơi, trên bờ biển vẫn còn nhiều người lính nước da rám nắng mặc quần soóc tắm). Vượt qua bãi biển, con đường tiếp tục leo lên một ngọn đồi đến mũi đất nhô ra biển lờm chờm đá ở chót phía Bắc của căn cứ. Lên đến đỉnh mũi đất, đại úy Reese cho xe vòng qua phải và lái vào khu nhà chỉ huy của Lực lượng Đặc nhiệm Oregon. Ở giữa một sân duyệt binh đầy đất bụi với xung quanh là các trại lính thấp mái tôn, phát phơ hai lá cơ

Mỹ và Nam Việt Nam (cờ ba sọc đỏ ngang trên nền vàng) treo cùng một độ cao chính xác ngang nhau trên hai cột cờ đứng kề nhau. Hai miếu nhỏ thờ Phật cao khoảng ba mét tường sơn rực rỡ có trang trí chữ Hán cũng còn trên sân duyệt binh. Đó là vết tích duy nhất còn lại của các làng Việt Nam đã từng một thời tồn tại nơi đây.

Đại úy Reese ăn bữa trưa nhẹ rồi đi về trại làm một giấc ngủ dài. Vào bất cứ giờ nào trong ngày sau mười một giờ trưa, chúng ta cũng thấy hai hay ba trong số sáu phi công nằm dang rộng tay chân trên giường, đang ngủ bên làn gió mát nhẹ của chiếc quạt điện. Các phi công thay phiên nhau trực trực tại phòng kiểm soát trung tâm, ở trong một trại lính rên sân duyệt binh. Phòng kiểm soát này giữ liên lạc thường xuyên với Trung tâm Không yểm Trực tiếp và các phi công FAC đang bay trên trời. Mặc dù các phi công này không bao giờ bay sau khi trời tối, nhưng một trong số bọn họ vẫn phải trực ở phòng kiểm soát này để giúp giám sát các cuộc ném bom tiến hành ban đêm và giúp hiệp đồng các chuyến bay đêm của máy bay AC-47 (vốn là máy bay DC-3 chuyển thành máy bay quân sự với tên gọi là Spooky) làm nhiệm vụ chi viện hỏa lực cho bộ binh trên mặt đất. Vào những đêm chiến sự trên mặt đất đặc biệt căng thẳng, một phi công phải trực suốt đêm rồi ngủ bù cả ngày hôm sau.



Trừ khi các phi công FAC đang bay phi vụ, còn thì sinh hoạt của họ hoàn toàn khép kín trong căn cứ. Rất có thể một phi công làm nhiệm vụ này tròn một năm mà chưa hề nói chuyện với một người Việt Nam nào hoặc chưa hề đặt chân lên một làng hoặc một thành phố nào ngoài Sài Gòn. Ngoại trừ các chuyến đi nghỉ ngơi và dưỡng sức ở các thành phố nước ngoài và các chuyến đi trên các máy bay FAC đến căn cứ Đà Nẵng để mua bia và nước giải khát, thường gọi là “chạy sục mua xô-đa”, cuộc đời của

các phi công chỉ xoay quanh các phi vụ, trại lính, phòng kiểm soát trung tâm, nhà ăn, quán bả và nhà hát trong các câu lạc bộ sĩ quan.

Doanh trại phi công FAC là một trong nhiều dãy nhà mái tôn với các tường bao, có lưới chống muỗi ở nửa phía trên. Các trại lính được chia thành ba gian, mỗi gian bốn giường và các giường được ngăn cách bằng các tủ đứng cao, bằng kim loại để đựng quần áo. Nhiều phi công đã trang trí tường bằng những hình ảnh cắt từ tạp chí Playboy ra hàng tháng. Trên tường cạnh giường một viên thiếu tá, có bức hình to của Hoa hậu tháng 5/1967 đang đứng trên boong tàu dưới nắng, mặc chiếc áo sơ mi hồng không cài khuy lẫn át cả hơn mười chiếc hình nhỏ của vợ viên thiếu tá, trong đó có một hình chụp bà mặc bộ đồ tắm, hai tay chống nạnh, đứng trên bờ biển và hình đứa con trai tám tuổi đang đứng bên bờ hồ, tay cầm một con cá nhỏ đưa lên trước ống kính. Trên bàn của viên thiếu tá là một bình thuốc diệt côn trùng, một tập san Reader's Digest tóm tắt các cuốn sách, một lon Pepsi-Cola, một quả bóng ten-nít, mười viên đạn và miếng gỗ chạm một nắm tay to bằng thật, với ngón tay giữa trở lên. Người Việt Nam không có cử chỉ trở ngón giữa lên và loại điêu khắc này được làm ra chủ yếu dành cho lính Mỹ đi tìm kiếm mua vật kỷ niệm ở Việt Nam.

Đôi khi, các phi công trẻ chơi trò phóng phi tiêu lên một tấm bảng treo trên cửa và bọn họ cũng chơi cờ Monopoly[*]. Một chiếc tủ lạnh chứa đầy bia và nước giải khát. Vì trời nóng, hầu hết phi công uống ít nhất hai lon bia hoặc nước giải khát mỗi ngày. Mỗi người phải tự giác bỏ mười lăm xu vào một chiếc hộp làm quỹ công cộng đặt phía sau tủ lạnh mỗi khi uống xong. Nhưng có ai đó hình như không thật tin vào chế độ tự giác, nên đã tìm cách chỉnh sửa lại một phần cách thức này bằng cách dán trước tủ lạnh một tờ giấy có đầy đủ tên mọi người và những ai uống phải tự đánh dấu số lần uống và ghi số tiền anh ta đã bỏ vào thùng.

[] Monopoly: Một loại cờ của Mỹ chơi trò mua bán đường phố, nhà ở, khách sạn. (Chú thích của người dịch)*

Ở phòng điều khiển trung tâm và ở những nơi khác có phi công tụ tập, luôn luôn có một không khí hài hước nhẹ nhàng và thân thiện. Một người đang đứng chơi quanh đấy nói đùa với một người khác một cách uể oải:

“Quả là đẹp, một cuộc chiến tranh đẹp!”. Người thứ hai nói: “Đây là cuộc chiến tranh duy nhất bây giờ chúng ta mới gặp phải”. Bỗng một phi công FAC bước vào phòng đang có nhiều phi công đồng nghiệp và nói: “Đây là các phi công FAC cần cù chăm chỉ của chúng ta”. Anh ta nói với cái giọng không có ý muốn nói là có ai trong số này làm việc cần cù chăm chỉ mà cũng chẳng có ý muốn nói không có ai là không cần cù chăm chỉ.

Theo cung cách này, có thể nói các phi công FAC ít khi nói chuyện trực tiếp về chiến tranh nhưng cũng chẳng bao giờ không nghĩ đến chủ đề này. Tôi nghĩ kiểu cách thoải mái trong những câu chuyện hài hước phản ánh đúng việc họ lựa chọn biểu tượng của phi đoàn là con chó Snoopy trong truyện tranh hài hước của họa sĩ Charles Schulz mô tả một con chó luôn mơ tưởng mình là phi công anh hùng nổi tiếng trong Thế chiến thứ nhất. Phía ngoài cửa của phòng điều khiển trung tâm, hình ảnh phác họa con chó Snoopy mang đôi kính to bự và chiếc khăn quàng kéo dài lê thê đang lái cỗ nhào chiếc máy bay vận tải hai tầng cách thời Thế chiến thứ nhất. Bức tranh hoạt hình vẽ các quả bom nổ tung ở phía dưới máy bay. (Trên bức tường của phòng điều khiển trung tâm Đức Phổ có một bức tranh to vẽ con chó Snoopy kèm theo ô ghi lời con chó nói: “Đồ Việt Cộng chết tiệt!”. Bản tin của Lực lượng Đặc nhiệm Oregon số nào cũng đăng một đoạn truyện tranh về con chó Snoopy và các phi công của Phi đoàn 20 Không trợ Chiến thuật tại Đà Nẵng thường dùng loại danh thiếp vẽ hình con chó Snoopy trên chiếc máy bay hai tầng cảnh đang bắn súng máy. Trên tường của văn phòng phi đoàn là bức tranh màu cỡ lớn vẽ một lính Mỹ đang buồn rầu bước đi trong một trại tù binh. Phía dưới bức tranh có ghi lời thề của phi công Mỹ không khai báo cho địch những thông tin mà luật quốc tế không đòi hỏi phải khai. Các phi công thường xuyên bay trên bầu trời Bắc Việt Nam đã lấy bút chì vẽ thêm bộ râu và ria mép lên bộ mặt nghiêm nghị ngoan đạo của anh tù binh Mỹ bị bắt.)

Tại câu lạc bộ sĩ quan Chu Lai dành cho Lực lượng Đặc nhiệm Oregon, giá hàng giải khát là hai mươi xu mỗi cốc và các phi công thường uống ba, bốn cốc mỗi buổi tối trước khi ăn. Một phi công nhận xét: “Với giá cả rẻ như vậy anh không thể không uống”. Vào tối ngày 10 tháng 8, các

phi công FAC lái xe đến nhà ăn của Lính thủy đánh bộ, nhà ăn được ưa chuộng nhất trong số nhà ăn tại căn cứ. Tại đây có phục vụ thịt dăm-bông, sườn, đùi heo, thịt gà. Tất cả đều được nấu đúng cách bảo đảm ngon miệng nhất như bữa ăn phụ vụ tài xế xe tải trên xa lộ tại Mỹ và anh ăn tùy ý thích bao nhiêu cũng được. Một số sĩ quan Đại Hàn ngồi tùm tùm với nhau quanh mấy bàn ăn. Phần đông số này đều thích đi nghỉ ngơi dưỡng sức tại một căn cứ Mỹ như ở Chu Lai, nơi họ được phép ăn trong các nhà ăn sĩ quan Mỹ, mua sắm hàng hoá trong các căng-tin của quân đội Mỹ và bơi trên bãi biển an toàn của căn cứ.

Câu chuyện trong bữa ăn thường xoay quanh các vấn đề đời sống phi công. Thường thường, các phi công trao đổi với nhau về những chuyện xảy ra trong ngày, đôi khi chê bai hoặc khen ngợi mức độ chuẩn xác của một số phi vụ máy bay ném bom. Họ bám khá sát các vấn đề hàng ngày và các vấn đề kỹ thuật của các phi vụ ném bom, ví dụ như oanh tạc ở độ cao nào là tốt nhất và làm thế nào biết được khi đã cắt bom mà bom không rơi. Tối nay, họ thảo luận về một sự kiện: một phi công phát hiện thấy một người trên mặt đất đang tìm cách trốn chạy vào một lùm cây để tránh bị phát hiện nên phi công ấy cho rằng đó là một công việc và đã gọi máy bay đánh bom vào lùm cây này. Bản thân sự kiện này tuy là chuyện thường ngày xảy ra nhưng sự kiện này lại có một nét bất bình thường: viên phi công FAC này đã bay vượt ra ngoài vùng trách nhiệm được giao và những quả bom ấy suýt giết chết máy lính Mỹ ở gần đấy.

Một phi công khác nói anh ta cũng phát hiện thấy một Việt Cộng và sau đó đã gọi một máy bay đánh vào rừng cây nơi hẩn biến mất.

Tôi hỏi anh ta làm thế nào để có thể biết đó là một lính Việt Cộng.

- À, thề này nhé, trông dáng đi của hẩn có vẻ hiên ngang, bước chân nhấc cao giống như cách đi của một người lính thực thụ chứ không phải như của người nông dân thường bước kéo lê đôi chân. – Viên phi công trả lời.

Trong suốt thời gian tôi sống với các phi công FAC, họ chưa bao giờ bàn bạc về tình hình cuộc chiến, họ cũng không thể hiện sự căm thù kẻ địch. Họ trao đổi nhiều về chuyện lương bổng, phụ cấp, họ phàn nàn sự trì

trệ trong thủ tục hành chánh về chuyện đề bạt, chuyện đi nghỉ ngơi và dưỡng sức ở thành phố nào thì thích hơn (phụ nữ Thái có hình dáng đẹp; ở Hồng Kông quần áo, trang bị điện tử và máy quay phim vừa tốt, vừa rẻ). Các phi công cười phá lên khi đọc tờ tin cho biết binh lính trước các chuyến đi nghỉ ngơi dưỡng sức sẽ được dạy về bệnh hoa liễu và cách làm thế nào để nhận biết khi mắc phải loại bệnh này. Các quân chủng Mỹ thường có thái độ dễ dãi đối với những binh lính hay đi các nhà chứa ở Việt Nam và ở các thành phố châu Á trong các chuyến đi nghỉ. Ở Hồng Kông, ngay mới gần đây, Lục quân sử dụng một gái điếm người Hoa lai Bồ Đào Nha, nói tạm được tiếng Anh, để giới thiệu cho binh lính cách thức tìm gái mại dâm trong các quán bar để tránh không xảy ra đánh nhau hoặc bị lừa. Điều này nhằm giảm bớt các vụ binh lính bị “chém đẹp” về tiền hoặc không hiểu ý muốn của các cô gái. Các phi công nói nhiều về điều kiện sống và thực phẩm ở các căn cứ khác. Có lần, trong một bữa ăn tối, đại úy Reese tham gia vào một cuộc thảo luận dài về các món ăn với một phi công khác và khi ăn một đĩa thịt dăm-bông, anh đã mô tả chi tiết về một bữa ăn thịt gà tại Đức Phổ...

Trong khi trò chuyện với nhau, tôi chưa bao giờ thấy các phi công nói về Việt Cộng với giọng tức giận nhưng họ lại tỏ ra khinh thường Lục quân so với Không quân, họ gọi lính Lục quân là “bọn bộ binh”. Cảm giác của họ đối với Lục quân na ná như cảm giác của nhóm cầu thủ trong các câu lạc bộ hay sinh viên trong một trường đại học đối với các đối thủ đang ganh đua với mình, nhưng đôi khi họ cảm thấy cay cú vượt quá mức ganh đua thân hữu. Một phi công nói với tôi:

- Bọn lính Lục quân đôi khi không quan tâm đến nhiệm vụ của chúng tôi là gì, miễn là bọn họ yêu cầu được một cuộc oanh tạc. Nếu như trường hợp tôi thì tôi sẽ không đưa lính của tôi đi làm một nhiệm vụ bất khả thi để phải lao vào chỗ chết như vậy. Còn tôi, tôi cũng phải có trách nhiệm với Không quân và tôi phải nghĩ đến sự an toàn của Không quân chứ. Đôi khi đó là một vấn đề khó, bởi vì trong những trường hợp như thế thì anh phải dám nhìn thẳng vào mặt chỉ huy và nói: “Không thể, thưa ngài, tôi không thể làm việc đó được”.

Tôi lấy làm ngạc nhiên về mức độ căng thẳng với nhau không những giữa các quân chủng mà còn giữa các đơn vị trong cùng quân chủng. Lính của Lữ đoàn 1 thuộc Sư đoàn Không vận 101 rất tự hào về việc đào tạo lính dù, và họ thường gọi lính bộ binh là “bọn chân đất” một cách khinh bỉ. Có một lần tôi đang ngồi trên xe chạy trong căn cứ Chu Lai vào một buổi chiều nóng nực với một lính dù của Sư đoàn 101, anh ta đã từ chối không cho một lính đang đợi xin đi nhờ xe, lý do chỉ vì tay xin đi nhờ là một “bộ binh chân đất” và đã là “lính chân đất thì không xứng đáng được đi nhờ xe”. Các sĩ quan cao cấp của Sư đoàn 101 và Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn 4, anh này nói xấu anh kia trước mặt tôi rằng việc đếm xác chết của đơn vị anh kia là không đúng sự thật. Lữ đoàn 3 của Sư đoàn 4 đếm cả những người mà họ chỉ mới đoán là số địch có thể đã bị giết, một sĩ quan Sư đoàn 101 nói với tôi: “Chúng tôi không tính số địch phỏng đoán có thể đã bị giết. Chúng tôi chỉ tính số mình tận mắt thấy là chết thực sự. Đó là cách duy nhất của chúng tôi”. Trong một lần khác, một sĩ quan của Lữ đoàn 3 thuộc Sư đoàn 4 cũng nói lời lên án tương tự đối với Sư đoàn 101, nói rằng cách tính tỷ lệ bị diệt tính theo số vũ khí của Sư đoàn 101 còn tồi tệ hơn cách tính của Lữ đoàn 3, hàm ý nói rằng Sư đoàn 101 còn kém xa so với Lữ đoàn 3 mỗi khi cần xác định kẻ thù là ai, phải giết ai. Lính lục quân và Không quân đều có các nhận xét chết chạo Lính thủy đánh bộ...

Sau bữa ăn tối hôm đó, các phi công có hai phim chiếu để tùy ý chọn: một phim ở nhà hát ngoài trời trên bờ biển gần nhà ăn của Lính thủy đánh bộ còn phim kia chiếu tại Câu lạc bộ sĩ quan Lực lượng Đặc nhiệm Oregon. Câu lạc bộ sĩ quan này nằm trên đỉnh một ngọn đồi cao khoảng một trăm năm mươi mét, nhìn xuống một bãi cỏ rải rác những bụi cây trải dài ra tận biển. Một số bàn ghế được sắp xếp trong một phòng rộng cố tường bao ba phía, mái che rộng bằng lá cọ giống như một nhà kho; mặt tiền nhìn ra biển. Phía sau, có một quầy bar dài, một đầu để một máy truyền hình, các chiếc ghế xoay, một bảng phóng phi tiêu và các nhân viên quán bả mặc áo kiểu Hawaii sặc sỡ. Phim được chiếu ở phía trước. Câu lạc bộ nhìn bao quát cả một đoạn bãi biển cong lượn liềm dài hai mươi cây số. Ngay cả trong ngày nóng nhất, tĩnh lặng nhất, vẫn có một làn gió nhẹ từ biển thổi

vào. Ban đêm, trên biển khơi, các tàu đánh cá của dân bản xứ được lệnh phải đốt đèn lên khi trời tối. Hầu hết các đêm, tiếng pháo và bom vẫn nổ âm âm liên tục, đôi khi thắp sáng cả một vùng trời phía gần bờ. Trong những cuộc hành quân, các dù pháo sáng do pháo binh bắn lên hoặc máy bay thả xuống, trông giống như treo lơ lửng trên các núi suốt cả đêm.

Cách câu lạc bộ gần hai trăm mét, bãi đáp trực thăng của bệnh viện căn cứ nằm trên một triền đồi cao có sườn dốc thẳng đứng xuống biển. Mỗi ngày nhiều lần, một chiếc trực thăng vọt nhô lên từ bờ biển, với tốc độ cực nhanh rồi vội vàng hạ cánh xuống bãi đáp trải nhựa đường ở ngay phía trước Câu lạc bộ sĩ quan trông như một sân khấu nhỏ màu đen. Hai bóng người chạy tới chiếc trực thăng rồi chạy trở về bệnh viện, khiêng một người trên cáng. Nếu tấm vải che lên đến hai vai người nằm trên cáng, đó là một người bị thương và nếu tấm vải che kín cả đầu, đó là một người đã chết. Ngồi trong câu lạc bộ, chỉ một số sĩ quan ở hàng ghế phía trước có thể thấy được bãi đáp trực thăng của bệnh viện nên hầu hết các sĩ quan không chú ý khi chiếc trực thăng đến. Nhưng khi họ đứng trước câu lạc bộ vào giờ ăn ngoài trời cuối tuần và chăm chú chờ món thịt nướng trên ngọn lửa than đỏ hồng mà lúc ấy có một chiếc trực thăng hạ cánh xuống bệnh viện thì tiếng ồn ào trò chuyện bỗng nhiên ngưng bật, những người đang ăn hay đang uống vội ngẩng đầu lên để xem hai bóng người đang khiêng một người bị thương hay một người chết đến bệnh viện.

Ngày 11 tháng 8, ngày cuối cùng của cuộc hành quân Hood River, tôi bay theo một phi vụ của máy bay kiểm soát phía trước cùng với một phi công trạc 40 tuổi, nhân vật mà tôi sẽ gọi là thiếu tá Billings. Ở Billings có đôi nét dáng dấp thiếu cân đối, nhưng tính tình cởi mở, đôi mắt nhìn chăm chú, giọng nói hơi khàn và tiếng cười thẳng thắn, hồn nhiên; khi cười bụng anh ta phập phồng theo nhịp. Anh ta kể rằng mình đã làm phi công trong ba cuộc chiến tranh và đã hy sinh mọi thứ (kể cả vợ) để phục vụ Không quân. Người vợ đã ly dị anh vì hiếm khi anh đóng quân trong nước. Anh thích thú kể cho các phi công khác, với thái độ vui vẻ và thẳng ruột ngựa, về những trục trặc của mình với các cô bạn gái hiện đang sống ở Mỹ. Anh kể cho các bạn phi công rằng anh là tín đồ Thiên chúa giáo cho đến Thế chiến thứ hai, nhưng rồi nhận thấy rằng tất cả các phi công có đi lễ nhà thờ đều bị bắn hạ và từ đó anh không bao giờ trở lại nhà thờ nữa. Anh cho biết trong cuộc sống thường ngày, anh thích lái xe thể thao và lúc nào cũng mang với màu đỏ tươi.

Chúng tôi cất cánh lúc sáng sớm và lao vào bầu trời xanh thẳm. Billings được giao thực hiện một trận oanh tạc đã hoạch định trước và nghĩ rằng anh sẽ không có lệnh phải thực hiện các trận đánh ngay tức khắc. Từ Chu Lai, theo hướng Tây Nam, bay qua những đồn điền cao su và những cánh đồng bị bỏ hoang nằm dọc sông Trà Bồng giữa Quốc lộ 1 và dãy Trường Sơn, chẳng bao lâu chúng tôi đã tới huyện lỵ Trà Bồng nằm đơn độc giữa một vùng đồi núi rồi quay về hướng Nam, bay qua triền núi và tiếp tục tới một ngọn núi nhỏ hơn, theo toạ độ mục tiêu. Phía Nam mục tiêu vài km, ở lưu vực sông Trà Khúc, cuộc hành quân Hood River đang tới hồi kết thúc. Phía Bắc mục tiêu, những hố bom B-52 tạo một dãy dài những mảng đất màu vàng trên đồi núi trong một thung lũng, trên cao nhìn xuống

trông như mặt biển sóng vỗ bập bênh. Đỉnh dãy núi mục tiêu trải dài những nương rẫy của người Thượng, nhưng trên một ngọn núi đã lại là một khu rừng rậm vuông vắn mỗi cạnh dài chừng 200 mét và đây chính là mục tiêu của chúng tôi. Billings nói:

- Có nhiều người Thượng canh tác ở đây, họ trồng lúa và bắp.

Khi chúng tôi bay gần đến cánh rừng Billings chỉ cho tôi vệt khói bay trên những lùm cây và giải thích:

- Hãy nhìn những đám khói kia! Anh có thấy khói không? Việt Cộng đang ăn bữa sáng đây?

Tôi hỏi tại sao anh ta biết đó là khói của Việt Cộng. Anh ta nói:

- Sau một thời gian, anh có thể biết thói quen của Việt Cộng. Nhưng bây giờ thì chúng ta ra khỏi vùng này, cứ làm như chúng ta không biết gì hết. Ngay cả người Thượng ở đây cũng sống dưới quyền kiểm soát của Việt Cộng. Cách đây không lâu, chúng ta đã đổ quân vào đây khi cuộc hành quân Hood River bắt đầu, nhưng giờ thì đám quân này đã xuống đồng bằng rồi. Người Thượng rất buồn cười, họ sống ở chỗ trống trải. Chỉ có Việt Cộng là núp dưới những lùm cây. Toàn bộ đỉnh núi kia có thể là một trại căn cứ lớn. Tôi sẽ bay ra khỏi vùng này khoảng một giờ cho đến đúng thời điểm biên đội của tôi đến, làm thế để cho Việt Cộng không kịp đối phó.

Chúng tôi chuyển về hướng Bắc và bắt đầu lượn vòng trên huyện Trà Bồng. Trong lúc chờ đợi, trên radio lao xao những cuộc tán gẫu của các đơn vị bộ binh ở lưu vực sông Trà khúc. Ai đó nói: “Chúng ta bị một Việt Cộng tấn công. Tay này lớn tuổi, hấn cầm gậy xông vào tấn công một lính trinh sát của chúng ta. Người lính trinh sát quát hấn dừng lại và nổ súng bắn hấn ngã gục”. Có tiếng cười phá lên: “Nói nghe như một trận đánh dữ dội thiệt”, rồi lại có tiếng cười.

Một phút sau, một giọng khác từ mặt đất cho biết: “Nếu các anh bay ra xa khỏi ngôi làng đang bốc cháy ở điểm xa nhất về phía Bắc, các anh sẽ ra ngoài khu vực tác chiến của chúng ta”.

Một giọng khác: “Chúng tôi đã thu được một số vũ khí và gom được một số dân tỵ nạn”. Một giọng khác nữa lại cho biết: “Chúng tôi đã thu được hai tấn gạo”.

Sau khi chúng tôi lượn vòng hai mươi phút, ba chiếc máy bay tiêm kích oanh tạc báo cáo đã đến khu vực và thiếu tá Billings ngay tức khắc nhận ra họ ở vùng trời phía trước mặt. Họ báo cáo là mang sáu quả bom 500 pound (tương đương 230kg) và 6 quả bom na-pan. Quay trở lại mục tiêu, Billings nhìn thấy đám khói vẫn còn vương trên các lùm cây. Anh ta thốt lên:

- Cha mẹ ơi, đây chính là điều tôi mong chờ! Chúng nó vẫn còn ở đó!

Ngoặt nhanh trở lại, Billings sà thấp xuống ngọn núi điều chỉnh hướng bay sao cho hình bóng lùm cây trùm kín dần toàn bộ mặt kính chắn gió ở trước mặt buồng lái trong khoảng năm giây. Một quả rốc két phóng ra từ cánh máy bay và gây một tiếng nổ lớn. Lập tức, Billings cho máy bay ngóc lên, đập mạnh chúng tôi xuống ghế và bay vọt khỏi ngọn núi, để lại phía sau một cột khói trắng dày đặc bốc lên từ lùm cây cách đám khói lúc đầu khoảng 30 mét về phía Nam.

- Hãy ném bom xuống nơi cách cột khói khoảng 30 mét về phía Bắc. – Billings nói với viên chỉ huy tốp bay.

Tiếp tục lái máy bay của mình lượn theo một vòng hẹp phía dưới hai đỉnh núi bên cạnh, Billings quan sát chiếc tiêm kích- oanh tạc đầu tiên bổ nhào xuống khu rừng để hướng dẫn thực hành cho các máy bay khác. Chiếc thứ hai ném hai quả bom xuống rừng, nổ cách đám khói lúc đầu khoảng 100 mét.

- Được, được đấy! – Billings thốt lên. Anh ta nói với chỉ huy tốp bay: - Cố gắng sao cho những quả bom tiếp theo rơi cao tít nữa ngay ở phía trên cột khói của tôi.

Loạt bom tiếp theo hoàn toàn không trúng khu rừng mà lại rơi xuống một khoảng toàn cây lúp xúp. Thiếu tá nhắc lại:

- Tôi muốn các anh ném gần cột khói của tôi kia mà. Tiếng của chỉ huy biên đội:

- Xin lỗi nhé.

Máy bay tiếp sau đã ném bom xuống đỉnh núi, cách đám khói đầu tiên chừng 30 mét.

Billings reo lên:

- Đẹp đấy, con ạ. Ném trúng đấy!

Một máy bay bắn hai ống phóng na-pan xuống phía bên kia đỉnh núi, vào cánh rừng dưới chân núi đá. Billings nói: “Bên đó không phải là mục tiêu đâu”. Chùm bom na-pan tiếp theo rơi vào cánh rừng cách cột khói rốc két của Billings khoảng 50 mét về phía Tây và chùm bom thứ ba, cũng là chùm cuối cùng rơi cách khoảng 30 mét về phía Nam. Chúng tôi bay vào khu vực mục tiêu và lượn trên cánh rừng rậm ở độ cao khoảng trên dưới trăm mét và sà xuống thấp đến độ mặt đất dường như ở ngay phía dưới cánh trái máy bay. Những đám bụi mù do bom nổ tung lên và khói đen do bom na-pan đốt cháy bay lên từ cánh rừng. Một ít chất na-pan không phóng ra hết tiếp tục tự cháy ở những vạt rừng nhỏ và những trái bom 500 pound đã phạt đi những vạt cây thành những khoảng trống chiều ngang khoảng ba mét. Mùi bụi, đất, lá, cây cháy và khói cay nồng xông vào mũi khi chúng tôi bay qua cánh rừng vừa bị tàn phá. Sau một vài giây, Billings chấm dứt vòng lượn chóng cả mặt, kéo cần lái đưa máy bay lên cao và nói với chỉ huy tốp bay:

- Nơi có khói bốc lên chẳng còn gì nữa. Anh làm việc giỏi lắm. Tôi sẽ ghi cho anh vào báo cáo là 80% bom đã ném trúng mục tiêu, do hai loạt bom rơi trúng khu rừng. Cám ơn nhiều, hẹn gặp lại khi khác nhé.

Billings nói thêm với tôi:

- Tôi không biết những người ở khu rừng ấy là dân gì, nhưng giờ này thì họ không còn ở chỗ ấy nữa đâu.

Vì còn một giờ nữa chiếc máy bay FAC khá mới đến thay thế, nên Billings quyết định bay về phía Đông vào đồng bằng sông Trà Khúc, tại đây Lữ đoàn 1 thuộc Sư đoàn không vận 101 đang kết thúc cuộc hành quân Hood River. Viên thiếu tá nói: “Chúng ta không thể nhìn thấy gì từ độ cao 500 mét”, và khi chúng tôi bay qua dãy núi và vùng đồng bằng ven biển đông dân, anh ta sà xuống độ cao 50 mét và bắt đầu bay theo hình chữ S để gây khó khăn cho các tay bắn tỉa. Binh lính của Sư đoàn 101 đang đốt nhà trên vùng đồng bằng ngay phía Bắc sông Trà khúc. Cách đó khoảng vài trăm mét và ở độ cao dưới ba mươi mét, tôi nhìn thấy những đám lửa màu da cam bốc lên từ các căn nhà và những bóng người màu xanh đang cuồng

dại, chao đảo trong hơi nóng cuộn cuộn như sóng và đôi khi như bị ngụp chìm trong đó. Thiếu tá Billings tiếp tục bay ngoằn ngoèo và sà xuống thấp rồi đột nhiên chúng tôi thấy một bóng người mặc bộ đồ đen, đi trên bờ ruộng và biến vào một lùm cây rậm, nơi có một ngôi nhà vẫn còn đứng nguyên. Thiếu tá ngoặt hẳn máy bay sang trái và sà thấp xuống trên bóng người đi trên đường, người này dừng lại và ngược nhìn lên. Billings nói với tôi:

- Hoá ra là một bà già. Lẽ ra bà ta không được có mặt ở đây, họ có 24 giờ rời khỏi nơi này nhưng họ cứ quay trở lại. Đây là một trong những khó khăn lớn. Ta đã báo cho họ biết là không được ở trong khu vực bắn phá tự do vì họ có thể ăn đạn, song họ cứ quay lại. Nếu là nam giới, chắc chắn đó chỉ là một trong hai loại – trốn quân dịch hoặc Việt Cộng.

Tôi hỏi xem chính sách của chính quyền xử lý những kẻ trốn trại tập trung và quay về gia đình ra sao.

- Chúng ta không thể biết chắc những người này thuộc loại nào, song nếu như nơi nào đó đây rầy Việt Cộng, viên trưởng cho phép chúng tôi được huỷ diệt cả nơi đó.

Đúng lúc đó, chúng tôi bay qua một con suối chảy qua những cánh đồng và thấy ba bé trai trần truồng đang tắm trong một ao nhỏ, mắt nhìn lên máy bay của chúng tôi. Billings nói:

- Nhìn kìa, dân đang trốn ở đó, nhưng bây giờ nơi này không còn nằm trong khu vực hành quân của chúng ta nữa.

Chúng tôi đã bay nhiều dặm xa phía Bắc cửa sông và đây đó trong đám đổ nát vẫn còn một số khu nhà còn nguyên vẹn. Có dân đi lại trên những con đường gần các khu nhà đó và trẻ em vẫn chơi đùa trên sân, tuy nhiên ít có cánh đồng nào không có dấu vết những hố bom và đạn pháo.

Tôi hỏi xem Billings làm thế nào phân biệt được Việt Cộng với dân thường. Billings nói:

- Nếu họ bỏ chạy cũng là một cách. Ngoài ra còn có nhiều cách khác nữa. Đôi khi anh thấy rất đông người trên đồng ruộng, trông như một nhóm nông dân. Anh cũng biết là người dân chẳng thích gì Không quân Mỹ, và họ không nhìn vào những máy bay trên đầu họ. Nhưng ngay trên những

cánh đồng đó, anh thấy có một thằng cha nào đội nón chóp cứ ngẩng lên cúi xuống liên tục. Hắn nhìn lên vì hắn muốn biết chúng ta bay theo hướng nào. Thế rồi anh bay qua bay lại vài vòng trên cánh đồng và có một gã dừng lại nhìn theo. Nếu đó là kẻ đã ngược nhìn máy bay của anh lúc nãy, anh có thể kết luận đó là Việt Cộng. Anh quan sát hướng đi của Việt Cộng này và gọi máy bay đến oanh tạc. Anh có thể phân biệt Việt Cộng và dân thường theo cách đó. Có hàng trăm cách phân biệt. Nó như là bản năng thứ hai, làm nhiều lần thành quen. Đôi khi anh thấy Việt Cộng ngâm mình trong bùn ẩn nấp ở bờ ruộng. Điều khó là ngoài rốc két ra, phi công chúng ta không có vũ khí nào khác. Nhưng đã có lần tôi loay hoay đuổi theo một gã đến gần chết. Tôi bắt gặp hắn ở ngoài chỗ trống và tôi lượn qua, hắn chạy đi, tôi vọt qua bên kia, hắn lại chạy ngược lại. Hắn núp trốn dưới cây, tôi sạt qua lùm cây, hắn dừng lại. Tôi phải rượt theo hắn suốt một giờ rồi mới gọi được máy bay đến làm một trận oanh kích.

Tôi nói đây là một cách bắn tia bằng bom. Anh ta trả lời:

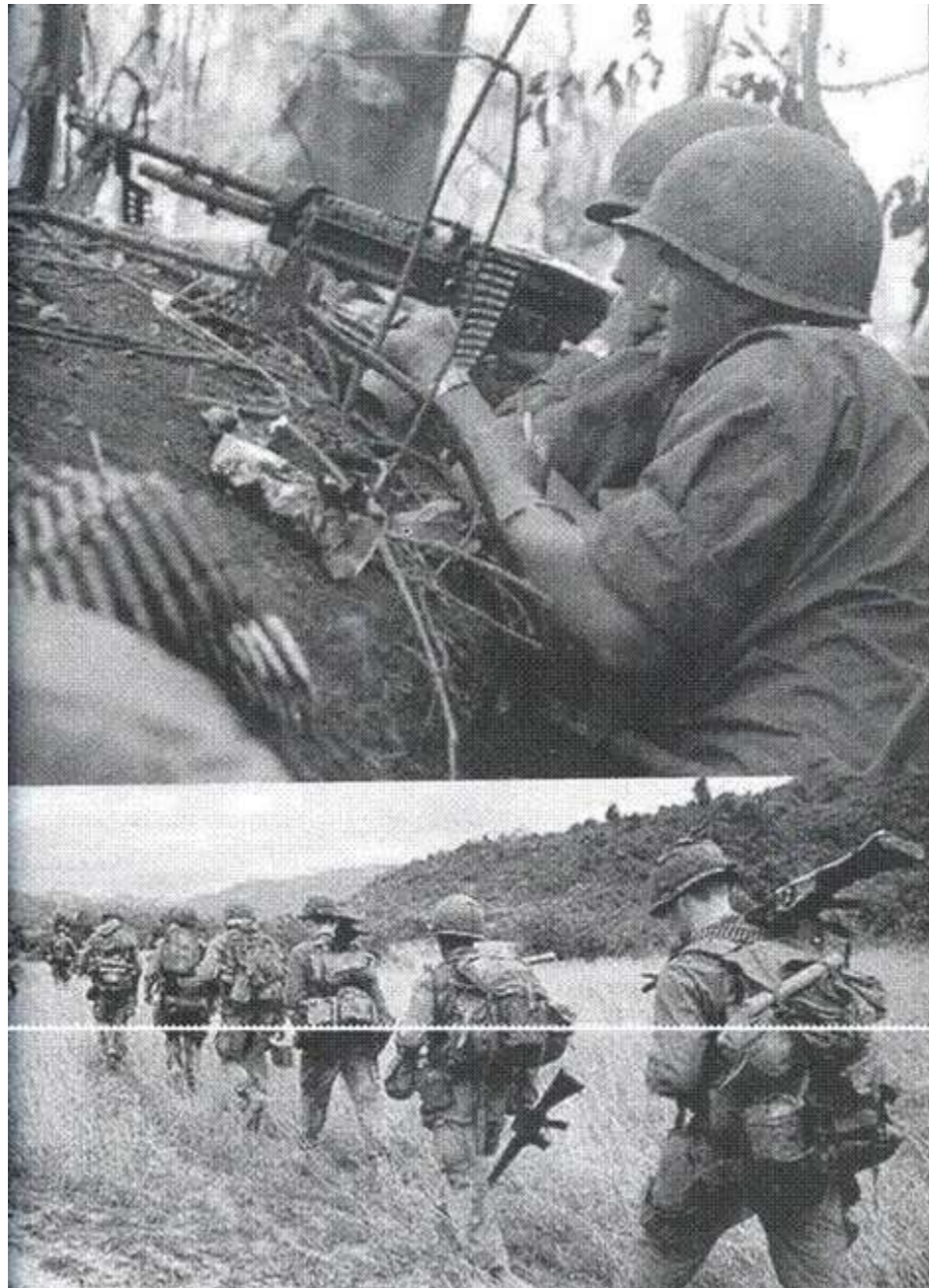
- Đúng vậy. Anh cứ gọi thế cũng được.

Sau đó, khi quay trở lại căn cứ của phi công FAC, thiếu tá Billings cho biết:

- Theo tôi, anh có thể gọi đó là một loại trực giác. Tôi nghĩ, bây giờ tôi có thể ngửi thấy Việt Cộng cách khoảng 150 mét. Giống như mọi việc khác, có người có khiếu nhưng có người lại không. Một số người không thể nhận ra Việt Cộng dù họ có cố gắng bao nhiêu đi nữa.

Đêm đó, cuộc hành quân Hood River chấm dứt. Binh lính nghỉ ngơi ngoài trời một ngày và họ được tiếp tế toàn đồ tươi để chuẩn bị cho cuộc hành quân mới.

Ngày 13 tháng 8 năm 1967, hai ngày sau khi cuộc hành quân Hood River kết thúc, Lực lượng Đặc nhiệm Oregon mở cuộc hành quân Benton. Tại Quảng Ngãi, tôi đã tận mắt nhìn thấy hậu quả của những trận bom, pháo và các trận đánh trên bộ song phần lớn tôi chưa chứng kiến tại chỗ cuộc huỷ diệt nào. Giờ đây, tôi sắp được quan sát từng chi tiết một quá trình huỷ diệt diễn ra trong cuộc hành quân Benton. Trong cuộc hành quân này, Lực lượng Đặc nhiệm Oregon vượt biên giới phía Bắc Quảng Ngãi ra Quảng Tín. Đã nhiều ngày tôi bay trên máy bay FAC phối hợp với Lữ đoàn 1, Sư đoàn 101. Ngày 12 tháng 8, tôi bay trên khu vực sẽ diễn ra cuộc hành quân Benton. Đây là một phi vụ trinh sát trong ba giờ cùng với một phi công mà tôi sẽ gọi tên là thiếu tá Ingersol.



Viên thiếu tá này lớn hơn các phi công khác vài tuổi và có phần dè dặt hơn. Tại khu nhà của phi công FAC ở căn cứ Chu Lai, anh ta thường đọc các tiểu thuyết kỳ bí có bìa mềm hoặc các loại tiểu thuyết khác trong khi những phi công khác lại tùm vào tán dóc. Khi tham gia câu chuyện, bao giờ anh ta cũng nói với giọng trầm đăm và nghiêm túc không phù hợp với cách chuyện trò đùa giỡn thường ngày của bạn bè. Một hôm, khi những phi công khác đang ngồi nhậu và tán gẫu về các cô gái bán bar ở Thái Lan, anh ta góp chuyện: “Tớ nghe nói ở Bangkok có một số nhà hàng tuyệt vời”. Lần

khác, trong khi chuyện gẫu với một đại úy ở phòng kiểm soát trung tâm FAC, anh ta nói lên cảm nhận tinh tế của mình về cảnh đẹp thiên nhiên của Quảng Ngãi: “Đó là một miền quê đáng yêu. Một trong những điều tôi rất thích là bay qua vùng đồng bằng ngược lên tận các thác nước. Thật hổ thẹn khi chúng ta lại huỷ diệt nó”.

Trong khi thiếu tá Ingersol và tôi bay tới khu vực sẽ diễn ra cuộc hành quân mới, anh ta kể cho tôi về phương pháp phân biệt Việt Cộng với dân thường. Anh ta nói:

- Chúng ta nhận biết được Việt Cộng nếu hấn bản anh hoặc hấn có mang vũ khí. Chỉ có hai cách đó thôi.

Về việc phát hiện đường mòn trong rừng, anh có những tiêu chí tinh tế hơn. Khi chúng tôi bay qua sườn một ngọn núi cao, Ingersol chỉ ra một con đường mòn, rộng như một con lộ, dẫn lên phía có nhiều núi của thung lũng. Tuy cây cối ở đây rất cao và rậm, vẫn có thể nhìn thấy con đường vì thỉnh thoảng lại có một khoảng trống trong các tán lá. Đến lưng chừng núi, con đường dường như vẫn chạy dưới tán lá dày đặc, bởi vì sau đó khi leo lên cao hơn, vẫn có thể nhìn thấy rõ, nhưng rồi nó hoàn toàn biến khỏi tầm nhìn. Thiếu tá Ingersol nói:

- Đó là cái mà chúng ta tìm kiếm. Anh có thấy con đường biến mất ở chỗ kia không? Điều đó cho thấy có thể có một trại căn cứ ở đó. Những đường mòn dẫn lên núi và rồi biến mất thường là đường mòn của Việt Cộng. Chúng ta cũng còn phải tìm xem có phải con đường vừa có người đi qua không.

Tôi nêu ý kiến của mình là từ độ cao 450 mét, chắc chắn rất khó biết con đường đó vừa có người đi qua hay không bởi vì nó bị che khuất dưới những tán lá dày. Ingersol nói:

- Dù vậy, vẫn nhận ra được vì Việt Cộng thường dùng trâu và các động vật cỡ lớn để vận chuyển trang thiết bị và chúng sẽ để lại dấu vết. Những con đường mòn này thường bị dập phá vào ban đêm.

Khi chúng tôi bay trên một hố bom rộng chừng mười mét làm mất dấu một đoạn con đường mòn, Ingersol nhận xét:

- Hãy nhìn xuống dưới để xem người ta làm đường mới đi vòng quanh hố bom ra sao? Đây là một dấu hiệu mà ta phải tìm kiếm.

Anh ta nói anh ta còn phát hiện các hầm trú ẩn kiên cố để yêu cầu máy bay tới đánh phá. Và như một ví dụ về dấu hiệu mà anh ta tìm kiếm trong các phi vụ trinh sát, anh ta cho biết trong một khoảnh đất nhỏ phía trên núi, có một đàn trâu mà cứ vài ngày lại biến mất. “Chúng tôi đoán rằng Việt Cộng dùng trâu để chở hàng.”

Thiếu tá Ingersol dành hầu hết ba giờ bay của mình bay trên một vùng chập chùng đồi núi và thung lũng vì đây là những nơi sẽ diễn ra cuộc hành quân Benton. Khu vực hành quân là một vùng hình chữ nhật mỗi cạnh mười và hai mươi cây số phía Tây Nam Phước Tiên, một thị trấn ở phía Nam tỉnh Quảng Tín. Lữ đoàn 1 thuộc Sư đoàn 101 sẽ mở cuộc hành quân vào sáng hôm sau trong một khu vực mỗi cạnh dài đến mười cây số, hai ngày sau đó, một số đơn vị của Lữ đoàn 196 sẽ được không vận đến một khu vực rộng tương đương ở phía Đông.

Trước đó tôi đã quyết định là trong khu vực tác chiến này, tôi sẽ tập trung chú ý vào một vùng hẹp hơn, có thể nhận biết được dễ dàng trên bản đồ đường không cũng như trên mặt đất và có thể quan sát từ trên máy bay FAC càng lâu càng tốt vào những ngày đầu tiên của cuộc hành quân Benton để có thể biết các trận ném bom đã được thực hiện như thế nào trong một cuộc hành quân lớn. Ngay ở phía Tây Nam Phước Tiên, trong vùng đồng bằng trồng lúa bao quanh là những quả đồi, hai con sông nhỏ, sông Tiên và sông Trạm – hợp lại với nhau tạo nên sông Chang. Giữa ngã ba hai nhánh sông Tiên và sông Trạm có một ngọn núi nhỏ, cao khoảng ba trăm mét, gọi là Chóp Vum và dưới chân núi là một số làng và nhiều ngôi nhà dân nằm rải rác. Phía Nam Chóp Vum có một con đường đất chạy theo hướng Đông Tây qua những khu dân cư đông đúc. Tôi quyết định quan sát một khu vực vuông vắn mỗi chiều sáu cây số quanh Chóp Vum và do vậy tôi sẽ gọi nó là khu vực Chóp Vum. Phía Đông vùng này giáp với sông Tiên, phía Tây giáp với sông Trạm, phía Nam là con đường đất và phía Bắc cũng giáp với sông Tiên vì con sông này lượn gấp khúc về phía Tây sau khi chảy về hướng Bắc khoảng sáu cây số. Giữa Chóp Vum và những đường giáp ranh này, ngay

phía trên có một rặng núi, có ngọn cao khoảng 600 đến 900 mét, làm nổi bật một khung cảnh thiên nhiên với nhiều đồi nhỏ cây cối rậm rạp, hiếm khi cao hơn hai mươi mét, trông như một dãy đảo nhỏ trong một biển ruộng lúa bậc thang. Một số gò đồi hình dáng tròn thấp, nhưng đa số là đồi có chóp dốc đứng nổi bật lên trên cánh đồng lúa như mô hình thu nhỏ của những ngọn núi bao quanh. Đa số nhà ở đây không cụm thành làng mà nằm rải rác giữa đồng. Ở những nơi mặt đất thoải thì được tạo thành ruộng bậc thang trồng hoa màu. Dọc theo triền dốc đứng của một ngọn đồi, có một con đường mòn dẫn đến một khoảnh đất bằng phẳng gần đỉnh đồi. Ở điểm tận cùng này, nông dân đã trồng lúa và xây mấy ngôi nhà, từ đó có thể quan sát phần lớn thung lũng và những ngọn núi phía xa. Hầu hết mọi ngôi nhà ở Chóp Vum đều có sân trước để thả gà vịt, và phía sau là khu vườn trồng rau, có hàng rào cây lúp xúp bao quanh nhà, quanh sân, vườn. Thường thấy một loài cây cọ chỉ có một tán lá và cao tới mười lăm, hai chục mét mọc trong các vườn. Những con đường đất nhỏ lượn quanh co từ nhà này sang nhà kia trên đỉnh, quanh những ngọn đồi, và ở mỗi khúc gấp quanh đường như đều có một ngôi nhà nép mình. Cách bố trí nhà cửa như thế giúp cho một khối dân đông đúc vẫn có thể bảo đảm cho từng nhà có cuộc sống riêng tư. Chỉ ở một số nơi có khoảng năm, sáu chục ngôi nhà cụm lại với nhau làm nên ngôi làng, nhưng ngay cả ở những nơi này, các ngôi nhà cũng không xếp thành dãy kề bên nhau dọc các con đường làng mà vẫn cách biệt bởi các khu vườn và những bụi tre, lùm cọ. Cách bố trí làng xóm phụ thuộc vào những chỗ lồi lõm của cảnh quan, chứ không buộc phải theo một mẫu hình cân đối. Nhiều con đường nhỏ nối liền nhiều ngôi nhà với nhau và vẫn đến một con đường chính uốn lượn gần quanh tất cả các ngôi nhà. Làng Phái Tây nằm dưới chân Chóp Vum, giữa ngã ba sông Trạm và sông Tiên; làng Đức Tân nằm ở bờ Bắc sông Tiên cách Phái Tây hai cây số về phía Đông Bắc, làng Thanh Phước trải dài hai bên con lộ tạo nên ranh giới phía Nam của khu vực này. Tại Thanh Phước có hai nhà thờ xây bằng đá nằm cách nhau chừng năm mươi mét ở hai phía của con lộ. Mỗi nhà thờ cao khoảng ba tầng và dài hơn hai mươi mét, tường và trần nhà chạm trổ những họa tiết rối rắm và trên nóc có gắn thánh giá.

Trong buổi chiều bay cùng thiếu tá Ingersol trên vùng đất này, tôi thấy những đàn trâu đằm mình trong làn nước sông trong veo. Nhiều nông dân đang khom mình lao động trên đồng nước và trước sân nhà. Vùng này trước đây đã bị tàn phá nặng nề và rải rác đó đây là những khoảng đất màu xám hoặc đỏ quạch, dấu vết để lại của những ngôi nhà bị phá huỷ. Tính sơ sơ, cứ hai mươi nhà lại có một nhà bị tàn phá. Nhiều khoảnh ruộng bây giờ chỉ còn là hố bom, cánh rừng trên sườn đồi đã ngả màu đen kịt và lồi lõm. Trên hai quả đồi liền nhau, đỉnh cao chừng ba mươi mét và chân đồi rộng gần hai trăm mét, bom đã tiêu huỷ rừng cây và để lại những hố bom cái nọ chồng lên cái kia. Mỗi loại địa hình, núi ruộng và sân nhà dường như đều nhận được một lượng bom như nhau, như thể là các phi công ném bom có ý định phân phát một số thuốc nổ bằng nhau cho các khu vực được đánh dấu ô vuông trên bản đồ của họ. Trên các ruộng lúa và sân vườn, cũng có những hố bom nhỏ hơn do pháo cày xới, song chúng không đủ lớn để có thể nhìn thấy dưới tán rừng rậm rạp này. Nhiều hố pháo mới còn giữ sắc vàng, còn tất cả các hố bom đều đã phủ một lớp cây lúp xúp và xem ra đã có từ nhiều tháng trước.

Tôi hỏi thiếu tá Ingersol xem những vụ ném bom này đã được thực hiện từ bao giờ, anh ta trả lời:

- Chỉ có Lính thủy đánh bộ đã hoạt động ở đây trước khi Lực lượng Đặc nhiệm Oregon tới. Song tôi không cho rằng các trận ném bom đã có từ dạo đó. Nhưng cũng có thể vào hồi đó. Tôi cũng chẳng biết. Mà có lẽ cùng cách đây khá lâu rồi.

Sau khi đã khảo sát xong khu vực tác chiến sắp tới, thiếu tá Ingersol bay về phía Nam qua nhiều dãy núi hướng về thung lũng sông Trà Khúc ở phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi. Trên đường bay, Ingersol mãi mê ngắm nhìn những thác nước. Anh ta nói:

- Anh sẽ thấy công việc của FAC khá là tẻ nhạt, nhất là trong những phi vụ V.R [*] như thế này. Tôi sẽ chỉ cho anh xem một vài thác nước ở đây. Chúng mới đẹp làm sao. Đây là một số trong những miền quê núi non đẹp nhất mà tôi từng được thấy.

[*] V.R: *Viết tắt của “visual reconnaissance” – trình sát bằng mắt.*
(*Chú thích của tác giả*)

Trước khi chúng tôi bay tới một thác nước, anh ta mô tả cho tôi nghe một cách chi tiết theo trí nhớ của mình, và cho tôi biết dưới chân thác nước có hồ nhỏ hay không, nước có chảy đổ xuống từ trên vách đá hoặc chảy qua những tảng đá hay không và thác nước có mấy tầng. Một trong những thác nước mà anh ta rất thích – một ngọn thác đổ từ trên cao xuống một hồ lớn có đáy bằng đá, nước trong veo ở chân thác – đã bị trúng bom; và Ingersol chỉ cho tôi một hố bom ở mép hồ.

Khi chúng tôi quay lại Chu Lai đã là chiều muộn, mặt trời phình to đỏ rực treo trên rặng núi đen thẫm. Trong máy vô tuyến trên máy bay, một giọng nói ở đâu đó cất lên: “Này, đêm nay sẽ có tiệc ở D 19 đây nhé, tha hồ nhậu nhẹt. Nhớ đến nhe”.

Một giọng khác đáp lại: “Tôi sẽ đến nếu có thể, nhưng không biết đêm nay có đến được không. Cám ơn nhiều”.

Sáng sớm hôm sau, cuộc hành quân Benton đã được thực hiện tại khu vực tôi vừa bay qua cùng với thiếu tá Ingersol. Các binh sĩ thuộc Lữ đoàn 1 Sư đoàn Cơ động Không vận 101 đã bốn tuần liên tục chiến đấu và sắp bắt đầu tuần chiến đấu thứ năm. Vào tối ngày 12, các phi công FAC phục vụ Lữ đoàn 1, Sư đoàn 101 mỗi người chỉ được uống một cốc nước trước bữa ăn tối và sau bữa ăn cũng chẳng có lấy một giọt nước nào. Trong buổi họp lên kế hoạch lần cuối tại sở chỉ huy buổi tối đó, các sĩ quan cấp dưới gọi cấp trên của họ là “ngài”, đây là lần đầu tiên tôi nghe được điều này trong suốt hai ngày tôi sống cùng họ. Nhiệm vụ của họ trong ngày hôm sau là hướng dẫn máy bay không kích vào bốn bãi đổ bộ ban đầu (landing zone, gọi tắt là L.Z.), cho trực thăng chở quân vào khu vực. Những cuộc oanh tạc này là việc làm thường thấy và được gọi là “chuẩn bị bãi đổ bộ”. Trước khi đổ quân xuống, máy bay trực thăng còn dùng súng máy và rốc két bắn dọn đường.

Trong hai ngày đầu của cuộc hành quân, trên ghế sau của máy bay FAC chuẩn bị hoạt động có một quan sát viên pháo ngòi cùng phi công, do đó tôi không thể bay cùng; nhưng vào các buổi tối, những anh bạn phi công FAC kể lại cho tôi nghe những điều mà họ đã chứng kiến. Họ nói, vào phút chốc trước khi công tác chuẩn bị bãi đổ bộ được thực hiện, một phi vụ không kích đã bị huỷ bỏ do máy móc trục trặc, vì thế có một bãi đổ bộ chỉ nhận được hoả lực rốc két và súng máy của trực thăng. Tại bãi đổ bộ thứ hai, công tác dọn bãi được thực hiện ở một khu vực gồm những ruộng lúa cao, theo đúng kế hoạch, song binh lính lại được đổ nhằm xuống cách đó 1 cây số, trên một đỉnh đồi chưa được san phá trước. Trong khi đó ở cách xa khoảng 7 hoặc 8 cây số, tại một đại đội pháo chịu trách nhiệm chi viện cho công tác chuẩn bị bãi đổ bộ và trong cuộc hành quân sắp tới, một máy bay

trực thăng đã rơi trúng một xe chở đạn làm cháy xe đạn và nổ tung đại đội pháo, gây ra nhiều thương vong. Và do vậy, từ vị trí đó không còn có thể chi viện pháo cho bất kỳ bãi đổ bộ nào nữa. Việc bố trí một đài chỉ huy phục vụ cuộc hành quân trên đỉnh một ngọn núi nhỏ ngay phía Bắc sông Tiên – nơi con sông bắt đầu uốn theo hướng Bắc – lúc đầu được tiến hành thuận lợi nhưng rồi một đám cháy đã bùng lên ở bãi đổ bộ. (Theo các phi công FAC, các trận oanh kích do họ dẫn đường không bao giờ gây hoả hoạn. Họ cho rằng chính máy bay trực thăng đã gây ra hoả hoạn, do súng máy và rốc két của chúng). Khi hơn một trăm binh sĩ, một số khẩu pháo và nhiều hòm đạn được đổ xuống, thì đám cháy đã đến mức không thể kiểm soát được. Nhiều quả đạn pháo đã nổ trong ngọn lửa, và binh sĩ phải chuyển đài chỉ huy sang dựng trại ở quả đồi gần đó, tạm thời bỏ lại phía sau những khẩu pháo, cối bị phá hỏng. Máy bay trực thăng phải đến chở người và trang thiết bị của đài chỉ huy sang một ngọn núi ở cách đó khoảng 5 cây số về phía Đông. Đạn pháo vẫn lác đác nổ trên quả đồi đang bốc lửa nơi đặt đài chỉ huy cũ trong nhiều giờ. Nhưng trong hai ngày sau, có thêm bảy chuyến đổ bộ đã được hoàn thành mà không bị trục trặc gì nghiêm trọng.

Trong buổi chiều đầu tiên, thỉnh thoảng quân Mỹ bị bắn tĩa khi đào công sự trên đồi. Viên chỉ huy bộ binh ở quả đồi kế bên vị trí đài chỉ huy vừa rút đi phán đoán các tay bắn tĩa là lính Bắc Việt từ làng Đức Tân, cách đỉnh đồi khoảng 1 cây số về phía Tây bắn ra và anh ta yêu cầu ném bom triệt hạ ngôi làng. Một phi công FAC trẻ tuổi có bộ mặt nghiêm nghị, khô cứng như gỗ, nhân vật mà tôi gọi là trung úy Moore, chỉ dẫn cuộc oanh tạc và sau đó đã báo cáo là 20 hoặc 30 ngôi nhà đã bị huỷ diệt. Anh ta nói với các phi công đồng nghiệp của mình về trận oanh tạc như thế này: “Tớ đã san bằng toàn bộ chỗ đó, nhưng có một ngôi nhà tớ không thể nào đánh trúng. Tớ đã bảo các phi công oanh tạc phải cố gắng ném bom trúng ngôi nhà, và chắc chắn xung quanh đó đã có đến sáu hố bom của loại bom 1.000 pound (454kg), nhưng vẫn không trúng được nó”. Anh ta nói tiếp: “Bây giờ thì việc phải triệt hạ ngôi nhà này là một vấn đề có tính nguyên tắc đối với tớ. Các cậu cứ chờ xem, tớ sẽ làm điều đó”.

Cũng ngày hôm đó, nhiều trận ném bom khác đã diễn ra ở nhiều nơi rải rác trong khu vực tác chiến. Khi đêm xuống, một đơn vị địch không rõ quy mô lực lượng đã tấn công vào số binh lính của sở chỉ huy mới di chuyển sang quả đồi bên cạnh. Một số địch quân leo lên ngọn đồi bỏ không và thu những quả đạn cối mà lực lượng thuộc Lữ đoàn 1 Sư đoàn 101 bỏ lại khi di chuyển sang vị trí mới rồi bắn vào quân ta. Kẻ địch đồng thời tấn công vị trí mới. Các chỉ huy bộ binh đề nghị pháo bắn và cũng yêu cầu thêm loại vũ khí chủ yếu của hoả lực không yểm ban đêm là máy bay AC-47 (máy bay DC-3 cải biên thành máy bay quân sự có biệt danh là Spooky) được trang bị ba súng máy 7,62 mm, còn gọi là tiểu liên, có tốc độ bắn 100 viên/giây. Máy bay AC-47 thả những quả pháo dù khi bắn lên sẽ rơi xuống và chiếu sáng như ban ngày. Tuy nhiên trong những điều kiện như thế, hoả lực bắn ra cũng không thể đạt độ chính xác dù chỉ là tương đối, và thủ thuật là nã đạn tiểu liên xuống toàn khu vực nghi có địch. Trong đêm đầu tiên của cuộc hành quân, một máy bay Spooky đã tiêu thụ hết cơ số đạn của nó, tức là tới 21.300 viên. Hôm sau một báo cáo cho biết bốn lính Mỹ và 35 địch đã bị giết trong trận đánh. Trong ngày trước đó một trực thăng đã bị địch bắn rơi. (Trong thời gian còn lại của cuộc hành quân, khoảng hai tuần lễ, trung bình mỗi ngày có một trực thăng bị bắn rơi). Nhiều trực thăng cỡ lớn Chinook được điều đến chở một số máy bay bị bắn rơi ra khỏi vùng chiến sự và số còn lại thì bị hoả lực rốc két phóng từ các trực thăng đang bay lúc đó bắn xuống tiêu huỷ để ngăn không cho địch lấy radio, súng đạn và các trang bị trên máy bay. Ít nhất cũng đã có một trường hợp địch vào được một chiếc máy bay bị rơi và lấy đi một số trang bị trước khi máy bay bị phá huỷ. Trong các bản tin ra vào tuần lễ kết thúc của cuộc hành quân, không có bài nào nói đến khoảng hơn một chục máy bay trực thăng bị bắn rơi và tuy Lục quân không xác nhận tổng số máy bay rơi, nhưng họ tỏ ra rất sẵn sàng đáp ứng khi có nhà báo nào ngờ ý muốn nhìn tận mắt cuộc hành quân từ trên không hoặc trên bộ, hoặc muốn nói chuyện trực tiếp với các binh lính đã tham gia cuộc hành quân. Trong suốt thời gian tôi bay trên khu vực hành quân, tôi đã nhiều lần nhìn thấy các trực thăng Chinook bay qua

các dãy núi về căn cứ, dưới bụng có dây cáp treo những xác máy bay trực thăng Huey.

Một bản tin nhan đề “lính dù giao tranh với Tiểu đoàn Bắc Việt Nam” của Phòng thông tin thuộc Lữ đoàn 1 của Sư đoàn 101 miêu tả cuộc đụng đầu với đối phương như sau:

Núi Chuông Việt Nam (Ban thông tin 101) – Ngọn lửa từ những quả đạn pháo nổ như rắc hoa trên ngọn đồi. Lửa bốc cao trên đám cỏ voi khô, phun những cuộn khói đen lên bầu trời không một gợn mây. Đại úy Ronald G. Odom, quê ở San Fransisco từ trong máy bay ngó ra nhìn ngọn đồi đang rực cháy...

Sau khi tường thuật một vài cuộc giao tranh nhỏ với đối phương trong ngày, bản tin tiếp tục:

Ánh trăng chiếu xuyên qua đỉnh đồi tạo nên những bóng đen kỳ dị hạn chế tầm nhìn của phi công và làm thần kinh họ căng ra.

Đến khoảng 11 giờ 30 đêm, ánh trăng không còn nữa. Vài phút sau đối phương bắt đầu tấn công.

Odom kể lại: “Đối phương khai hoả với mọi loại súng họ có. Chúng tôi bị hoả lực cối 81mm và 60mm bắn. Phía bên sườn chúng tôi, trọng liên của họ bắt đầu bắn và bộ binh của họ tiến vào”.

Trước đó, Odom đã đánh dấu trên bản đồ các điểm có thể có trận địa cối của địch và Nemetz đã gọi pháo bắn vào đó. Dù có pháo chi viện song địch vẫn tiếp tục cày xới đại đội B bằng súng cối và vũ khí tự động.

Tại sườn Tây Bắc, trung úy Robert Berry, quê ở Boston và trung đội 4 của anh ta phải hứng chịu phần lớn cuộc tấn công. Và Odom nghe tiếng anh ta hét qua máy điện đàm: “Một số địch chỉ còn cách 10 mét. Đúng tầm tay lựu đạn. Ném!”.

Odom nhớ lại anh ta đã cảm nghĩ như thế nào khi nghe tiếng của Berry: “Cha này thuộc loại máu quá lạnh, tôi không thể tin nổi và anh ta đã tiếp tục giữ thái độ lạnh lùng bình tĩnh như vậy suốt cả đêm”.

Trung úy Thomas J. Courney, quê ở thị trấn Knoxville, bang Tennessee cho trung đội 3 bắn vào lực lượng địch đang xông tới sườn

mình. Những viên đạn vạch đường đan chéo bao quanh trận địa của trung đội những đường chéo đỏ rực.

Cối địch tiếp tục nổ trên đồi. Đột nhiên báo cáo từ trung đội Berry cho biết vị trí trận địa cối của đối phương chỉ cách họ có 100 mét.

Quan sát viên phía trước, Nemetz, chỉ điểm vị trí và gọi một khối lượng lớn hỏa lực dội xuống.

Suốt đêm, đại tá Puckett khích lệ các chiến sĩ của mình. Ông ta vượt qua hỏa lực cối của địch để đến với các thương binh và đi ra tận vòng ngoài phòng ngự của đơn vị để nói chuyện với binh sĩ. Vào lúc hai giờ sáng, tức là gần chín giờ kể từ khi bắt đầu nổ súng, trận đánh kết thúc. Không gian tĩnh lặng bao trùm xung quanh những người lính dù đang chờ trời sáng.

Khi trời hửng sáng, các binh sĩ mới mệt của đại đội B đi xem xét xung quanh trận địa. Ba mươi lăm lính Bắc Việt Nam tử trận, vũ khí của họ nằm rải rác trên chiến địa.

Vào ngày thứ hai, Lữ đoàn 1 của Sư đoàn 101 bắt đầu tung các đơn vị nhỏ ra các vùng nông thôn, nhiều đơn vị đã vấp phải sự kháng cự mạnh mẽ và bị tổn thất nặng. Đêm đó, các phi công FAC cho biết các chỉ huy mặt đất đã yêu cầu một số lượng phi vụ oanh tạc nhiều khác thường trên khắp khu vực tác chiến. Các phi công mô tả đặc điểm địa hình của mục tiêu cho nhau bằng thuật ngữ đồ họa hoặc bằng các tọa độ trên bản đồ của họ, bởi vì họ không hề biết tên làng xóm hay sông ngòi nào ở đây. Một phi công FAC nhận xét rằng các đơn vị tham gia cuộc hành quân Benton chắc chắn phải là “những kẻ thích chém giết”, bởi vì có ba đại đội đã chọn mật danh là “Cắt họng”, “Sát thủ” và “Kẻ giết người”.

Vào ngày thứ ba trong cuộc hành quân Benton, tôi bay trên khu vực tác chiến của Lữ đoàn 1 Sư đoàn 101 cùng với thiếu tá Billings, người bạn đồng hành với tôi trong chiến dịch Hood River. Tôi nhìn thấy làng Đức Tân, nằm phía dưới vị trí cũ của sở chỉ huy, đã bị triệt phá chỉ còn lại hai ba ngôi nhà. Bom đã xoá sạch một số thôn ở Đức Tân; dấu vết duy nhất chứng tỏ sự tồn tại trong quá khứ của các làng xóm này là những cái giếng hoặc những mảnh sân sau. Một số ngôi nhà khác đã bị bom na-pan thiêu rụi trở lại nền đất. Xung quanh ngôi làng bị huỷ diệt, phần lớn các đám ruộng đã

bị bom nổ chậm xoá sạch hoặc đã bị vùi lấp dưới những đồng đồ nát. Còn nhiều hố bom nữa nằm rải rác trên những cánh đồng ở khu vực Chóp Vum và ở khắp các sườn núi. Những ô vuông màu xám của những ngôi nhà mới bị thiêu cháy nằm rải rác khắp nơi. Thiếu tá Billings cho tôi biết những ngôi nhà này bị thiêu huỷ bởi rốc két mang đạn phốt-pho từ các máy bay trực thăng vũ trang tuần tiễu phóng xuống. Vài phút sau, tôi quan sát thấy một trực thăng đang bay trên vùng này sà xuống thấp. Nó đột ngột chuyển hướng bay rồi phóng nhiều quả rốc két phốt-pho vào một cụm ba ngôi nhà nằm khuất dưới hàng cọ. Khói trắng bốc lên và những ngôi nhà bùng cháy. Chiếc trực thăng lượn vòng rồi lại phóng rốc két xuống khu nhà và phóng nhiều quả đạn khác xuống những đám ruộng và những mảnh vườn. Nhiều đỉnh đồi trước đây ba ngày tôi còn thấy rậm rì cây xanh nay đã bị bom napan đốt cháy đen. Những hố pháo còn mới nằm rải rác quanh bãi đổ bộ. Đến thời điểm đó đã có tới hai mươi phần trăm các ngôi nhà ở Chóp Vum bị huỷ diệt.

Thiếu tá Billings đã được giao nhiệm vụ dẫn đường cho “một cuộc oanh tạc hoạch định trước” nhưng khi anh ta chưa xác định được vị trí mục tiêu trên mặt đất thì chỉ huy bộ binh đã yêu cầu “oanh tạc khẩn cấp”. Có nghĩa là cuộc oanh tạc được thực hiện sau khi nhận được yêu cầu chỉ huy bộ binh hoặc của phi công FAC nhiều lắm là vài giờ. Chỉ huy bộ binh nói: “Sáng sớm nay, chúng tôi bị một số hoả lực bắn tỉa từ một vài căn nhà phía dưới bắn lên ở toạ độ 384o297, và chúng tôi yêu cầu các anh đánh vào đó cho chúng tôi”. Thiếu tá Billings bay trên một ô vuông mỗi cạnh khoảng 100 mét theo toạ độ mô tả và phát hiện ra trong ô vuông này có hai ngôi nhà thờ đá dọc con lộ, trong làng Thạnh Phước. Viên chỉ huy bộ binh này chịu trách nhiệm về bãi đổ bộ nằm trên đỉnh đồi cách nhà thờ nửa cây số. Khi bị hoả lực bắn tỉa, anh ta quan sát kỹ toàn khu vực và nhận thấy chỉ có hai tháp chuông của nhà thờ là cao hơn các hàng cây và quả quyết rằng những tay bắn tỉa đã từ nhà thờ bắn lên. Phía trước nhà thờ, một lá cờ trắng bay trên đỉnh cột cờ cũng cao vừa ngang nhà thờ. Thiếu tá Billings nói:

- Chúng ta hãy nhìn xuống xem ở dưới đó có cái gì nào.

Anh ta cho máy bay sà xuống sát nóc nhà thờ. Quanh nhà thờ có hai, ba chục ngôi nhà. Khoảng nửa số này có tường đá và mái ngói đỏ, những nhà khác đều phen trê trát bùn, mái rạ. Một ngôi nhà mái rạ chiều dài khoảng 15 mét, rộng 10 mét và có vẻ như là nơi để tụ họp đông người. Phía trước hai nhà thờ là những vườn hoa đang trổ bông. Phía sau hai nhà thờ, những vạt rau trái dài qua những hàng cọ ra đến tận những ruộng lúa. Sau khi cho máy bay lên lại độ cao 500 mét, thiếu tá Billings liên lạc với viên chỉ huy bộ binh:

- Có hai trong số những ngôi nhà ở đây trông giống như kiến trúc nhà thờ. Anh có muốn triệt hạ chúng không?

- Nghe rõ. – Viên chỉ huy trả lời.

- Hình như phía trước có một lá cờ trắng. – Billings nói tiếp.

- Cứ triệt phá đi, kệ nó, muốn là thì thì là. – Viên chỉ huy bộ binh trả lời.

Một giờ sau, ba chiếc F-4 bay đến khu vực mục tiêu và viên chỉ huy tốp bay liên lạc vô tuyến điện với Billings – lúc này đang cố gắng quan sát xem có nơi nào có hành động khả nghi không – cho biết rằng họ đã chuẩn bị oanh tạc với loại bom 750 pound (340kg), rốc két và ca-nông 20 mm. Thiếu tá Billings nói:

- Chúng ta có thể sử dụng tất cả các loại đó. Viên chỉ huy tốp bay hỏi:

- Mục tiêu thuộc loại gì vậy?

- Chúng là mục tiêu quân sự. Anh có thể nhìn hình dáng của chúng để xác định chúng là các cấu trúc quân sự.

Đúng lúc đó, một loạt mười chiếc máy bay trực thăng xếp thành đội hình sát nhau bay tới bãi đỗ bộ trên đỉnh đồi. Thiếu tá Billings cho biết anh ta sẽ phải chờ cho các trực thăng này bay đi hết rồi mới báo lệnh tiến hành oanh tạc.

Tôi hỏi anh ta có cần thiết phải huỷ diệt những nhà thờ này không. Anh ta đáp:

- Nếu Việt Cộng không ngại gì vào đây để từ đó bắn vào quân ta thì cần phải xoá sạch nó đi.

Khi trực thăng cất cánh khỏi đỉnh đồi, Billings nói với viên chỉ huy tốp bay:

- Tin hay không tin thì hai toà nhà lớn dưới kia cũng là nhà thờ đấy, tôi sẽ hỏi lại viên chỉ huy bộ binh lần nữa xem ông ta có muốn xoá sổ chúng không.

- Không đùa đâu nhé. – Trưởng tốp bay nói. Billings hỏi viên chỉ huy bộ binh:

- Đây, anh có muốn huỷ diệt hai nhà thờ kia không?

- Nhất định rồi. – Viên chỉ huy bộ binh trả lời.

- Ô kê, xem này! – Thiếu tá Billings nói xong là gọi ngay các phi công F-4:

- Cho máy bay bay từ phía Nam lên phía Bắc, tôi sẽ lượn vòng sang phía Tây.

Viên thiếu tá cho chiếc O-1 bổ nhào, mũi máy bay nhắm vào ngôi làng và phóng ra một quả rốc két phốt-pho. Làn khói trắng của quả rốc két bay lên từ một vạt cây cách phía Nam nhà thờ khoảng 45 mét. Anh ta hỏi viên chỉ huy bay:

- Anh có nhìn thấy khói rốc két tôi vừa bắn không? Viên chỉ huy đáp:

- Tôi nhìn thấy rồi. Tôi sẽ cho máy bay bay dượt một lần, sau đó sẽ cắt bom 750 pound.

Một phút sau, một chiếc F-4 xuất hiện từ phía Nam, nhào xuống thấp bay thử một lần lướt qua nóc nhà thờ. Khi máy bay ngóc lên, nó ngoặt về hướng Đông rồi lượn vòng lại để chuẩn bị cho lần đổ nhào thứ hai. Chiếc F-4 thứ hai cũng nhào xuống theo kiểu như vậy và cắt bom. Một cột khói nâu cao bốc lên từ vườn rau phía sau một nhà thờ. Thiếu tá Billings nói:

- Còn cách mục tiêu đến 100 mét. Thử xem anh có thể ném bom gần hơn không?

- Xin lỗi nhé. – Tốp trưởng bay trả lời.

Chiếc máy bay thứ ba cũng ném bom vào vườn rau. Chiếc máy bay thứ nhất trong lần cắt bom thứ hai cũng ném bom xuống một đám ruộng còn cách nhà thờ tới 60 mét. Lần này ba cột khói nâu bốc lên cao chừng vài trăm mét, làm cho những ngôi nhà thờ chìm trong khói. Trong lần cắt bom

thứ hai của chiếc máy bay thứ hai, một quả bom rơi trúng phải sau một nhà thờ, ngôi nhà có treo cờ trắng.

- Trúng rồi, cưng ơi, tuyệt quá! Cậu đánh trúng rồi! – Billings reo lên.

Khi khói tan, ngôi nhà thờ đã bị xoá mất chỉ còn sót lại mặt trước với chiếc thánh giá gắn trên nóc. Lá cờ trắng vẫn bay trên cột. Chiếc máy bay thứ ba lại ném bom vào ruộng lúa bên cạnh nhà thờ. Trong vòng bay thứ ba, chiếc máy bay đầu tiên phóng rốc két nhưng chúng lại rơi xuống vườn rau sau ngôi nhà thờ đổ, để lại những đám khói nâu. Loạt rốc két sau đã trúng vào nhà thờ thứ hai làm sập phần sau và để lại trên mái trước nhà thờ hai lỗ thủng to bằng hai cửa lớn. Bỗng, năm ngôi nhà quanh nhà thờ bốc cháy. Billings nói:

- Tuyệt lắm!

- Cậu muốn ca-nông 20mm bắn vào đâu đây? – Viên tốp trưởng bay hỏi.

- Bắn trúng vạch mà cậu đã dọi trúng đó. Phóng vào đúng chỗ dãy nhà kia kìa để xem chúng ta có thể gây ra một số đám cháy hay không.

(Đạn súng máy thường làm bốc cháy những căn nhà, chứ bom lại ít khi làm được điều đó.)

Khi một máy bay F-4 bay qua bắn loạt đạn đầu tiên, một vầng lửa cắt ngang xuyên qua những căn nhà quanh nhà thờ và chỉ trong chớp mắt làm bốc lên hàng trăm tia lửa rực sáng. Billings kêu lên:

- Trúng rồi bạn ơi, trúng rồi! Mà sao cậu không khử nốt dãy nhà bên cạnh cái nhà thờ bên kia đường nhỉ?

- Được thôi. – Viên tốp trưởng bay đáp.

Đến loạt rốc két thứ hai, đường đạn rực lửa cắt ngang những ngôi nhà ở phía bên kia đường.

- Tốt lắm! Bây giờ làm sao hạ được những ngôi nhà gần đường ở đằng kia nhỉ. – Billings muốn nói đến ngôi nhà mái ngói trên đám ruộng ở phía Tây nhà thờ khoảng 100 mét.

Quầng lửa lại chụp xuống sau vòng bay xả súng thứ ba – vòng bay cuối cùng của cuộc oanh kích – để lại những lỗ hổng lớn trên mái nhà.

- Trúng phóc mục tiêu! Cám ơn, nhóc ơi! Các cậu đã làm tốt nhiệm vụ. Tớ sẽ ghi vào báo cáo cho các cậu điểm trúng mục tiêu 90%. – Billings reo lên.

Viên chỉ huy bay nói:

- Liệu tớ có được điểm KBA* không?

* KBA là số địch chết do máy bay ném bom. Số địch bị chết do công của từng phi công không được lưu trong con số thống kê chính thức, nhưng đa số phi công tìm cách giữ thống kê riêng điểm KBA của bản thân mình. (Chú thích của tác giả)

Thiếu tá Billings trước đó đã cho tôi biết là anh ta không hề nhìn thấy có người ở khu vực này, đáp lại:

- Tớ không biết. Các cậu phải đợi đến khi bộ binh vào đó đã. Nhưng tớ dự bao số KBA là bốn tên.

Khi hai người này nói chuyện với nhau, khoảng hơn chục ngôi nhà trong khu vực ném bom đã bốc cháy. Đầu tiên, ngọn lửa bén vào những lỗ hổng trên mái, sau đó nhanh chóng lan ra những bức tường, biến mỗi ngôi nhà thành một quả cầu lửa. Phần lớn những ngôi nhà này cháy rụi trong vài phút, để lại những cột khói đen bay lên từ đồng đồ nát.

Thiếu tá Billings gọi về cho Chu Lai để báo cáo đánh giá thiệt hại do bom gây ra. Anh ta nói: “Có hai cấu trúc quân sự vĩnh cửu bị tiêu diệt, mười cấu trúc quân sự khác bị phá huỷ và năm cấu trúc bị phá hỏng”.

Tôi hỏi có phải anh ta coi những ngôi nhà và hai nhà thờ ở đây là cấu trúc quân sự không. Anh ta đáp:

- Chúng tôi gọi chính những thứ đó là như thế.

Vài phút sau, viên chỉ huy bộ binh trên đỉnh đồi liên lạc được với Billings và yêu cầu một cuộc oanh tạc khẩn cấp nữa. Viên chỉ huy này nói:

- Có một loạt công sự ở ngay dưới điểm cao của chúng tôi, dọc theo hàng cây và chúng tôi thấy có những cái đầu Việt Cộng đang nhô ra thụt vào. Chúng tôi muốn thực hiện một cuộc oanh tạc vào đúng chỗ đó.

Billings bay ngay tới điểm mà viên chỉ huy bộ binh vừa cho biết và thấy một hàng cây cách ngọn đồi khoảng nửa cây số. Những miệng cửa đen kịt của một số công sự mở ra ở gần đó, còn phía xa hơn là một dãy nhà.

Billings nói:

- Tôi thấy mục tiêu rồi. Có phải cậu muốn ném bom trúng hàng cây đó không? Cũng có một số ngôi nhà ở đó nữa đấy.

- Dĩ nhiên. Chúng tôi gặp rắc rối với toàn bộ khu vực đó đấy.

- Được rồi. – Billings nói, giọng mệt mỏi, anh ta cao giọng với âm tiết đầu và hạ giọng ở âm tiết sau: - Chúng tôi sẽ làm công việc đó ngay khi các máy bay chiến đấu đến.

Hai mươi phút sau, ba chiếc F-4 đến khu vực này và viên chỉ huy tốp bay cho biết máy bay của mình mang bom na-pan và bom 1.000 pound (450kg), loại bom lớn nhất thường dùng ở Nam Việt Nam.

Những quả bom đầu tiên của cuộc oanh tạc rơi cách mục tiêu khoảng 100 mét. Một quả bom biến trọn một ruộng lúa thành một hố bom rộng 10 mét, sâu gần 2 mét làm bùn bắn tung toé lên các đám ruộng quanh đó. Hai quả bom tiếp theo trúng vào hai ngôi nhà và triệt hạ chúng. Hai quả bom khác rơi gần hàng cây, phạt đứt đôi phần lớn cây cối và thổi bay một cây cọ ra cánh đồng cách đó khoảng 50 – 60 mét. Billings nói:

- Tốt rồi, các cậu đánh trúng hàng cây rồi. Bây giờ hãy tiêu huỷ những ngôi nhà ở phía Nam hàng cây bằng bom na-pan đi.

Anh ta chỉ dẫn các phi công tới một cụm khoảng trên chục nóc nhà, cách hàng cây chừng 40 mét. Quả bom na-pan đầu tiên rơi cạnh hai ngôi nhà và lập tức làm chúng chìm trong lửa. Khi khói tan đi, chỉ còn lại khung nhà cháy đen nham nhở vẫn chìm trong ngọn lửa. Và lửa vẫn cháy sau khi hai ngôi nhà đã thành than, vì chất na-pan vẫn chưa cháy hết.

- Tuyệt quá! Các cậu hôm nay đánh trúng mục tiêu đấy! – Billings khen ngợi.

Quả bom na-pan thứ hai không trúng ngôi nhà, song do rơi gần đó nên chất na-pan tung toé lên bốn ngôi nhà và thế là chúng cũng bốc cháy.

Khi cuộc oanh tạc kết thúc, Billings nói với các phi công oanh kích:

- Cho các cậu điểm trúng mục tiêu 100%. Cảm ơn nhiều. Làm việc với các cậu thích thật. Hẹn gặp lại sau.

- Cảm ơn. – Tốp trưởng bay đáp.

Ba giờ bay của Billings đã xong và anh ta quay máy bay về Chu Lai.
Mười lăm phút sau, chúng tôi hạ cánh.

Sau khi bánh máy bay dừng lại ở chỗ bơm nhiên liệu, người thợ máy trẻ hỏi:

- Chào thiếu tá, tình hình hôm nay ra sao? Ông có tiêu diệt được mục tiêu nào không? – Anh ta nói với vẻ bình thản nhưng không che giấu được ý nóng lòng muốn nghe câu trả lời.

Thay vì trả lời là “Không biết” hoặc “Tuyệt lắm” như anh ta và các phi công khác vẫn thường làm, lần này Billings lại thốt ra: “Bọn tớ ném bom hai nhà thờ”, rồi cười phá lên như bày tỏ sự bất ngờ và thích thú của chính mình trước sự kiện này.

Chiều hôm đó, khi trở lại khu nhà ở của phi công FAC, Billings gãi đầu và nhìn vào mặt các phi công khác, rồi lại thốt lên:

- Tớ cho oanh tạc hai nhà thờ! – Và anh ta cũng cười phá lên. Mọi người nói:

- Đừng có đùa!

- Họ treo cờ trắng ở trước nhà thờ. Lá cờ trắng chết tiệt đó hiện vẫn còn đang bay.

Trung úy Moore chen vào:

- Phải rồi, tôi cũng nhìn thấy lá cờ trắng hôm nay khi bay qua đó. Ta phải tiêu diệt nó. Đó là vấn đề nguyên tắc.

Cuộc trò chuyện chuyển sang chủ đề ném bom nhằm và thiếu tá Billings, từng là phi công ném bom trong Thế chiến thứ hai và Chiến tranh Triều Tiên, kể về lần cắt bom do nhầm lẫn trên đất Bắc Triều Tiên:

- Có một toà nhà lớn ngay ở trung tâm thành phố và họ bảo là một sở chỉ huy quân sự quan trọng. Mục tiêu này quan trọng tới mức họ điều hai máy bay trinh sát dẫn đường cho tôi vào đó. Tôi trút hết cơ số bom lên mục tiêu. Khoảng ba ngày sau, tôi biết rằng nơi đó là một trường học và chùng

một trăm trẻ em đã bị sát hại. Họ không nói cho tôi biết sự nhầm lẫn này, nhưng tự tôi đã khám phá ra.

Một người khác mà tôi gọi là thiếu tá Nugent góp chuyện:

- Đầu năm 1965, có một phi công do nhầm lẫn đã ném bom vào một cô nhi viện và giết rất nhiều trẻ con. Về sau viên phi công đó biết được sự thật này, anh ta choáng váng đến nỗi phải xin làm việc vĩnh viễn trên mặt đất. Anh ta nói sẽ không bao giờ bay nữa.

Đại úy Reese, người đã cùng bay với tôi trong cuộc hành quân Hood River nhận xét:

- Đó là tâm trạng của rất nhiều người khi gặp một sự việc như vậy! Thiếu tá Billings phản đối:

- Không, ý tôi là đừng để cho cảm giác đó ám ảnh anh. Nếu không, anh không thể tiếp tục công việc. Phải làm cho nó trở thành một vấn đề hoàn toàn không liên quan gì đến bản thân mình. Sau khi anh giữ được tâm trạng đó một thời gian, anh sẽ quên đi ở dưới mặt đất đang có những con người.

Thiếu tá Nugent nói:

- Đúng vậy, mọi vật dường như rất yên tĩnh trên bầu trời nơi ta đang bay. Thậm chí chúng ta không thể biết khi nào thì mình sẽ bị ăn đạn. Chúng ta quên đi những gì đang diễn ra bên dưới. Chính những người lính bộ binh trên mặt đất mới biết rõ mọi chuyện đang diễn ra.

Tính chất trang nghiêm quá mức trong câu chuyện vừa rồi dường như đột nhiên lại tạo nên một sự thôi thúc trái ngược, gây ra trạng thái hưng phấn, và những nụ cười không thể kìm được bắt đầu xuất hiện trên nét mặt các phi công.

Đại úy Reese quay sang hỏi xem tôi có bao giờ được nghe những bài hát mà họ vẫn thường hát về cuộc chiến tranh này hay không. Tôi nói mình cũng đã được nghe một bài hát loại ấy.

Reese hỏi những phi công khác:

- Chúng ta có nên hát cho anh ta nghe một bài không nhỉ?

Đám phi công nhìn nhau và khi chưa có ai kịp trả lời thì Reese đã nhanh miệng cất tiếng hát:

*“Bắn phá làng mạc và giết dân thường,
Thả bom na-pan xuống ô vuông toạ độ
Cất cánh mọi ngày chủ nhật từ lúc tinh mơ
Chộp được chúng nó vào giờ cầu nguyện.”*

Tiếp theo, thiếu tá Billings lại ngân nga lời của một bài hát khác:

*“Ném kẹo cho lính Việt Nam Cộng hoà,
Kéo chúng xúm lại với nhau
Rồi chộp lấy khẩu ca-nông 20
Bắn hạ lũ khốn chết tươi.”*

Vào bữa ăn chiều tại nhà ăn của Lính thuỷ đánh bộ tối hôm đó, sau khi làm vài cốc giải khát, những người phi công bắt đầu những câu bông phèng để chế giễu ý kiến của ai đó cho rằng những cuộc ném bom do những phi công này dẫn đường thực hiện đều mang tính tàn bạo không cần thiết, rằng số phi công này đã bịa ra những nhận định sai lạc (trong khi bay tìm mục tiêu) và những tin tức bịa đặt như thế chỉ có thể xuất phát từ miệng những kẻ khát máu đi tìm thú vui trong việc cố ý tàn sát những người dân vô tội. Những người nói chuyện bông phèng đó dường như lại đang nói ra những lời trên đây trong một tâm trạng bất an và bối rối, còn số phi công khác thì lại gượng cười rất lâu để hưởng ứng, như muốn làm yên lòng những người đang nói. Tất cả những câu đùa giỡn này dường như lại gián tiếp nói ra sự căm rứt lương tâm nảy sinh trong lúc họ tán gẫu với nhau vào buổi chiều tại cư xá phi công.

Khi ăn gần hết món chính, thiếu tá Nugent hỏi đại úy Reese:

- Hôm nay có xử được mụ đàn bà hay nhóc con nào không?
- Có chứ, nhưng tớ đã để thoát một mụ có bầu. Reese đáp.

Bộ mặt khô cứng nghiêm nghị với đôi lông mày rậm của trung úy Moore hiện lên sự đấu tranh giữa thái độ nghiêm nghị thường ngày và nụ cười điên loạn của anh ta qua câu nói:

- Khi ta khử được một mụ đàn bà mang bầu, ta phải tính là hai Việt Cộng, một tên là lính còn một tên là học viên sĩ quan.

Mọi người cười ồ lên. Thiếu tá Nugent nói:

- Bruce choảng trúng một đám trẻ đang chơi bi. Cả nhóm lại cười ầm ĩ. Trung úy Moore nói tiếp:

- Tớ khử được một bà già ngồi xe lăn. – Và mọi người lại phá ra cười. Billings nói:

- Các cậu biết không, hồi tớ bay trên đất Nhật Bản, mọi thứ đều có thể chơi xả láng. Bọn phi công chúng tớ hồi ấy đúng là chẳng có gì phải trù trù, cứ gặp gì là bắn nấy. Tớ nhớ có lần gặp một lão già đang đi xe đạp trên đường, thế là tớ bay đuổi theo lão ta rồi xả đạn xuống đường. Đôi chân lão già đạp xe mỗi lúc một nhanh hơn, các cậu không thể nào hình dung được hai chân lão già đạp nhanh đến mức nào đâu. Cuối cùng thì tớ cũng bắn trúng lão.

Việc thường dân bị giết trong các phi vụ ném bom do họ dẫn đường ít khi được nói ra trong các câu chuyện thường ngày của đám phi công này, song bây giờ chuyện đó được nói tới một cách vô tình – nhưng lại như là một kiểu tố giác. Họ đem những chuyện đó ra đùa giỡn bằng giọng nói tự nhiên, bình thường như mọi ngày. Tuy nhiên tiếng cười bùng phát ồ lên khác thường sau khi nghe câu chuyện của thiếu tá Billings đã làm cho họ cũng bị bất ngờ vì ngay chính tiếng cười đó. Tôi cảm thấy tiếng cười có làm dịu bớt sự căng thẳng đã nảy sinh và tăng lên trong lúc họ đùa giỡn. Nó làm dịu đi, vì có thể những người này vốn là những người nghệ sĩ nói vậy, không câu nệ, và họ đã nhận ra rằng nếu để cho một vấn đề không được bàn cãi với nhau một cách rộng rãi cứ tồn tại giữa họ thì thật là một sự căng thẳng. Trung úy Moore cười sặc sụa đến nỗi không thể nuốt được phần thức ăn trong miệng, và trong nhiều giây người anh ta cứ co giật, đầu thì gục xuống, tay bịt lấy miệng. Cả anh ta và thiếu tá Nugent đều nước mắt giàn giụa.

Trung úy Moore thở dài, mặt bả người vì những tràng cười, nói:

- Ồ, tớ ấy à! Tớ chưa xử được mục già ngồi trên xe lăn, nhưng chắc chắn mục ấy phải mất nhiều máu lắm!

Không có ai cười vì câu nói đùa này. Im lặng.

Cuối cùng đại úy Reese nêu ý kiến là mọi người nên đi ra xem đêm nay trong căn cứ có chiếu phim gì.

Chiều hôm sau, tôi bay theo một phi vụ FAC với đại úy Leroy, một phi công trẻ cao lớn, có nụ cười trẻ thơ, dáng dấp tự hào và luôn vui tươi, thoải mái, nhưng khi công việc đòi hỏi, anh ta có thể tỏ thái độ nghiêm chỉnh với những lời nói đầy trách nhiệm và điềm đạm đúng với cương vị một sĩ quan nói với cấp trên. Khi chúng tôi bay qua khu vực Chóp Vum, tôi thấy số nhà bị tàn phá đã tăng lên rất nhiều. Phần lớn làng Phái Tây, nằm giữa ngã ba sông, giờ đây chỉ còn là đồng đổ nát. Cùng chịu chung số phận này là dãy nhà nằm về phía Đông khu nhà thờ trên con lộ chạy bên dưới Chóp Vum. Về phía Tây Chóp Vum, so với lần trước tôi bay trên khu vực này, số nhà đã bị huỷ diệt còn nhiều hơn nữa. Có thể đó là do rốc két phốt-pho từ trực thăng phóng xuống hoặc do hoả lực pháo. Là cờ trắng trước đây chấp chới trên những phần còn sót lại của ngôi nhà thờ đến nay cũng đã biến mất.



Trước đó, đại úy Leroy đã được phổ biến toạ độ của hai cuộc oanh tạc theo kế hoạch, và đó là mục tiêu nằm ở sườn Nam và Đông của quả đồi đặt sở chỉ huy nhưng sau đó đã phải di chuyển ngay từ ngày đầu cuộc hành quân. Sườn phía Nam là rừng rậm và trận oanh tạc đầu tiên (bằng bom napalm lẫn bom phá) đã quét đi những mảng lớn các tán cây, song không thể thấy thêm hậu quả nào khác. Sườn phía Đông là một mặt dốc thoải, chân dốc có ruộng bậc thang, phía trên là rừng cây, nhưng đỉnh đồi thì trơ

trụi và ngả màu đen vì bom tàn phá trong đợt chuẩn bị bãi đổ bộ. Từ dưới lên đến giữa sườn phía Đông, nơi không còn ruộng bậc thang nữa, những con đường nhỏ quanh co đi vào nhiều khóm ba, bốn nhà kết thành dãy quanh những mảnh sân, lọt giữa những khoảng trống trong rừng. Bắt đầu từ chân đồi, đại úy Leroy dẫn đường cho máy bay F-4 bay lên và chỉ dẫn cho các phi công tiêu diệt những khóm nhà tranh đó. Bom na-pan trùm lên hai khóm nhà và chúng bốc cháy ngay, song một vài quả bom na-pan rơi cách mục tiêu khá xa và đại úy Leroy không hài lòng với kết quả này.

Như để khắc phục nhược điểm đó, Leroy nói với tôi:

- Được rồi, bây giờ đến lượt tôi xử lý những ngôi nhà kia nhé!

Rồi anh ta cho máy bay bổ nhào và hướng mặt kính chắn gió trước buồng lái nhằm thẳng khóm nhà cách khu vực mục tiêu ban đầu chừng 300 mét. Leroy phóng quả rốc két duy nhất còn lại và khói trắng bốc lên cách đó khoảng 20 mét rồi kêu lên:

- Chết tiệt! Trượt rồi!

Nhưng vài phút sau, ngôi nhà bốc cháy. Anh ta ngạc nhiên nói:

- A, trúng rồi. Hẳn các thứ dưới ấy đều khô rúm mới bén nhanh thế!

Ba người từ một ngôi nhà chạy ra, theo con đường tới hàng cây và biến mất. Leroy kêu lên:

- Xem kìa! Có thấy mấy người kia không? Họ chạy đến hầm trú ẩn rồi đó, tìm ngay các hầm ngầm này đi.

Anh ta báo cáo về căn cứ Chu Lai là đã diệt được 6 cấu trúc quân sự.

Một phút sau, tôi hỏi xem anh ta có cho rằng những người vừa chạy ra khỏi nhà lúc này là Việt Cộng không. Anh ta đáp:

- Mọi người dân không tham gia Việt Cộng đều đã có cơ hội ra khỏi nơi đây nếu họ muốn. Họ luôn được báo trước. Tôi đã thấy máy bay tâm lý chiến đã rải truyền đơn ở đây.

Tôi hỏi anh ta nếu những người dân thường đã đi rồi thì họ đi đâu.

- À, họ đến nhà bạn bè hoặc đại loại như vậy.

Tôi nói lên nhận xét của mình là từ khi cuộc hành quân bắt đầu, hầu như không thấy bóng người nào trên đường. Leroy đáp:

- Họ đã di tản từ trước khi cuộc hành quân bắt đầu. Nhìn mà xem, những ngôi làng này đầy rẫy Việt Cộng, hết như những ổ chuột cống và giải pháp duy nhất là phải tiêu rụi hết. Đó là cách duy nhất chúng ta có thể làm.

Đại úy Leroy tiếp tục lượn vòng và quan sát vùng nông thôn phía dưới.

Vài phút sau, tốp trưởng bay liên lạc với Leroy qua làn sóng vô tuyến. Anh ta nói:

- Chúng tôi còn một số đạn 20mm chưa dùng hết trong phi vụ trước, không biết anh có cần dùng nó vào việc gì không?

- Tôi sẽ hỏi lại viên chỉ huy bộ binh. – Leroy hỏi ngay, và viên chỉ huy bộ binh nói sẽ hỏi ý kiến các chỉ huy đơn vị dưới quyền.

Mười phút sau, viên chỉ huy bộ binh gọi lại và nói:

- Chẳng có chỗ nào yêu cầu anh sử dụng số đạn này đâu. Nhưng tôi nghĩ anh nên dùng số đạn ấy để bắn vào ngọn đồi trước kia là đài chỉ huy nay đã di chuyển để làm nổ hết chỗ đạn pháo bỏ lại đó, để cho Việt Cộng không thể lấy sử dụng.

Thế là đại úy Leroy chỉ dẫn tốp máy bay ném bom chiến đấu tới mục tiêu. Những quả đạn pháo 20mm nổ ngay trên ngọn đồi trong suốt thời gian máy bay quần đảo trên mục tiêu ba lần, nhưng không nghe thấy có tiếng nổ phụ.

Khi đại úy Leroy về Chu Lai, radio của anh bắt được một cuộc nói chuyện từ mặt đất. Từ một đơn vị bộ binh có tiếng nói:

- Thưa ngài, sáng nay chúng tôi diệt được bốn Việt Cộng. Chúng tôi đi lùng quanh khu vực, thấy những tên này đang bám theo chúng tôi. Khi chúng tôi phát hiện, chúng tôi xả súng ngay. Chúng bỏ chạy song chúng tôi đã bắn trúng cả bốn tên. Chúng không mang vũ khí nhưng tất cả đều mặc loại đồng phục bà ba đen Việt Cộng và chắc chắn thuộc lứa tuổi quân dịch. Chẳng có gì phải nghi vấn trong chuyện này nữa, thưa ngài.

Sáng hôm sau, ngày thứ năm của cuộc hành quân Benton, tôi bay theo phi vụ của Billings. Vào ngày thứ ba của cuộc hành quân, nhiều đơn vị của Lữ đoàn Bộ binh nhẹ 196 đã được không vận đến vùng đồng bằng phía

Đông khu vực tác chiến của Lữ đoàn 1 Sư đoàn 101 và khu vực gần đó với hy vọng chặn được các đơn vị địch đang định tháo chạy theo hướng này. Chúng tôi bay trên vùng đồng bằng và thiếu tá Billings chỉ cho tôi thấy một làn sương mù lơ lửng trên những ngôi nhà và khu vườn rau. Anh ta nói:

- Này, nhìn đám sương mù kia kìa, đó là hơi độc đấy. Loại khí này không làm chết người, mà chỉ gây nôn mửa thôi, vì thế họ sẽ phát bệnh và nói chung sẽ loại họ ra khỏi vòng chiến đấu. Quân ta bị ăn hoá lực địch ở đó, thế là phải thả hơi độc vào để quét sạch địch. Sau đó họ đeo mặt nạ chống hơi độc và tiến vào.

Khi chúng tôi tới vùng Chóp Vum, tôi thấy hoá lực bom, đạn pháo và rốc két đã huỷ diệt thêm một số ngôi nhà. Tại phía Bắc ngọn núi, rất nhiều cột khói bay lên từ những ngôi làng dọc sông Tiên – đây là một dấu hiệu thường thấy khi quân Mỹ đốt nhà. Lúc này thiếu tá Billings đang bay trên khu vực này và chỉ cần nhìn những đám khói và tro tàn, tôi cũng biết là đã có khoảng hai chục ngôi nhà vừa bị thiêu rụi.

Billings cho máy bay lượn vòng vèo để làm cho những tay bắn tỉa không bắt được mục tiêu, rồi hạ thấp độ cao xuống khoảng 30 mét và lượn sát nhiều vòng trên những ngôi làng đang bốc cháy. Nhiều gia đình đang đứng ở sân trước nhìn nhà cửa của mình đổ sụp chìm trong lửa. Một số lính Mỹ cũng đứng trong sân ngay bên cạnh những người dân và một số khác cố lao lên qua những hàng cây để tiếp tục đốt nhà.

Tôi hỏi Billings xem lính dưới mặt đất có bực mình với anh ta không khi anh ta đem theo một nhà báo trên máy bay và sà xuống thấp khi chúng đang đốt phá làng mạc.

Nhưng anh ta đáp: “Ồ, không đâu, họ lại thích thế”.

Thiếu tá Billings bay lên phía trước đám lính, bay sang phần làng chưa bị đốt phá và những đám ruộng. Tới một điểm, anh ta nói:

- Nhìn này, đây là điều mà tôi muốn anh thấy – lỗ nhện đó. Chúng đều liên hoàn với nhau. Việc Cộng sẽ có một vị trí rất tốt để từ đó bắn vào quân ta.

Anh ta cho máy bay sà thấp chừng 20 – 30 mét khi chúng tôi bay lướt qua một gò đất có ba, bốn lỗ đen ngòm, mỗi lỗ cách nhau chừng 10 mét.

Những đám ruộng lỗ chỗ hố bom và nhiều ngôi nhà bị đạn pháo triệt hạ hoặc phá huỷ một nửa. Một con trâu nằm chết giữa ruộng.

Nhiệm vụ của Billings ngày hôm đó là dẫn đường cho một cuộc oanh tạc theo kế hoạch, toạ độ của cuộc oanh tạc này hoá ra là một đỉnh đồi rộng, bằng phẳng ở khu vực Chóp Vum. Có nhà cửa, ruộng rẫy hoa màu ở trên đỉnh và ở hai bên sườn cho tới những chỗ quá dốc không thể làm ruộng bậc thang được. Mười hoặc mười lăm ngôi nhà đã bị phá huỷ, nhưng ở ngay trên chóp đồi, hai chỏm đất tròn, mặt đất khá bằng phẳng có thể làm một số rẫy lúa, có năm, sáu ngôi nhà vẫn còn nguyên vẹn. Theo toạ độ thì chỉ biết mục tiêu là một ô vuông mỗi chiều 100 mét, nên toàn bộ đỉnh đồi, kể cả những đám rẫy và rừng cây, đều nằm trong mục tiêu đánh phá. Billings quyết định tập trung đánh những ngôi nhà.

Tôi hỏi anh ta xem mục tiêu thuộc loại gì, anh ta đáp, anh ta chỉ được giao toạ độ mục tiêu, không hề có mô tả gì hết, song anh ta phán đoán rằng mục tiêu phù hợp nhất phải là “nơi nghi có tập trung quân địch”, hoặc là “căn cứ địch”.

Một tốp F-4 bay tới khu vực và viên tốp trưởng thông báo cho Billings rằng họ mang loại bom 500 pound (227 kg), bom na-pan và ca-nông 20mm để bắn phá.

Thiếu tá Billings cho máy bay bổ nhào và bắn một quả rốc két phốt-pho thẳng vào những rẫy lúa. Một chiếc F-4 bay dượt qua mục tiêu và chiếc F-4 tiếp theo bắt đầu oanh tạc với hai quả bom 500 pound. Hai quả bom nổ trong cánh rừng phía dưới ngọn đồi khoảng 150 mét. Chùm bom từ chiếc máy bay thứ hai rơi cách xa ngọn đồi khoảng 200 mét.

Billings nói với tôi:

- Hôm nay chẳng quả bom nào rơi gần mục tiêu cả. – Rồi anh ta nói với tốp trưởng: - Cố đưa bom lên cao, lên phía trên chừng 150 mét.

- Nghe rõ. Tôi xin lỗi! – Tốp trưởng nói.

Chùm bom phóng ra trong ba lần bay tiếp theo qua mục tiêu đã rơi xuống cách khu vực mục tiêu khoảng từ 100 đến 150 mét. Billings nói:

- Lạy Chúa Jesus! Họ chẳng ném được quả bom nào gần mục tiêu cả.
– Sau đó bằng một giọng kiên trì, anh ta nói với trưởng tốp bay:

- Khu vực mà tôi muốn anh đánh là ở phía kia, ngay cạnh đám khói của tôi đấy, sát những ngôi nhà kia kìa.

Tốp trưởng trả lời:

- Tôi thấy rồi. Tôi sẽ xem có thể ném những quả bom cuối cùng xuống đó không.

Những quả bom na-pan ném trong hai lần máy bay bay qua mục tiêu cũng chỉ rơi xuống chân đồi và khu rừng. Chùm bom trong lần bay qua mục tiêu lần thứ ba rơi xuống đỉnh đồi và đám rẫy. Billings reo lên:

- Lần này thì cậu trúng mục tiêu rồi! Bây giờ hãy xối đạn 20mm vào ngay khu vực ấy đi.

Khi cột khói đen dày đặc của chùm bom na-pan thứ ba tan đi trên đám rẫy, hai ngôi nhà bốc cháy. Những khung nhà đen xì thoáng hiện ra trong ngọn lửa da cam rực sáng rồi sụp đổ. Cả ba lần máy bay bắn phá mục tiêu đều nhằm vào những đám rẫy và nhà còn lại rồi chấm dứt cuộc oanh tạc. Trong chốc lát thêm hai ngôi nhà nữa bốc cháy.

Billings nói với tốp trưởng:

- Tôi chỉ cho các cậu 20% điểm bom rơi trúng mục tiêu và 50% điểm hoàn thành mục tiêu.

Sau đó anh ta liên lạc vô tuyến điện với sở chỉ huy Chu Lai báo cáo đã diệt được bốn cấu trúc quân sự.

Khi cuộc oanh tạc kết thúc, thiếu tá Billings bay nhanh tới rìa phía Bắc khu vực tác chiến của Lữ đoàn 1 Sư đoàn 101 và qua ranh giới này, tôi thấy rõ ngọn lửa từ những căn nhà bốc cháy và nhiều vệt khói bay lên từ cả hai phía của một thung lũng nhỏ. Thiếu tá giải thích rằng Lính thủy đánh bộ đã mở cuộc hành quân mang tên Cochise ngay phía Bắc cuộc hành quân Benton và đã tính toán thời gian cho trung khớp với nó. Khi bay trở về qua vùng Chóp Vum, tôi thấy lực lượng bộ binh trước đây tôi đã thấy di chuyển về phía Bắc ngọn núi giờ đây đang tiến về hướng Đông chừng 500 mét để lại phía sau một vệt nhà cháy.

Khi chúng tôi bay trên Chóp Vum, một chỉ huy đơn vị ở trên mặt đất báo cáo với một sĩ quan cấp trên qua radio: “Tôi tóm được một bà già ở

đây. Tôi phải làm gì với bà ta đây?”. Viên sĩ quan trả lời: “Vấn đề quan trọng là phải tiếp tục tiến lên, đừng để sa lầy với vấn đề dân tỵ nạn”.

Viên chỉ huy đơn vị lại hỏi: “Tôi có được thả bà ta về hay không hay là có chỗ nào an toàn để đưa những người bị bắt đến không?”.

“Không có chỗ nào đâu. Nhưng điều quan trọng là tránh xa vấn đề dân tỵ nạn nhé. Nếu không anh sẽ bị sa lầy giống như đại đội C đó.”

Viên chỉ huy đơn vị đáp: “Vâng, thưa ngài”.

Thiếu tá Billings quay về hướng Chu Lai và tôi đề nghị anh ta nhận định xem trong 5 ngày đầu tiên của cuộc hành quân Benton, bao nhiêu phần trăm nhà cửa đã bị phá huỷ trong khu vực tác chiến của Lữ đoàn 1 Sư đoàn 101.

Anh ta nhìn vào khung cảnh bên dưới và nói:

- Có thể là 40% chứ chưa được 50% đâu.

Ngày hôm sau tại phòng làm việc của Trung tâm kiểm soát, một đại úy đưa cho tôi bản báo cáo tổng hợp về lượng thuốc nổ đã sử dụng, số phi vụ oanh tạc đã thực hiện và kết quả đạt được trong 5 ngày của cuộc hành quân Benton trong khu vực quanh Chóp Vum mà tôi đã chọn làm nơi quan sát từ lúc bắt đầu cuộc hành quân. Tôi đã mô tả cho anh ta khu vực này theo toạ độ trên bản đồ đường không bởi vì phần lớn thông tin là những gì anh ta đã rút ra từ những báo cáo đánh giá thiệt hại do bom gây ra (viết tắt là BDA), được các phi công FAC nộp lên. Báo cáo viết:

TỔNG KẾT CUỘC HÀNH QUÂN BENTON, 5 NGÀY ĐÊM PHẦN TRÁCH NHIỆM CỦA KHU VỰC CĂN CỨ 117

- 43 phi vụ oanh tạc đã được thực hiện.

- 20 trong số này có báo cáo BDA (đánh giá kết quả ném bom).

- 23 không có BDA, do rừng cây che khuất, do tối trời và do khói.

ĐÁNH GIÁ THIẾT HẠI CỦA ĐỊCH TRONG 20 PHI VỤ OANH TẠC

- 139 cấu trúc quân sự bị phá huỷ hoàn toàn.

- 33 cấu trúc quân sự bị phá hỏng.

- 17 hầm công sự bị phá hỏng.

- 3 hầm công sự bị hư hỏng

- 4 vụ nổ phụ.
- 125 mét hào bị phá huỷ.
- 1 địa đạo bị phá huỷ.
- 1 trận địa vũ khí tự động bị im tiếng.
- 1 cánh đồng lúa lớn bị phá huỷ.

SỐ BOM ĐẠN ĐÃ DÙNG

Bom: 251

Bom na-pan: 93

Rốc két: 339

Ca-nông 20mm: 25.600 viên

Pháo sáng: 145

Đạn súng máy: 21.200 viên

Tôi không thể xác định được số đạn pháo đã bắn xuống vùng Chóp Vum, nhưng có tất cả 2.005 quả đã bắn vào toàn bộ khu vực tác chiến của Lữ đoàn 1 Sư đoàn 101, một khu vực mỗi cạnh dài khoảng 10 cây số, trong đó có đỉnh Chóp Vum.

Hiện chưa có bản đánh giá thiệt hại do hoả lực pháo, hoả lực súng máy trực thăng rốc két phốt-pho, và tôi cũng không biết có bao nhiêu nhà đã bị bộ binh thiêu huỷ.

Trong thời gian tôi ở cùng với các phi công FAC, họ và nhiều sĩ quan khác nói đi nói lại rằng chúng ta có thể chiến thắng nhanh chóng nếu như không bị quá nhiều ràng buộc. Chủ yếu họ nói về ba kiểu ràng buộc. Một là, trừ những nơi bộ binh tác chiến, còn thì không thể oanh tạc các xóm làng nếu như dân làng chưa được thông báo bằng truyền đơn hoặc bằng lao phóng thanh. Hai là, khi chúng ta muốn biến một vùng thành vùng tự do bắn phá” – tức là một vùng mà ta có thể ném bom tùy ý và không cần báo trước – dân làng phải được sơ tán đi nơi khác trước đó. Ba là, chúng ta không thể huỷ diệt một vùng nếu chưa được sự chấp thuận của tỉnh trưởng. Để tìm hiểu về hệ thống cảnh báo, tôi nói chuyện với Phòng Chiến tranh Tâm lý phục vụ Lực lượng Đặc nhiệm Oregon; về vấn đề sơ tán dân, tôi nói chuyện với Phòng Dân sự của Sư đoàn Không vận 101; và về quy chế xin chấp thuận, tôi nói chuyện với tỉnh trưởng. Sau khi bay trên khu vực của cuộc hành quân Benton trong 5 ngày đầu tiên, tôi tự giới hạn những điều cần hỏi của mình chỉ xoay quanh cuộc hành quân trong phạm vi thời gian đó. Kết cục, tôi đã khám phá ra rằng những thủ tục để vận dụng những ràng buộc này đã được điều chỉnh hoặc bị bóp méo hoặc bị bỏ qua tới mức trong thực tế những ràng buộc này không còn giá trị nữa, tuy nhiên đã có nhiều động tác giả tạo để làm cho đầu óc đám sĩ quan nghĩ là họ bị quá nhiều ràng buộc.

Tại Phòng Chiến tranh tâm lý của Lực lượng Đặc nhiệm Oregon, viên trung tá phụ trách nói với tôi rằng người của họ đã rải 1.515.000 tờ truyền đơn trên khu vực tác chiến và đã một lần thực hiện cảnh báo qua lao phóng thanh, song nội dung chỉ là những vấn đề có tính chất chung chung, và không có một cảnh báo rõ rệt nào về các cuộc oanh tạc sắp xảy ra. Anh ta cho tôi xem các bản sao (nguyên bản tiếng Anh) những tờ truyền đơn đã

rải, kể cả những tờ truyền đơn mà Phòng Chiến Tranh tâm lý gọi là “loại Chiêu hồi”, loại này bao gồm nhiều truyền đơn kêu gọi các thành viên Việt Cộng về với “quốc gia” – tức là chính phủ Nam Việt Nam. Một số truyền đơn loại này có tính đe dọa, tung ra ảnh xác bộ đội Việt Nam trần truồng, vết đạn lỗ chỗ, chất thành đống. Một số truyền đơn khác có vẻ hoà giả cho thấy ảnh những người chiêu hồi mặt mũi tươi tỉnh, kèm theo những lời lẽ nói lên rằng cuộc sống trong các trại của chính phủ là ấm no, hạnh phúc. Máy bay chiến tranh tâm lý còn rải 180.000 tờ truyền đơn mang số 47-65, nhan đề “mìn của Việt Cộng gây những cái chết vô nghĩa”, đưa ra một bức vẽ người nông dân bị thương vì các vụ nổ tại ruộng lúa. Lời chú thích viết: “Việt Cộng cài mìn vào ruộng lúa của bạn và làm cho bạn bị đói. Bạn phải giúp quân đội Cộng hoà và Lính thuỷ đánh bộ chặn chúng lại và đừng cho chúng nó một hạt gạo nào của bạn”. Đằng sau tờ truyền đơn có những dòng: “Mìn của Việt Cộng giết người Việt trên đường, trong làng và trên những cánh đồng. Hãy giúp đỡ bạn bè và láng giềng của bạn bằng cách báo tin về những hành động ở đó của Việt Cộng”.

Viên trung tá nói cho tôi nghe về hoạt động của cơ quan ông ta trong ba tháng trước. Ông ta nói:

- Chúng ta thả truyền đơn vì muốn khai thác điểm dễ bị tổn thương của đối phương. Mỗi ngày chúng tôi thả tới hơn một triệu tờ truyền đơn. Chủ yếu chúng tôi dùng máy bay Cessna O02 để thả, nhưng bây giờ chúng tôi đã có loại C-47 và chúng tôi có thể rải hai triệu tờ truyền đơn mỗi chuyến bay.

(Sau đó, tôi nhìn vào sổ theo dõi truyền đơn của cơ quan này – trên một ngàn loại truyền đơn. Cuốn sổ chia thành các mục như “Các chiến binh vận động” trong đó có các loại truyền đơn như “Ủng hộ chính phủ Nam Việt Nam”, “Việt Cộng”, “Hướng dẫn cho dân”, “Chiêu hồi”, “Y tế”. Loại truyền đơn về “Y tế” đưa ra lời khuyên về vệ sinh cá nhân, vệ sinh công cộng. Ví dụ như khuyên dân làng đun sôi nước rồi mới uống, đập nắp thùng rác, ngủ phải mặc màn. Những tờ truyền đơn này đều có một câu kết với nội dung cam đoan chính phủ sẽ “chăm sóc cho dân”.)

Viên trung tá nói tiếp:

- Chúng tôi cũng có loại máy bay mới, gắn loa với công suất 1.800 oát và nói nghe rõ ở độ cao 1.500 mét. Chúng tôi có một số cuốn băng chuẩn có thể dùng ở đây. Trong cuộc hành quân Benton, chúng tôi đã mở băng hoà giải dân tộc trong vài giờ. Ngay tại đây, chúng tôi cũng tự làm một số băng, bằng cách sử dụng những kẻ hồi chánh*; giống như cách chúng tôi thả truyền đơn. Đôi khi chúng tôi vừa mở băng vừa thả truyền đơn. Những kẻ hồi chánh kể lại việc họ đã được đối xử tốt ra sao, và đại loại những chuyện như thế.

* Kẻ chiêu hồi (cách dùng mang tính ca ngợi trong tâm lý chiến).

Viên trung tá nói rằng nhiều đơn vị bộ binh được sự trợ giúp của các tổ phát thanh bằng loa. Những tổ này đi trước bộ binh Mỹ, phát đi những bản tin kêu gọi đối phương đầu hàng. Trong chiến đấu, các đơn vị chiến tranh tâm lý thích dùng máy quay băng sẵn hơn là dùng giọng nói của người thật.

- Theo cách đó người đọc tin mới có thể tự tin và tránh được giọng run rẩy và rời rạc, - viên trung tá giải thích. – Đôi khi họ mở băng phát thanh từ ngoại vi khu vực đóng quân của Mỹ. Chủ yếu chúng tôi phát nhạc và thỉnh thoảng xen vào những cái mà chúng tôi gọi là “phương pháp kích động”. Chúng tôi dùng loại nhạc nhớ quê hương để làm cho Việt Nam cảm thấy cô đơn và muốn trở về với gia đình. Qua nghiên cứu chúng tôi biết rằng, đối với người Việt Nam nhạc sáo là thứ nhạc gợi tình cảm nhớ quê hương. Chúng tôi có ba bản nhạc, một bản do nam giới hát, một do nữ giới hát và một là nhạc sáo. Người nam và nữ hát về quê hương gia đình thân yêu của họ. Người Việt Nam rất gắn bó với quê hương. Có truyền thuyết cổ xưa của người Việt Nam nói về một vị chỉ huy thối sáo hay đến mức kẻ thù vứt bỏ vũ khí và quay về với gia đình khi nghe ông thổi sáo...

Tôi nêu ra việc quân Mỹ đã huỷ diệt tới 40% số nhà cửa trong khu vực diễn ra cuộc hành quân Benton trong năm ngày đầu tiên, và hỏi xem ông ta nhìn nhận vấn đề này ra sao.

Viên trung tá nói:

- Chúng tôi đã huỷ diệt nhiều xóm làng và phải làm như vậy. Song có những luật tác chiến ngăn không cho chúng tôi tự ý ném bom bất kỳ ngôi

làng nào đứng về phía chính phủ. Hễ có thời gian là chúng tôi cho máy bay tâm lý chiến tới đó và cảnh báo cho dân làng biết.

Viên trung tá cũng cho tôi biết về các tổ chức có tên là tổ nghe nhìn đi chiếu phim trong các trại và các thôn làng khi có cơ hội.

- Họ chiếu phim Mỹ, phần lớn là phim cao bồi miền Tây. Có lần, họ chiếu phim “The Swinger”, phim không tốt và đó là một sai lầm. Sau họ không chiếu lại phim đó nữa. Nhưng chúng tôi cố gắng đưa ra những bức ảnh nói về lối sống Mỹ. Chúng tôi cẩn thận thể hiện những gì mà họ hiểu được. Ví dụ, nếu ta cho họ xem một phim khoa học viễn tưởng họ sẽ không hiểu những gì đang diễn ra. Phim Walt Disney rất hay vì lời nói không quá trịnh trọng. Xen giữa các cuộn phim, chúng tôi cho họ xem phim hoạt hình và các phim ngắn có tác dụng củng cố những lời tuyên truyền của ta. Đa số các phim này là do Bộ Thông tin của Nam Việt Nam sản xuất. Một bộ phim có hình ảnh một Việt Cộng ngớ ngẩn đi lạng quạng rơi xuống con kênh, đại loại là như thế. Một phim khác lại cho biết một người hồi chánh đã quyết định bỏ hàng ngũ Việt Cộng ra sao. Đôi khi chúng tôi cho xã trưởng nói chuyện với dân giữa chừng buổi chiếu phim. Anh biết đấy, họ không hề có TV, không được xem chiếu phim, không có đầu đĩa hoặc thứ gì cả. Vì thế khi chúng tôi cho họ xem cái gì đó, họ thích thú vô vậ ngay. Điều mà chúng tôi làm được là đã để lại tâm trạng thích thú trong lòng đám trẻ, để rồi sau này chúng lớn lên khi gặp Việt Cộng tìm cách thuyết phục chúng, chúng sẽ nhớ lại những gì tốt đẹp mà Đồng minh đã làm cho chúng.

Khi tôi đi qua văn phòng của viên trung tá và bước vào một căn phòng rộng hơn, bên trong có nhiều bàn làm việc của các sĩ quan chiến tranh tâm lý khác, một viên đại úy gọi một viên trung úy:

- Này Ray, cuốn băng gợi nhớ quê do một giọng nữ hát thế nào rồi?

- Tốt lắm! – Anh ta trả lời, mắt vẫn chăm chú nhìn tấm bản đồ mục tiêu của Phòng Chiến Tranh Tâm lý nằm trong bì kẹp hồ sơ, mặt ngoài có trang trí ảnh hai người mẫu của tờ “Playboy” mới ra trong tháng.

Một phút sau, viên đại úy đưa cho viên trung úy đọc tờ truyền đơn nguyên bản tiếng Anh.

Viên trung úy cãi lại rằng lệnh giới nghiêm nêu trong tờ truyền đơn phải viết là: “Từ lúc mặt trời lặn đến khi mặt trời mọc”, chứ không phải là “Từ 6 giờ tối đến 6 giờ sáng”. Người Việt Nam không biết giờ giấc gì cả vì họ đâu có đồng hồ.

Viên đại úy nói:

- Chắc chắn họ có đồng hồ. Anh cứ nhìn quanh căn cứ mà xem, ai cũng có đồng hồ cả đấy chứ.

Viên trung úy đáp lại:

- Đúng là ở căn cứ thì thế, nhưng nếu anh đi quốc lộ 1, nơi họ đang vận chuyển gỗ, gạo và thực phẩm, cứ mỗi chiếc đồng hồ mà anh nhìn thấy, tôi cược với anh hai châu rượu đấy.

- Tôi nhớ lần vừa rồi, chúng ta ra lệnh thiết quân luật theo giờ. Sau câu này, hai người chuyển sang chuyện khác.

Trên sơ đồ treo tường bên cạnh bàn làm việc của viên đại úy có một cột cho thấy số truyền đơn rải từng tháng từ năm 1967, cột thứ hai là số người (Việt Cộng) đào ngũ hàng tháng, cột thứ ba là số người đào ngũ hàng tháng của năm 1966. Viên đại úy nói với tôi:

- Chúng tôi lập các bảng thống kê số người đào ngũ hàng tháng để qua đó đánh giá hoạt động của mình có hiệu lực đến đâu. Chúng tôi cảm thấy phấn khởi vì con số hồi chánh năm nay cao hơn những tháng cùng kỳ năm trước. Đây là điểm mà chúng tôi quan tâm, cũng chính là điểm cho thấy chúng tôi thực sự đã làm được những gì. Tuy vậy, không có sự tương xứng giữa con số

truyền đơn rải xuống trong những tháng diễn ra nhiều cuộc hành quân của Lực lượng Đặc nhiệm Oregon và số người đào ngũ trong những tháng đó.

Tôi đến thăm một lán nhỏ dùng làm Phòng Dân sự của Lữ đoàn 1 Sư đoàn 101 để hỏi xem có bao nhiêu người đã được di tản ra khỏi khu vực tác chiến trong cuộc hành quân Benton và được biết người ta cho rằng cuộc hành quân không làm phát sinh số dân di tản mới. Dường như tin tức về việc các trại ở đây chỉ có thể bảo đảm chăm sóc – một sự chăm sóc quá nhỏ bé – cho một số ít người bị mất hết nhà cửa, cửa cải trong khu vực này đã

đến tai các vị quan chức ở Sài Gòn, và Lực lượng Đặc nhiệm Oregon đã nhận được yêu cầu phải tiến hành hoạt động sao Cộng hoà không làm gia tăng nhiều số người tới các trại tỵ nạn. Trong tuần lễ đầu tiên của cuộc hành quân Benton, giải pháp của Lực lượng Đặc nhiệm Oregon đối với vấn đề này là vẫn thực hiện cuộc hành quân như bình thường nhưng không tiến hành việc sơ tán dân làng trước cũng như khi làng bị triệt phá. Vào ngày thứ sáu của cuộc hành quân, tôi biết điều này khi hỏi viên thiếu tá phụ trách Phòng Dân sự là bao nhiêu trong số mười bảy ngàn người sống trong khu vực tác chiến đã được sơ tán, anh ta đáp có 15 người đã được trực thăng đưa đi và một trăm người khác đang chờ chuyển đi. Tôi nói rằng có khoảng 40% những ngôi nhà trong khu vực đã bị phá huỷ mà không cảnh báo cho dân làng. Viên thiếu tá nói là với sự giúp đỡ của Phòng Chiến tranh Tâm lý, Phòng dân sự đã lập một kế hoạch linh hoạt hơn, sẽ được thực hiện vào tuần thứ hai của cuộc hành quân nhằm tạo cho người dân ở khu vực tác chiến có cái mà viên thiếu tá gọi là “sự lựa chọn tự do” – hoặc vào các trại của chính phủ hoặc ở lại nguyên quán. Mỗi người lính Mỹ sẽ được giao một năm truyền đơn được in ấn phục vụ cho cuộc hành quân Benton và tự anh ta sẽ đưa cho người dân ở đây khi có lệnh của người chỉ huy trực tiếp. Truyền đơn này mang số 244-133-68 với nhan đề là “Hãy đến trại tỵ nạn Lý Trà” với nội dung như sau:

“Người Lính Mỹ đưa cho bạn tờ truyền đơn này đang có mặt ở đây để giúp bạn tự giải thoát khỏi Việt Cộng và bọn xâm lược Bắc Việt Nam, những kẻ đã gây ra sự tàn phá của chiến tranh. Người lính này sẽ đưa bạn và gia đình đến trại Lý Trà, nơi đây chính phủ Nam Việt Nam sẽ bảo vệ các bạn. Tại trại này, các bạn có thể sống một cuộc sống hoà bình và thịnh vượng mà không phải lo lắng cho tính mạng của những người thân. Bạn sẽ tới Lý Trà bằng trực thăng và sẽ chỉ được mang theo hành trang cá nhân. Chính phủ Nam Việt Nam có trung tâm tỵ nạn ở Lý Trà và sẽ giúp bạn cho đến khi bạn có thể tự lập.

Nếu bạn muốn đến Lý Trà hãy vỗ vào vai người lính Mỹ và anh ta sẽ hiểu. Mang theo những tài sản của mình theo sự chỉ dẫn của người lính Mỹ.

Nếu bạn không muốn tới Lý Trà, hãy xe tờ truyền đơn này làm đôi. Anh ta sẽ hiểu rằng bạn không muốn đi.”

Tôi hỏi viên thiếu tá phụ trách Phòng Dân sự xem theo anh ta thì mục đích của cuộc hành quân Benton là gì. Anh ta trả lời:

- Tỉnh trưởng đã cho chúng tôi biết vùng này gần như là vùng Việt Cộng 100%. Chúng tôi coi mọi người ở đây đều là Việt Cộng chính gốc, nếu không thì cũng là những người ủng hộ Việt Cộng ở mức độ nào đó. Trước khi cho oanh tạc một khu vực, luôn có một máy bay tâm lý chiến đi trước. Đây là cuộc hành quân để bắt sống Việt Cộng chứ không phải là càn quét khu vực. Ta không thể lúc nào cũng đi khắp nơi để lừa mọi người đi.

Tôi hỏi Phòng Dân sự còn có kế hoạch gì khác đối với người dân trong vùng. Anh ta đáp:

- Bây giờ chúng tôi sắp sửa ra khỏi khu vực này rồi. Chúng tôi không có kế hoạch gì cho thời gian trước mắt. Trách nhiệm của chính phủ Nam Việt Nam và Quân đội Cộng hoà là thực hiện công cuộc bình định và phát triển cách mạng.

Trong khi chúng tôi đang trò chuyện thì một viên đại úy ngồi gần đó nhận được một cuộc gọi điện thoại và sau khi gác máy, anh ta nói với viên thiếu tá:

- Đại tá gọi đấy. Ông ta muốn thiêu rụi hai làng đó. Ông ta nói đây là yêu cầu của Tỉnh trưởng.

Một trung úy dáng cao và trẻ mặc bộ đồ dã chiến có áo lót sơ mi đang ngồi ở phía bên kia lán hỏi xen vào.

- Thế còn dân làng thì sao? Viên đại úy trả lời:

- Đại tá nói chúng ta không định đưa bất kỳ người tỵ nạn nào đi cả.

- Ngài định nói gì vậy? Làm sao chúng ta có thể đốt làng mà không sơ tán dân đi?

- Đó là lệnh của đại tá!

Viên trung úy đứng phắt dậy và nói:

- Phải nhớ rằng chúng ta đã có luật tác chiến, chúng ta không thể đốt làng mà không chú ý đến dân. Đó là điều kỳ quái! Chúng ta có thể tôn

trọng một vị đại tá hay không khi ông ta ra một mệnh lệnh như thế. Tôi muốn nói đây không phải là trò đùa đâu. Đúng không?

- Ông tỉnh Trưởng bảo chúng ta làm như thế. – Viên đại úy nói. Viên trung úy lại ngồi xuống.

Một thượng sĩ thuộc Phòng Tác chiến thốt lên.

- Người Việt Nam có thể tự tìm chỗ ở khác. Đó là cách của họ. Cứ khoảng hai năm, họ lại lên đường tìm một chỗ ở mới. Đó cũng là cách người ta đã làm ở Triều Tiên. Tại đó, các ngôi làng cũng không bị triệt hạ nhưng dân làng vẫn thu dọn đồ đạc và đi tìm chỗ khác.

Ngày hôm sau tôi tới Tam Kỳ, tỉnh lỵ của Quảng Tín, gặp ông tỉnh trưởng, Đại tá Hoàng Đình Thọ để hỏi về vai trò của ông ta trong việc trao quyền hạn hoạt động cho Lực lượng Đặc nhiệm Oregon trong năm ngày đầu của cuộc hành quân Benton và trong tỉnh của ông ta nói chung. Văn phòng của ông đặt ở một ngôi nhà lớn hai tầng, xây theo kiểu Pháp. Ngôi nhà nằm ở ngoại ô Tam Kỳ trong một khu đất rộng có một con đường dài cho xe ra vào, hai bên có hàng cây. Ở ngay hai bên lối vào của đường xe chạy, hai ngọn tháp ba tầng trát vừa có đắp hình nổi trang trí kiểu hiện đại, hai ngọn tháp đứng sừng sững như những tấm chắn khổng lồ đặt trên một khu đất bằng phẳng, cây cối đã bị san ủi để bảo đảm an ninh. Có một trạm gác đặt cạnh một ngọn tháp và bên ngoài là những cuộn dây thép gai rải dài ra tận những đám đất màu nâu sẫm. Một sĩ quan Việt Nam ở đó giải thích cho tôi biết rằng lẽ ra giữa hai tháp phải có một vòm nổi, song đã hết vật liệu. Theo ông ta, hàng cây đã được trồng theo một chương trình đặc biệt nhằm làm đẹp đất nước của Tổng Thống Diệm.

Hai bên văn phòng tỉnh trưởng là những dãy nhà dài và thấp dành cho các sĩ quan Việt Nam Cộng hoà và các cố vấn Mỹ. Ngay khi tôi tới – vào đầu buổi chiều – một chiếc xe tải nhỏ tiến vào một trong những nhà trên. Cuối thùng xe, một lính Mỹ cầm một khẩu súng canh gác khoảng hai mươi người Việt Nam, đầu bị những bao đựng cát dính đầy đất bụi trùm kín. Trong tình trạng mờ mịt không nhìn thấy gì xung quanh, một số người đan tay vào nhau, một số người khác quàng tay lên vai nhau. Một sĩ quan người Việt quát một tiếng gì đó và họ bỏ những bao trùm đầu ra rồi nhìn quanh,

chớp chớp mắt trong nắng trưa chói chang. Có năm người trong số này là phụ nữ, tám hoặc chín người là nam thanh niên hoặc trung niên, ba người là ông già và hai người là con gái nhưng nhìn mặt còn đáng trẻ con. Sau khi giúp nhau run rẩy trèo ra khỏi xe, họ được giao cho một lính Mỹ cao to, trẻ và có nét mặt như học sinh, tóc dài thẫm màu. Anh ta có vẻ như tức giận vì chuyện gì đó. Anh ta quát những người này: “Đi ra đằng kia!”, vừa nói tay anh cầm cuộn giấy chỉ về phía cuối toà nhà. Đám người nhìn theo hướng anh ta chỉ nhưng vẫn đứng im. Người lính trẻ lại quát và quật cuộn giấy đang nắm trong tay vào mặt ông già vô tình đứng bên cạnh: “Tao đã bảo đi cơ mà!”. Ông già ngã người về phía sau, đôi mắt nhìn trân trân vào người lính, lúc này anh ta đang quay đi và hùng hổ bước lên trước đám người, mặt đỏ lên vì giận dữ. Bốn sĩ quan Mỹ trước đó đứng ở hành lang tán chuyện và nhìn đoàn người bị bắt ra khỏi xe, bây giờ đã đi vào trong nhà. Đám người đứng quanh một góc sân và được dẫn tới một căn nhà nhỏ quét vôi trắng, không cửa sổ đứng trơ trụi trên một đám đất điêu tàn. Vài ba sĩ quan Việt Nam Cộng hoà đang ngồi tán gẫu ở ngoài căn nhà nhỏ uể oải đứng lên khi nhìn thấy đám người bị bắt lại gần.

Tôi hỏi một sĩ quan Mỹ đi ngang qua khu vực này xem đám tù nhân kia là gì. Anh ta đáp:

- Họ là những người bị bắt giữ. Người ta tóm được họ ở nơi nào đó sau núi và bây giờ đưa về đây để thẩm vấn.

(Khi tôi ở Quảng Ngãi và Quảng Tín, tôi từng thấy nhiều tốp người bị bắt luôn bị trùm đầu bằng bao đựng cát, và bị lừa lên trực thăng hoặc xe tải dưới sự canh gác của lính Mỹ cầm súng ngắn. Qua Phòng Thông tin của Lực lượng Đặc nhiệm Oregon, tôi biết có đến 93% số người này cuối cùng đã được xác minh là vô số tội và đã được thả.)

Cuối cùng tôi cũng được Đại tá Thọ tiếp. Ông này trạc 40 tuổi, dáng người thấp bé hơn đa số đồng bào của mình. Ông ta có những nét bảnh trai, ăn mặc rất trau chuốt, phô diễn một thứ tiếng Anh khá vững nhưng lại thiếu tinh tế, cái vốn ngôn ngữ mà ông ta đã thu được trong hai năm tu nghiệp tại Mỹ. Mới đây báo chí quân sự đưa tin theo yêu cầu của ông, có một số máy điều hoà nhiệt độ dự định lắp cho các văn phòng rộng lớn của ông đã được

chuyển sang dùng cho một bệnh viện quân đội. Khi gặp ông ta, tôi hỏi chuyện này và ông ta cười phá lên thích thú xen lẫn vẻ bối rối, vừa khoác tay bỏ qua chuyện đó. Sau đó ông ra hiệu cho một sĩ quan Mỹ đứng phía sau mình. Anh này bước lên mấy bước và bằng một giọng khàn khàn tự giới thiệu mình là trung tá Robert O. Lynch, cố vấn trưởng của tỉnh Quảng Tín, rồi bước lùi lại sau, mặt nghiêm trang như thể một quản gia đã được huấn luyện kỹ càng. Trong suốt cuộc phỏng vấn, Đại tá Thọ hay cười phá lên và khoa tay múa chân trong khi trung tá Lynch ngồi yên, dường như để tránh làm ảnh hưởng đến phong thái của Tỉnh trưởng do sự hiện diện khó chịu của một người Mỹ.

Chúng tôi ngồi quanh một bàn cà phê nhỏ, tôi hỏi Đại tá Thọ về vai trò của ông trong việc lên kế hoạch cho cuộc hành quân Benton, hỏi xem ông ta có hạn chế gì đối với Lực lượng Đặc nhiệm Oregon trong việc ném bom và bắn phá trong năm ngày đầu của cuộc hành quân hay không. Tôi biết phương pháp giao quyền hạn của ông ta trong một cuộc hành quân của Mỹ là không cần xem xét từng mục tiêu của từng cuộc oanh tạc hoặc bắn phá riêng lẻ mà đưa ra ý kiến giao quyền hạn tổng quát cho viên chỉ huy mặt đất của Mỹ trước khi bắt đầu cuộc hành quân. Khu vực Chóp Vum là nơi quân Mỹ đã được giao quyền hạn tổng quát như thế và đại tá Thọ không nhận được tin tức gì về kết quả của các trận oanh kích, trừ tin về thương vong địch, kể từ khi bắt đầu cuộc hành quân Benton.

Đại tá Thọ nói với tôi:

- Lực quân Mỹ có đến gặp tôi và xin phép mở cuộc hành quân và tôi báo cho họ biết những nơi không thể ném bom.

Về sau tôi được biết viên tỉnh trưởng đã được triệu tập tham dự một cuộc họp trước khi mở cuộc hành quân hai ngày và đã được yêu cầu phải quy định cụ thể về khu vực không được oanh kích. Lúc ấy đã có sự thỏa thuận rằng sẽ không được hành quân ở khu vực cách thị xã Phước Tiên vài cây số.

Ông Thọ nói tiếp:

- Ngoài Phước Tiên ra, người chỉ huy bộ binh được quyết định những khu vực ném bom. Đôi khi tôi cho phép đốt một làng có Việt Cộng phòng

thủ nhưng số lần cho phép như thế không nhiều trong cuộc hành quân này. Chỉ một hay hai làng thôi. Đôi khi các làng ủng hộ Việt Cộng và chúng quá mạnh nên phải tiêu diệt chúng.

Tôi hỏi ông ta về kế hoạch đối với dân thường trong vùng.

- Hiện tại không có dân tỵ nạn, trừ khi họ xin đi. Chúng tôi mang đi tất cả những dân làng có thái độ thân thiện với chính phủ và đưa họ đến khu vực của chính phủ để bảo vệ. Đối với thân quyến của Việt Cộng, có lẽ họ phải chịu đựng khó khăn. – Đại tá Thọ nói:

Đến đây, trung tá Lynch ngược mắt lên xin được phép nói và sau khi được Tỉnh trưởng cho phép, anh ta nói:

- Dĩ nhiên, khi chúng tôi phải huỷ diệt một làng hầu như bao giờ chúng tôi cũng báo trước cho dân chúng bằng truyền đơn hoặc bằng loa phóng thanh. Chúng tôi rất cẩn trọng trong chuyện này.

Tôi hỏi Đại tá Thọ rằng sau khi cuộc hành quân Benton kết thúc, chính quyền có kế hoạch an ninh cho khu vực này hay không. Ông ta trả lời:

- Có thể có vào thời điểm nào đó, nhưng hiện tại chúng tôi không có đủ quân. Cuộc hành quân này nhằm tiêu diệt quân chủ lực của Việt Cộng. Cuộc chiến tranh này được tiến hành trên nhiều mặt. Đôi khi chúng tôi phát hiện ra Việt Cộng và di chuyển một số người để thực hiện cuộc chiến tranh kinh tế. Đôi khi chiến tranh kinh tế lại là quan trọng nhất. Phải kiểm soát được dân và thay đổi hình thái bố trí dân cư.

Tôi nêu nhận xét của mình với tỉnh trưởng là có hai nhà thờ ở Thạnh Phước bị ném bom và liệu ông ta có biết điều đó hay không.

Ông ta nói:

- Có chứ. Sáng nay tôi được nghe báo cáo là Việt Cộng đã huỷ diệt hai nhà thờ đó.

Tôi nói là chính tôi đã thấy máy bay Mỹ ném bom các nhà thờ này. Viên tỉnh trưởng cười phá lên vài giây và nói:

- Ôi dào! Trong chiến tranh, ta không thể lúc nào cũng phân biệt được những gì đang xảy ra và ta cũng không thể lúc nào cũng phân biệt được sự khác nhau giữa những ngôi nhà bình thường với nhà thờ.

Sau này, tôi nói chuyện với một đại úy Việt Nam Cộng hoà, một người đã nhiều lần đến các tỉnh phía Bắc từ sau khi kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai, anh ta bày tỏ sự kinh sợ trước các chính sách của quân đội Mỹ ở vùng quân đoàn I trong khoảng một năm qua. Anh ta nói:

- Quân Mỹ đã huỷ diệt mọi thứ, nếu họ bị một phát súng ở một làng bắn ra là họ sẽ tiêu diệt cả làng đó. Chúng tôi có cảm giác là lực lượng S-5 của Mỹ xây dựng một làng còn S-3 sẽ huỷ diệt làng đó*. Tôi giúp phân phát gạo và vật liệu xây dựng cho một làng và ba ngày sau làng đó bị ném bom triệt phá hoàn toàn. Họ ném bom những làng có cả gia đình anh em binh sĩ chúng tôi đang sống. Một anh lính từ Sài Gòn trở về và thấy gia đình của mình đã bị giết hết. Họ ném bom cả người giàu lẫn người nghèo. Người giàu là kẻ thù của Việt Cộng. Chúng ta phải bảo vệ họ. Nhưng bây giờ người giàu có hai kẻ thù; đó là

* S-5 là Phòng Dân sự, còn S-3 là Phòng tác chiến. (Chú thích của người dịch)

Việt Cộng và những người Mỹ đã ném bom vào nhà cửa của họ. Người Mỹ ném bom cả vào trụ sở dân vệ địa phương. Ai vẽ ra chính sách mới này vậy? Người Mỹ không bao giờ tìm cách bảo vệ làng xóm. Chỉ cần một Việt Cộng – một người thôi – với một khẩu súng máy cũng có thể vào bất kỳ làng nào và dân chúng không thể làm gì đối với Việt Cộng đó. Dân thì có thể làm được gì? Chẳng làm gì được. Người Việt Cộng đó bắn vào quân Mỹ và thế là cả làng này bị ném bom.

Tên đường từ Tam Kỳ trở lại Chu Lai, tôi có dịp nói chuyện chừng 15 phút với một số người trong khoảng một trăm người dân trước đó một ngày đã được đưa ra từ khu vực diễn ra cuộc hành quân Benton tới khu vực tập kết để chuẩn bị chuyển tiếp đến một nơi khác. Theo các kế hoạch do văn phòng tình trưởng vạch ra, những dân làng bị đưa ra khỏi khu vực hành quân Benton sẽ vào trại chính phủ ở Lý Trà, nhưng khi các quan chức tại Lý trà nghe được chuyện này, họ không nhận bất kỳ ai mới đến, với lý do là số người trong trại và họ hiện đã vượt quá khả năng bảo đảm ăn ở của trại. Số dân sơ tán đến vì vậy phải chia nhỏ và dồn về các trại nhỏ hơn. Chiếc xe Jeep chở tôi tình cờ dừng lại ở khu vực tập kết dân. Khoảng hơn trăm dân các làng từ nhiều nơi trong khu vực hành quân Benton đang tập trung trên một nền bê tông xi măng, cỡ bằng nửa sân bóng rổ, có lợp mái tôn, cột nhà bằng kim loại. Nền nhà nằm ở giữa một bãi đất trống đầy cỏ, nhiều bụi cây và cát sỏi, không có cây to. Kiểu địa hình này có rất nhiều ở vùng bờ biển của Quốc lộ 1 thuộc tỉnh Quảng Tín và Quảng Ngãi, song đây không phải là vùng đất sinh sống truyền thống của người Việt Nam; những người dân nước này thường dựng nhà ở nơi có cây to, có nguồn nước, và dành những khu cát trắng khô cằn và cỏ xấu làm nghĩa trang. Cạnh nền nhà đã có nhiều dãy lều mái tôn hoặc mái rạ, tường bằng vôi rơm hoặc bằng bìa các-tông. Đây là nơi ở của những người đã bỏ nhà ra đi từ hồi đầu năm.



Tại đây không có lính Mỹ, nhưng với sự giúp đỡ của một thông dịch viên, tôi biết được trong số dân này có nhiều người đã sống xung quanh hai ngôi nhà thờ bị ném bom ở Thạnh Phước. Tôi tới gần nhóm này và tìm cách tự giới thiệu với người thiếu phụ ngồi co ro trên nền nhà với ba đứa con nhỏ đang xúm quanh mẹ, nhưng dường như đó là điều không thể làm được vì có khoảng hơn mười người khác ngay lập tức bu lấy tôi và tất cả đều cùng lên tiếng trả lời câu hỏi của tôi. Người thông dịch viên như bị ngợp trong những câu trả lời tới tấp này và chỉ có thể dịch được lời một số ít người. Chỉ có hai hoặc ba thanh niên trong đám này nhưng có rất nhiều phụ nữ trung niên và cho đến lúc này họ là những người nói năng mạnh dạn nhất. Tôi hỏi nhóm người bu quanh tôi rằng họ đã đi đâu khi cuộc ném bom bắt đầu và tôi lại được nghe những câu trả lời tới tấp:

- Chúng tôi chui xuống hầm.
- Chúng tôi không ra ngoài suốt ba ngày. Chúng tôi không có gì để ăn.
- Tôi muốn quay lại để tìm bà chị.
- Nhà tôi đã bị ném bom.
- Chúng tôi không có gì ăn ở đây cả.
- Ba người đã bị giết.
- Cho tôi xin cơm.

- Chúng tôi không có chỗ ở đây.
- Toàn bộ nhà cửa bị ném bom rồi.
- Chúng tôi nấp trong hầm và đem theo bọn trẻ con.
- Chúng tôi không thể mang theo đồ đạc.

Tôi hỏi xem liệu họ đã tới được trại chưa và gia đình vẫn còn nguyên vẹn hay không.

- Các ơn, các con tôi đã có mặt đầy đủ ở đây.
- Tôi không biết con gái tôi ở đâu.
- Các con gái tôi đã ở đây nhưng con trai tôi đi đâu không biết.
- Chồng tôi không có ở đây.
- Chúng tôi chẳng mang theo gì được cả.
- Tôi muốn quay về tìm ba tôi.

Hình như tôi là người Mỹ đầu tiên nói chuyện với họ và đương nhiên, họ nhầm tưởng tôi là người phụ trách, người có thể giúp họ. Khi một phụ nữ nói ba ta muốn quay về tìm thân nhân của mình thì ngay lập tức cả nhóm người này tỏ ra phấn khởi hy vọng.

- Các ông có cho trực thăng quay lại chở thêm người không?
- Tôi có thể trở về không?
- Tôi không có gì ăn cả.
- Các ông có đưa thêm người ra không?

Khi đề nghị tôi đưa trực thăng trở lại đón thân nhân của họ, một số người chỉ tay về phía ngọn núi xanh xanh ở tận cuối cánh đồng nắng cháy.

Những người đàn ông có mặt ở đó đều không trả lời gì trừ khi họ được hỏi trực tiếp. Khi được hỏi về gia đình, một ông già đội mũ cối, mặt quần áo ba ba đen như đa phần nông dân Việt Nam thường mặc, nói với giọng lễ phép quá mức rằng con trai ông là lính Cộng hoà và ngay lập tức nhiều ba cũng đồng thanh nói rằng họ cũng có con là lính Cộng hoà.

Một bà khác nói thêm:

- Con tôi vào lính Cộng hoà cách đây bốn năm và kể từ ngày đó tôi chẳng có tin gì của nó.

Rồi lại có tiếng một bà khác:

- Con tôi đi với Việt Cộng.

Một số bà dường như không tin vào thông dịch viên nên đã dừng điệu bộ động tác diễn tả để thu hút sự chú ý của tôi. Họ chìa bàn tay không ra để chứng tỏ họ không có gì cả, họ chỉ vào đám trẻ bán thiếu hoặc chỉ vào bụng và nhăn nhó mặt mày làm vẻ đáng thương hại để thể hiện những gì mà họ đang chịu đựng. Một bà túm tay áo tôi, kéo tôi đi vài mét, chỉ vào một đồng quần áo và những chiếc nồi đen xì rồi nói: “Đây là tất cả những gì tôi có thể mang theo”.

Trong số người tụ tập ở khu nền xi măng, có vài người đang đứng nhìn với đôi mắt đờ đẫn và miệng há ra. Tôi hỏi một bà về những người này, bà ta nói: “Anh này đang lên cơn sốt. Nhiều người khác cũng bị sốt”. Bà ta lắc đầu và nói: “Bây giờ mà bị sốt là khổ lắm”.

Một số người khác không quan tâm đến sự hiện diện của tôi. Một bà mẹ trẻ đi chân đất đang khom lưng cúi xuống đám con, quay lưng lại, cặp mắt giận dữ và sầu khổ khi nghe tôi muốn nói chuyện với bà qua thông dịch viên.

Bọn trẻ từ các lều lân cận đã hoà nhập với những người mới đến và chúng tỏ ra rất bạo dạn. Với thái độ giống như phần lớn trẻ em đã sống gần lính Mỹ trong thời gian dài, chúng thọc tay vào túi tôi và la to “Nào, nào, có gì làm kỷ niệm không nào?” (nghĩa thực tế là “Cho tôi cái gì ăn đi!”) hoặc “kẹo cao su, kẹo cao su” hoặc chỉ nói “ô kê”. Bốn đứa trẻ từ vùng Chóp Vum mà tôi tìm cách nói chuyện đã vụt bỏ đi, khi tôi đi theo chúng chúng không thèm nhìn tôi.

Sau khi tôi nói chuyện với người dân từ Thạnh Phước, một người đàn ông trung niên mặc bộ đồ đen sạch sẽ đã tìm đến tôi, ông ta tự giới thiệu là cựu mục sư của một trong hai ngôi nhà thờ đã bị ném bom. Ông ta cho biết đã rời Thạnh Phước trước đó một năm rưỡi và bây giờ đến khu tập kết này để giúp định cư những người dân mới đến đây. Ông ta giải thích, một ngôi nhà thờ là của Thiên Chúa giáo, ngôi nhà thờ kia của đạo Tin Lành. Người dân Thạnh Phước đã tự mình xây hai nhà thờ này từ một thập kỷ trước theo sự chỉ đạo của đoàn truyền giáo từ Sài Gòn đến – những người đã tạo điều kiện để họ có nguyên vật liệu xây dựng.

Khi xe chúng tôi rời nơi đó, một chiếc trực thăng hạ cánh và một gia đình đã mất người cha leo ra khỏi máy bay và đặt chân xuống một đám đất trống, mỗi người mang một bọc nhỏ.

Ngày 27 tháng 8, một ngày trước khi kết thúc cuộc hành quân Benton, một lần nữa tôi lại bay theo một phi vụ máy bay FAC trên khu vực Chóp Vum để chứng kiến những gì xảy ra ở đây trong những ngày còn lại của cuộc hành quân. Tôi bay cùng đại úy Reese. Khi chúng tôi bay qua khu vực tác chiến của Lữ đoàn bộ binh nhẹ 196, đại úy Reese chỉ cho tôi xem một vạt rộng và dài, cây cối và đất đai toàn một màu nâu bề rộng khoảng hai trăm mét, dài tới ba cây số tiếp giáp vùng đất có trồng trọt ở giữa thung lũng. Anh ta giải thích rằng cuộc hành quân Ranch Hand đã rải chất độc làm rụng lá cây cách đó ba ngày. Khi chúng tôi tới gần vùng Chóp Vum, chín ngày kể từ khi tôi bay qua đây lần trước, khoảng 50% những ngôi nhà tại những làng ngay phía Bắc sông Tiên đã bị huỷ diệt. Căn cứ vào những cảnh tượng hoang tàn và nhiều hố bom dày đặc ở đây, có thể biết những ngôi nhà này đã bị bom và pháo phá huỷ. Tại một số nơi, chỉ còn một ngôi nhà vẫn nguyên vẹn giữa cảnh hoang tàn; tại một số nơi khác, có một đồng đồ nát nằm lọt giữa những ngôi nhà chưa bị phá huỷ. Trên bờ phía Nam sông Tiên, nơi lính bộ binh Mỹ đã đốt nhà khi tôi bay qua đó lần trước, nhiều ngôi nhà đã bị phá huỷ một cách có hệ thống dọc theo con đường chạy uốn quanh về phía Đông Chóp Vum. Khoảng 65% số nhà ở khu vực Chóp Vum nói chung đã bị huỷ diệt.

Đại úy Reese đã được phân công dẫn đường cho hai cuộc oanh kích theo kế hoạch định trước trong phi vụ kéo dài ba giờ đồng hồ của mình ngày hôm đó. Trong khi bay tới mục tiêu đầu tiên, tôi nhìn thấy có năm, sáu người đi trên ruộng và trên đường. Khi đại úy Reese nhận ra ba người trên một đám ruộng, anh ta nói với tôi:

- Bọn này ra ruộng thu hoạch lúa đấy. Chúng nó cần phải biết việc gì là việc nên làm hơn chứ. Tất nhiên là chúng sẽ đi đánh thôi.

Sau một phút, khi phát hiện có một người đi một mình trên đường, Reese nói:

- Kìa, có một gã nào kìa. Chắc hẳn hẳn sống ở đây.

Qua máy thu của chúng tôi, có tiếng người nói với ai đó cũng ở trên mặt đất:

- Tôi đi ra đằng kia, phát hiện được hai tên ở chỗ trống, tôi bắn máy phát. Chúng bỏ chạy.

Một giọng khác nói:

- Chúng tôi đã tóm được mấy tên khả nghi ở đây. Một vài gã trông hơi già, nhưng mấy gã khác trông khá lắm.

Một giọng khác hơi nặng âm sắc Pháp trả lời:

- Giữ chúng cho chúng tôi nhé.

Đại úy Reese cho biết người sĩ quan tình báo của đại đội Mỹ này là một người Pháp đã từng chiến đấu cùng với những người Pháp khác tại Việt Nam trước trận đại bại của Pháp năm 1954.

Mục tiêu đầu tiên lại là một vạt rừng, hai bên là những đám ruộng và nhà cửa. Có một người đi vội từ ngoài sân vào nhà khi chúng tôi bay ngang qua.

Đại úy Reese hỏi người chỉ huy bộ binh ở cách đó hai, ba cây số xem ném bom vào chỗ nào của vạt rừng.

Viên chỉ huy bộ binh gợi ý:

- Sao anh không tìm nơi nào địch có thể chọn để làm lối thoát tốt nhất mà ném bom?

Reese đáp:

- Tôi thấy cái đồi nhỏ ở phía Tây kia là đáng chú ý nhất, ở đó ta có thể nhìn thấy một số đường mòn chạy vào khu rừng đằng kia. Chúng tôi có thể làm cho anh dễ nhận ra chỗ ấy được đấy.

Ngay lúc ấy, một viên chỉ huy bộ binh khác nói xen vào, yêu cầu một cuộc oanh tạc ngay lập tức. Anh ta giải thích, chiều hôm đó, đại đội C sẽ được trực thăng đổ xuống một đồi trọc nằm giữa những quả đồi rậm cây và các ruộng rau của khu vực Chóp Vum. Anh ta cho đại úy Reese biết tọa độ của chúng tôi bay tới điểm đã định. Sau đó đại úy Reese hỏi người chỉ huy

độ binh thứ hai xem liệu anh ta có muốn ném bom một điểm nào nữa không.

Viên chỉ huy đó trả lời:

- Vì đại đội C sẽ đến đó và chúng tôi muốn dành hoả lực chuẩn bị để sử dụng vào bất kỳ chỗ nào có thể có địch tập trung.

- Được rồi. Tôi nhìn thấy một thung lũng mà tôi nghĩ có thể là một mục tiêu tốt, và một quả đồi nữa có đường mòn chạy vào rừng. Anh muốn ném bom vào chỗ nào?

- Cả hai chỗ ấy tôi thấy đều được cả. Cứ ném bom xuống nơi nào mà anh muốn.

- Được rồi, tôi sẽ ném bom xuống ngọn đồi nhỏ nhé! Có vài con đường mòn chạy lên đó, và có thể có cái gì đó ở đấy. – Đại úy Reese nói, nhìn xuống một quả đồi nhỏ và dốc ở bên dưới, nơi đã có dấu tích của năm, sau hố bom lớn.

Sau khi kiểm tra để chờ lệnh, anh ta chờ đợi lũ máy bay tiêm kích oanh tạc tới khi chúng tới, anh ta cho máy bay bổ nhào và phóng một quả rốc két phốt-pho. Một cột khói trắng bốc lên cách đỉnh đồi chừng ba chục mét.

Mục tiêu thì nhỏ nhưng những máy bay tiêm kích oanh tạc đã ném xuống đây ba loạt bom và một loạt na-pạn rơi đúng chỗ cột khói phốt-pho. Hai loạt bom na-pạn cuối cùng rơi cách cột khói chừng 50 mét.

Khi cuộc oanh kích chấm dứt, đại úy Reese chúc mừng nhóm phi công vì họ đã đánh trúng mục tiêu một cách xuất sắc. Sau đó anh ta cho máy bay lượn thấp máy vòng trên quả đồi đang bốc khói rồi nói với tôi. “Té ra ở đó chừng có gì cả”.

Đại úy Reese quay lại những mục tiêu trong kế hoạch đầu tiên của mình, nhưng rồi lại bị một chỉ huy bộ binh cắt ngang. Anh này yêu cầu mở một trận oanh tạc khẩn cấp. Đại đội của anh ta đang tác chiến ở cách sông Tiên ba cây số về phía Bắc và cách con đường Đông Tay song song với sông Tiên chừng một cây số. Người chỉ huy bộ binh không cho tọa độ mục tiêu mà lại hướng một đại úy Reese tới mục tiêu bằng cách mô tả vị trí mục tiêu theo cách dùng các vật chuẩn trên mặt đất.

Viên chỉ huy bộ binh nói:

- Mục tiêu nằm ở phía Đông ngôi chùa trên con đường đó. Đã nhìn thấy chùa chưa?

Sau khi bay từ Tây sang Đông trong một phút, Reese nói:

- Tôi chỉ nhìn thấy nhà thờ chứ không thấy chùa. Viên chỉ huy nói:

- Bây giờ nó ở ngay bên dưới anh đó.

- Tôi chẳng nhìn thấy gì cả. – Reese trả lời.

- Có một cái nhà nhỏ ở đó, cách phía Nam vị trí của chúng tôi chừng một cây số. Tôi muốn anh diệt nó. Chúng tôi vừa bị hoả lực bắn tĩa từ hàng cây kia bắn ra đấy.

Đại úy Reese bay trên khu vực vừa được chỉ điểm và thấy ở đây có một làng khoảng sáu, bảy chục ngôi nhà. Nhiều ngôi nhà ở đây vẫn còn đứng nguyên, thừa thốt dọc con đường, nhiều nhà có treo cờ trắng ở phía trước sân. Anh ta nói:

- Tôi đã thấy có một làng nhỏ ở dưới.

- Không, ở đây chỉ có một ngôi nhà thôi. – Viên chỉ huy nói. Đúng là từ chỗ anh ta nhìn ra thì không thể nhìn thấy làng đó những tán cây dày đặc che phủ.

- Thôi được, tôi sẽ phóng một quả lựu đạn đánh dấu chỗ ấy. – Đại úy Reese đáp lại và đồng thời cho máy bay bổ nhào. Anh ta sà thấp xuống ngôi làng và thả một rốc két phốt-pho vào giữa làng. Anh ta hỏi viên chỉ huy bộ binh khi máy bay ngóc đầu lên cao.

- Đã trúng chưa hả anh bạn?

- Không đúng rồi. Tôi muốn nói tới ngôi nhà trong hàng cây chệch về phía Đông chừng vài trăm mét kia!

Reese đáp lại:

- Vậy tôi sẽ phóng một quả rốc két nữa nhé.

Quả rốc két thứ hai nổ cách quả đầu tiên mấy trăm mét.

- Đấy là khu vực chung. – Viên chỉ huy bộ binh nói với vẻ mệt mỏi vì công việc chỉ điểm ngôi nhà này.

Đại úy Reese trả lời:

- Anh có muốn chúng tôi cho xử lý toàn bộ khu vực này không?

- Dĩ nhiên rồi. Cứ đánh tất cả khu vực đi. Cả vùng này chúng tôi đều thấy có địch hoạt động.

- Có đúng mọi hoạt động ở bên dưới này đều là của Việt Cộng cả không?

- Chắc chắn như vậy, chúng tôi là lực lượng duy nhất của quân ta ở đây.

- Được rồi, tôi sẽ ném một quả bom na-pan xuống đó và xem nó ra sao. –

Đại úy Reese nói.

Bắt liên lạc với tốp trưởng ba chiếc F-4 vừa bay tới ngay trên đầu khi anh ta mãi nói chuyện với viên chỉ huy bộ binh, Reese ra lệnh:

- Này anh bạn, trút na-pan xuống những ngôi nhà cách cột khói rốc két tôi vừa thả lúc mười giờ khoảng một trăm mét.

- Tuân lệnh. Tôi bay dượt một vòng ngay bây giờ.

Ngay sau đó, một chiếc F-4 cắt thủng được một lối ra khỏi đám mây rặng lớn cuộn cuộn đang lơ lững trên bầu trời trong xanh và sà xuống ngôi làng.

Viên phi công nói:

- Tốt rồi, tôi đã tìm được một lỗ hổng ra khỏi đám mây để có thể từ đó lao vào mục tiêu.

Trong lần sà thấp xuống mục tiêu lần sau, viên phi công thả hai chùm bom na-pan ở rìa phía Tây ngôi làng. Hai ngôi nhà lập tức bốc cháy.

- Thật tuyệt vời. Đánh trúng mục tiêu rồi! – Reese nói.

Chiếc máy bay thứ hai phóng bom na-pan xuống những ruộng rau ngay cạnh làng. Lửa na-pan cháy dữ dội trên bãi đất nâu và tuôn ra những cột khói đen trong khoảng nửa phút. Chùm na-pan thả xuống lần sau rơi xuống rìa làng và thiêu cháy một ngôi nhà khác.

- Được lắm! Được lắm! – Reese kêu lên.

- Chúng tôi có loại bom 750 pound (340kg) cho lần thứ hai. – Viên tốp trưởng nói.

Trong lần cắt bom sau, hai quả rơi xuống ruộng rau và hai khoảng ruộng nhỏ đã bị hố bom xoá mất, bụi bốc lên mù mịt sang cả những thửa

ruộng gần đó.

- Chắc chắn chúng ta đã đào được nhiều hố sâu xuống những ruộng lúa rồi, có đúng không nào? – Đại úy Reese nói với tôi.

Tốp trưởng hỏi:

- Các anh muốn ném bom vào đâu nữa!

Đại úy Reese chuyển câu hỏi đến viên chỉ huy bộ binh.

- Cố đánh cho trúng ngôi nhà nhỏ đó. – Viên chỉ huy trả lời, tuy rằng đến lúc này anh ta vẫn chưa nhìn thấy kết quả của trận oanh tạc vì bị cây che khuất tầm nhìn.

- Được rồi, chúng tôi sẽ cố đánh ngôi nhà đó cho anh. Chúng ta cần triệt phá phần lớn khu vực này không? – Reese hỏi lại.

- Dĩ nhiên là cần rồi. Toàn bộ dân ở đây đều là Việt Cộng hoặc tình cảm với Việt Cộng. Vậy nên không phải ngần ngại gì cả.

- Thế ư! Chúng tôi sẽ triệt phá nơi này bằng đạn 20mm. – Đại úy Reese nói như vậy rồi điện đàm cho chỉ huy tốp bay:

- Tôi muốn anh làm cỏ toàn bộ khu vực này.

Sau đó anh ta quay về chú ý vào việc bắn phá ngôi nhà mà viên chỉ huy bộ binh quan tâm, một ngôi nhà mà trước đó chính anh ta đã không thể tìm ra. Nhưng rồi khi nhìn thấy một ngôi nhà với mái lợp lớn khác thường, viên đại úy này dường như quả quyết xác định đó chính là ngôi nhà cần tìm. Reese nói với tốp trưởng:

- Tôi muốn anh đánh vào ngôi nhà lớn ở phía Bắc, nơi mà quả bom na-pan đầu tiên rơi xuống.

Tốp trưởng hỏi lại:

- Ngôi nhà có mái lớn đó sao?

- Đúng rồi. – Reese trả lời, không hề bận tâm nói rõ xem đó là ngôi nhà nào trong số những ngôi nhà mái lớn mà anh ta đang nghĩ tới, bởi lẽ ngôi nhà nào trong số này cũng có thể là ngôi nhà mà viên chỉ huy mặt đất muốn huỷ diệt.

Loạt đạn đầu tiên đã vạch một vệt sáng trên toàn ngôi làng. Ba lỗ hồng khá lớn xuất hiện trên mái ngói đỏ của ngôi nhà lớn bằng đá ở rìa phía Tây

làng. Phía sau ngôi nhà, một cây cọ to bị đạn phạt đứt đôi, ngọn cây văng xuống sân nhà gần đó.

Nhưng Reese kêu lên:

- Đây không phải là ngôi nhà tôi nói. Hãy đánh vào ngôi nhà to có mái rạ nâu ở hàng cây phía tay phải kia kìa!

- Nghe rõ. – Viên tốp trưởng đáp. Reese hỏi tôi:

- Anh có nhìn thấy cây cọ bị phạt đứt không? Những quả đạn pháo đó mạnh thiệt!

Đến vòng lượn tiếp sau, loạt đạn máy bay bắn ra một lần nữa cắt xuyên suốt cả làng, lần này một cột lửa ập xuống ngôi nhà mái rạ lớn mà Reese đã mô tả cho viên tốp trưởng tốp bay. Ngôi nhà bùng cháy và một người từ trong nhà chạy ra. Sau đó thêm hai người nữa chạy ra, rồi họ lại chạy ra. Sau đó thêm hai người nữa chạy ra, rồi họ lại chạy vào và khi chạy ra họ mang theo những bọc gói. Trong khoảng một phút, ba hoặc bốn người chạy ra chạy vào như thế. Rồi cả ngôi nhà bốc cháy và mái nhà sập xuống. Khi đại úy Reese cho máy bay lượn vòng quanh ngôi nhà, anh ta theo dõi đám người đang chạy trốn và nhận xét:

- Đúng là họ đang chuyển đồ đạc ra ngoài. Hẳn là phải thế thôi. – Rồi như thể đang nói với đám người đang di chuyển vật dụng của mình ra khỏi nhà, Reese nói thêm – Mang đồ ra ngoài đi, mang ra hết đi!

Khi ngôi nhà sập hoàn toàn trong đám lửa, Reese cho máy bay rời khỏi làng và điện cho phòng kiểm soát trung tâm ở Chu Lai. Trong báo cáo đánh giá thiệt hại do bom gây ra, Reese viết: “Chúng tôi đã tiêu diệt một vị trí bắn tỉa của đối phương. Sáu cấu trúc đã bị huỷ diệt”. Sau đó anh ta hỏi viên chỉ huy bộ binh:

- Chúng tôi có huỷ diệt được ngôi nhà anh muốn không?

- Vâng, các anh đã triệt phá được hầu hết khu vực này. Tiếp theo, viên tốp trưởng bay điện về hỏi:

- Chúng ta có con số tử vong do bom không? Reese trả lời:

- Có thể có đấy. Chúng tôi đã đánh vào ngôi nhà mà bộ binh nhìn thấy vài người bắn tỉa chạy vào, nhưng đơn vị bộ binh không tở để tìm xác. Đây là một công việc được hoàn thành tuyệt vời, tôi đánh giá cao đấy!

- Xin cảm ơn. Tôi rất vui mừng vì đã làm tốt công việc. – Viên tốp trưởng nói.

Trước khi quay lại Chu Lai, đại úy Reese phải thực hiện một nhiệm vụ cuối cùng đó là quan sát một loạt đạn pháo bắn thử (để điều chỉnh). Mục tiêu là một khoảng rừng gần ruộng lúa, ở đó có ba hoặc bốn chục con trâu đang gặm cỏ. Một hàng rào gần bờ ruộng đã được dựng lên nhằm dồn trâu vào một dải hẹp, nhưng đàn trâu này đã phá thủng rào và đang ăn mạ.

Reese nói:

- Chúng tôi phải lừa đàn trâu ở dưới kia đi mới được.

Quả đạn pháo đầu tiên của pháo binh là quả đạn khói, nó rơi xuống ruộng cách mục tiêu chừng ba trăm mét.

Đại úy Reese góp ý cho khẩu đội pháo đang ở cách đó chừng mười cây số về độ sai lệch của quả đạn, và quả đạn sau, một quả mang thuốc nổ, rơi cách mục tiêu chừng năm chục mét. Loạt đạn sau, trong đó có nhiều quả mang thuốc nổ, rơi trúng khu vực mục tiêu. Đàn trâu ngóc đầu nhìn làn khói bốc lên rồi từ từ đi về phía bên kia đám ruộng. Đúng lúc đó, một máy bay FAC nữa tới để tiếp tục hướng dẫn phần việc bắn pháo còn lại và đại úy Reese cho máy bay của chúng tôi quay về Chu Lai.

Trên một bức tường trong khu nhà ở của các phi công FAC có treo một biểu đồ liệt kê số thương vong do bom (KBA) để ghi công cho các phi vụ do một số phi công dẫn đường trong tuần qua. Thiếu tá Billings được bốn “điểm”, thiếu tá Nugent ba “điểm”, đại úy Reese bốn “điểm”, đại úy Leroy hai “điểm” và trung úy Moore mười một “điểm”. Tối hôm đó, thiếu tá Billings nhận xét: “Đợt này Moore thu tóm hết điểm KBA”. Cuối biểu đồ, một đoạn ghi chú giải thích hệ thống điểm, viết tay cẩn thận, cho biết:

Điểm được quy định như sau:

Nam giới.....Nữ giới
 Người già: 3.....Người già: 3
 Tàn tật: 3.....Tàn tật: 3
 Trẻ em: 3.....Trẻ em: 3
 Tuổi quân dịch: 1.....Tuổi quân dịch: 1
Mang bầu 5[*]

[] Giết một người già, phi công ném bom được tính 3 điểm, một người tàn tật 3 điểm, phụ nữ mang bầu 5 điểm... Biểu đồ này do phi công Mỹ tự động vẽ ra như là cách phản ứng, chế giễu chủ trương của cấp trên ném bom bừa bãi vào dân thường – ND.*

Dĩ nhiên trong thực tế, phi công không mấy khi biết tuổi hoặc giới tính của những người bị chết do máy bay ném bom. Bởi vậy, cũng giống như câu chuyện tếu của họ vào tuần trước, biểu đồ này như một cách đùa tếu về việc dân vô tội thường hay bị bom sát hại.

Trong lúc tôi đọc biểu đồ thì thiếu tá Nugent nhìn tôi với vẻ bối rối và lắc đầu chán nản rồi nói nhỏ.

- Anh biết đó, vài ngày trước, một đơn vị bộ binh bị xơi đạn bắn tủa từ một căn nhà, thế là họ gọi máy bay bắn rốc két xuống đó. Rồi lực lượng bộ

binh lao tới và chỉ thấy hai người đàn bà và bốn em bé trong nhà, tất cả đều bị chết vì bom bi hoặc bom phốt-pho, còn Việt Cộng thì chẳng thấy đâu. Lực lượng ta không thể tìm được họ hoặc không thể biết là họ đi đâu. Kiểu chiến tranh này là thế đó. Đó là những gì mà chúng ta đang phải đương đầu. Có thể là những người đàn bà này đã bắn ra. Tôi cũng không biết nữa. Nhưng dân thường luôn là người phải hứng chịu. Họ là nạn nhân trong mọi cuộc chiến tranh.

Ngày 28 tháng 8, khi cuộc hành quân Benton chấm dứt, Lực lượng Đặc nhiệm Oregon tuyên bố rằng những đơn vị tham gia hành quân đã giết và đếm xác được 397 quân địch, phía Mỹ 47 lính bị giết. Trong một vùng diện tích 10x20(km), họ đã thả 282 tấn bom thông thường và 116 tấn bom na-pan; bắn 1.005 quả rốc két (không kể số rốc két do trực thăng phóng xuống); 132.820 quả đạn 20 mm, loại đạn nổ sát thương; 119.350 viên đạn 7,62mm, đạn súng máy từ máy bay Spooky và đã bắn 8.488 quả pháo. Vào cuối cuộc hành quân, Phòng Dân sự đã giám sát việc di dời 640 người trong số 17.000 dân trong vùng tới các trại của chính phủ.

Những báo cáo gửi về Sài Gòn để làm nên bức tranh số liệu chung về cuộc chiến tranh có thể chia làm hai loại. Một loại đánh giá thành tựu của Mỹ ở Việt Nam căn cứ vào số vật tư đã sử dụng – số vật tư này có thể là số bom đã ném xuống, số đạn pháo đã bắn ra, số truyền đơn tâm lý chiến đã thả, số cân gạo đã phân phối và số gallon chất làm rụng lá cây đã rải (1 gallon = 4,5 lít). Giống như sĩ quan tâm lý chiến của Lực lượng Đặc nhiệm Oregon tại Chu Lai thấy phấn khởi vì quân của mình đã gia tăng số truyền đơn rải xuống tỉnh Quảng Ngãi tới một triệu đơn/Ngày và cũng giống như viên sĩ quan pháo binh ở Đức Phổ cảm thấy tự hào vì lính của mình đã bắn 64.044 quả pháo và hai huyện trong ba tháng rưỡi, phần lớn các sĩ quan và quan chức Mỹ đều thấy có lý do để lạc quan trước quy mô những nỗ lực đã bỏ ra. Một loại báo cáo số liệu thống kê khác nhằm đánh giá các thành tựu của Mỹ ở Việt Nam theo kết quả của một số hoạt động. Những bản báo cáo thiệt hại do bom gây ra được các phi công FAC soạn thảo là một ví dụ dễ thấy. Các thuật ngữ “cấu trúc quân sự”, “nơi nghỉ là địa điểm tập kết địch” và “tỷ lệ bom rơi trúng mục tiêu” đều là những tiêu mục do cấp trên đặt ra,

còn các phi công FAC chỉ làm nhiệm vụ điền vào đó những con số. Với hệ thống báo cáo như thế này, chỉ có những kết quả mà chúng ta nhằm đạt được mới được đưa vào báo cáo chuyển về Sài Gòn, còn những hệ quả phụ to lớn như tình hình các làng xóm bị huỷ diệt trên những khu vực rộng lớn lại không được nhắc đến. Điều không có gì ngạc nhiên là trong các “báo cáo đánh giá thiệt hại do bom” không có chỗ cho những con số về số dân thường bị hại và những ngôi nhà bị huỷ diệt.

Một vấn đề khác nữa là những từ ngữ dùng trong “báo cáo đánh giá thiệt hại do bom” không phù hợp với những gì mà các phi công FAC thấy trên mặt đất. Khi một phi công FAC dẫn đường cho một cuộc oanh tạc mục tiêu theo toạ độ của anh ta mô tả chỉ là một ô vuông của khu rừng rộng khoảng 100 mét mỗi bề và được gọi là “nơi nghi ngờ tập trung quân địch” hoặc dẫn đường cho một cuộc oanh tạc vào một ngôi làng được mô tả là “vị trí bắn tỉa của địch”, thì con số “tỷ lệ bom trúng mục tiêu” chẳng có nghĩa lý gì cả. Bởi vì người phi công không bao giờ biết được mục tiêu thực – là quân địch – đã bị tiêu diệt đến đâu. Thế là họ xoay sang báo cáo về số lượng nhà cửa bị huỷ diệt hoặc bao nhiêu mét vuông rừng đã bị triệt phá, như thế đó là mục tiêu của cuộc ném bom. Hơn nữa, kẻ địch chủ yếu tiến hành chiến tranh du kích và thực ra họ không xây dựng các “cấu trúc quân sự”, các phi công FAC đã vận dụng thuật ngữ này cho bất kỳ công trình nào mà máy bay của họ tình cờ ném bom. (Một số hầm và hang có thể đúng là cấu trúc quân sự, song báo cáo đánh giá thiệt hại do bom lại liệt kê chúng thành một loại khác.)

Phần lớn các thuật ngữ dùng trong các “Báo cáo đánh giá thiệt hại do bom” dường như được đề ra cho một hoạt động kiểu như cuộc ném bom vào căn cứ quân sự quy mô lớn, để quan sát tĩnh lại chứ không phải là cho cuộc ném bom vào các lực lượng du kích trong khung cảnh ruộng đồng, làng xóm và rừng rú mà các phi công FAC thường dẫn đường. Khi thấy mình phải dẫn đường cho các cuộc oanh tạc với một loạt những chỉ thị ít liên quan tới nhiệm vụ thực sự của mình, mỗi phi công FAC đều phải nghĩ ra cách báo cáo nơi đối phương đang hoạt động. Đây chính là lý do đã khiến đại úy Reese nghĩ rằng anh ta có thể phát hiện được đối phương trên

những con đường mòn, nhìn thấy những đám cỏ mới bị rạp xuống do có địch vừa đi qua và rằng anh ta có thể phân biệt được đâu là nhà dân và đâu là nhà của lực lượng quân sự chỉ căn cứ vào việc chúng nó ẩn dưới hàng cây hay không. Đó cũng là cách mà trung úy Moore nghĩ rằng anh ta có thể phân biệt được người nông dân và người lính qua dáng đi của họ. Đó cũng là cách mà thiếu tá Billings tin rằng anh ta có thể phân biệt người lính địch và người dân thường chỉ bằng cách sà máy bay thấp xuống trên những đám ruộng và quan sát những ai đi tìm chỗ ẩn náu, và rằng anh ta có thể suy đoán được làn khói lơ lửng trên cánh rừng là từ đám lửa của người lính Việt Cộng hay của người Thượng.

Trong khi một vài đơn vị của Lữ đoàn bộ binh nhẹ 196 tham gia hoạt động với Sư đoàn dù 101 trong cuộc hành quân Benton, các đơn vị khác của Lữ đoàn 196 mở một cuộc hành quân không đặt tên dọc bờ biển dài năm cây số phía cực Bắc tỉnh Quảng Ngãi. Lâu nay, hầu như lần nào đi vào vùng bờ biển này quân Mỹ cũng bị bắn; lần này Lữ đoàn bộ binh nhẹ 196 quyết định cách hành động tốt nhất là đưa toàn bộ dân chúng ước tính 5.000 người trong vùng di chuyển đến một nơi khác, sau đó huỷ diệt làng mạc của họ và biến cả vùng thành khu vực tự do bắn phá.

Theo kế hoạch, giai đoạn đầu của cuộc hành quân bắt đầu vào 21 tháng 8, các bộ phận của Lữ đoàn 196 sẽ bắt ngờ đổ bộ bằng xe lội nước vào làng Tuyết Diêm, một làng chài trên một bán đảo nhỏ. Trong ba tiếng đồng hồ tiếp sau đó, số dân làng ước tính khoảng 600 người phải dỡ hết nhà cửa, lấy hết cột, xà, dầm nhà, tấm lợp trang rạ cùng với tất cả của cải, đồ dùng và gia súc, đưa ra bãi biển ngay phía trước làng. Sau đó theo kế hoạch, chiếc tàu đổ bộ sẽ liên tục chở người và mọi thứ chạy dọc bờ biển đến một địa điểm mới đã được chuẩn bị sẵn và dân làng sẽ dựng làng mới tại vị trí này. Địa điểm mới khai quang này nguyên trước kia là một làng lớn có tên là Sơn Trà, cách đây hai năm đã bị Lính thủy đánh bộ Mỹ dội pháo phá huỷ, dân làng đã phải di chuyển đến một vùng dọc quốc lộ cách đó mấy cây số, dựng lều lán để ở.

Một tuần trước khi mở hoạt động phá huỷ làng Tuyết Diêm, Lục quân đã có kế hoạch huy động dân làng Sơn Trà làm công việc dọn sạch mọi vết tích đổ nát trên làng cũ của họ để chuẩn bị cho dân làng Tuyết Diêm đến ở. Nhưng quân Mỹ lại nói với dân làng Sơn Trà rằng họ dọn dẹp làng cũ là để chuẩn bị cho họ trở về nơi ở cũ. Tung ra tin này, quân Mỹ hy vọng làm cho

quân Mặt trận Dân tộc Giải phóng không thể biết được mục đích việc dọn dẹp phát quang vùng này nhằm chuẩn bị cho một hoạt động quân sự mới.

Những người Mỹ vạch ra kế hoạch di tản làng Tuyết Diên và các làng dọc bờ biển khác cảm thấy rất ưng ý về tính gọn nhẹ, đơn giản trong kế hoạch của họ, nhất là khi so sánh kế hoạch này với nhiều kế hoạch dời dân lâu nay đã thực hiện trong tỉnh. Theo họ thì việc dời dân này sẽ không tạo ra số “dân tỵ nạn” như vẫn thường xảy ra gây nên một gánh nặng trong các trại tỵ nạn của chính quyền. Một đại tá của Lữ đoàn 196 nói về kế hoạch:

- Chúng ta chỉ làm gián đoạn công việc làm ăn của dân làng trong 6 giờ đồng hồ thôi. Họ sẽ có thể mang thuyền ra bờ biển và tiếp tục công việc ra khơi ngay khi chuyển đến làng mới. Một ưu điểm đặc biệt của cách làm này là chúng ta chỉ phải cung cấp cho họ một ngày lương thực. Họ sẽ đem theo nhà cửa của mình, do đó chúng ta không cần phải cung cấp cho họ vật liệu làm nhà, lần này sẽ không như những lần di dân trước kia – đưa năm ngàn dân vào trại tập trung nhưng chẳng có gì ăn, chẳng có nơi ở. Cuộc di chuyển lần này sẽ là hoạt động dân vụ tốt nhất trước đây chưa bao giờ chúng ta làm được. Việc di tản đã được chuẩn bị trước một tuần lễ, ông Ernest Hobson lâu nay thường không hài lòng với bất cứ hoạt động nào làm tăng số dân trong tỉnh phải dời chỗ ở, nhưng lần này chính ông cũng phải nói rằng việc di tản dân làng Tuyết Diên là một hoạt động được chuẩn bị cẩn thận nhất từ trước đến nay.

Những người Mỹ vạch kế hoạch cuộc di dân lại đặc biệt hài lòng khi nghe tin có một toán ca kịch người Việt Nam gồm ba diễn viên thuộc đoàn nghệ thuật do chính quyền Việt Nam Cộng hoà tổ chức làm nhiệm vụ lưu động khắp cả nước sẽ đến biểu diễn cho dân làng xem ngay vào đêm đầu tiên họ mới chuyển đến nơi ở mới. Đêm trước đó, toán ca kịch này đã biểu diễn phụ vụ khoảng một trăm lính Mỹ tại một bãi chiếu bóng ngoài trời ở một căn cứ đóng quân của Lữ đoàn 196 Mỹ.

Dưới ánh đèn pha chiếu sáng một sân khấu thấp, hai thanh niên mặc quần áo nông dân màu đen hát những bản nhạc rock bằng tiếng Việt, có ghi-ta điện đệm theo. Sau đó chuyển sang một số bài hát Việt Nam và kết thúc bằng bài hát “Khi các thánh thần cùng đi hành quân” bằng tiếng Anh,

giọng cao the thé. Phần hai của đêm diễn là một màn ảo thuật, trong khi các ca sĩ hoàn toàn giữ bộ mặt lạnh lùng vô cảm từ đầu đến cuối buổi biểu diễn thì anh chàng làm ảo thuật, một thanh niên chắc hẳn chưa quá mười tám tuổi lại không hề một lần mất nụ cười trên miệng trong lúc làm các động tác quen thuộc. Cậu ta di chuyển suốt cả buổi biểu diễn, thành thạo từng bước đi, từng cái vung tay... chứng tỏ mọi cử chỉ đều đã được tập dượt hết sức thuần thục. Ảo thuật gồm có các trò: làm biến mất một ly nước, lấy một tờ giấy bạc một đô-la gấp lại bỏ vào trong một mảnh giấy, bật lửa đốt mảnh giấy cho cháy thành than, rồi rút từ nhúm than ra một tờ giấy bạc còn nguyên vẹn; đưa ra ba chiếc cà vạt cho chúng tự buộc vào nhau giữa không trung; và trò tạo ra một chùm hoa giấy ngay trên vành tai của người bạn diễn.

Khi mở đầu buổi biểu diễn ảo thuật, số lính Mỹ ngồi xem vỗ tay một cách lịch sự, nhưng rồi sự hào hứng chẳng mấy chốc xẹp xuống, tiếp đó khán giả bỗng nhốn nháo vì một bầy côn trùng có cánh tựa như loài chuồn chuồn bay ra tràn khắp sân khấu và nơi cử tọa ngồi làm cho nhà ảo thuật mất hoàn toàn tập trung vào trò diễn. Buổi diễn kết thúc, một đại tá Mỹ tham gia và kế hoạch di chuyển nhắm mặt nói với một sĩ quan đồng sự:

- Tối mai họ có tiếp tục biểu diễn nữa không? Tôi nghĩ trường hợp tôi vừa mới phải bỏ làng cũ mà đi thì còn vui thú gì mà đi xem những trò này!

Sáng hôm sau, tôi đi theo các binh sĩ của lữ đoàn 196 có nhiệm vụ đổ bộ lên làng Tuyết Diêm. Vào bốn giờ rưỡi sáng họ tập hợp tại một khoảng đất cao phía trước căn cứ đóng quân, đến năm giờ bắt đầu đi theo con đường đất bụi ra phía bãi biển thành hai hàng dọc, người sau đi cách người trước khoảng mười mét. Ánh trăng hạ tuần xuyên qua màn mây mỏng màu sữa chiếu ánh sáng mờ nhạt xuống con đường đất. Tiếng nổ của đạn pháo từng loạt bắn nhanh từ xa vọng lại, pháo bắt đầu từ một giờ sáng, mỗi lúc một dồn dập cho đến sáng rõ. Ở phía Đông hòn đảo, nơi chuẩn bị đổ quân, từng lúc lại rục lên ánh pháo sáng màu vàng đục. Buổi sáng mà trời đã nóng nực, oi bức, binh sĩ ai nấy đều đầm đìa mồ hôi trong bộ quân phục chiến đấu. Đoàn quân thành hai hàng dọc từ trên căn cứ đóng quân đi xuống và tiến dần về phía xóm nhà lá của dân làng Sơn Trà mới dựng lên.

Trời sắp sáng, nhiều nhà đã đỏ nển, dân đã dậy. Tiếng người nói trong các nhà bỗng im bật khi biết có chúng tôi đến. Tiếng chó sủa cũng im bật sau một tiếng quát gắt. Một bé gái đứng bên cửa nhìn đoàn quân đi qua; một người đàn bà ngừng kéo nước cạnh bờ giếng hay tay còn nắm dây gàu; một ông già cời trần đứng trước sân trong ánh trăng mờ. Khi quân Mỹ đi được mười lăm, hai mươi phút, thì đoàn quân Việt Nam Cộng hoà xếp thành một hàng dọc lặng lẽ đi xuyên giữa hai hàng lính Mỹ theo hướng ngược lại. Có tiếng gà gáy mặc dù bình minh chưa ló. Cánh quân dừng lại.

Đột nhiên người nào đó thét to lên: “Chúng ta đang đến nơi chó đẻ nào thế này?”. Trên con đường vắng còn tối mù, tiếng thét càng vang to. “Mẹ kiếp, chúng mình lạc đường rồi”, có tiếng ai đó bực bội. Một sĩ quan đi nhanh lên phía đầu hàng quân, và một phút sau cánh quân lại tiếp tục di chuyển. Hai hàng quân bước qua một cái cống gỗ để xuống bãi biển; có bốn thanh niên người Việt ngồi xổm thành một hàng trên bức tường đá, im lặng nhìn cánh quân đi qua. Một ông già dân chài mặc đồ đen đứng yên cạnh chiếc thuyền của mình, miệng ngâm điếu thuốc, nhìn đoàn quân đi. Đúng là nhóm dẫn đường đã đi nhầm đường vì, sau một lần dừng lại nữa, họ lại đưa cả đoàn đi qua một đám đất có nhiều bụi rậm đến đứng con đường họ vừa đi. Mười phút sau, binh lính cũng đến được bãi biển nơi có hai chiếc xe lội nước đang đậu trên bãi cát.

Cả đoàn được lệnh dừng lại nghỉ trong chốc lát, nhiều người lấy thuốc lá hút. Nghe lệnh, họ leo lên chiếc thang bắc hai bên thành xe, bước vào ngồi xuống sàn xe. Trên một chiếc xe lội nước, một trung sĩ chỉ huy trung đội bực bội quát to lên khi các binh sĩ đã ngồi xuống sàn xe: “Tất cả mọi thằng ở đây đều là đồ lính Mỹ chết tiệt; đi đâu tao cũng gặp những thằng lính Mỹ chết tiệt cả”. Nhìn một lính Mỹ đứng gần, gã hỏi: “Mày cũng là đồ lính Mỹ chết tiệt, hả?”. Người lính không trả lời. Một người khác nói: “Nhưng tôi không phải thế, ngài Trung sĩ ạ”.

Hai chiếc xe lội nước như hai cái thùng hộp nặng nề chuyển bánh rời bãi biển đi xuống nước. Điểm xuất phát đúng ngay cửa Trà Bồng, hai chiếc lội nước phải vượt lên làn sóng thủy triều đang lên mới đi được ra biển. Sau hai mươi phút di chuyển trên biển lặng, chúng tôi đã nhìn thấy làng Tuyết

Diêm hiện lên trước mắt. Trời đã gần sáng rõ. Đến lúc ấy, chúng tôi mới nhìn thấy khoảng hơn chục ngôi nhà trong làng. Khi lực lượng tấn công đã đến gần, một người đàn bà vẫn tiếp tục công việc thu nhặt cái gì đó và ôm vào cánh tay trước của ngôi nhà của mình; một người đàn ông đứng dưới nước ngập đến đầu gối đang chuẩn bị mọi thứ để ra khơi bên cạnh chiếc thuyền đánh cá. Anh ta cũng chẳng ngừng tay, chỉ liếc mắt nhìn lên một thoáng, coi như hai chiếc xe lội nước chở quân Mỹ đang tiến vào làng là chuyện thường ngày. Hai chiếc lội nước lăn lên bãi cát, binh lính nhanh chóng nhảy xuống, một số bị té ngã do mang trên người ba lô và súng đạn quá nặng. Một tiểu đội bước nhanh qua một bãi cỏ, súng M-16 cầm chắc bên hông trong tư thế sẵn sàng nhả đạn. Một tiểu đội khác chạy dọc bờ biển lên phía Bắc.

Đi qua mô đất thò ra biển, đoàn quân đã tới bìa làng. Dân trong các nhà bước ra, im lặng đứng nhìn đám binh lính từng tốp đi vào làng họ. Binh lính cũng im lặng, không ai nói một lời, dân làng đàn ông cũng như đàn bà ăn mặc đơn giản, áo không có cổ, quần lửng. Đàn bà con gái để tóc dài xoã sau lưng, có kẹp tóc tím lại. Phần lớn dân làng đi chân trần, trẻ con dưới ba tuổi thì chẳng mặc quần. Chỉ vài người lính nghiêng đầu nhìn vào phía trong cổng mấy nhà dân, còn phần đông rào bước theo con đường nhỏ hẹp chạy qua những ngôi nhà, vừa đi vừa căng mắt sẫm soi nhìn xung quanh, tìm mọi dấu hiệu phát hiện có địch. Chỉ có viên trung sĩ lúc ngồi trên xe lội nước ca thán bực bội về đời làm lính Mỹ bây giờ là hăng hái trong việc lùng sục. Gã đi thẳng tới một người trạc tuổi trung niên, tóc chải gọn gàng đứng bên cạnh vợ và đứa con trai trước một ngôi nhà trông đáng khá giả nhất trong xóm. Gã chỉ vào trong nhà, hỏi người đàn ông:

- Có gì ở trong kia không?

Không có câu trả lời, viên trung sĩ bước vào nhà, chỉ vào một cái hòm gỗ lớn, trang trí rất cầu kỳ:

- Mở cái này ra!

Người đàn ông nhìn viên trung sĩ tỏ ý không hiểu tại sao phải mở cái hòm.

- Đờ chết tiệt, tao bảo mở ra! – Viên trung sĩ hét lên, vừa lấy báng súng giáng mạnh xuống mặt hòm.

Người đàn ông mở hòm để lộ một chồng quần áo gấp cẩn thận. Viên trung sĩ thọc nòng súng vào hòm rồi bỏ đi.

Bước ra khỏi nhà, gã lại hỏi bằng tiếng Anh, pha lẫn một thứ tiếng Việt lẫn Pháp bởi mà lính Mỹ thường dùng:

- Việt Cộng ở đâu? Beaucoup[*] Việt Cộng hở?

[*] *Beaucoup* (tiếng Pháp): có nhiều. (Chú thích của người dịch)

Không ai trả lời. Gã đi qua một nhà khác. Thấy hai cánh cửa sổ bên hông đóng chặt có buộc dây thép, gã lấy báng súng giáng mạnh vào hai, cánh cửa nhưng không mở tung ra được. Gã tiếp tục đi qua nhà khác, cũng chẳng buồn đi vào nhà mặc dù thấy cánh cửa hé mở.

Một lát sau viên trung sĩ đến căn nhà thứ ba, hấn gạt tấm rèm che trước lối vào sang một bên, thấy một ông già đang ngồi trên nền nhà, ông cúi đầu xuống và nói điều gì đó chỉ nghe được một tràng “ơ- ơ- ơ- ơ- ơ”. Viên trung sĩ bực tức văng tục và nhại lại: “Mày điên hả, nói cái gì ơ- ơ- ơ- ơ- ơ!”.

Con đường giữa làng uốn quanh chạy suốt cả làng Nhà cửa trong làng nằm rải rác khắp ngọn đồi. Ngay phía sau một nhà có mặt trước hướng ra biển, có một đồng gạch đá vụn chất lên nền nhà chưa xây. Kề đó có một cây cọ, thân cây có đường kính khoảng 20 cách mạng bị chặt dở vào đoạn giữa thân nên cây cọ vẫn sống được, phần ngọn của nó vẫn giữ được màu xanh, đổ nghiêng sang phần sân của nhà hàng xóm. “Do đạn pháo đấy”, một lính Mỹ nói to lên khi vừa trông thấy cây cọ. Ngược lên dốc đồi, những ngôi nhà trông nghèo nàn hơn, nằm kề sát nhau. Phần lớn là những nhà hai gian, vách tre trát đất, mái rạ.

Trên đỉnh đồi trải rộng ra những đám ruộng lúa bằng phẳng, toàn bộ diện tích khoảng một hécta.

Đám lính lúc này từ trên xe lội nước đổ xuống bãi biển đi qua một bãi cỏ, bây giờ đang ngồi trên sườn một đồi cát dốc thẳng đứng ngay phía sau đám ruộng lúa; từ trên đồi cát có thể nhìn thấy toàn bộ khu làng. Bao quanh đám ruộng lúa có hơn chục nóc nhà khá rộng, vững chắc, tương tự như

những ngôi nhà dọc bờ biển. Hai nhà trong số đó đã bị đổ nát. Những quả pháo bắn vào xóm này cách đây không lâu còn để lại những hố sâu trên ruộng lúa đang trổ bông, dấu bùn đất tung toé trên đám lúa xung quanh, trên các bờ ruộng cỏ mọc kín.

Nửa giờ sau khi lính đổ bộ vào làng, một toán chiến tranh tâm lý gồm hai người, một Mỹ một Việt bắt đầu mở băng phát loa kêu gọi dân chúng, loan báo quân Mỹ đến là để giải thoát dân làng khỏi sự thống trị của Việt Cộng, lệnh cho dân chúng tháo dỡ nhà cửa, chuyển toàn bộ vật liệu xây dựng, của cải, gia súc, chất xuống xe lội nước đổ bộ (lúc này chưa tới) cho xong trong vòng ba tiếng đồng hồ sau đó. Loa cũng loan báo là quân lính sẽ giúp dân chuyển mọi thứ của họ xuống tàu. Viên sĩ quan chỉ huy không ra lệnh cho lính phải làm việc đó, nhưng cho phép lính tự mình quyết định có thể giúp hoặc không giúp việc mang đồ đạc của dân xuống tàu.

Không bao lâu sau khi loan báo chuyển di tản, hai chiếc tàu đổ bộ được đưa tới, một chiếc dừng lại trong cái vịnh nhỏ ở phía trước giữa làng, chiếc kia đậu gần bãi cát dài ở phía Bắc. Dân làng đã bắt đầu làm theo lệnh đã loan báo vì họ đã biết tình hình là phải như thế. Trước đây lính Mỹ đã vào nhiều làng xóm ở Quảng Ngãi và thường ít gặp những đàn ông có đủ sức làm việc, nhưng ở Tuyết Diêm họ thấy có đến một phần ba các gia đình có đàn ông ở nhà. Tất cả mọi người từ những người rất già cho đến trẻ con năm, sáu tuổi bắt đầu mang từng túi, từng bao ra bãi biển. Dân làng thường cất giữ thóc lúa trong những chum vại sành cao ngang thắt lưng, những thứ này là khó di chuyển nhất. Những bé gái và bà già không có đàn ông đi theo phải tìm cách nài nỉ số lính Mỹ giúp họ bằng cách nắm lấy ống tay áo, cố lôi kéo số này về nhà mình để yêu cầu chuyển giúp đồ đạc của cải. Có bốn, năm lính Mỹ đồng ý giúp đỡ, thế là lập tức có ba, bốn bé gái và mấy bà già xúm quanh số lính này, nắm lấy ống tay áo, cố kéo họ về nhà mình, mỗi nhóm kéo về mỗi hướng khác nhau, có người cố cười để dụ dỗ, có người nét mặt tỏ vẻ buồn thảm van nài. Chỉ có số thanh niên và phụ nữ trẻ là chẳng cười, chẳng cần xin ai giúp.

Phần lớn dân làng bắt tay vào việc mang vác gồng gánh đồ đạc nhà mình xuống đồi với vẻ mặt lạnh lùng rần rỏi. Phải làm cho kịp thời hạn ba

giờ đồng hồ, họ gánh từng khối nặng ở hai đầu những chiếc đòn gánh bằng tre hối hả đi nhanh xuống bãi biển, quang gánh trên vai đung đưa nặng nhọc. Một bà lão mang đồ đạc trên lưng, vừa đi xuống dốc đồi vừa gào khóc âm ỉ. Nhiều đàn bà khác khóc không ra tiếng. Một người đàn bà trẻ nước mắt rùng rùng dù trên nét mặt chị ta vẫn tỏ ra trấn tĩnh, đang cố dồn hết sức lực vào công việc. Tất cả bọn trẻ trên năm, sáu tuổi cũng im lặng chăm chỉ làm công việc của mình mà không chờ cha mẹ bảo. Lớp chín mười tuổi thì bồng bế em gái, em trai khoảng hai, ba tuổi ra bãi biển, để lại những gánh nặng hơn như lương thực, dụng cụ nấu nướng, đồ dùng gia đình cho cha mẹ chúng.

Trên bãi biển dài trống trải, những đứa trẻ nhỏ nhất, từng nhóm hai, ba đứa đứng khóc bên cạnh đồng đồ đạc, của cải, nồi niêu xoong chảo của gia đình chúng. Bốn, năm lính Mỹ ghé vai vào đòn gánh khênh đồ đạc vừa cười vừa liếc nhìn nhau, lúng túng bước đi, giống như kiểu người lớn vui vẻ tham gia một trò chơi của trẻ con. Đối với số đông binh lính, những thứ dân làng mang đi chẳng có gì là đáng của đáng công. Ngoài những chum gạo dân làng còn muốn mang mấy chum nước mắm, một loại thực phẩm quan trọng đối với họ, thứ nước gia vị chặt lọc từ cá ướp muối, có mùi khó chịu đối với người Mỹ mới người lần đầu. Họ còn mang đi cả những bó cành khô, lau sậy để làm củi đốt. Có người yêu cầu một lính Mỹ mang giúp một vài thứ xuống tàu, anh ta nhìn quanh những thứ ngổn ngang trên bãi cát rồi nói: “Cái gì? Tao mà mang mấy thứ đồ bỏ đi này hả?”.

Dân làng này là những người cứng cáp, khoẻ mạnh, ngay cả đàn bà cũng có thể mang những trọng lượng đủ mức thách đố một lính Mỹ trẻ. (Một lính Mỹ đỡ gánh củi nặng trên vai một bà già xuống rồi thử đặt lên vai mình, anh ta đặt xuống đất và bảo một người lính khác gánh thử, anh ta nhìn bà già đáng mảnh khảnh với ý muốn nói với những người lính khác sự kinh ngạc của mình). Lính chiến đấu Mỹ ở Việt Nam thường là những người to con, ngay cả với tiêu chuẩn người Mỹ, và ở Tuyết Diêm, nói chung họ cao hơn phần lớn dân làng một cái đầu. Một số đàn bà trong làng có thể đánh giá sức lực con người theo thăm vóc, nên đã kéo một số lính Mỹ tới trước một đồng đồ đạc trọng lượng rất nặng và làm động tác ra hiệu

nhờ họ chuyển dùm mấy thứ đó xuống biển. Một bà già dẫn một lính Mỹ về căn nhà nhỏ của mình, bà vừa đi vừa chạy, vào trong nhà hối hả dùng hai tay bới tầng đất cát dày giữa nền nhà. Cuối cùng lộ ra hai chum sành đựng đầy thóc, trọng lượng mỗi chum khoảng bảy mươi ký. Bà xoay chuyển hai chum thóc vào hai đầu quang gánh bằng dây thép và cầm chiếc đòn gánh, vừa làm động tác cổ nài nỉ người lính Mỹ giúp bà chuyển hai chum thóc xuống bãi biển. Lát sau người lính Mỹ này phải cùng một người đàn ông trong làng cùng khiêng, mỗi người ghé vai một đầu đòn gánh, mỗi lần một chum, vất vả lần lượt khiêng theo con đường dốc đi xuống phía biển.

Đến khoảng mười một giờ, nắng bắt đầu xuyên qua mây mù, số lính Mỹ tham gia mang vác đồ đạc nặng cho dân dừng lại ngồi nghỉ, ai nấy mệt nhoài vì nóng bức. Đến mười một giờ mười lăm, đột nhiên một loạt súng máy vang lên, làn đạn làm tung toé mặt nước trong cái vịnh nhỏ, cách bờ khoảng hai mươi mét. Viên chỉ huy lệnh cho một toán tuần tiễu rà soát suốt dọc bờ biển, nhưng không xác định được loạt đạn từ đâu bắn ra. Đó là loạt súng duy nhất suốt cả ngày hôm ấy. (Cuộc hành quân Tuyết Diêm lần này có điều khác với các cuộc hành quân khác là không gặp địch. Lâu nay quân Mỹ hầu như không bao giờ biết trước được lúc nào thì quân địch sẽ dùng lực lượng trụ lại. Phần lớn các cuộc hành quân chỉ gặp hoả lực bắn tỉa hoặc đưng độ đơn vị nhỏ, kết cục là cả hai phía Mỹ và Việt Cộng đều bị thương vong.)

Chiếc tàu đổ bộ có thể vào sát bờ biển, cách mép nước khoảng mười mét, chỗ nước sâu ngang ngực người đứng. Mỗi lần chiếc tàu rời xa bờ, nhiều người dân nghĩ rằng đây là chuyến cuối cùng chuyển đồ đạc nên họ mang mọi thứ có thể nâng được trên tay, lội ào xuống nước sâu đến ném lên tàu. Lính ở trên tàu vội hét lên: “Không thêm được nữa. Đủ rồi!” và ra sức ngăn cản dân ném mọi thứ lên mép sàn tàu. Khi chiếc tàu chuyển dần ra xa bờ, một người đàn ông bất chấp sự phản đối của một lính Mỹ đứng ở đuôi tàu, cố bơi ra chỗ ngập nước tận vai, lấy hết sức ném lên tàu một bao đựng đầy nôi niêu xoong chảo. Người lính Mỹ tức giận đập mạnh cái bao xuống nước.

Có vài chục lính Việt Nam Cộng hoà mãi gần trưa mới đến chiếc tàu đổ bộ. Họ chẳng mang giúp dân một thứ gì xuống bãi biển. Một người trong số họ mang theo một chiếc đài thu thanh bán dẫn, một nhóm lính Mỹ bảo anh ta dò tìm đài phát thanh quân đội Mỹ. Một điệu nhạc nền, thứ nhạc quen thuộc với lính Mỹ thường nghe ở các tiệm ăn hay khi bước vào cầu thang máy ở Mỹ, nay bỗng bang lên trên bờ biển đang đông kín dân làng. Một toán lính Mỹ khác ngồi xúm trên một áo choàng vải bạt che mưa, mở khẩu phần dã ngoại ra ăn, uống nước dừa họ vừa hái được quanh đó. Một số lính Mỹ mang theo máy ảnh, đang chụp những tấm ảnh dân làng mang vác di chuyển đồ đạc của cải ra bãi biển, chụp ảnh chiếc tàu chở quân đổ bộ chất đầy củi đốt, bàn ghế giường tủ, bao tải, chum vại đựng lương thực, súc vật đã trói chân, và những người dân trong làng. (Quân đội Mỹ ở Việt Nam khuyến khích lính Mỹ cố gắng chụp được những cảnh chiến tranh để gửi về nước. Ở phòng trưng bày ảnh tại nhà hàng dành riêng cho quân đội ở Đà Nẵng, có treo một tấm áp phích in hình những cây cọ, nhà cửa nổi lên trên nền một đám cháy lớn chiếm gần hết bức áp phích với ngọn lửa màu đỏ, da cam và khói đen. Hình cận cảnh nổi bật của bức tranh là hình bóng đen đầu đội mũ sắt của một lính Mỹ có kích thước lớn hơn người thực, hai tay cầm một chiếc máy ảnh đưa lên ngang mắt và bấm nút chụp ảnh. Phía dưới áp phích có dòng chữ: “Hãy gửi về nước một tấm ảnh có ý nghĩa lịch sử ghi lại cuộc chiến tranh ở Việt Nam”.)

Để di chuyển được những thứ cần mang theo từ bờ ra phía tàu đậu, một số dân làng dùng loại thúng đan bằng mây tre, chống thấm nước bằng hắc ín và nhựa thông. (Các làng chài dọc biển Quảng Ngãi dùng loại thúng này như những loại thuyền con. Trên những chiếc thuyền đơn sơ này, người dân trong vùng đã dám ra biển ngay từ khi còn bé. Trên biển phía trước những làng này, tôi thường thấy bóng dáng bé xíu của những đứa trẻ chèo những chiếc thúng lướt nhanh trên mặt nước với một tốc độ đáng kinh ngạc, dù chúng chỉ có một mái chèo). Buổi sáng hôm đó, những người đi biển từ mấy hôm trước trở về Tuyết Diêm cũng tham gia chuyển đồ đạc xuống tàu đổ bộ. Đến trưa mới biết được dân số trong làng không phải là

sáu trăm người như ước tính ban đầu mà lên đến một ngàn năm trăm người cho nên thời gian di tản dân phải kéo dài đến hết buổi chiều.

Tại Sơn Trà, nơi dân Tuyết Diêm được chuyển tới, một toán lính Mỹ được giao công việc giúp đỡ dân làng chuyển đồ đạc của cải của họ lên bờ. Xung quanh khu vực mới khai quang, để chuẩn bị cho dân làm nhà mới, một hàng rào dây thép gai được dựng lên nhằm bảo đảm kiểm soát được mọi người, người vào phải qua một cái lều bạt làm nơi đăng ký, phải lăn tay điểm chỉ, trả lời thăm vấn, và qua một lều bạt chữ thập đỏ để kiểm tra nhanh sức khoẻ. Vì số người đông vượt quá xa dự kiến ban đầu, nên việc kiểm tra sức khoẻ và các biện pháp an ninh không đủ dù đã làm lướt qua rất nhanh. Có người nào đó đã phá hàng rào mở một lỗ hổng lớn và hàng trăm người đã ào qua để giành chỗ dựng nhà. Tại khu đất này, sau khi phát quang vẫn còn lại ba ngôi nhà mái bằng, xây từ trước, trong đó có một nhà thờ đạo không mái che vẫn còn nguyên vẹn. Những hình vẽ của trẻ con vẽ máy bay trực thăng, trâu, bò, heo, gà, tàu chiến... tạo thành những nét cào xước trên mặt sơn các bức tường. Ở cuối khu đất là một đồi đá nhỏ đã bị biến dạng thành một cái ụ đá, lác đác những thân cây cụt ngọn xơ xác sau những trận ném bom, bắn phá của lính thuỷ đánh bộ Mỹ trước đó khoảng hai năm. Do kế hoạch bị trễ lại, các sĩ quan Mỹ ở Sơn Trà quyết định hoãn việc phá huỷ làng Tuyết Diêm sang ngày hôm sau, và đêm hôm ấy chỉ phá sập các giếng nước không cho Việt Cộng lấy nước dùng. Viên sĩ quan được giao công việc này nói rằng các giếng nước này đã được xây rất tốt, rất sâu, gồm nhiều tầng đá từ trên xuống dưới cho nên phải cần đến mấy trăm ký chất nổ mới phá hết tất cả các giếng.

Một viên trung sĩ quân đội Cộng hoà được chỉ định làm “trưởng làng” để kiểm soát và tổ chức dân làng Tuyết Diêm tại khu định cư mới. Binh lính Mỹ trong cuộc hành quân này luôn gọi anh ta bằng chức vụ mới và nói với anh ta với vẻ tôn trọng như tôi vẫn thấy khi người ta nói với Đại Tá Thọ ở Quảng Tín. Viên trưởng làng là một thanh niên cao, gầy, đôi môi lúc nào cũng mím chặt, dáng vẻ lúc nào cũng bản khoắn nôn nóng, mặc bộ quân phục ka ki còn nguyên hồ nếp, ủi cứng bóng, mắt đeo kính kiểu Pháp, gọng bằng nhựa trong chỉ vừa bọc lấy vành trên của hai tròng mắt kính.

Đến khoảng hai giờ chiều khi tôi đến bãi biển phía trước khu đất, anh ta đang trong cơn tức giận vì lỗ trống của hàng rào thép gai đã làm cho việc đăng ký kiểm tra thành vô nghĩa. Anh ta đi qua đi lại phía trong hàng rào, vừa dùng loa điện gào to lệnh cho dân làng phải ở lại trên bãi biển, nhưng mệnh lệnh này đã quá muộn; có đến nửa số dân mới đến đã vào được trong khu đất trống.

Do dân làng không có đủ thời gian mà cũng chẳng có người để dỡ nhà và chuyển vật liệu lên xe đổ bộ như kế hoạch dự kiến ban đầu của quân đội nên vật liệu để dựng nhà không có. Trong mấy tuần liền sau đó, dân làng phải ngủ dưới những tấm vải căng làm lều dùng cọc chống đỡ hoặc ngủ dưới những chiếc thuyền thúng trát hắc ín. Trong thời gian này, họ bắt đầu đi chặt cây, chặt cọc ở khu rừng gần cạnh để dựng nhà ở tạm qua ngày. Đêm đầu tiên, họ dựng lều rải rác khắp khu đất, nhưng ngày tiếp sau đó họ mới hiểu ra họ chỉ là những người đầu tiên của một làng trong số nhiều làng phải di chuyển đến trong vùng khoanh của hàng rào và thế là họ phải dồn vào một góc ở phía cuối.

Ngày hôm đó, viên trưởng làng thực thi công việc hành chính đầu tiên của mình, anh ta thu hết giấy tùy thân của dân làng, không cho một người nào được ra khỏi vùng đã khoanh. Cùng hôm đó, quân đội quyết định cho di tản ngay một làng nữa, và thế là thêm một ngàn dân nữa được chuyển tới khu đất này, đưa tổng số dân theo con số chính thức lên đến hai ngàn rưỡi người. Nhưng số dân này chỉ được sử dụng một nửa khu đất, vì sẽ còn có thêm một số làng nữa đang nằm trong kế hoạch phải di tản trong tương lai gần. Đến cuối tuần đó, lính của Lữ đoàn 196 bộ binh cho nổ tung làng Tuyết Diêm, đốt cháy trụi cả làng không còn người ở. Quân đội phải hoãn việc di tản và tàn phá các làng khác cho qua kỳ bầu cử tổng thống tổ chức vào ngày 3 tháng 9, bởi vì quân của Lữ đoàn 196 còn phải làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh khu vực bỏ phiếu.

Cũng như nhiều đơn vị khác của quân Mỹ ở Việt Nam, bộ phận quân đội Mỹ làm công việc di tản dân làng Tuyết Diêm xong rồi tiêu huỷ làng này đều nghĩ rằng những việc họ đang làm chỉ là giai đoạn đầu của một kế hoạch từ thiện dài hạn đối với toàn miền Nam Việt Nam, sau đó sẽ xây

dựng lại đất nước này và thành lập một chính phủ dân chủ tự do. Giai đoạn đầu của kế hoạch – tiến hành triệt phá các làng – thường được thực hiện một cách suôn sẻ, gây được niềm lạc quan rất mạnh đối với những người Mỹ làm công việc đó. Nhưng giai đoạn thứ hai – giai đoạn người Việt Nam cùng với các cố vấn dân vụ người Mỹ phải làm là xây dựng và tổ chức lại những làng như Tuyết Diêm, phải gắn kết toàn bộ xã hội lại – là một công việc khó khăn hơn nhiều người tưởng, và những người phải thực hiện công việc đó sẽ khó mà lấy việc tái thiết để bù đắp được quy mô tàn phá trước đó. Trên thực tế, rất nhiều nơi cuộc sống của những người dân ở các làng mới dưới chế độ của chính phủ Nam Việt Nam là một cái lều bạt cho cả gia đình đông người chen chúc trong một trại tập trung do chính phủ dựng lên, hoặc ở trên một khu đất trơ trọi như ở Sơn Trà.

Nhiều người Mỹ có tư tưởng lạc quan, trong đó có các phóng viên báo chí thường có khuynh hướng cho rằng việc triệt phá các làng xóm bằng nỗ lực quân sự được bù đắp lại tốt hơn nhờ hoạt động dân vụ sau đó, họ coi hai kết quả của hai việc đó tách biệt nhau nhưng lại là “hai mặt” cân bằng của cuộc chiến tranh; và khi nhìn vào việc chúng đổ người và vật chất vào đây, họ thường hay có ấn tượng đẹp trước quy mô của nỗ lực kiến thiết, như thể là công việc này đang được thực hiện ở một nước nào khác. Họ quên mất một thực tế là cả hai chương trình đó đã và đang được thực hiện ngay tại cùng những tỉnh, những làng đã bị tàn phá và những người dân đang nhận phần gạo trợ cấp lại cũng chính là những người của những làng đã từng bị huỷ diệt vì bom đạn Mỹ.

Những thường dân Việt Nam cảm nhận kết cục của hai chương trình đó không phải là “hai mặt” trừu tượng của cuộc chiến tranh mà là hai sự việc kế tiếp nhau của một thực tế duy nhất trong cuộc sống hàng ngày của họ. Theo đó, sự trợ giúp của người Mỹ và chính phủ Nam Việt Nam đối với họ chỉ là một sự đền bù nhỏ bé (mặc dù đã có những lời hứa hẹn hào phóng in trong truyền đơn và các phương tiện tuyên truyền khác) so với những mất mát và đau khổ vô cùng to lớn họ phải chịu đựng. Nhiều người Mỹ, cả quân sự lẫn dân sự, đều có khuynh hướng không nhìn xa hơn những chương trình kế hoạch riêng biệt họ đã tham gia vào. Các quan chức dân vụ

quên mất rằng chính bom đạn Mỹ là nguyên nhân đầu tiên và trực tiếp gây ra sự cùng cực khổ ải của đại đa số dân chúng trong các trại tập trung, nên không hiểu nổi vì sao những người dân đói khát, mệt mỏi này lại không muốn biểu lộ lòng biết ơn sự trợ giúp của người Mỹ và chính phủ Nam Việt Nam đã ban phát cho họ. Nhiều quan chức phụ trách dân vụ đã làm việc tận tụy không quản thì giờ, cố gắng hết sức mình làm cho thật tốt trong hoàn cảnh thời gian ít ỏi, của cải vật chất có hạn, và họ không thể nào hiểu được tại sao người dân vẫn còn ca thán và còn muốn có thêm nhiều hơn những gì họ đã được nhận. Nhiều quân nhân về phần họ chỉ tỏ ra trung thành với bổn phận của mình là thực hiện các hoạt động quân sự. Tự thấy đã thực hiện có hiệu quả một phần nửa của cuộc chiến tranh là phần quân sự - “phần nửa quân sự” -, họ coi trách nhiệm của chính phủ Nam Việt Nam và các cố vấn dân vụ người Mỹ là phải thực hiện nửa phần kia, tức là “phần nửa dân sự” bằng cách chăm sóc đến dân chúng, những người đã phải chịu nhiều đau khổ, mất hết của cải trong khi quân đội tiến hành công việc của “phần quân sự”. (Bởi vậy sau hai tuần tiến hành cuộc hành quân Benton, mặc dù Lực lượng Đặc nhiệm Oregon đã triệt phá khoảng 65% nhà cửa của khoảng 17.000 dân, viên sĩ quan phụ trách công dân vụ của Sư đoàn Dù 101 vẫn có thể trả lời câu hỏi của tôi về tình hình sắp tới đối với nhân dân trong vùng này bằng cách nói rằng: “Chúng tôi không có bất cứ kế hoạch nào trước mắt cả. Trách nhiệm của chính phủ Nam Việt Nam và Quân đội Việt Nam Cộng hoà là thực hiện công cuộc Bình định và phát triển cách mạng”. Anh ta cũng không biết chính phủ Nam Việt Nam chẳng có kế hoạch gì đối với những người dân này). Nhưng bởi vì, trong khi mở các cuộc hành quân tàn phá các làng mạc, quân Mỹ đã giết chết nhiều thường dân, nên trong con mắt của dân làng, các nhân viên Mỹ phụ trách công dân vụ dù có thể có thiện ý bao nhiêu chăng nữa, dù có một ngày nào đó có thể họ được cung cấp đầy đủ để đáp ứng yêu cầu của cuộc sống, cũng không bao giờ có thể “bù đắp lại” được những đau khổ người dân phải chịu đựng do quân đội Mỹ gây ra hoặc có thể xoá bỏ được những việc quân Mỹ đã làm, những việc thường đến mức tận cùng không thể nào cứu chữa được.

Đến tháng Mười, tôi nhận được một bản báo cáo về thương vong của thường dân trong chiến tranh của một bác sĩ dân sự người Anh từng làm việc ở Quảng Ngãi trong ba năm. Trong báo cáo, ông viết rằng đến tháng 10 năm 1967, số người nằm viện riêng ở bệnh viện dân y của tỉnh đã lên đến 550 – 560 người mỗi ngày. Trong số này có khoảng 50% là những ca phải phẫu thuật. Như trong ngày 6 tháng 10 chẳng hạn, trong số 560 bệnh nhân thì có đến 350 người phải vào các phòng của khoa giải phẫu. Từ khi Lực lượng Đặc nhiệm Oregon đến đây, số dân bị thương nhập viện trung bình mỗi ngày khoảng 30 người, có ngày 10 người nhưng có ngày đến 40 người. Báo cáo viết:

Họ được chở bằng xe lambretta, bằng võng cáng, xe gắn máy, xe đạp và có khoảng 20% bệnh nhân đến bằng máy bay trực thăng. Số này gây nhiều khó khăn nhất, vì trực thăng phải chở từ những nơi rất xa đến, trong khi đáng lẽ phải được đưa tới bệnh viện gần hơn – ví dụ có lúc chúng tôi phải nhận cả những bệnh nhân đến từ tỉnh Quảng Tín. Đưa họ trở về nhà gần như là chuyện không thể làm được. Trong số bệnh nhân phải phẫu thuật có đến 95% bị thương do bom đạn, bao gồm:

1. Bị thương vì đạn pháo:.....55% hoặc cao hơn
2. Bị thương vì đạn thường:.....15%
3. Bị thương vì bom:.....15%
4. Bị thương vì lựu đạn:.....13%
5. Bị thương vì mìn:.....3%
6. Bị thương vì bị bỏng do chiến sự:.....8% - 10%

Báo cáo giải thích rõ những ca bỏng do chiến sự là các bệnh nhân bị bom na – pan, lân tinh, súng phóng hoả và do xăng của các thùng xăng do máy bay liệng xuống. Báo cáo viết tiếp:

“Chúng tôi thường gặp những người nhập viện với hội chứng chất nổ vì bom (ném từ máy bay) hoặc hơi độc từ các địa đạo. Có đến 10% số này thường chết ngay ở bệnh viện. Rất ít có tai nạn bỏng tại gia đình – không đến 1/20. Cũng có những ca bị thương do cảnh sát hoặc quân đội Cộng hoà tra tấn. Sau mỗi vụ bị bom đạn bắn phá, có đến một nửa số người bị thương nhẹ chỉ nằm ở nhà, cứ năm người ở lại thì có hai người bị chết tại nhà hoặc chết trên đường tới điểm cấp cứu của ấp hay trạm xá xã do một nhân viên y tế hoặc một nữ hộ sinh... cứu chữa. Một người được nằm điều trị cho đến khi khỏe. Hai người kia sinh người nhà chở tới bệnh viện tỉnh. Trường hợp người nhà nhận biết được tình trạng bị thương nặng thì họ có thể đưa ngay tới bệnh viện tỉnh chứ không đưa đến trạm xá. Tình hình ở các xã ven biển là đúng như thế. Ở những vùng khác xa hơn rất ít người bị thương được chở tới bệnh viện. Các tình huống dân thường bị thương là: 1. Đang sống yên ổn với gia đình, đang ăn, ngủ, làm việc bình thường thì bị bom đạn bắn phá, không biết trước sự nguy hiểm có thể đến bất kỳ. 2. Đang nấp trong hầm hố - hiểm khi xảy ra. 3. Bị thương vì đạn của bộ binh khi họ gặp địch bất ngờ hoặc bị quân đội cố tình bắn.”

Nếu phỏng đoán của ông bác sĩ trên đây về tỷ lệ thương vong của người dân đưa tới bệnh viện so với số thương vong của thường dân không được chở tới bệnh viện là đúng thì có nghĩa là từ khi quân đội Mỹ tới Quảng Ngãi, mỗi năm thương vong do chiến tranh gây ra đối với thường dân có tới khoảng 50.000 người. Vào ngày tôi phỏng vấn ông May thì đêm đó Việt Cộng đánh tràn vào thị xã Quảng Ngãi. Họ giải thoát 1.200 tù nhân bị giam tại nhà tù của tỉnh, phá sập hai trạm khí đốt của Mỹ, làm chết và bị thương 13 người.

Đêm đó tôi ở lại một nhà trong số nhiều nhà dành cho người Mỹ ở trong thành phố. Buổi tối, trước khi xảy ra cuộc tập kích, tôi còn ngồi nói chuyện với ông Hobson, cố vấn Mỹ của tỉnh phụ trách vấn đề dân tụy nạn và với nhiều bác sĩ y tá Mỹ làm việc tại bệnh viện tỉnh đang ở trong khu nhà đó. Trước đó, người Mỹ trong khắp thành phố đã được thông báo là có rất nhiều khả năng Việt Cộng sẽ mở cuộc tấn công vào thành phố ngay trong đêm đó. Ông Hobson, vốn trước đây có nhiều năm là sĩ quan quân

giáo tù nhân ở Mỹ đã phát súng cho các bác sĩ, dạy họ cách sử dụng, nhưng cũng không mấy tin tưởng là nhân viên của ông có thể chống cự được nếu Việt Cộng tấn công vào khu nhà ở của họ. Ông nói:

- Tôi không nghĩ rằng họ sẽ tấn công vào đây, nhưng họ có thể tấn công vào nơi nào mà chả được! Nếu họ muốn vào nơi anh ở họ cũng có thể vào được đấy.

Khu nhà này thường xuyên có bốn, năm lính Việt Nam Cộng hoà canh gác. Ban đêm, số lính này thường hay ngủ trong phiên gác, do đó người Mỹ sống trong khu nhà phải đặt ra chế độ mỗi đêm có một người Mỹ luân phiên nhau thức liên trong ba tiếng để nhắc nhở số lính Việt Nam Cộng hoà luôn tỉnh táo.

Đến chín giờ tối, một bà y tá đã có tuổi, tóc bạc, nét mặt hiền lành, nghiêm chỉnh đến gặp ông Hobson trong phòng của ông để hỏi cách nào đối phó nếu xảy ra một cuộc tấn công của Việt Cộng.

Ông Hobson góp ý với ba là cứ ở trong phòng mình và khoá cửa lại, các y tá khác ở trong dãy nhà đó cũng cứ làm vậy, khoá cửa lại và cứ ở trong phòng. Ông hỏi thêm:

- Bà có cần một khẩu súng không?

- Ồ tôi ấy à, không đâu. Tôi không muốn học cách dùng súng! – Bà y tá trả lời, giọng vừa tỏ ý ngạc nhiên vừa có ý đùa, vui vẻ.

- Vậy thì tôi sẽ kiếm cho bà một con dao nhé? – Ông Hobson hỏi bà y tá, và câu đùa bất ngờ của ông khiến cho cả nhóm binh sĩ bất đắc dĩ, trong đó có cả bà y tá già phá lên cười.

Mọi người trở về trong khu cư xá. Đến hai giờ sáng, hoả lực của súng máy bông nổ rền từ phía nhà tù nằm cạnh quốc lộ khoảng hai trăm mét, tiếp đến là đạn cối dội xuống liên hồi. Mọi người nhảy ra khỏi giường, bên ngoài là bóng đêm dày đặc. Ngay sau đó nghe có tiếng nổ đanh của pháo, liền tiếp theo là tiếng của đạn pháo rít qua đầu. Ông Hobson giải thích là mỗi khi có Việt Cộng tấn công, pháo của quân Mỹ cũng bắt đầu bắn vào “nơi nghi ngờ có địch tập trung” ở bất cứ nơi nào trong cả vùng. Tiếng súng ở khu vực quốc lộ nổ liên tục trong một tiếng đồ hồ rồi lặng dần, mọi người trong khu cư xá trở về phòng ngủ.

Buổi sáng hôm sau, dân thị xã đứng túm tụm từng nhóm bàn tán. Các quan chức thị xã cứ để xác một Việt Cộng trẻ tuổi, mình đóng khố, chân đi dép cao su, nằm trên vũng máu ngay trên đường phố trước cổng nhà tù; họ muốn chứng minh một thắng lợi của quân đội Việt Nam Cộng hoà và của Mỹ. Tuy nhiên trên cột cờ trước một sân trường học, một lá cờ của Việt Cộng vẫn phấp phới bay cho mãi đến mười giờ sáng. Khi nhà đương cục vặn hỏi viên hiệu trưởng, ông ta nói tự mình không dám hạ lá cờ xuống.

Trong khu cư xá của cố vấn quân sự, nhiều doanh trại bị hư hỏng, sáu chiếc xe Jeep ở giữa sân chính nằm bất động, lớp xe bị mảnh đạn cối đâm thủng. Tôi gặp hai sĩ quan đang đi kiểm tra tình hình.

- Cậu có nghĩ bọn con gái sẽ đến không? – Một sĩ quan lên tiếng hỏi viên sĩ quan kia.

- Con gái nào? – Viên sĩ quan kia hỏi lại.

- Bọn gái ấy mà! – Viên thứ nhất nói. – Bọn gái điếm ấy. Đến để đi picnic.

- À, tớ không biết. Rất nhiều nhân viên người Việt không đến sở làm việc sau vụ tấn công của Việt Cộng.

- Có lẽ một số gái sẽ đến. Chắc tớ phải chấp nhận con bé số 5 thay cho con bé mà tớ thích – cậu biết đấy, con bé số 2 ấy.

Ngay hôm đó, tôi biết được một lính Mỹ còn rất trẻ đã bị giết khi đang mặc đồ ngủ chạy từ trại lính ra công sự, mười hai lính khác bị thương khi chạy ra công sự hoặc ngay trên giường ngủ. Không có chiếc trực thăng nào có thể cất cánh được để trấn áp hoả lực của địch, vì đạn cối của địch rơi trúng bãi đậu trực thăng ngay từ phút đầu tiên của cuộc tấn công.



Chiều hôm đó, tôi rời Quảng Ngãi về Sài Gòn. Thật tình cờ, tôi về đến nơi đúng lúc còn được dự phút cuối của cuộc họp báo do một quan chức cấp cao Mỹ về Chương trình Bình định chủ trì. Ông ta đang nói chuyện với trên một trăm phóng viên báo chí trong phòng họp báo có máy lạnh. Khi cuộc họp sắp kết thúc, một nhà báo Nhật hỏi ông có những tình nào có thể được coi là mô hình tiến bộ trong Chương trình Bình định. Ông nêu ra tỉnh Bình Định và nói thêm: “Có một nơi khác hoạt động táo thanh rồi giữ đất đang tiến triển đặc biệt tốt là tỉnh Quảng Ngãi. Tôi cho rằng Quảng Ngãi rồi sẽ trở thành một trong những hiện tượng thành công của năm 1967”.

Table of Contents

[Trích Dẫn](#)

[Lời Tác Giả\(*\)](#)

[Về Tác Giả Jonathan Schell](#)

[1.](#)

[2.](#)

[3.](#)

[4.](#)

[5.](#)

[6.](#)

[7.](#)

[8.](#)

[9.](#)

[10.](#)

[11.](#)

[12.](#)

[13.](#)

[14.](#)

[15.](#)

[16.](#)

[17.](#)

[18.](#)